

Người Dublin

Contents

Người Dublin	1
1. Chương 1	1
2. Chương 2	3
3. Chương 3	4
4. Chương 4	9
5. Chương 5: Một Cuộc Chạm Trán	13
6. Chương 6: Araby	18
7. Chương 7: Eveline	21
8. Chương 8: Sau Cuộc Đua	23
9. Chương 9: Hai Chàng Ga Lãng	26
10. Chương 10: Đám Mây Nhỏ	32
11. Chương 11	39
12. Chương 12	53
13. Chương 13: Một Người Mẹ	63
14. Chương 14: Ân Sủng [1]	70
15. Chương 15: Người Chết (1)	85
16. Chương 16: Người Chết (2)	98

Người Dublin



Giới thiệu

Một Dublin hiện lên với những đường phố, nhà thờ, quán rượu, sông bạc...cùng tiếng nói cười ồn ã, x

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/nguoi-dublin>

1. Chương 1

Một James Joyce quốc tế:

Nằm ở Tây Bắc châu Âu, Ireland là hòn đảo lớn thứ ba châu Âu với diện tích trên 70.000 km². Còn được gọi là hòn đảo ngọc lục bảo bởi vùng đồng quê xanh tươi tuyệt đẹp với những con sông và hồ đầy nước mát, những trận mưa thường xuyên, những màn sương mù, cùng với nền văn hóa Celtic lâu đời, Ireland đã sinh ra những nhà văn nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng thế giới. Jonathan Swift, James Joyce, George Bernard Shaw, Patrick Kavanagh, Oscar Wilde, W.B. Yeats, Samuel Beckett, Seamus Heaney... Tuy không được trao giải Nobel văn học như Shaw, Yeats, Beckett và Heaney bởi một số lý do ngoài văn chương, James Joyce luôn được coi là một trong những nhà văn vĩ đại nhất, có ảnh hưởng nhất của thế kỷ XX.

James Joyce sinh ngày 2 tháng 2 năm 1882 tại Rathgar, ngoại ô thủ đô Dublin, là con cả của John Stanislaus Joyce và Mary Jane Murray, gia đình khá giả, nhưng nhanh chóng sa sút, có tới mười người con. Tuổi thơ Joyce gắn bó thân thương với Dublin, là trung tâm hành chính của chính quyền Anh tại Ireland. Đạo luật Liên hiệp giữa hai nước được thông qua năm 1800. Từ thời vua Henry VIII (1509-1549) khi nước Ireland Công giáo bị đặt dưới sự cai trị của nước Anh Tin Lành đã xuất hiện căng thẳng giữa hai phái Thiên Chúa giáo và Tin Lành. Vào đầu thế kỷ XVII, dưới thời vua James I (1603-1625), một lực lượng lớn người Tin Lành bắt đầu sinh sống tại miền Bắc Ireland, trong đó có Belfast, thành phố nằm ở phía đông bắc đảo Ireland (nay là thủ đô Bắc Ireland thuộc Vương quốc Anh), hình thành ở đây cộng đồng da số Tin Lành, vẫn tồn tại ngày nay. Phần còn lại của Ireland chủ yếu là người công giáo. Cuối thế kỷ XVII, phần lớn đất đai của Ireland nằm dưới quyền kiểm soát của những người Tin Lành. Đạo luật Chính phủ Ireland năm 1920 công nhận thực tế phân chia tôn giáo này bằng cách tuyên bố tách Ireland thành hai chính thể riêng biệt, miền nam Ireland chủ yếu là Công giáo, miền bắc Ireland chủ yếu là Tin lành. Sau đó miền nam cắt đứt mọi liên hệ với Anh, tách ra độc lập thành nước Cộng hòa Ireland vào năm 1949. Miền Bắc Ireland tiếp tục thuộc Vương quốc Anh.

Joyce học giỏi, có năng khiếu ngôn ngữ, tự học, say mê trường ca Odyssey, tính khí bất thường, rất gần gũi mẹ, bị tác động mạnh bởi cái chết của bà năm 1903. Joyce từ chối theo đạo Thiên Chúa, mặc dù nó rất quan trọng với mẹ ông. Thế nhưng triết lý của Thiên Chúa giáo vẫn ảnh hưởng đến Joyce mạnh mẽ suốt cuộc đời. Cha ông trực tính, sau khi kinh doanh sa sút phải bươn chải đủ nghề, từ làm chính trị đến đi thu thuế. Mẹ ông sùng đạo Thiên Chúa, bất lực trước cảnh gia đình ngày càng túng quân, chỉ biết là một cái bóng dưới ảnh hưởng của ông chồng.

Thời thơ ấu, Joyce được học trường dòng Clongowes Wood nổi tiếng gần Dublin, cha mẹ cậu đồng tình nếu chính cậu cảm thấy linh hồn mình có sức khát khao gia nhập Giáo hội. Sau vài lần tiếp xúc với tôn giáo, cậu mất niềm tin và thay đổi cách nghĩ về những gì cậu đã từng cho là vĩ đại. Nền giáo dục của thế giới Giáo hội đã dạy Joyce hơn cả những gì họ định đào tạo cậu. Nó đã giúp cậu mở to cặp mắt trong sáng để nhìn thấy sự giả dối, lừa đảo của giới thầy tu, cha cố. Và cả niềm tin kính Chúa cũng bị đổ vỡ trước dòng đời bẽ tắc, những thân phận bất hạnh, đói khổ và đau ốm... ngay chính từ người mẹ yêu thương của cậu.

Năm 1898, Joyce nhập học Đại học Tổng hợp Dublin ngành Ngôn ngữ, học tiếng Anh, Pháp và Ý. Ở đây cậu bắt đầu tìm thấy niềm đam mê văn chương qua các tác phẩm, nhất là của nhà viết kịch Na Uy Henrik Ibsen. Lúc này Joyce bắt đầu viết văn và sáng tác thơ.

Tốt nghiệp đại học năm 1902, chàng thanh niên 20 tuổi Joyce quyết định rời bỏ thành phố Dublin nhỏ bé để tìm đường sang Paris, với ý định ban đầu sẽ học Y khoa. Sau đó, cái chết của mẹ ông khiến ông phải quay lại Ireland, nhưng không lâu sau, sau khi gặp Nora Barnacle vào ngày 16 tháng 6 năm 1904, người chính thức trở thành vợ ông năm 1931, Joyce rời bỏ Dublin, sống lưu vong suốt đời và trở thành một trong những nhà văn vĩ đại nhất của thế kỷ XX. (Lần cuối cùng ông quay lại quê hương là năm 1912, để thu xếp việc in *Dubliners*, sau đó Joyce không bao giờ trở lại Ireland nữa).

Cùng với Nora, Joyce chuyển đến và sống bằng nghề dạy tiếng Anh từ năm 1905 đến năm 1915 tại Trieste, nay thuộc Ý, lúc đó được xếp vào hàng những thương cảng lớn nhất thế giới. Những năm tháng nghèo túng ở Trieste chính là thời gian Joyce có nhiều sáng tác được xuất bản nhất - tập truyện ngắn *Dubliners*, tiểu thuyết *A portrait of the Artist as a Young Man*, kịch *Exiles* và cũng tại đây ông bắt tay viết tác phẩm quan trọng nhất *Ulysses*. Tên tuổi Joyce bắt đầu gây được sự chú ý với phong cách viết theo dòng ý thức.

Chiến tranh thế giới thứ nhất đe dọa, Joyce đưa gia đình mình (khi đó có thêm hai con Giorgio và Lucia) sang Zurich Thụy sĩ để sống rất nghèo khổ trong lúc Joyce tiếp tục viết *Ulysses* và trải qua những lần phẫu thuật mắt liên miên. Chiến tranh kết thúc, mặc dù Joyce muốn quay trở lại định cư ở Trieste nhưng bạn bè

đã thuyết phục họ ở lại Paris 20 năm. Tại đây, Joyce hoàn thành và cho xuất bản *Ulysses* và sáng tác toàn bộ cuốn *Finnegans Wake*.

Đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ, gia đình Joyce quay lại Zurich, tháng 1 năm 1941, ông mất tại đó.

2. Chương 2

James Joyce - nhà văn khởi đầu Chủ nghĩa hiện đại.

James Joyce được xem là nhà cách mạng tiên phong trong nghệ thuật viết tiểu thuyết của thế kỷ XX. Theo kết quả thăm dò của báo *Time* (Mỹ) và *Le Figaro* (Pháp), hai tờ báo uy tín trên thế giới, thì dẫn đầu các nhà văn nổi tiếng nhất thế kỷ XX là James Joyce, tiếp theo là Franz Kafka (Tiệp Khắc), Virginia Woolf (Anh), Ernest Hemingway (Mỹ), Gabriel Garcia Marquez (Colombia)...

Có thể coi Joyce là một trong những nhà văn hàng đầu của lối viết “dòng ý thức” với bút pháp độc thoại nội tâm chân thật nhất trong văn học hiện đại. Chủ nghĩa hiện đại hay chính là James Joyce - không chấp nhận lối sáng tác giống các thể loại văn học truyền thống. Nhà văn phá bỏ hoặc tưởng tượng lại các cấu trúc đã được nhận thức và nỗ lực tạo ra chính xác những dòng suy nghĩ theo quy luật hàng ngày với những gì xảy ra. Trong bài viết của nhà nghiên cứu Paul Gray về James Joyce đăng trong tuyển tập 100 con người tạo nên thế kỷ XX do báo *Time* (the *Time* 100, ngày 6 tháng 8 năm 1998) bình chọn, ông cho rằng chính *Ulysses* đã mở đường và in dấu sâu đậm trong tác phẩm của nhiều nhà văn lớn của thế giới sau đó như William Faulkner, Albert Camus, Samuel Beckett, Saul Bellow, Gabriel Garcia Marquez và Toni Morrison. Các tác giả này, Paul Gray viết một cách châm biếm, không như Joyce, đều đoạt giải Nobel văn học.

James Joyce từng nói “Một trong những điều khi còn trẻ tôi không tài nào quen được là sự khác biệt tôi nhận thấy giữa cuộc sống và văn chương” (trích từ bài của Paul Gray). Joyce dường như đã dành cả sự nghiệp của mình để xóa bỏ sự khác biệt này, đồng thời cách mạng hóa cả nền văn chương thế kỷ XX. Cuộc sống trong tác phẩm của Joyce phần lớn là cuộc đời của chính ông.

Tác phẩm được xuất bản đầu tiên của ông, người Dublin, gồm 15 truyện ngắn, bề ngoài có vẻ đơn giản và truyền thống nhưng lại theo một phong cách và ngôn ngữ đa chiều lạ lẫm.

Tiếp sau đó là tiểu thuyết mang đậm tính tự thuật *A Portrait of the Artist as a Young Man*, câu chuyện của chàng Stephen Dedalus, hay chính là Joyce, từ những ngày thơ ấu ở Dublin đến khi quyết định rời quê hương ra đi theo đuổi nghệ thuật. Với độ phức tạp, sáng tạo về ngôn ngữ mô tả những bí ẩn nội tâm thường hiếm khi được tiết lộ, cuốn sách, dù không bán chạy nhưng đã thu hút được sự chú ý của một số nghệ sĩ thuộc trường phái cách tân nổi tiếng thời đó, cho rằng thế kỷ mới đòi hỏi mọi thứ - nghệ thuật, thi ca, văn chương, âm nhạc... cũng phải có gương mặt mới. Vậy là thử nghiệm ngôn từ của James Joyce đã được ủng hộ, và ông cũng không làm họ phải thất vọng.

Joyce bắt tay viết *Ulysses* năm 1914, một số phần của tác phẩm xuất hiện trước trên tạp chí *Egoist* ở Anh và *Little Review* ở Mỹ, cho đến khi ba số tạp chí bị đình chỉ và chủ báo bị phạt 100 đô la vì bị buộc tội đã đăng bài tục tĩu, không phù hợp với đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục. Tuy nhiên việc này chỉ càng làm tăng thêm sự tò mò của độc giả đối với tác phẩm sắp chào đời. Thậm chí trước khi *Ulysses* được xuất bản năm 1922, các nhà phê bình đã so sánh những sáng tạo của Joyce với khám phá của Einstein và Freud.

Được ca ngợi là tiểu thuyết vĩ đại nhất trong lịch sử, *Ulysses*, như tên gọi của nó, được sáng tác với cảm hứng từ *Odyssey* của Homer (khoảng thế kỷ VIII trước công nguyên). Khi còn bé, Joyce đã bị mê hoặc bởi sử thi *Odyssey*. Năm 20 tuổi, khi được viết về người anh hùng yêu thích nhất của mình, Joyce đã chọn *Ulysses*, người chiến thắng bằng chính sự khéo léo và thông minh hơn là dùng bạo lực. Khi viết *Ulysses*, (tên của *Odysseus* theo cách gọi của người La Mã), Joyce đã nói rằng *Odysseus* là một tính cách toàn diện và mang tính nhân văn nhất trong văn học.

Trường ca *Odyssey* kể chuyện *Ulysses*, người anh hùng muôn vàn trí xảo, au khi dùng mưu hạ được thành Troy thần thánh, đã phiêu lưu khắp nơi, chiến đấu bảo vệ tính mạng của mình và để cho các bạn đồng hành

được trở về xứ sở. Ulysses đã chịu nhiều đắng cay, cảm dỗ, những gian nan, nguy hiểm...và chàng đã chiến thắng tất cả bằng mưu trí. Ulysses là hiện thân của trí tuệ, sự thông minh. Chàng không biết khuất phục, không biết nản lòng, là hình tượng người đi tiên phong mở đường cho một sự nghiệp lớn. Ulysses đã tự tạo nên số phận mình bằng tinh thần đấu tranh không mệt mỏi với các lực lượng tự nhiên cũng như với những kẻ thù trong xã hội. Ulysses tiêu biểu cho sự giải phóng tinh thần quan trọng, chứng tỏ sự trưởng thành mạnh mẽ của con người. Sau 20 năm lưu lạc, Ulysses đặt chân lên mảnh đất quê nhà, sống trọng nghĩa vợ chồng, tình cha con, tình cảm bè bạn, giống nòi, quê hương, đất nước...

Tiểu thuyết Ulysses của James Joyce sử dụng thiên trường ca cổ điển Odyssey như một phương pháp sắp đặt những trải nghiệm của con người hiện đại, để miêu tả cuộc sống đương đại. Ông sáng tạo Ulysses là một người đàn ông bình thường tên là Leopold Bloom, đấu tranh trước những thử thách thường ngày, trong một ngày bình thường. Cuốn tiểu thuyết dõi theo những khoảnh khắc hành động và suy nghĩ, ẩn ức, tưởng tượng của Leopold Bloom, của vợ anh ta, Molly, và Stephen Dedalus (nhân vật trong A Portrait of the Artist as a Young man) trong một ngày trọn vẹn ở Dublin, ngày 16 tháng 6 năm 1904 (là món quà của Joyce dành cho Nora Barnacle, ngày đầu tiên hai người hẹn hò). Cùng với ba nhân vật chính, tác phẩm đã tái hiện cuộc sống của người dân Dublin trên đường phố, những cảnh tượng, không gian, âm thanh, thậm chí cả mùi vị của Dublin. Mọi hoạt động diễn ra tưởng chừng ngẫu nhiên, nhưng ẩn sau chúng là rất nhiều bí ẩn và câu đố đến mức nó sẽ khiến cho các giáo sư phải bận rộn trong hàng thế kỷ để tranh cãi điều tác giả muốn nói, như Joyce từng tuyên bố.

Sáng tạo ngôn từ không mệt mỏi của Joyce (nhiều đoạn trong Ulysses ông viết liên tục không hề có dấu câu) cùng thủ pháp “dòng ý thức” miên man giữa hiện tại, quá khứ và tương lai, và tầng tầng lớp lớp ám chỉ về tôn giáo lịch sử, thần thoại trong mỗi từ, mỗi câu nói, đã khiến Ulysses trở thành một cuốn từ điển về bản chất con người, tiến gần nhất đến sự khám phá hoàn hảo về con người, nhưng cũng trở thành cuốn sách khó đọc, và có lẽ chỉ dành riêng cho “một số độc giả nhạy cảm, tinh tế” như nhà phê bình Joseph Collins nhận xét.

Một tác phẩm quan trọng khác của Joyce sau đó, và cũng là tác phẩm cuối cùng của ông, Finnegans Wake, thậm chí còn khó đọc hơn cả Ulysses, được viết với ngôn ngữ riêng do Joyce sáng tạo ra. Nếu Ulysses nói về Dublin ban ngày thì Finnegans Wake mô tả cuộc sống ban đêm của Dublin theo logic của những giấc mơ, hơn 600 trang sách tưởng như ngớ ngẩn với những suy nghĩ được mô tả bằng ngôn ngữ đứt đoạn và ngoại lai, thách thức mọi quy ước về cốt truyện và nhân vật. Thủ pháp dòng ý thức, ám chỉ và những giấc mơ, ẩn ức lộn xộn của Joyce trong Ulysses đã được đẩy đến đỉnh cao với Finnegans Wake. Joyce đã vượt lên chính mình, vượt qua bộ bách khoa Ulysses của chính mình mà không ai vượt nổi.

Viết về Joyce, Allen Ruch ca ngợi “James Joyce là nhà văn duy nhất chúng ta có thể hoàn toàn đặt niềm tin, con người duy nhất mà chúng ta có thể chắc chắn 1000 năm sau vẫn sẽ được nhớ đến, nếu như có con người ấy. Như câu nói nổi tiếng của một nhà phê bình: James Joyce đã và sẽ là nhà văn độc nhất trong lịch sử bởi chỉ xuất bản không gì ngoài kiệt tác.

3. Chương 3

Người Dublin:

Tuy Joyce thường được biết tới với tiểu thuyết Ulysses, nhưng giờ đây khi nhắc đến phong cách truyện ngắn hiện đại, James Joyce cùng với tập người Dublin vẫn sánh vai với những tên tuổi đi tiên phong lĩnh vực này như Guy de Maupassant, Katherine Mansfield, Ernest Hemingway...Người Dublin được đánh giá là một trong số ít tập truyện có sức ảnh hưởng lớn nhất, góp phần làm nên diện mạo của truyện ngắn hiện đại.

Một số nhà nghiên cứu đã so sánh Người Dublin với “thời kỳ Hồng” và “thời kỳ Xanh” của Picasso, giai đoạn họa sĩ hoàn thiện kỹ thuật của mình qua hình thức tả thực quen thuộc trước khi bắt đầu thử nghiệm với những khối lập thể trừu tượng phá cách. Quả thật, tập truyện ngắn Người Dublin dễ đánh lừa người đọc với ẩn tượng đây là tác phẩm “dọn đường” bởi cái vẻ đơn giản, dễ hiểu, dễ “vào” nếu đặt bên những

Ulysses và sau đó là Finnegans Wake, hai tác phẩm với những sáng tạo đột phá về mặt ngôn từ. Nhưng, cũng giống như bức “Cậu bé và chiếc tàu (thời kỳ HỒng)” về sau kiêu hãnh sánh ngang với ”Dora Maar với con mèo (thời kỳ Lập thể)” trong 10 bức tranh đắt nhất thế giới, có thể nói Người Dublin cũng chứa đựng những giá trị khiến người đọc đau đầu không kém gì Ulysses.

Người Dublin gồm 15 truyện ngắn James Joyce viết từ năm 1904 đến năm 1907. Tuy nhiên, phải 10 năm sau, năm 1914, Người Dublin mới được in. Nhiều nhà xuất bản phản đối vì ngôn ngữ truyện thông dụng đời thường, nó nêu tên thật của các nhà kinh doanh, các địa danh có thể xác định, và quan trọng hơn cả, đây là cuốn sách phản ánh những mảng đen tối của cuộc sống đương đại, trong bối cảnh phong trào đòi độc lập từ Anh đang lên cao tại Ireland - xã hội Ireland bị chia cắt bởi khác biệt chính trị, tôn giáo và văn hóa.

Tập truyện là những trải nghiệm của James Joyce trong bối cảnh đó, và có thể nói, nó làm nên nền tảng cho toàn bộ văn chương của ông, là bối cảnh cho các tác phẩm ông viết sau này. Người Dublin là những bí ẩn, những khoảng tối nằm sâu trong tâm hồn con người trong cái xã hội tê liệt, tu đơng, dối trá, dối khổ, tối tăm và bế tắc của Dublin. Cách viết Người Dublin khác hẳn lối kể truyện truyền thống. Tác giả chỉ kể lại, một cách chậm rãi, kiệm lời, còn để người đọc tự suy ngẫm, phỏng đoán, kết luận. Không có cốt truyện rõ ràng. Không tiền khoáng hậu. Không có xung đột kịch tính. Là những khoảnh khắc bất ngờ, ngẫu nhiên, bình thường và lặng lẽ, là giây phút mà tính cách bên trong của con người bỗng biểu lộ qua những chi tiết sinh hoạt thường ngày chân thật. Joyce gọi đó là “hiển lộ” - epiphany.

Joyce viết Người Dublin trong nhiều năm, song thứ tự các truyện trong tác phẩm được xếp theo trật tự diễn biến tâm hồn bí ẩn của con người, từ thời thơ ấu, đến thanh niên, trưởng thành, tuổi già và cái chết. Trong Người Dublin, thành phố Dublin hiện ra rõ ràng cảnh sắc, con người, đường phố, nhà thờ, quán rượu, bàn tiệc, tiệm ăn, khách sạn, nhà trọ, công sở, rạp hát, dạ hội, sông bạc... vang lên những tiếng nói ồn ã, xô bồ, bởi trò chuyện của những con người sống trong những không gian chật chội, xám xịt, trong những khoảnh khắc ngày đêm bất chợt. Họ là tất cả những người đang sống ở Dublin cùng với Joyce thời ấy: những chú bé, những gã ga lăng vô công rồi nghề, cô hầu, gái điếm, cha cố, những bà chị, cô em, bà góa, những người mẹ, những người đàn ông... Họ đang sống và chết dần chết mòn. Các nhân vật trong Người Dublin đều nhận thấy thực chất cuộc sống bi thảm của mình, luôn bị giằng xé bởi thực tại, muốn vươn cao hơn, muốn thay đổi, nhưng họ không làm gì được. Tất cả đều rơi vào tình trạng bế tắc đến nghẹt thở qua từng câu chữ của Joyce.

Phương pháp kể chuyện của Joyce trong Người Dublin là dùng chính những ngôn ngữ đường phố, chính tiếng nói, hành động, cử chỉ, dáng điệu của mọi người, để tự nó phơi bày những tính cách xấu xa sâu kín của nó, những tầng ngầm bí ẩn tâm hồn. Những lời trò chuyện, những tiếng nói, những đối thoại, những hành vi ứng xử thường ngày của Dublin đã được Joyce cấu trúc lại trong văn bản nghệ thuật của mình như một trò giễu nhại, như một công cụ lợi hại để chỉ ra những sự thật đáng ghét, những bế tắc, tuyệt vọng chìm sâu, đóng kín nơi tâm hồn. Đằng sau những lời nói hoa mỹ, những câu diễn thuyết hào hùng, những cử chỉ, điệu bộ vờ vịt tưởng như hào hoa phong nhã, lịch lãm, thiêng liêng là những trò bịp bợm, dè tiện lừa dối, đạo đức giả, âm mưu, tội lỗi, ám ảnh tình dục, lòng tham, sự ham hố hão huyền, sự tàn ác, nhẩn tâm... của con người. Cuối cùng là nỗi ân hận, day dứt triền miên mang xuống tuyền đài chưa tan...

Có thể tiếp cận Người Dublin từ góc độ xã hội, lịch sử, tôn giáo hay âm nhạc. Và tiếp cận cách nào, người đọc cũng sẽ luôn tìm thấy nhiều bất ngờ qua những ẩn ý của Joyce - tưởng như vậy nhưng lại không phải là vậy. Người Dublin dẫn người đọc tham dự vào cuộc sống thường ngày hết sức sinh động, chân thực của Dublin, nhưng đó chỉ là bề nổi, còn cái “phần bí ẩn tâm hồn” nằm sâu trong trò chơi chữ của Joyce mới là cuộc sống thật, tâm trí thật đầy bí ẩn và không thể lường được, khó mà hiểu hết.

Với Người Dublin, người đọc không thể đọc một cách dễ dàng, lướt qua câu chữ, hay tìm cốt truyện ra sao, như cách đọc văn chương thế kỷ XIX, mà phải đọc và suy nghĩ để tìm bí ẩn tâm hồn hay “phần chìm của tảng băng trôi” qua những lớp ý nghĩa chìm ẩn trong từng câu chữ. Người Dublin là nghệ thuật văn chương hiện đại. Nó đáp ứng lối tư duy của con người hiện đại. Đó là cách nghĩ không theo quy luật một chiều và thứ tự giờ giấc như ngày và đêm. Đó là lối suy nghĩ tầng này lớp nọ, xuyên thời gian, không gian, chằng chéo, đa chiều, đa phương, khôn khéo che giấu, thậm chí nghĩ một đằng làm một nẻo và nghĩ như thế này, nói như thế kia, đổi thay, quay quắt... với tốc độ cao.

James Joyce đã dùng trò chơi chữ để mô tả bí ẩn tâm hồn con người hiện đại trong Người Dublin với những

nhân đề mỗi truyện tưởng chừng như bình thường, nhạt nhẽo, không hề tạo sự hấp dẫn. Chị em gái, Một cuộc chạm trán, Araby, Everline, Sau cuộc đua, Hai chàng ga lăng, Nhà trọ, Đám mây nhỏ, Những bản sao, Đất sét, Một trường hợp đau lòng, Ngày Thường xuân trong phòng hội đồng, Một người mẹ, Ân sủng, Người chết.

Gói trong 15 truyện ngắn ấy là những thông điệp gì? James Joyce muốn nói gì với loài người qua văn bản nghệ thuật Người Dublin?

Bạn phải đọc và tự ngẫm mà thôi! Đọc Người Dublin lần đầu thì thấy chán lắm. Nó chán như chính cuộc sống buồn tẻ, tù túng, không lối thoát, đầy ám ảnh và day dứt ở Dublin vậy. Nó chán như chính bản thân ta có những phút giây phải sống trong tình trạng chán nản, tắc tị vậy, lúc này hay lúc khác trong ngày, trong đêm. Nó chán từ trong ngôn ngữ kể chuyện của Joyce. Chính Joyce đã cố tình gieo những chữ, những từ hiển thị về nỗi chán nản của đời sống thực tại trong tác phẩm, truyền sự buồn chán ấy cho người đọc, để thức tỉnh họ nhìn sâu vào cuộc sống với những bí ẩn tâm hồn. Joyce đã buộc ta phải chịu khó suy nghĩ, tìm ra phút tâm hồn “hiển lộ” hay phần chìm dưới lớp vỏ ngôn ngữ của các nhân vật trong Người Dublin. Bởi vậy người đọc phải đọc đi đọc lại Người Dublin, cốt tìm ý nghĩa sâu xa và vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ mà Joyce đã dày công sáng tạo.

Nhờ kiên nhẫn đọc Joyce, chúng ta đã lờ mờ hiểu “bí ẩn tâm hồn”, nó chìm rất sâu. Nó luôn hiển lộ, nhưng lại được che giấu dưới vẻ bề ngoài “lịch sự”, những lời hoa hòe hoa sỏi, những cử chỉ “thanh tao”. Nó làm cho những ai ngây thơ hồn nhiên nhẹ dạ tin người, khó phát hiện ra bản chất vô cùng khủng khiếp của nó. Nó dẫn đến cái chết. Nhiều kiểu chết. Chết thân xác. Chết tâm hồn. Chết ngay trong những giây phút ta đang tồn tại. May sao, con người kịp nhận ra chính mình, day dứt và đau đớn. Các nhân vật trong Người Dublin đều day dứt, muốn sống tốt hơn. Hãy yêu thương khi chưa muộn. Hãy sống trong sự tỉnh thức mọi lúc, mọi nơi để bớt bị day dứt và giảm được những kiểu chết.

Truyện ngắn “chị em gái” có gì đâu, ngoài cái tin “Đức cha James Flynn đã mất, thọ sáu mươi lăm tuổi”. Đám tang của ông ấy, mấy chị em hàng ngày vẫn chăm sóc cha, trò chuyện với nhau về người quá cố. Sự thật về nhân cách của cha cứ hé lộ dần qua từng lời đối thoại buồn tẻ, không đầu, không cuối của Chị em gái. Người ta nhầm tưởng cha đã sống không đến nỗi tồi trong vai kịch “cha cố” của mình. Người ta bảo cha ra đi thanh thản và cam chịu... Nhưng cậu học trò của cha lại nhìn thấy “khuôn mặt xám vẫn không chịu buông tha tôi. Nó mấp máy, và tôi hoàn toàn nó muốn xưng tội.(...). Nó bắt đầu xưng tội với tôi bằng một giọng thăm thì (...) nó luôn mỉm cười (...) và tôi cảm thấy tôi cũng đang hơi mỉm cười như để tha thứ tội buồn thần bán thánh của nó”. Bí ẩn tâm hồn ông cha cố lộ ra qua những câu chữ rất bí ẩn đó. Nó thông báo rằng cuộc đời cha đã sống không phải là tử tế, như người ta tưởng.

Trong Một cuộc chạm trán, Joyce kể cuộc gặp ngẫu nhiên của đám học trò lang thang với người đàn ông trông giống một học giả, nhà giáo dục, nhưng hẩn thốt ra những lời dạy đời giả dối, khoe khoang, và bài độc thoại đầy ám ảnh tình dục. Chính hắn đã tự tố cáo bí ẩn tâm hồn bản thủ của mình bằng tiếng nói của hắn. Và James Joyce đã khôn khéo chộp được “Phút giây hiển lộ” sự giả trá, vờ vĩnh ẩn sâu trong tâm hồn hắn để nói với loài người về vấn đề giáo dục, về nhân cách tồi tệ của những kẻ mang danh học thức mà tâm hồn chẳng đẹp đẽ gì, trí tuệ rỗng tuếch, lại chuyên đi dạy người khác, nhất là bọn trẻ, làm cho chính chúng cũng nhận ra bộ mặt giả tạo và co cẳng chạy trốn “bọn hắn” như bị ma đuổi.

Hai chàng ga lăng cũng xuất hiện trong văn cảnh đầy bí ẩn. Bọn hắn la cà trong quán rượu, tán gái trên góc phố bằng tài ngoại giao và hùng biện, vũ khí là một kho truyện cười, thơ nhại, câu đố, những đối thoại lấu lỉnh, những độc thoại mua vui, khoác lác, với những cử chỉ ra vẻ cao sang, sành điệu trong quán rượu, bàn ăn... cuối cùng là hành động móc túi bất kỳ ai, kể cả những cô hầu, gái điếm. Bộ mặt thật - “tâm hồn bí ẩn” - của chúng lộ ra bằng tiếng lóng bọn hắn vẫn thường dùng “Có xoay được không?”

Chuyện tình trong “Nhà trọ” giữa chàng khách trọ với con gái bà chủ được Joyce kể bằng giọng điệu nhạt nhẽo, chỉ là phút ham mê xác thịt bản năng, nhưng cách giải quyết lại gây khiếp sợ. Đôi tình nhân bị đưa ra thành món hàng đền bù thiệt hại. Cuộc tranh đấu bản năng diễn ra. Hắn không muốn cưới cô. Đó chỉ là những cơn điên của hắn. Cô sống trong bản năng sợ hãi, khoái lạc, hy vọng và thất vọng... Không tình yêu, không lối thoát.

Truyện ngắn Eveline là những hồi tưởng, độc thoại nội tâm và sự khủng hoảng tuyệt vọng của chính cô trong khoảnh khắc. Evelynne ngồi bên cửa sổ ngắm buổi tối lan dần trên phố. Cô sắp bỏ nhà mình, rời xa

Dublin lên tàu ra biển với Frank. Chàng sẽ mang lại cho cô cuộc sống không phải chịu bất hạnh và cả tình yêu nữa. Cô hồi tưởng “Hình ảnh tội nghiệp của cuộc đời mẹ cô phủ màu đen tối như muốn trùn lên chính cuộc đời cô - một cuộc đời chỉ toàn những hy sinh vụn vặt để rồi kết cục là những cơn điên loạn. Cô rung mình khi lại nghe thấy bên tai giọng mẹ lặp đi lặp lại trong man dại ”...Eveline rung mình chạy trốn! Frank sẽ cứu cô. Nhưng ngay lập tức, từ đáy thăm tâm hồn, Eveline rơi vào tuyệt vọng “Tất cả đại dương trên thế giới quay cuồng trong cô. Anh đang lôi tuột cô vào chúng. Anh sẽ chìm chết cô. Cô túm chặt lấy hàng rào chắn bằng sắt. (...) Không! không! không! không thể được. (...) Giữa đại dương cô hét lên đau đớn. (...) Anh chạy phía trước hàng rào và kêu to bảo cô chạy theo. (...) CÔ quay khuôn mặt trắng bợt của mình về phía anh, bị động, như một con thú tuyệt vọng. ánh mắt cô nhìn anh không có chút biểu hiện nào, không tình yêu hay lời vĩnh biệt hay nhận ra anh”. Thời gian trong truyện bị nén đến cực độ. Tâm hồn bí ẩn bỗng vỡ òa, biến động, quay cuồng, nhảy từ cực này sang cực khác, nhanh như chớp mắt. Ngôn ngữ kể chuyện nổ bùng như những quả bom tấn. Eveline làm cho chúng ta lạnh sống lưng, nhận ra thân phận con người bị dồn vào đường cùng. Không lối thoát. Không tình yêu. Không hy vọng ở bất kỳ ai, bất kỳ nơi nào trên trái đất. Chỉ có sự tuyệt vọng.

Sự tuyệt vọng, cô đơn trong thân phận Người Dublin được James Joyce nhìn ra từ nhiều góc độ, nhiều chiều đen tối, nhiều cảnh ngộ đáng sợ, ở nhiều số phận và hoàn cảnh sống khác nhau, trong những khoảnh khắc thường ngày. Và cách kể chuyện về từng nhân vật trong mỗi truyện của Joyce cũng khác, không lặp lại, sáng tạo đến bất ngờ.

Trong Một trường hợp đau lòng, Joyce dẫn chuyện và kể chuyện tài tình đến mức câu chuyện ăn nhập nhuần nhuyễn với một mẩu tin trên nhật báo. Hình như Joyce đã chép nguyên xi mẩu tin trên báo để cấu trúc thành một truyện ngắn với dụng ý bày ra cả một luận đề về tình yêu, lòng trắc ẩn, sự cô đơn, tuyệt vọng, thế giới tinh thần, sự vô cảm, xã hội đạo đức giả, con người đạo đức giả...Hay Joyce đã bịa ra cái tin ấy để gắn hư cấu nghệ thuật của mình vào đời sống hàng ngày cho nó sinh động? thật khó mà phân giải. Chỉ biết truyện ngắn này có nguồn gốc là một mẩu tin trên báo. Mẩu tin tường thuật về cái chết của một quý bà cổ vượt qua đường ray khi tàu chuyển bánh trên sân ga. Thực chất là bà tự tử. Nhưng cái xã hội Dublin giả dối, gia đình giả dối không thích nói đến chuyện ai đó tự tử, nên mẩu tin kể lể vòng vo tam quốc, chia buồn nhĩ nhằng để che đậy hai từ “tự tử”. Quan trọng hơn mẩu tin nhằm mục đích khẳng định “Không ai bị truy cứu trách nhiệm”. Những ngôn từ báo chí ấy được che chắn gian ngoan, lộn lèo, người đọc vẫn dễ dàng nhận ra sự giả trá từ mớ ngôn ngữ đó “Những lời lẽ sáo mòn, những câu chữ tỏ ra chia sẻ được viết một cách ngu ngốc, những từ ngữ thận trọng của một ký giả bị thuyết phục phải che đi những chi tiết của một cái chết tầm thường đáng kinh tởm, tất cả co thắt bụng ông đến buồn”.

Ấn ý câu chuyện không dừng lại ở đó. Sâu sắc hơn, nhân bản hơn, James Joyce đã đi tìm nguyên nhân dẫn đến hành động tự tử của Mrs Emily Sinico. Thủ phạm là ai? Ai đã đẩy bà đến cái chết chán ghét, ghê tởm ấy?

Phạm nhân hiện dần sau những độc thoại nội tâm của Mr James Duffy, nhân viên một nhà băng tư “không sống chung với ai, mà cũng không có bạn bè, không đi lễ mà cũng không có đức tin”. Rồi ông gặp quý bà đang sống trong nỗi cô đơn, dù bà ở cùng chồng và con gái. Họ bỏ quên bà. Ông và bà bỗng hòa nhập và chia sẻ, chuyện trò. Tâm hồn ông thăng hoa. Nhưng ông đã dập tắt ngay mối tâm giao đó chỉ vì “giữ sự đứng đắn chính trực của cuộc đời ông”. Vì hai quyển sách của triết gia Nietzsche. Vì những câu đại loại như “Tình yêu giữa đàn ông và đàn bà là không thể vì không thể có quan hệ tình dục, và tình bạn giữa đàn ông và đàn bà là không thể vì bắt buộc phải có quan hệ tình dục”. Sau cái chết của bà “ông mới hiểu cuộc đời bà chắc hẳn đã cô đơn đến thế nào, ngồi đêm này qua đêm khác một mình trong căn phòng đó. Cuộc đời của ông cũng sẽ cô đơn cho đến khi, chính ông, cũng, chết (...) màn đêm im lặng tuyệt đối. Ông lắng nghe lần nữa: im lặng tuyệt đối. Ông cảm thấy ông chỉ còn lại một mình”. Ông biết, nếu ông không vô cảm, nếu biết yêu thương, ông sẽ cứu được bà khỏi cái chết chán nản đó. Ông không vô can. Và còn hai thủ phạm nữa là chồng và cô con gái yêu quý của bà. Chính họ đã đẩy bà đến cái chết mà họ vẫn đứng đưng.

Cái chết vì cô đơn, vụ tự tử như Mrs Emily Sinico thật đáng sợ, nhưng James Joyces còn nhìn thấy Người chết từ những hình bóng đang tồn tại, đang đi lại, nói cười, ăn uống, tiệc tùng, dạ hội, chiêu đãi và ngay cả phút ái ân...Người chết (được dựng thành phim năm 1987) là truyện dài nhất trong tập Người Dublin.

Người chết kể về một đêm dạ hội trọng đại hàng năm của nhà Morkan. Người đến dự rất đông, họ hàng, người thân, bạn cũ, thành viên đoàn Thánh ca, học trò...đủ mọi lứa tuổi, đủ mọi ngành nghề. Đêm tối.

Tuyệt rơi. Trong phòng, mọi người đón tiếp nhau, trò chuyện, nói cười, dạo đàn piano, khiêu vũ, ca hát, đọc thơ, đọc diễn văn...Trên bàn tiệc vô vàn thức ăn ngon, trang trí đẹp, họ xẻ bánh, rót rượu, cắt thịt ngỗng mời nhau, ca tụng nhau, nịnh nọt, khen nhau hết lời. Tiếng nói cười, tiếng thầm thì, tiếng rầm rì, tiếng nhạc, tiếng hát, lời ca, tiếng cốc đĩa, thìa đĩa chạm vào nhau, tiếng diễn thuyết ra vẻ hào hứng, tiếng hoan hô, vỗ tay...vang lên không ngớt. Vậy mà chẳng có gì ăn nhập vào nhau. Không khí rời rạc. Đơn điệu. Giả dối. Gượng ép. Vờ vịt. Người này nói với người kia, nhưng chẳng ai chú ý vào câu chuyện. Mỗi người đều bận mải với những suy nghĩ của riêng mình, một ký ức chợt đến, một nỗi buồn lo ẩn hiện, một mơ tưởng hão huyền...Thức ăn ngon mà chẳng ai cảm thấy ngon miệng. Đầu họ mải nghĩ những chuyện đầu đầu, đôi khi họ mang cả chuyện chính trị, văn chương, dòng tu, tôn giáo, giáo hoàng, thời cuộc để khoe kiến thức, cãi vã, ba hoa, khích bác, châm chọc, giễu cợt nhau. Nỗi bức bối của kẻ này dồn vào điệu nhảy với người kia. Di Julia cất giọng già nua hát bài Điểm trang vì cô dâu dù đời di đã không bao giờ được làm cô dâu. Mọi người ồ lên, thì nhau khen ngợi giọng ca vàng thánh thót của di, nghe mới giả dối làm sao! Mĩa mai thay, họ đồng ca những lời sáo rỗng, cốt để che đậy khoảng tối trong lòng mình:

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

James Joyce đã chụp ảnh, quay phim, ghi âm được chính xác cái không khí dạ hội hỗn độn ấy, và dùng chính những câu đối thoại, những lời thăm hỏi hời hợt, những tiếng thì thầm nhát gừng, những câu xã giao mách quẻ, những lời ca, những cử chỉ, những lời nịnh khen, đáng điệu giả vờ, gượng ép, hành động miễn cưỡng, cả những độc thoại nội tâm...để phơi bày trên trang giấy “bí ẩn tâm hồn”. Khi bí ẩn tâm hồn của ai đó hiện ra thì toàn bộ thân phận của họ, cuộc sống tù túng ngột ngạt, giả dối, khổ đau của họ, sự tốt xấu của họ cũng hiện ra, muôn màu sắc. Không ai giống ai. Người Dublin là thế. Họ đang tồn tại mà như đã chết. Cái chết của họ hiện ra trong chính những từ ngữ tế ngắt và lạnh lẽo của chính họ, mà James Joyces đã chép lên trang giấy.

Người chết trong lúc thân xác đang tồn tại được Joyce khắc họa đậm nét với cảnh tan tã hôn, vợ chồng Gabriel ở trong căn phòng của họ tại khách sạn. Giây phút cô đang cởi mũ áo. Giây phút tưởng như anh và cô đang vùng thoát khỏi cuộc sống, trở về cùng trái tim bùng cháy hoang dại ái ân..Giây phút Gabriel run lên vì nụ hôn bất ngờ của cô....Bỗng cô òa khóc. Cô nhớ đến bài hát Cô gái làng Aughrim. Nó làm cô nhớ đến anh chàng người yêu đã chết rất lâu rồi. Cô vùng khỏi vòng tay ân ái của chồng, thản nhiên kể với anh về mối tình mong manh xa vời ấy. Và cô ngủ thiếp đi...Gabriel như bị một cú đấm mạnh, bừng tỉnh nhận ra mình “như một gã lỗ bịch, đóng vai một thằng hầu sai vặt cho các dì mình, một người đa cảm đầy thiện ý, đầy lo lắng, diễn thuyết cho những kẻ trưởng giả thô lậu và lý tưởng hóa những ham muốn nực cười của chính mình, một gã dân đen đáng thương”. Anh nhìn thấy “tuyệt đang rơi nhiều trên khắp Ireland (...) Hồn anh lắng dần khi anh lắng nghe tuyết rơi dịu nhẹ trên toàn vũ trụ, rơi dịu nhẹ, như sự rơi xuống của kết thúc cuối cùng của họ, lên tất cả những người sống và người chết”. Gabriel cay đắng nhận ra rằng người duy nhất có trái tim nồng nhiệt như anh, người thật sự sống, lại chính là người đã chết.

James Joyce đã viết những dòng chữ trên vào những năm Đại chiến thứ nhất và dự báo đại chiến thứ hai bùng nổ. Không phải ông chỉ viết về Người Dublin mà ông đã viết về cả loài người và vũ trụ đang sống dở chết dở, sống cùng cái chết, sống mà như chết...thông qua Người Dublin. Bởi thế, Người Dublin cùng với Ulysses của James Joyce được xếp vào danh sách 20 cuốn tiểu thuyết được yêu thích nhất mọi thời đại.

James Joyce muốn con người nhìn thấu chính mình. Loài người tự ảo tưởng về mình, không nhận ra mình là loài sinh vật không bình thường, xuất hiện trên hành tinh này cùng vô vàn những loài sinh vật khác. Phải giải phẫu tâm hồn sâu kín, tinh vi của nó. Phải nhìn nó, soi xét nó từ rất nhiều góc độ, nhiều chiều kích thời gian, không gian và mô tả nó bằng rất nhiều thủ pháp nghệ thuật. Bởi thế, các bác sĩ thần kinh cũng tìm đọc James Joyce. Bởi vậy, nhân loại gọi James Joyce là Freud, hay Picasso. Họ nói văn chương của James Joyce là một phát minh khoa học trong thế kỷ XX. James Joyce đã dũng cảm, đã trung thực và thẳng thắn. James Joyce là anh hùng Ulysses của thế kỷ 20 trong cuộc hành trình của con người đi tìm chính mình.

James Joyce yêu loài người, yêu quê hương Dublin máu thịt của ông. Ông viết “Tổ tiên tôi vứt bỏ tiếng nói của mình vì một thứ tiếng khác. Họ để cho một nhóm mấy kẻ ngoại bang đô hộ. Có thể tưởng tượng ra nổi chính cuộc đời tôi đây sắp phải trả những món nợ họ gây ra? Từ thời Tome đến thời Parnell có người đàn ông đáng kính và trung thực nào dù từ bỏ cả cuộc đời, tuổi trẻ và tấm lòng của anh ta cho Ireland mà

không bị Ireland bán đứng, lợi dụng, chửi rủa, bội bạc, Ireland là con lợn nái già ăn thịt cả con mình”.

Cả cuộc đời, James Joyce đã phải sống lưu vong trong khổ ải, lầm than, đói khát để sống sót trong nhiều hoàn cảnh xã hội khốc liệt, trong hai cuộc Đại chiến khủng khiếp của thế kỷ 20, chống đỡ với bệnh tật, phẫu thuật mắt hơn 25 lần, có khi không nhìn thấy phải nhờ bạn chép...để viết bốn tác phẩm bất hủ hiển danh cho loài người, như một sự trả giá cho tình yêu ấy. James Joyce anh hùng, vĩ đại, tài năng từ trong cuộc đời đến hành trình sáng tạo. Ông đã can đảm soi xét, tìm ra những “bí ẩn tâm hồn” nhân loại. Đọc Người Dublin, chúng ta thật sự cảm thấy đời sống thường ngày của loài người thật đáng chán. Ta tuyệt vọng và muốn vượt lên, thoát khỏi tình trạng đáng chán ấy. Ai vượt qua, người đó sẽ là anh hùng như Ulysses. Anh hùng trong đời sống hàng ngày, trong từng thời khắc sống. Hình như James Joyce đang từ nơi xa lắm vậy gọi ta “Bạn ơi! Can đảm lên mà sống. Hãy là Ulysses”.

Hà Nội, tháng 1 năm 2009

Nhà văn Mai Thục

4. Chương 4

Lần này không còn hy vọng gì về ông nữa, đây là cơn đột quỵ thứ ba. Hàng đêm nay (đang là kỳ nghỉ) đêm nào tôi cũng đi ngang ngôi nhà và quan sát vuông cửa sổ sáng đèn: và hàng đêm nay đêm nào tôi cũng thấy nó sáng cùng một kiểu, mờ nhạt và bình thản. Nếu ông chết rồi, tôi nghĩ, hẳn phải thấy ánh nến phản chiếu trên nền rèm cửa tối bởi tôi biết phải có hai cây nến đặt phía trên đầu người chết. Ông vẫn thường nói với tôi Ta sẽ chống từ già cõi đời, và tôi đã nghĩ những lời ông nói chỉ là vu vơ. Giờ đây tôi hiểu đây là những lời nói thực. Mỗi đêm nhìn lên cửa sổ nhà ông, tôi lại tự thâm thì từ tê liệt.

Simony trong sách giáo lý. Nhưng lúc này tôi thấy nó vang lên như tên của một sinh linh độc ác và tội lỗi. Nó làm tôi kinh hoàng, vậy mà tôi vẫn muốn được gần nó hơn, ngắm nghía thứ công việc chắt chóc của nó.

Già Cotter đang ngồi bên lò sưởi, hút tẩu, khi tôi đi xuống gác ăn tối. Trong lúc bác gái tôi múc cháo yến mạch, lão cất tiếng, như thể đang quay lại với lời nhận xét lúc trước.

- Không, tôi sẽ không nói chính xác ông ta là thế...nhưng có một cái gì đó kỳ cục...có một cái gì đó kỳ lạ về ông ta. Tôi sẽ nói cho các vị biết ý kiến của tôi...

Lão bắt đầu rít những hơi tẩu ngắn, không nghĩ ngờ gì lão ta đang sắp xếp lại ý trong đầu. Lão già ngớ ngẩn chán ngán! Hồi đầu khi chúng tôi mới biết lão, lão ta còn khá thú vị, suốt ngày giải thích nào sái rệu với ống xoắn cất rượu, nhưng rồi tôi nhanh chóng chán ngấy lão và những câu chuyện lê thê về nhà máy rượu.

- Tôi có giả thuyết riêng của tôi về chuyện này – lão nói – Tôi nghĩ đây là một trong những ... trường hợp cá biệt...Nhưng cũng khó mà khẳng định...

Lão lại rít một hơi mà vẫn chưa nói cho chúng tôi về giả thuyết của lão. Bác trai tôi thấy tôi bộ điệu ngây ra, bèn nói:

- Nào, vậy là ông bạn già của nhóc đã đi, nghe thế chắc nhóc buồn lắm.

- Ai cơ ạ? – tôi hỏi.

- Cha Flynn.

- Ông ấy chết rồi sao?

- Bác Cotter đây vừa mới thông báo cho bọn ta. Bác vừa rẽ qua nhà cha về.

Tôi biết tôi đang bị quan sát nên tiếp tục ăn như thể cái tin vừa rồi chẳng làm tôi mảy may bận tâm. Bác tôi giải thích cho già Cotter.

- Thằng nhóc và ông ta là chỗ bạn thân. Ông già đã dạy cho nó rất nhiều, ông ạ, người ta còn đồn ông ta rất kỳ vọng nó.

- Cầu Chúa phù hộ linh hồn ông ấy – bác gái tôi sùng kính.

Già Cotter nhìn tôi một lúc. Tôi cảm thấy đôi mắt đen tròn vo nhỏ xíu của lão đang dò xét nhưng tôi nhất quyết sẽ không làm lão ta thoả mãn bằng cách rời đĩa thức ăn mà ngược lên. Lão ta quay lại với cái tẩu và cuối cùng thô lỗ nhổ toẹt vào lò sưởi.

- Tôi thì tôi sẽ không để cho con cháu mình – lão nói – giao du nhiều với kiểu người như vậy.

- Bác nói thế nghĩa là sao, bác Cotter? – bác gái tôi hỏi.

- Tôi nói thế nghĩa là – Già Cotter nói – như thể không hay ho gì cho bọn trẻ. Ý kiến của tôi là, cứ để trẻ con được chơi đùa thoả thích với bọn cùng tuổi và không bị...Ta nói thế đúng không, Jack?

- Đó cũng là nguyên tắc của tôi – bác trai tôi nói – cứ để nó tự học cách xoay sở kiếm sống trên cái đời này. Tôi vẫn lớn nói thế với vị đệ tứ giáo phái Ro-den-cơ đây: phải tập luyện. Thế nên từ bé đến giờ không sáng nào là tôi không tắm nước lạnh, đông cũng như hè. Có thể thì giờ mới được như thế này chứ. Giáo dục bao giờ cũng thật tốt đẹp..Bác Cotter đây có khi muốn thử một miếng đùi cừu đấy – ông quay sang nói với bác gái tôi.

- Không, không, đừng phiền tôi – Già Cotter phản đối.

Bác gái tôi lấy một cái đĩa trong chạn ra và đặt lên bàn.

- Nhưng sao bác lại nghĩ chuyện đó không hay cho bọn trẻ, hả bác Cotter? – bà hỏi.

- Nó không hay cho lũ trẻ - Già Cotter nói – bởi trí óc chúng rất dễ bị ảnh hưởng. Khi bọn trẻ thấy những điều như vậy, bà biết đấy, chúng sẽ bị tác động...

Tôi tổng dầy cháo vào miệng vì sợ rằng tức quá mình sẽ bật ra nói gì đấy. Lão già dờ hơi mũi đỏ chán ngấy!

Đêm đó mãi đến tận khuya tốt mới thiếp đi được. Mặc dù rất tức giận Già Cotter về chuyện lão ta ám chỉ tôi còn là một đứa trẻ tôi vẫn vất óc đoán xem những câu nói dở dang của lão có nghĩa gì. Trong bóng tối gian phòng tôi tưởng tượng ra mình lại đang nhìn thấy gương mặt xám xịt nặng nề của người liệt. Tôi kéo chăn trùm kín đầu và cố gắng nghĩ về lễ Giáng Sinh. Nhưng khuôn mặt xám vẫn không chịu buông tha tôi. Nó mấp máy; và tôi hiểu nó muốn xưng tội. Tôi thấy linh hồn tôi lùi về một vùng dễ chịu và tội lỗi, và ở đó tôi lại thấy khuôn mặt kia đang đợi tôi. Nó bắt đầu xưng tội với tôi bằng một giọng thăm thì và tôi tự hỏi tại sao nó luôn mỉm cười và tại sao đôi môi của nó lại ướt rượt nước bọt thế kia. Nhưng rồi tôi nhớ lại rằng nó đã chết bởi bệnh liệt và tôi cảm thấy tôi cũng đang hơi mỉm cười như để tha thứ tội buồn thần bán thánh của nó.

Buổi sáng hôm sau, ăn sáng xong tôi quyết định đi ngắm ngôi nhà nhỏ trên phố Great Britain . Đó là một cửa hiệu khiêm tốn, có một cái tên mơ hồ Tiệm Tạp Hóa. Hàng hoá trong cửa hàng chủ yếu là giày len trẻ em và ô, và vào những ngày bình thường có một tấm biển treo ngoài khung kính: Nhận sửa ô. Lúc này không nhìn thấy tấm biển nào vì cửa chắn đã được kéo lên. Một bó hoa tang đen được buộc vào tay nắm cửa bằng dải ruy băng. Hai người đàn bà bộ dạng nghèo khó và một chú nhóc đưa điện tín đang đọc tấm các đỉnh trên bó hoa tang. Tôi cũng tiến lại gần và đọc được:

Ngày 1 tháng 7 năm 1895

Đức Cha James Flynn (nguyên phụ trách nhà thờ S.Catherine, phố Meath) đã mất, thọ sáu mươi lăm tuổi. Cầu Chúa phù hộ cho linh hồn Cha được yên nghỉ.

Những gì ghi trên tấm các thuyết phục tôi rằng ông đã chết và tôi hoang mang nhận ra mình đột ngột bị bỏ rơi. Giá ông chưa chết tôi đã đi vào căn phòng nhỏ tối tăm phía sau cửa hiệu và thấy ông đang ngồi trong chiếc ghế bành cạnh lò sưởi, gần ngạt thở trong chiếc áo choàng to khủng khiếp. Bác gái tôi đã có thể đưa một gói thuốc lá bột hiệu High Toast để tôi mang cho ông và món quà này sẽ đánh thức ông khỏi cơn lơ mơ gà gật. Thường tôi là người dốc gói thuốc vào cái hộp thuốc hít màu đen của ông bởi hai tay ông run đến nỗi không thể làm được điều này mà không làm vung vãi đến nửa số bột ra sàn. Thậm chí khi ông đưa bàn tay run rẩy lên mũi, những đám bụi thuốc lá nho nhỏ rơi lả tả quạcác ngón tay xuống ngực áo. Chắc

hắn chính những cơn mưa bột thuốc lá liên tục này đã làm cho đám quần áo kiểu linh mục của ông có màu xanh bạc thếp, bởi cái khăn mùi xoa màu đỏ, thường đã đen xỉn, với những vết ố bụi thuốc lá để có đến cả tuần, cái khăn ông đã dùng để cổ phỉ đi bụi thuốc lá, cũng không có công hiệu mấy.

Tôi muốn đi vào bên trong và nhìn ông nhưng không có đủ can đảm gõ cửa. Tôi chậm chậm bỏ đi dọc vỉa hè đầy nắng của con phố, vừa đi vừa đọc tất cả những áp phích quảng cáo biểu diễn dán trên cửa kính cửa hiệu. Tôi cảm thấy lạ lùng rằng ngay cả bản thân tôi lẫn ngày hôm nay đều không có cảm giác đau buồn và tôi còn cảm thấy bức mình hơn khi phát hiện trong tôi một cảm giác dường như là tự do như thể tôi vừa được giải thoát khỏi một điều gì đó qua cái chết của ông. Tôi nghĩ về điều này bởi, như bác trai tôi đã nói tối hôm trước, ông đã dạy tôi rất nhiều điều. Ông từng theo học tại trường Irish College ở Rome và ông đã dạy tôi cách phát âm tiếng Latin sao cho đúng. Ông còn kể cho tôi nghe những câu chuyện về khu hầm mộ và về Napoleon Bonaparte, và ông từng giải thích cho tôi ý nghĩa của các lễ Misa khác nhau và về những kiểu lễ phục khác nhau của linh mục. Đôi khi ông giải khuây bằng cách đặt những câu hỏi khó cho tôi, hỏi tôi người ta nên làm gì trong một số hoàn cảnh hoặc liệu những tội lỗi thế này thế kia là đáng tội chết hay có thể được tha thứ hay đơn thuần chỉ là những khiếm khuyết. Những câu hỏi của ông làm tôi thấy sự phức tạp và huyền bí của một số thể chế Nhà thờ mà trước đây tôi cứ nghĩ chỉ là những nghi lễ đơn giản nhất. Những trách nhiệm của linh mục đối với Thánh lễ và về sự bảo mật lời xưng tội nghe hệ trọng đến nỗi tôi tự hỏi làm sao người ta lại có thể có được can đảm để gánh lấy chúng; và tôi không ngạc nhiên khi ông nói với tôi rằng các đức cha Nhà thờ từng viết những quyển sách dày như cuốn Danh bạ Bưu điện và chúng được in cẩn thận như bố cáo luật trên báo, giải đáp tất cả những câu hỏi các cơ nhất. Thường khi nghĩ đến điều này tôi không thể trả lời được hoặc chỉ đưa ra được một câu ngớ ngẩn áp úng, và ông thường mỉm cười và gật đầu. Thỉnh thoảng ông giảng cho tôi những câu phải đáp trong lễ Misa và ông bắt tôi phải học chúng thuộc lòng, và mỗi khi tôi liến thoắng, ông thường mỉm cười trầm ngâm và gật đầu, chốc chốc lại đưa một nhúm lớn thuốc lá bột lần lượt lên từng lỗ mũi. Khi mỉm cười ông thường để lộ hàm răng to xỉn màu và để đầu lưỡi lên môi dưới – một thói quen từng làm tôi thấy khó chịu trong thời gian đầu chúng tôi mới quen, trước khi tôi biết rõ về ông.

Khi bước đi dưới ánh nắng tôi nhớ lại lời của Già Cotter và cố nhớ lại những gì đã xảy ra sau đó trong giấc mơ. Tôi nhớ ra rằng đã để ý thấy tấm rèm cửa nhung dài và một ngọn đèn kiểu cổ đang đung đưa. Tôi cảm thấy tôi đã ở một nơi rất xa, tại một vùng đất nào đó có những phong tục kỳ lạ - ở Ba Tư, tôi nghĩ... Nhưng tôi không thể nhớ nổi đoạn kết của giấc mơ.

Tối hôm đó bác gái tôi dẫn tôi cùng đi đến nhà có tang. Lúc đó mặt trời đã lặn; nhưng cửa sổ những ngôi nhà hướng về phía đông vẫn phản chiếu sắc rắng đỏ từ một cụm mây lớn. Nannie đón chúng tôi ở sảnh; và bởi nếu khóc lóc âm ỉ lúc này thì không hợp cho lắm, bác gái tôi chỉ nắm chặt tay bà. Người đàn bà chỉ đường cho chúng tôi lên cầu thang nhỏ và hẹp, đầu bà cúi thấp gần ngang với thanh vịn. Ở chỗ nghỉ đầu tiên bà dừng lại và ra dấu về phía cánh cửa đang mở của phòng người chết. Bác tôi bước vào và bà, thấy tôi đang chần chừ không vào, lại dùng tay ra hiệu cho tôi.

Tôi nhón gót đi vào. Căn phòng chìm dưới ánh chiều mờ tối lọt qua phía đuôi đăng ten rèm cửa sổ, những ngọn nến trông thật leo lét. Ông đã được đưa vào quan tài. Nannie làm trước và cả ba chúng tôi quỳ xuống phía chân giường. Tôi giả vờ cầu nguyện nhưng không thể tập trung được bởi những âm thanh rì rầm của người đàn bà làm tôi xao lãng. Tôi để ý phần say sáy bà xếp nếp một cách cầu thả và gót tất len của bà bị tuột lệch hẳn sang một bên. Tôi bỗng tưởng tượng thấy ông linh mục già đang mỉm cười trong quan tài.

Nhưng không. Khi chúng tôi đứng dậy và đi tới phía đầu giường tôi nhận thấy ông không cười. Ông nằm đó, nghiêm trang và đầy suy tư, mặc lễ phục như chuẩn bị lên trước bàn thờ Chúa, hai bàn tay lớn nắm hờ ly rượu thánh. Khuôn mặt ông trông rất hung ác, xám xịt và thô kệch, hai lỗ mũi đen sâu hoắm xung quanh phủ một viền lông bạc. Trong phòng ngột ngạt và nặng mùi – mùi hoa.

Chúng tôi làm dấu thánh và đi ra. Trong căn phòng nhỏ dưới gác chúng tôi thấy Eliza đang ngồi trong chiếc ghế bành của ông, đầy oai vệ. Tôi dò dẫm đi về phía cái ghế quen thuộc của mình ở góc phòng trong lúc Nannie đi đến tủ bát đĩa mang lại một bình rượu sherry và mấy cái ly. Bà xếp tất cả lên bàn và mời chúng tôi uống một ly. Rồi theo mệnh lệnh của bà chị, bà rót rượu ra các ly và chuyển cho chúng tôi. Bà cũng ép tôi ăn mấy cái bánh quy kem, nhưng tôi từ chối bởi tôi nghĩ nếu ăn thì tôi sẽ phát ra quá nhiều tiếng động. Bà có vẻ hơi thất vọng trước sự từ chối của tôi và im lặng đi về phía chiếc sofa rồi ngồi xuống, đằng sau bà chị. Không ai nói gì, tất cả chúng tôi đều nhìn đăm đăm vào cái lò sưởi trống rỗng.

Bác gái tôi chờ đến khi Eliza thở dài rồi nói:

- Vâng, ông ấy đã sang một thế giới tốt hơn.

Eliza lại thở dài một lần nữa và cúi đầu tỏ sự tán thành. Bác tôi mân mê chân ly rượu trước khi uống một ngụm nhỏ.

- Ông ấy có..một cách thanh thản không ?- bà hỏi.

- Ồ vâng, khá thanh thản bà ạ - Eliza nói – Khó biết được ông ấy đã trút hơi thở cuối cùng lúc nào. Ông ấy đã có một cái chết đẹp đẽ, tạ ơn Chúa.

- Còn các việc...?

- Cha O'Rourke đã ở bên ông ấy hôm thứ Ba và xúc dầu thánh và chuẩn bị mọi thứ cho ông ấy.

- Lúc ấy ông ấy có biết không?

- Ông ấy đã khá cam chịu.

- Ông ấy trông khá cam chịu – bác tôi nói.

- Người đàn bà chúng tôi gọi đến để lau rửa cho ông nói như vậy. Bà ấy nói ông ấy trông như vừa thiếp ngủ, trông ông thanh thản và cam chịu. Không ai nghĩ thi thể ông ấy sẽ trở nên đẹp đẽ như vậy.

- Vâng, đúng thế - bác tôi nói.

Bà uống một ngụm rượu nữa và nói:

- Vâng, Miss Flynn, dù sao các bà cũng được an ủi vì đã làm tất cả những gì có thể cho ông ấy.

Cả hai bà đều rất tử tế với ông ấy, tôi phải nói vậy.

Eliza sửa nhẹ phần váy trên đầu gối cho ngay ngắn.

- Ôi, James tội nghiệp ! – bà nói – Có Chúa chứng giám chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể, dù chúng tôi có nghèo khó, chúng tôi đã không để ông ấy phải thêm muốn bất cứ thứ gì mà không được toại nguyện.

Nannie đã dựa đầu vào chiếc gối trên sofa từ nãy và có vẻ sắp thiếp đi.

- Nannie tội nghiệp – Eliza nói, nhìn sang bà em – cô ấy đã kiệt sức. Chúng tôi đã làm mọi thứ, cô ấy và tôi, tìm người về lau rửa cho ông ấy rồi sửa soạn cho ông ấy nằm xuống và sau đó nhập quan rồi lo chuẩn bị cho lễ Misa trong nhà thờ. Nếu không có Cha O'Rourke tôi cũng không biết phải xoay sở ra sao. Chính Cha đã mang cho chúng tôi toàn bộ số hoa và hai cây nến này từ nhà thờ và viết cáo phó đăng trên tờ Tổng quan Người tự do, và lo toàn bộ chuyện thủ tục giấy tờ với nghĩa trang và chuyện bảo hiểm của James tội nghiệp.

- Cha ấy tốt quá phải không? – bác tôi nói.

Eliza nhắm mắt lại và lắc đầu chậm chậm.

- Vâng, rất cuộc thì những người bạn cũ vẫn luôn là tốt nhất – bà nói – chứ hiếm có người có thể tin cậy được.

- Vâng đúng vậy – bác tôi nói – Và tôi chắc chắn rằng giờ đây khi ông ấy đã đến cõi vĩnh hằng, ông ấy sẽ không quên các bà và tất cả sự tử tế mà các bà đã dành cho ông ấy.

- Ôi James tội nghiệp! – Eliza nói – Ông ấy đâu có gây phiền hà nhiều cho chúng tôi. Lúc này đây bà mới thấy ông ấy gây chú ý trong ngôi nhà này thế chứ. Dù sao, tôi cũng biết ông ấy đi rồi, đi mãi mãi.

- Khi mọi chuyện kết thúc mới là lúc các bà thấy nhớ ông ấy – bác tôi nói.

- Tôi biết – Eliza nói – Tôi sẽ không còn được mang xúp thịt bò nghiền cho ông ấy ăn nữa, hay bà, bà ạ, cũng sẽ không còn được thỉnh thoảng gửi thuốc lá bột cho ông ấy nữa. Ôi, James tội nghiệp!

Bà ngừng lại, như thể đang giao cảm với quá khứ rồi nói một cách thận trọng:

- Nhưng bà ạ, tôi để ý thấy có một cái gì đó kỳ lạ đã choán lấy ông ấy giai đoạn cuối đời này. Lần nào tôi mang xúp lên, cũng thấy ông ấy nằm sõng soài trên ghế bành, miệng há hốc, quyển kinh nhật tụng lăn lóc trên sàn.

Bà đưa một ngón tay chạm vào mũi, cau mày; và tiếp tục;

- Nhưng ông ấy vẫn luôn miệng nói trước khi mùa hè trôi qua ông ấy sẽ đánh xe ra ngoài vào một ngày đẹp trời để đi thăm lại ngôi nhà cũ nơi chúng tôi sinh ra ở tận Irishtown, và sẽ đưa tôi và Nannie đi cùng. Giá như chúng tôi có được một trong những cái vô tâm thời êm ru mà Cha O'Rourke đã kể cho ông ấy nghe, những cỗ xe có bánh thấp khớp, thuê giá một ngày rẻ thôi – ông ấy nói, tại tiệm Johnny Rush phía trên kia và chở cả ba chúng tôi đi một buổi tối Chủ nhật. Ông luôn nghĩ về kế hoạch đó...James tội nghiệp!

- Cầu Chúa ban phước lành cho linh hồn ông ấy! – bác tôi nói.

Eliza rút khăn mùi soa ra và lau mắt. Rồi bà lại để nó vào túi và nhìn đăm đăm vào cái lò sưởi trống rỗng một lúc, không nói năng gì.

- Lúc nào ông ấy cũng kỹ tính quá mức – bà nói – Công việc của một linh mục là quá nhiều đối với ông ấy. Và rồi cuộc đời ông ấy, bà có thể nói thế, luôn bị giằng xé.

- Vâng, - bác tôi nói – ông ấy là một người bị nhiều thất vọng. Có thể thấy điều đó.

Sự im lặng trùm lên căn phòng nhỏ và trong sự bao phủ đó, tôi đi lại gần cái bàn và uống thử ly rượu sherry của mình và rồi rón rén trở lại cái ghế trong góc phòng. Eliza dường như đã chìm đắm vào một cơn suy tưởng. Chúng tôi lặng lẽ chờ bà ta phá vỡ sự im lặng, và sau một lúc lâu, bà nói chậm rãi:

- Chính là cái cốc rượu thánh ông ấy làm vỡ...Chính từ khi đó mọi chuyện đã bắt đầu. Tất nhiên, họ nói chuyện đó là không sao, rằng nó không có ý nghĩa gì cả, ý tôi là vậy. Nhưng dù sao vẫn...Họ nói đó là do lỗi của cậu lễ sinh. Nhưng James tội nghiệp đã rất lo lắng, cầu Chúa ban phước cho ông ấy!

- Mọi chuyện là thế ư? – bác tôi nói – Tôi có nghe phong phanh...

Eliza gật đầu.

- Chuyện này tác động đến đầu óc ông ấy – bà nói – Sau đó ông ấy bắt đầu sinh ra chán nản, không nói chuyện với ai và chỉ lang thang một mình. Rồi một đêm ông ấy được mời đi làm lễ nhưng người ta không tìm thấy ông ở đâu cả. Họ tìm khắp, cả trên gác lẫn dưới hầm, nhưng vẫn không thấy tăm hơi ông ấy. Rồi roo mục sư đề nghị hay thử tìm trong nhà thờ xem sao. Người ta lấy chìa khoá mở nhà thờ, ông mục sư, Cha O'Rourke và một ông linh mục khác đang có ở đó mang nến vào tìm ông ấy... Và bà có tưởng tượng được không ông ấy đang ở trong đó thật, ngồi im một mình trong bóng tối trong ngăn xưng tội của mình, hoàn toàn tỉnh táo và dường như đang cười khê một mình.

Bà dừng lại đột ngột như thể để lắng nghe. Tôi cũng lắng nghe; nhưng không hề có một tiếng động trong ngôi nhà, và tôi biết rằng ông linh mục già đang nằm im trong quan tài của ông như chúng tôi đã nhìn thấy ông lúc trước, nghiêm trang và hung ác trong cái chết, một ly rượu thánh hờ hững trên ngực.

Eliza kết luận:

- Hoàn toàn tỉnh táo và hình như đang cười một mình...và rồi tất nhiên, khi họ nhìn thấy thế, chuyện này làm họ nghĩ rằng ông ấy có điều gì đó không ổn...

5. Chương 5: Một Cuộc Chạm Trán

Chính Joe Dillon là người đầu tiên giúp chúng tôi khám phá Miền Tây Hoang dã. Nó có một thư viện nhỏ các số báo cũ tờ Union Jack, Pluck và Halfpenny Marvel. Chiều tối, sau khi tan trường chúng tôi lại hẹn nhau ở vườn sau nhà nó và bày trận giả trò người Anh Điêng. Nó và thằng em béo tên Leo, thằng lười biếng, trấn giữ góc chuồng ngựa trong khi chúng tôi cố gắng bao vây đánh úp; hoặc là, chúng tôi chơi trò

đánh trận dàn quân trên cỏ. Nhưng, dù có thiện chiến thế nào, không bao giờ chúng tôi thắng được trò đánh úp hay trò dàn trận và những đợt tấn công của chúng tôi lần nào cũng kết thúc bằng điệu nhảy ăn mừng chiến thắng của Joe Dillon. Bố mẹ nó sán nào cũng đi lễ buổi tám giờ ở phố Gardiner và mùi hương thanh bình toả ra từ Mrs Dillon luôn tràn ngập cả đại sảnh ngôi nhà. Nhưng Joe thì chiến đấu một cách quá hung bạo đối với chúng tôi, những đứa bé hơn và rụt rè hơn nó. Trông nó hơi giống người Anh điêng những khi nó nhảy lò dò trong vườn, đầu đội cái giỏ tích cũ, tay đắm vào cái lon sắt và hét:

- Ya! Yaka, yaka, yaka!

Mọi người ai cũng tỏ ra hoài nghi khi có lời đồn đại nó có thiên hướng làm mục sư. Tuy nhiên lại đúng là như vậy.

Một thái độ ngang ngạnh lan ra trong đám chúng tôi và, dưới ảnh hưởng của nó, mọi khác biệt về văn hoá và tính tình được gác lại. Chúng tôi tụ lại với nhau, một số tỏ ra ngang nhiên, số khác dưới vẻ đùa cợt, và số còn lại thì gần như là sợ hãi, và tôi là một trong những đứa cuối cùng này, những đứa bị buộc phải làm người Anh điêng mà không dám thể hiện mình chăm học, hoặc những đứa thiếu sức mạnh. Những cuộc phiêu lưu được kể trong văn chương về Miền Tây Hoang dã thật xa lạ với con người tôi, nhưng ít nhất, chúng mở ra những cánh cửa giải trí trong chốc lát. Tôi thích truyện trinh thám Mỹ hơn, trong đó thỉnh thoảng lại có những cô gái xinh đẹp và dữ dội. Mặc dù không có gì xấu trong những câu chuyện này và mặc dù hàm ý của chúng tôi đôi khi đơn thuần là văn chương, chúng vẫn chỉ được chuyển tay nhau một cách bí mật ở trường. Một hôm khi Cha Butler đang nghe chúng tôi dịch bốn trang Lịch sử La Mã thì Leo Dillon ăn hại bị bắt quả tang với một tờ Haftpenny Marvel.

- Trang này hay trang này? Trang này? Nào, Dillon, đứng dậy. Ngày mới vừa... tiếp tục đi! Ngày gì? Ngày mới vừa rang thì...Con đã học bài chưa đấy? con để cái gì trong túi áo thế?

Tim chúng tôi dứa nào cũng thót lại khi Leo Dillon đưa nộp tờ báo và dứa nào cũng cố khoác lên mình bộ mặt thật vô tội. Cha Butler lật từng trang, nhúm mày.

- Thứ rác rưởi gì thế này? – ông nói – Từ trường bộ lạc Apache! Đây là thứ con đọc thay vì Lịch sử La Mã sao? Đừng để ta tìm được thêm bất kỳ thứ vớ vẩn nào trong ngôi trường này nữa! Người ta viết ra nó, ta đoán chắc, hẳn là một gã nhà văn ba xu nào đó viết để lấy tiền uống rượu. Ta thấy thật lạ sao những thiếu niên như các con, học hành đầy đủ, lại đi đọc những thể loại này! Nếu như các con là...là học sinh trường công thì ta còn có thể hiểu được. Nào Dillon, ta khẩn thiết khuyên con, chú tâm học hành đi, nếu không...

Vụ khiển trách giữa những giờ học nghiêm túc ở trường đó đã làm mờ đi rất nhiều hào quang của Miền Tây Hoang Dã trong mắt tôi, và khuôn mặt bối rối dần thộn của Leon Dillon đã làm bùng tỉnh lương tâm tôi. Nhưng khi vòng kiểm toả của trường học đã lùi xa tôi lại nổi cơn ham muốn sẵn lòng cảm giác hoang dã, sẵn lòng lối thoát mà những thiên truyện về sự nổi dậy đó dường như mời gọi tôi. Trò đánh trận giả buổi chiều tối cuối cùng với tôi cũng trở nên mệt mỏi y như chuỗi học hành buổi sáng ở trường bởi vì tôi muốn những cuộc phiêu lưu thực sự. Nhưng phiêu lưu thực sự, tôi nghĩ lại, không thể đến với ai chỉ ở lì trong nhà, phải tìm kiếm chúng ở những vùng đất mới.

Kỳ nghỉ hè đã đến rất gần khi tôi quyết định phải thoát khỏi sự mệt mỏi của cuộc sống nơi trường học ít nhất là một ngày. Cùng với Leo Dillon và một thằng tên là Mahony tôi lên kế hoạch bỏ học một buổi. Mấy đứa chúng tôi phải để dành sáu xu. Chúng tôi sẽ gặp nhau lúc mười giờ trên cầu Canal. Chị cả của Mahony sẽ viết giấy xin phép cho nó được nghỉ học còn Leo Dillon phải bảo em nó nói rằng nó bị ốm. Chúng tôi tính sẽ đi dọc đường Wharf đến nơi tàu thuyền đậu, từ đó đi phà sang bên kia và đi bộ đến Pigeon House. Leo Dillon sợ nhỡ đâu chúng tôi gặp phải Cha Butler hay ai đó ở trường, nhưng Mahony hỏi, một cách rất có lý, rằng làm sao lúc đó Cha Butler lại có thể đứng ở Pigeon House được. Chúng tôi yên tâm hơn, và tôi hoàn thành bước một của kế hoạch bằng việc thu sáu xu của hai thằng kia, cùng lúc cũng chia racho chúng xem sáu xu của tôi. Khi chúng tôi bàn bạc lần cuối vào trước hôm thực hiện kế hoạch, cả ba chúng tôi đều thấy hồi hộp vui sướng. Chúng tôi bắt tay nhau cười và Mahony nói;

- Mai nhé, chúng mày!

Đêm đó tôi trần trọc mãi. Sáng hôm sau tôi là người đầu tiên tới cầu, bởi nhà tôi gần đó nhất. Tôi giấu sách vở trong đám cỏ rậm gần hồ chôn rác tận cuối vườn, nơi chẳng ai lai vãng, và vội vã đi dọc bờ kênh. Đó là một buổi sáng của tuần đầu tiên tháng Sáu nắng nhẹ. Tôi ngồi trên thành cầu, ngắm nghía đôi giày

vải móng mảnh cả đêm qua tôi đã hì hục đánh cẩn thận và nhìn những con ngựa ngoan ngoãn kéo xe chở đầy viên chức lên đồi. Hai hàng cây cao dọc theo con đường đi dạo hờ hững những chiếc lá nhỏ xanh tơi, và ánh nắng chiếu xiên xiên in bóng chúng lên mặt nước. Thành cầu bằng đá granit ẩm dần lên, và tôi bắt đầu lấy tay đập đập lên nó theo nhịp một giai điệu đang vang lên trong đầu. Tôi cảm thấy vô cùng vui sướng.

Ngồi được năm hay bảy phút gì đó tôi thấy bóng áo đồng phục xám của Mahony đang tiến lại. Nó đi lên đồi, miệng mỉm cười, và trèo lên bên cạnh tôi. Trong lúc chúng tôi chờ đợi, nó lôi ra từ túi áo trong cang phòng một cây súng cao su và giải thích nó đã nâng cấp cây súng những chỗ nào. Tôi hỏi tại sao nó mua cây súng, và nó bảo tôi nó mua cây súng để hầu chuyện bọn chim chóc. Mahony dùng tiếng lóng vô tội vạ, còn gọi Cha Butler là Bulter Bà Chăn! Chúng tôi đợi thêm mười lăm phút nữa, nhưng vẫn không thấy bóng dáng Leo Dillon đâu. Cuối cùng Mahony nhảy xuống và bảo:

- Đi thôi. Tao biết thằng béo thể nào cũng co vùi mà.

- Thế còn sáu xu của nó... - tôi nói.

- Coi như là tiền phạt – Mahony nói – Càng tốt, giờ có hai xoi sáu xèng chứ không chỉ hai xoi .

Chúng tôi đi dọc theo đường North Strand tới nhà máy Vitriol Works rồi rẽ phải đi dọc Wharf Road. Mahony bắt đầu lôi trò người Anh Điêng ra ngay khi chúng tôi đi vào khu vắng người hơn. Nó đuổi một đám con gái áo quần rách nát chạy tán loạn, tay khua cây súng cao su chưa nạp đạn, và khi hai thằng bé rách rưới, tỏ ra hiệp sĩ, bắt đầu ném đá vào chúng tôi, Mahony bảo chúng tôi phải xử lý chúng. Tôi phản đối, nói rằng mấy thằng này còn quá nhỏ, và thế là chúng tôi đi tiếp, lủ trẻ rách rưới hét sau lưng: Bọn Tin Lành! Bọn Tin Lành! Tưởng chúng tôi là những người Tin Lành bởi vì Mahony, da bánh mật, có một phù hiệu của câu lạc bộ cricket bằng bạc gắn trên mũ. Khi tới Broathing Iron, chúng tôi định chơi trò bao vây, nhưng không được bởi trò này phải có ít nhất ba người. Chúng tôi tự trả thù Leo Dillon bằng cách chửi rửa nó là đồ thổ đế và đoán già đoán non xem nó sẽ lãnh bao nhiêu từ thầy Ryan lúc ba giờ chiều nay.

Chúng tôi đi về phía gần sông. Chúng tôi đi lòng vòng rất lâu trên những đường phố náo nhiệt nằm bên những bức tường đá cao, nhìn cần cầu và máy móc lên xuống, thỉnh thoảng lại bị những người đánh xe, những cỗ xe rên rĩ, gào thét vì cứ ghéch mắt lên không chú ý đường đi. Đến trưa chúng tôi mới tới được bến cảng và bờ đường như cả đám công nhân ai cũng đang ăn trưa, chúng tôi mua hai cái bánh bao nhân nho to dùng và ngồi ăn trên đường ống kim loại dọc theo sông. Chúng tôi thích thú ngắm nhìn cảnh buôn bán của Dublin – những chiếc xà lan cuộn khói trắng xấp báo hiệu từ xa, những đoàn thuyền đánh cá đậu phía trên Ringsend, một con tàu lớn màu trắng đang dỡ hàng phía cảng trước mặt. Mahony nói bây giờ mà được chạy trốn ra biển trên con tàu lớn như thế thì đỉnh quá, và ngay cả tôi, nhìn những cột buồm cao vút, cũng thấy, hoặc là tưởng tượng ra, những vùng địa lý được dạy một cách khốn khổ ở trường đang dần dần hiện ra bằng xương bằng thịt trước mắt. Trường học và nhà chúng tôi như lùi xa dần và những ảnh hưởng của chúng lên chúng tôi cũng dường như mờ hẳn.

Chúng tôi qua sông Liffey bằng phà, trả tiền để được đi cùng với hai công nhân và một thằng nhóc người Do Thái vai đeo túi. Chúng tôi tỏ ra nghiêm túc gần như đến mức nín thở, nhưng có một lần trong chuyến đi ngắn đó mắt chúng tôi gặp nhau và chúng tôi đã phá lên cười . Khi đến nơi chúng tôi đứng nhìn con tàu bacot buồm duyên dáng dỡ hàng, con tàu chúng tôi quan sát lúc trước phía bờ bên kia. Một người cũng đứng xem nói con tàu đến từ Na Uy. Tôi tiến đến phía đuôi tàu và cố gắng thử đọc tên nó nhưng thất bại, và tôi quay lại chăm chú nghiên cứu những thủy thủ nước ngoài xem bao nhiêu người trong số họ có mắt màu xanh lá cây, bởi tôi thấy mọi thứ chưa được rõ ràng lắm...Mắt đám thủy thủ màu xanh nước biển, màu xám, thậm chí màu đen. Người thủy thủ duy nhất có đôi mắt có thể được gọi là màu xanh lá cây là một người đàn ông cao lớn, mua vui cho đám đông đang đứng xem trên cảng bằng cách kêu lên một cách vui vẻ mỗi khi những tấm ván dỡ hàng hạ xuống.

- Được rồi! Được rồi!

Khi đã xem chán cảnh này chúng tôi đi chậm chậm vào Ring send. Ngày đã trở nên nóng bức, và trong cửa kính các cửa hiệu tạp phẩm những chiếc bánh quy nằm trắng mốc. Chúng tôi mua một ít bánh quy và sôcôla, nhấm nháp trong khi đi lòng vòng trong khu phố tồi tàn nơi trú ngụ của gia đình những người đánh cá. Không tìm mua được sữa và thế là chúng tôi đi vào một cửa hàng tạp hoá nhỏ mua mỗi đứa một chai

nước chanh vị quả mâm xôi. Tỉnh người lại nhờ chai nước, Mahony lại chạy đuổi một con mèo vào ngõ nhỏ, nhưng con mèo chạy thoát ra một bãi đất rộng. Cả hai chúng tôi đều thấy thấm mệt và khi tới được bãi đất trống, chúng tôi chạy ngay xuống phía sườn dốc, phía dưới chúng tôi là sông Dodder.

Đã quá muộn và chúng tôi quá mệt để tiếp tục thực hiện kế hoạch đi Pigeon House. Chúng tôi phải có mặt ở nhà trước bốn giờ, nếu không muốn cuộc phiêu lưu này bị bại lộ. Mahony nhìn cây sừng cao su của nó một cách tiếc nuối, và tôi phải đề nghị đi tàu về nhà thì nó mới vui vẻ trở lại chút ít. Mặt trời nấp sau mây và để chúng tôi lại với những ý nghĩ mệt mỏi rã rời và đồng vận thức ăn còn lại.

Không có ai khác ngoài chúng tôi trên bãi đất. Khi chúng tôi đã nằm lẩn trên bờ sông một lúc chẳng đứa nào nói câu gì, tôi nhìn thấy một người đàn ông đang tiến lại từ phía cuối bãi. Tôi uể oải quan sát ông ta, miệng nhai một nhánh cỏ gà, loại cỏ bọn con gái hay dùng để bó. Ông ta đi chậm chậm dọc bờ sông. Ông ta bước đi một tay chống hông còn tay kia cầm cây cần gô nhẹ xuống nền đất. Ông ta trông xoàng xĩnh trong bộ comlê màu xanh đen và đội một cái mũ chúng tôi gọi là mũ jerry có chỏm cao. Ông ta chắc khá già, bởi hàng ria mép đã chuyển sang màu xám bạc. Đi ngang phía dưới chúng tôi ông ta liếc nhìn rất nhanh rồi lại tiếp tục đi tiếp. Chúng tôi nhìn theo ông ta và thấy khi đã đi tiếp được khoảng năm chục bước ông ta quay lại và bắt đầu đi lại con đường cũ. Ông ta tiến về phía chúng tôi thật chậm chạp, cần gô gô xuống đất, chậm đến nỗi tôi nghĩ ông ta đang tìm cái gì đó trong đám cỏ.

Ông ta dừng lại khi đến ngang chỗ chúng tôi nằm, và chúc chúng tôi một ngày tốt lành. Chúng tôi đáp lại và ông ta ngồi xuống thật chậm rãi và cẩn trọng trên dốc bên cạnh chúng tôi. Ông ta bắt đầu nói về thời tiết, rằng mùa hè này sẽ rất nóng và rằng các mùa giờ đã thay đổi rất nhiều so với hồi ông ta còn trẻ, cách đây đã lâu lắm rồi. Ông ta nói khoảng thời gian hạnh phúc nhất của đời người không nghi ngờ gì chính là những ngày đi học, và rằng ông ta sẽ đánh đổi mọi thứ để được trẻ lại. Khi ông ta diễn tả những cảm xúc này, những cảm xúc làm chúng tôi thấy hơi chán, chúng tôi im lặng. Rồi ông ta bắt đầu nói về trường học và về sách vở. Ông ta hỏi chúng tôi đã đọc thơ của Thomas Moore hay những tác phẩm của Sir Walter Scott và Lord Lytton chưa. Tôi giả vờ tôi đã đọc tất cả những quyển đó, và thề 'là cuối cùng ông ta nói:

- A, ta có thể thấy rằng cháu cũng là dạng một sách như ta. Nào – ông ta nói thêm, chỉ vào Mahony đang trò chuyện nhìn chúng tôi – cậu ta thì khác, cậu ta chỉ thích chơi thôi.

Ông ta nói ở nhà ông ta có tất cả các tác phẩm của Sir Walter Scott và Lord Lytton và đọc đi đọc lại chúng không chán. Tất nhiên, ông ta nói, có một số quyển của Lytton các cậu bé chưa thể đọc được. Mahony hỏi tại sao các cậu bé chưa thể đọc được – một câu hỏi làm tôi tức giận và lo lắng bởi tôi sợ rằng người đàn ông sẽ nghĩ tôi cũng ngu ngốc như Mahony. Tuy vậy người đàn ông chỉ mỉm cười. Tôi nhận thấy ông ta có hàm răng rất thưa đã ngả vàng. Rồi ông ta hỏi đứa nào trong số chúng tôi có nhiều người yêu hơn. Mahony khiêm tốn nói nó có ba cô bé. Người đàn ông hỏi tôi có bao nhiêu cô. Tôi trả lời tôi không có ai cả. Ông ta không tin tôi và nói chắc chắn tôi phải có một cô. Tôi im lặng.

- Nói đi – Mahony hỏi người đàn ông một cách sỗ sàng – Còn ông thì có bao nhiêu?

Người đàn ông lại mỉm cười như lúc trước và nói khi bằng tuổi chúng tôi ông ta đã có rất nhiều người yêu.

- Cậu bé nào – ông nói – cũng phải có một cô người yêu nho nhỏ.

Thái độ của ông ta lúc này làm tôi cảm thấy ông ấy quá phóng túng so với một người độ tuổi ông. Trong thâm tâm tôi biết rằng những gì ông ta nói về bọn con trai và người yêu là có lý. Nhưng tôi không thích những từ ngữ nói từ miệng ông ta, và tôi tự hỏi tại sao ông ta lại rùng mình một hay hai lần gì đó như thể sợ hãi điều gì hoặc tự dừng cảm thấy ớn lạnh. Khi ông ta tiếp tục nói, tôi để ý thấy giọng ông ta khá chuẩn. Ông ta bắt đầu nói với chúng tôi về bọn con gái, rằng tóc chúng mới mượt mà làm sao và tay chúng mới mềm mại làm sao và thực ra tất cả lũ con gái đều không tốt đẹp như mọi người vẫn tưởng. Không có gì trên đời này khiến ông ta thích hơn, ông ta nói, là được ngắm nhìn một cô bé xinh xắn, được ngắm nhìn đôi bàn tay trắng muốt và mái tóc mượt mà tuyệt đẹp. Ông ta làm tôi có ấn tượng rằng ông ta đang nhắc lại một chuyện đã học thuộc lòng, hoặc là bị cuốn đi bởi chính những từ ngữ trong bài diễn văn của mình, tâm trí ông ta đang chậm chậm vòng đi vòng lại theo một quỹ đạo không đổi. Đôi lúc ông ta nói như thể chỉ đơn giản là nói đến một thực tế mà ai cũng biết, và đôi khi ông ta lại hạ giọng xuống và nói một cách bí hiểm, như thể đang kể cho chúng tôi một điều gì đó bí mật mà ông ta không muốn người khác nghe được. Ông ta nhắc đi nhắc lại những cụm từ, rồi biến hoá chúng, bao bọc chúng bằng cái giọng đều đều của ông ta.

Tôi vẫn tiếp tục nhìn chăm chăm xuống chân dốc, lắng nghe ông ta nói.

Sau một lúc lâu bài độc thoại của ông ta cũng dừng lại. Ông ta chậm rãi đứng dậy, nói rằng phải tạm xa chúng tôi một phút gì đó, mấy phút, và, không đổi hướng nhìn, tôi thấy ông ta đi chậm chậm xa dần chúng tôi về phía cuối bãi đất. Chúng tôi im lặng cho đến khi ông ta khuất hẳn. Sau mấy phút tôi nghe thấy Mahony thốt lên:

- Tao đã nói mà! Nhìn xem ông ta đang làm gì kìa!

Bởi tôi không trả lời cũng chẳng đưa mắt nhìn, Mahony lại kêu lên:

- Tao đã nói mà...Lão già kỳ dị ngu xuẩn!

- Nếu lát nữa ông ta có hỏi tên bọn mình – tôi nói – thì mày tên là Murphy còn tao là Smith nhé.

Chúng tôi không nói thêm gì với nhau. Tôi vẫn còn đang tự hỏi liệu có nên bỏ đi thì người đàn ông nọ đã quay lại và ngồi xuống bên cạnh. Ông ta vừa mới ngồi xuống thì Mahony, thoáng thấy bóng dáng con mèo vừa chạy thoát khỏi tay, vùng dậy và đuổi theo dọc bãi đất. Người đàn ông và tôi nhìn cảnh đuổi bắt. Con mèo lại chạy thoát lần nữa và Mahony bắt đầu ném đá vào bức tường con mèo vừa trèo qua. Thôi không ném đá nữa, nó bắt đầu đi vợ vẫn phía cuối bãi.

Sau một hồi nghỉ, người đàn ông lại nói với tôi. Ông ta nói rằng bạn tôi là một cậu bé rất nghịch ngợm, và hỏi cậu ta có thường xuyên bị ăn đòn ở trường không. Tôi đã định trả lời một cách phần nộ rằng ctgkg phải là bọn nam sinh trường Công để mà bị ăn đòn, như cách ông ta gọi, nhưng rồi tôi im lặng. Ông ta bắt đầu nói về chủ đề trừng phạt bọn con trai. Tâm trí ông ta, như thể một lần nữa lại bị cuốn đi bởi bài diễn văn của mình, như đang quay vòng vòng chậm rãi quanh cái tâm mới của nó. Ông ta nói khi bọn con trai trở nên như thế chúng cần bị ăn đòn và ăn đòn thật đau. Khi một cậu con trai nghịch ngợm và vô kỷ luật không có gì giúp cậu ta tốt hơn là một trận đòn thật đau. Vụt vào tay hay bạt tai cũng chưa có tác dụng, cái cậu ta cần là một trận đòn đau nẩy lửa. Tôi kinh ngạc trước cảm xúc này và buộc phải liếc nhìn gương mặt ông ta. Khi tôi làm vậy tôi bắt gặp một đôi mắt xanh ve chai đang chĩa vào tôi từ phía dưới một cái trán nhăn lại. Một lần nữa tôi lại đưa mắt đi chỗ khác.

Người đàn ông tiếp tục bài độc thoại của mình. Ông ta có vẻ đã quên mất sự phóng túng vừa lúc trước. Ông ta nói rằng nếu bắt gặp một cậu con trai nói chuyện với bọn con gái hoặc چرا cắm một cô ông ta sẽ đánh cậu ta đến nơi đến chốn, và chuyện đó sẽ dạy cho cậu ta biết rằng không được nói chuyện với con gái nữa. và nếu như một cậu con trai có bạn gái và giấu giếm chuyện này, thì ông ta sẽ đánh cậu ta một trận như tử. Ông ta nói trên đời này không có điều gì làm ông ta thích thú như thế. Ông ta tả cho tôi nghe ông ta sẽ đánh một cậu như thế nào, như thể ông ta đang hé mở dần một điều bí ẩn tinh vi. Ta sẽ thích trò đó, ông ta nói, hơn bất kỳ điều gì trên thế giới này, và giọng của ông ta, khi ông ta đều đều dẫn dắt tôi trong điều bí ẩn, trở nên gần như là âu yếm và dường như đang nài nỉ rằng tôi nên hiểu ông ta.

Tôi đợi cho đến khi bài độc thoại của ông ta lại dừng. Sau đó tôi đứng bật dậy. Nhưng sợ để lộ ra mình đang lo sợ, tôi nấn ná vài giây, giả vờ buộc lại dây giày, và sau đó nói rằng tôi phải đi, tôi chào tạm biệt ông ta. Tôi đi lên dốc một cách bình tĩnh nhưng tim thì đập liên hồi chỉ sợ nhờ đâu ông ta sẽ tóm lấy mắt cá chân tôi. Khi lên đến đỉnh dốc tôi quay nhìn xung quanh và, không nhìn về phía ông ta, tôi gọi vang cả bãi đất:

- Murphy!

Giọng của tôi có chút gì như can đảm bắt buộc, và tôi thấy xấu hổ vì cái mưu kế tiện của mình. Tôi phải gọi to cái tên đó một lần nữa thì Mahony mới nhìn thấy tôi và hú lên trả lời. Tim tôi đập mới ghê chứ khi nhìn thấy nó chạy qua bãi đất về phía tôi! Nó chạy như đang đến cứu viện cho tôi. Và tôi thấy hối hận, bởi tận đáy lòng, trước đây tôi vẫn luôn hơi khinh thường nó.

6. Chương 6: Araby

North Richmond, phố cũ, là một phố vắng lặng, chỉ trừ đến giờ trường Christian Brothers giải phóng bọn con trai. Một ngôi nhà hai tầng bỏ hoang nằm ở góc phố, xây tách khỏi nhà hàng xóm trên một khoảng đất vuông. Những ngôi nhà khác trong phố, ý thức được về những nhân vật đáng kính đang sống bên trong, điềm tĩnh ngắm nhìn một tiền màu nâu của nhau.

Người trọ trước trong nhà của chúng tôi, một ông mục sư, đã qua đời trong phòng khách phía sau. Không khí, ẩm thấp vì bị đóng kín quá lâu, lơ lửng khắp các gian phòng, và trong phòng chứa đồ sau bếp là liệt toàn sổ sách giấy tờ cũ. Trong đồng đó tôi tìm được mấy quyển sách bìa giấy, các trang đã quăn mép và ẩm mốc: Cha Trưởng tu viện của Walter Scott, Con chiên ngoan đạo và Hồi ký Vidocq. Tôi thích quyển cuối cùng nhất bởi giấy của nó đã ngả vàng. Khu vườn hoang sau nhà có một cây táo và lác đác mấy đám cây bụi, dưới một đám cây tôi tìm thấy cái bơm xe đạp gỉ sắt của người ở trọ quá cố. Ông là một mục sư rất nhân đức, trong di chúc ông để lại tất cả tiền bạc của mình cho các cơ sở từ thiện và toàn bộ đồ đạc trong nhà cho bà chị gái.

Những ngày ngắn ngủi của mùa đông bắt đầu và bóng tối đe dọa trùm lên ngay trước khi chúng tôi ăn tối xong. Khi chúng tôi tụ tập trên phố những ngôi nhà đã trở nên xám xịt. Màu tím phủ lên khoảng trời trên đầu thay đổi mỗi lúc một sắc, và in lên nó là những ngọn đèn trên phố bật lên hiu hắt. Hơi lạnh bắt đầu buốt nhói nhưng chúng tôi chơi đùa cho đến khi cơ thể nóng bừng. Những tiếng hò hét vang dài trên con phố vắng. Địa phận của trò chơi kéo từ những con đường tối tăm lầy lội phía sau các ngôi nhà, từ phía đó chúng tôi sẽ bị đám thổ dân tàn bạo đánh đuổi, qua cửa hậu những khu vườn tối ẩm nước mưa, bốc lên toàn mùi rác dốt, tới phía những tàu ngựa tối tăm hôi hám có người đánh xe đang chải lông ngựa hay lác đác tắm yên cương rung lên leng keng. Khi chúng tôi quay lại phố, ánh đèn từ những ô cửa bếp đã chan hoà cả bậc thềm. Nếu nhìn thấy bác tôi đang rẽ từ góc phố, chúng tôi sẽ nấp vào bóng tối cho đến khi thấy ông đã vào hẳn trong nhà. Hay nếu chị của Mangan bước ra bậc thềm gọi em trai về ăn tối, chúng tôi cũng sẽ nấp trong bóng tối rình cô ngó ngược ngó xuôi dọc phố. Chúng tôi chờ xem liệu cô có đứng yên hay sẽ đi vào và, nếu cô vẫn đứng yên, chúng tôi rời khỏi bóng tối và bước lại chỗ bậc thềm nhà Mangan, chịu xin hàng. Cô đứng đó chờ chúng tôi, dáng hình nổi bật dưới ánh đèn toả ra từ cánh cửa đang khép hờ. Em trai cô luôn phải trêu cô một câu gì đó trước khi nó chịu vâng lời và tôi đứng bên hàng rào nhìn cô. Váy cô bay nhẹ khi cô xoay người, và cái bím tóc mềm mại đung đưa từ bên này sang bên kia.

Sáng nào tôi cũng nằm trên sàn nhà phòng khách phía trước nhìn sang cửa nhà cô. Tấm rèm cửa sổ đã được kéo xuống chỉ cách khung kính khoảng mấy centimet để tôi không bị phát hiện. Khi cô bước xuống bậc cửa, tìm tôi thót lên. Tôi chạy ra sảnh, v+’ lấy sách vở và đi theo cô. Tôi không rời mắt khỏi cái dáng hình màu nâu của cô, và khi hai chúng tôi đi gần tới đoạn phải rẽ sang hai đường khác nhau, tôi rảo bước và vượt lên trên cô. Chuyện đó sáng nào cũng lặp lại, y như thế. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với cô, trừ mấy câu thông thường, thế nhưng tên cô vẫn như một mệnh lệnh tối cao làm thẳng đại khờ là tôi hồn xiêu phách lạc.

Hình ảnh cô theo tôi cả những nơi đáng ghét nhất để toả thơ mộng. Mỗi tối thứ Bảy khi bác gái tôi đi chợ, tôi phải đi theo để phụ mang đồ. Chúng tôi bước qua những phố đèn chiếu rực rỡ, bị xô đẩy giữa những gã say và các bà nội trợ đang ráo riết mặc cả, trong tiếng chửi rủa của đám thợ thuyền, tiếng rít lên của bọn trai bán hàng đang đứng canh đồng thùng chứa đầy má lợn, tiếng ca ghen ghét của những người hát rong, đang hát một bài comme-all-you về O’Donovan Rossa, hay một bài ca kể về những khó khăn tổ quốc chúng tôi đang gặp phải. Những âm thanh này hoà quện đem lại cho tôi một cảm giác lạ thường về cuộc sống. Tôi tưởng tượng mình đang ôm chặt một ly rượu thánh vượt qua tầng tầng lớp lớp kẻ thù. Tên của cô bật ra trên môi tôi trong những lời cầu nguyện và tụng ca kỳ lạ nhất mà chính tôi cũng không hiểu. Mắt tôi thường đắm lệ (tôi không thể giải thích tại sao) và đôi lúc dường như có một con sóng cuộn trào từ tim làm tôi nghẹt thở. Tôi không nghĩ ngợi nhiều về tương lai. Tôi không biết liệu có khi nào tôi được nói chuyện với cô hay không, hoặc, nếu được nói chuyện với cô, làm sao tôi có thể nói cho cô hiểu tình cảm rối bời của tôi đây. Nhưng thân thể tôi như một cây phong cầm và những lời nói cử chỉ của cô như những ngón tay lướt trên dây đàn.

Một buổi tối tôi đi vào phòng khách phía sau, nơi ông mục sư đã qua đời. Đó là một tối mưa gió và trong nhà hoàn toàn không có một tiếng động. Qua một ô kính vỡ tôi nghe thấy tiếng mưa chạm vào đất, những sợi nước mảnh liên tiếp chầm vào khoảnh hoa sũng nước. Một vài ngọn đèn hay ô cửa sổ thấp sáng le lói xa

xa. Tôi thấy biết ơn vì chỉ nhìn thấy có như vậy. Tất cả giác quan của tôi dường như đều muốn biến mất và cảm thấy mình đang chuẩn bị trượt khỏi chúng, tôi ấn mạnh hai mu bàn tay vào nhau cho đến khi chúng run lên, miệng thầm thì liên tục “Ồi tình yêu!Ồi tình yêu!”

Cuối cùng cô cũng nói chuyện với tôi. Khi cô cất những lời đầu tiên, tôi thấy bối rối đến nỗi không biết nên trả lời ra sao. Cô hỏi tôi có đi Araby không. Tôi không nhớ đã trả lời có hay không. Đây sẽ là một hội chợ từ thiện hay lắm; cô nói, cô rất muốn được đi.

- Vậy sao chị không đi? – tôi hỏi.

Trong lúc nói, cô xoay đi xoay lại cái lắc bạc nơi cổ tay. Cô không thể đi được, cô nói, bởi vì tuần đó trường dòng của cô sẽ có đợt cầu nguyện chay tịnh. Thằng em cô đang giành mấy cái mũ với hai đứa khác, và tôi đang đứng một mình bên hàng rào. Cô nắm một thanh rào, nghiêng đầu về phía tôi. Ánh sáng từ cái đèn đối diện nhà làm nổi đường lượn cổ trắng muốt của cô, chiếu sáng làn tóc đang nằm yên và, rơi xuống, chiếu sáng bàn tay cô đang đặt trên thanh rào. Ánh sáng rơi xuống một bên cạnh váy cô và chiếu vào viền trắng của chiếc váy lót, chỉ hơi lộ ra khi cô nghiêng người.

- Mày đi thì dễ hơn – cô nói.

- Nếu em đi – tôi nói – em sẽ kiếm cái gì đó về cho chị.

Sau buổi tối hôm ấy trong đầu tôi chỉ ngập tràn những cơn phấn khích, chúng tràn cả vào giấc ngủ của tôi ! Tôi chỉ cầu mong sao những ngày dằng dặc đáng ghét từ nay cho đến hôm đó biến đi thật nhanh. Tôi thấy sốt ruột cả với việc học hành. Ban đêm trong phòng và ban ngày trong lớp, hình ảnh cô hiện lên giữa những trang sách phải khó nhọc lắm tôi mới đọc hết. Những âm tiết của từ Araby vang lên vậy gọi phá tan sự tĩnh lặng tâm hồn tôi đang được hưởng và bao phủ quyền rũ tôi trong thứ ánh sáng phương Đông huyền bí. Tôi xin phép được nghỉ lần đi chợ tối thứ Bảy đó để đi hội chợ từ thiện. Bác gái tôi ngạc nhiên, nói hy vọng chuyện đó không dính dáng gì đến Hội tam điểm đấy chứ. Hầu như tôi không trả lời được các câu hỏi ở lớp. Tôi nhận thấy nét mặt thầy giáo chuyển dần từ yêu quý sang nghiêm khắc, thầy hy vọng không phải là tôi đang trở nên lười biếng. Tôi không thể tập trung những ý nghĩ đang rối tung của mình lại được. Tôi gần như chẳng còn chút kiên nhẫn nào với những công việc nghiêm túc của cuộc sống, những thứ giờ đây khi đứng chắn giữa tôi và ham muốn của tôi, dường như chỉ là một trò cho trẻ con, một trò xấu xí nhằm chán.

Vào sáng thứ Bảy tôi nhắc bác trai tôi rằng tôi muốn đi hội chợ tối nay. Ông đang mải lục trên giá treo mũ áo cái bàn chải mũ, và trả lời tôi cụt ngủn:

- Rồi, nhóc, biết rồi.

Bởi ông đang ở trong sảnh, tôi không thể đi vào phòng khách để nhìn qua cửa sổ. Tôi bực bội rời khỏi nhà và thất thểu đến trường. Không khí lạnh lẽo âm đạm một cách tàn nhẫn, và chưa gì trái tim tôi đã ngập đầy linh cảm u ám.

Khi tôi trở về nhà ăn tối, bác trai tôi vẫn chưa về. Tuy nhiên vẫn còn sớm. Tôi ngồi nhìn chăm chăm vào cái đồng hồ một lúc, và đến khi những tiếng tích tắc của nó sắp bắt đầu làm tôi nổi khùng, tôi rời khỏi căn phòng. Tôi bước lên cầu thang đi lên gác. Những căn phòng cao, lạnh lẽo, trống rỗng, u ám làm tôi thấy được giải thoát và tôi đi từ phòng này sang phòng khác miệng hát vang. Từ cửa sổ trước tôi nhìn thấy lũ bạn mình đang chơi đùa dưới phố. Những tiếng hò hét vang đến tôi một cách yếu ớt và mờ nhạt, và, gí sát trán vào kính lạnh, tôi nhìn sang ngôi nhà tối đen bên kia nơi cô sống. Có lẽ tôi phải đứng đó đến một tiếng đồng hồ, không nhìn thấy gì khác ngoài cái bóng dáng mặc váy nâu in trong trí tưởng tượng của tôi, được ánh đèn chiếu mờ mờ nơi đường cổ cong, nơi bàn tay đặt trên hàng rào và nơi đường viền lộ ra phía trong làn váy.

Khi quay trở xuống, tôi thấy Mrs Mercer đang ngồi bên lò sưởi. Bà ta là một phụ nữ đứng tuổi, nhiều chuyện, vợ goá của ông chủ hiệu cầm đồ, thích sưu tầm tem cũ vì mấy nguyên do sùng đạo nào đó. Tôi phải cố chịu đựng ngồi nghe câu chuyện ngồi lê đôi mách bên bàn ăn tối. Bữa ăn kéo dài thêm đến hơn một tiếng mà bác trai tôi vẫn chưa về. Mrs Mercer đứng lên cáo từ, bà rất tiếc không thể đợi lâu hơn nữa, đã hơn tám giờ và bà không muốn về muộn bởi không khí buổi đêm không tốt cho bà. Khi bà ta đã đi khỏi tôi bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, hai tay nắm chặt. Bác gái tôi nói:

- Bác sợ có khi cháu phải bỏ cái hội chợ đêm nay của Đức chí tôn rồi.

Lúc chín giờ tôi nghe thấy tiếng bác trai tôi tra khoá vào ổ. Tôi nghe thấy o nói một mình và nghe thấy tiếng cái giá tre mũ á ngã nghiêng dưới sức nặng của chiếc áo choàng. Tôi có thể giải nghĩa những dấu hiệu này. Khi ông đang ăn tối, tôi xin ông tiền để đi hội chợ. Ông đã hoàn toàn quên mất.

- Giờ thì người ta đã lên giường đi ngủ được mấy giấc rồi – ông nói.

Tôi không cười. Bác gái tôi nói với ông một cách sôi nổi:

- Ông không thể đưa tiền cho nó đi được sao? Ông bắt nó chờ đến tận giờ là đủ lắm rồi đấy.

Bác trai tôi nói ông rất xin lỗi vì đã quên mất việc này. Ông nói ông rất biết câu ngạn ngữ “Làm mà không chơi đánh rơi tuổi trẻ”. Ông hỏi tôi muốn đi đâu, và khi tôi nhắc lại với ông lần thứ hai, ông hỏi tôi có biết bài thơ Khúc già biệt chiến mã của người Ả Rập không. Khi tôi rời khỏi bếp ông đang chuẩn bị cất giọng ngâm đoạn đầu tiên của bài thơ cho bác gái tôi nghe.

Tôi nắm chặt đồng florin trong tay trong lúc rảo bước dọc phố Buckingham về phía ga. Cảnh tượng những con phố đầy ắp khách mua hàng và đèn đuốc sáng ngời nhắc tôi nhớ lại mục đích của chuyến đi. Tôi ngồi vào khoang hạng ba trên một con tàu vắng ngắt. Sau khi dềnh dàng một cách không thể chịu nổi con tàu mới chịu ề à rời ga. Nó bò đi giữa những ngôi nhà tồi tàn và qua dòng sông lấp lánh. Tại ga Westland Row, một đám người chen lấn xô đẩy định trèo lên, nhưng nhân viên nhà ga xua họ lại, nói đấy là chuyến tàu riêng phục vụ hội chợ từ thiện. Tôi vẫn ngồi một mình trong khoang tàu trống trơn. Vài phút sau tàu dừng lại cạnh một thêm gỗ nhà ga mới dựng vội. Tôi bước xuống đường và nhìn thấy trên mặt chiếu sáng của cột đồng hồ kim đã chỉ mười giờ kém mười phút. Trước mặt tôi là một toà nhà lớn treo cái tên kỳ diệu.

Tôi không tìm được đồng sáu xu nào để trả vé vào cửa, và sợ rằng hội chợ sẽ đóng cửa mất, tôi đi vội qua thanh chắn quay, chìa ra đồng silling cho một người đàn ông trông mệt mỏi. Tôi thấy tôi đang ở trong một sảnh lớn, những dãy hàng chiếm một nửa chiều cao. Gần như tất cả các gian hàng đã đóng cửa và phần chính của sảnh đã chìm vào bóng tối. Tôi nhận ra sự im lìm vẫn xâm chiếm nhà thờ sau mỗi buổi lễ. Tôi rụt rè bước lại khu trung tâm của hội chợ. Một vài người đang tụ tập quanh những gian hàng vẫn còn mở. Trước một tấm rèm, bên trên viết chữ Café chantant bằng đèn màu, hai người đàn ông đng đếm lại tiền trên cái khay sắt. Tôi lắng nghe tiếng những đồng xu rơi xuống.

Khó nhọc nhớ lại lý do tại sao mình đến đây, tôi đi tới một gian hàng và ngó nhìn những chiếc bình sứ và đồng ấm chén vẽ hoa. Tại cửa gian hàng một quý cô đang nói cười với hai quý ông trẻ. Tôi để ý họ nói giọng Anh và nghe được loáng thoáng câu chuyện của họ.

- Ôi, em chẳng bao giờ nói như thế!

- Đúng mà, chính em nói!

- Ôi không, em không nói!

- Cô ấy có nói vậy không?

- Có, tôi nghe thấy cô ấy nói mà.

- Ôi trời, chỉ có... bịa đặt!

Nhìn thấy tôi, quý cô tiến lại hỏi tôi có muốn mua gì không. Sắc giọng cô không tỏ ra khuyến khích, cô có vẻ chỉ sống thể với tôi vì lẽ nghĩa vụ phải thế. Tôi luống cuống nhìn những lọ lục bình đứng như hàng lính gác Đông phương ở hai bên lối vào mờ tối của gian hàng và mấp máy:

- Không, cảm ơn.

Quý cô đổi lại vị trí một trong những chiếc bình và quay lại với hai người đàn ông trẻ. Họ lại nói tiếp chủ đề cũ. Một hay hai lần cô gái liếc nhìn tôi qua vai.

Tôi chần chừ trước gian hàng cô, mặc dù tôi biết nán lại cũng chẳng ích gì, để làm cho chuyện tôi quan tâm đến hàng của cô có vẻ thật hơn chút nữa. Rồi tôi chậm chậm quay đi và đi tiếp vào giữa khu chợ. Tôi để mặc hai đồng penny đập vào đồng sáu xu leng keng trong túi. Tôi nghe thấy một giọng cất lên từ phía đầu dãy thông báo đèn sẽ tắt. Phần trên của sảnh giờ đây đã hoàn toàn tối đen.

Ngẩng nhìn bóng tối tôi thấy tôi như một sinh vật bị phù hoa dẫn dắt và cười nhạo, và hai mắt tôi rục lên uất ức và giận dữ.

7. Chương 7: Eveline

Cô ngồi bên cửa sổ ngắm buổi tối lan dần vào phố. Đầu cô dựa vào rèm cửa, và trong mũi cô sục mùi vải bố bụi bặm. Cô thấy mệt mỏi.

Một vài người đi qua. Người đàn ông sống ở ngôi nhà cuối phố đi về nhà; cô nghe thấy tiếng bước chân ông gõ trên vỉa hè xi măng và sau đó lạo xạo trên con đường rải xỉ phía trước mấy ngôi nhà gạch đỏ mới xây. Đã có thời nơi đó là một khu đất trống tối nào bọn cô cũng chơi với đám trẻ hàng xóm. Rồi một người đàn ông đến từ Belfast mua cả khu và cho xây nhà – không giống những căn nhà màu nâu nhỏ bé của họ, mà là những ngôi nhà gạch đỏ tươi mái lợp lánh. Bọn trẻ phố này vẫn chơi đùa trên khu đất – nhà Devine, nhà Walter, nhà Dunn, nhóc Keogh què, cô và các anh chị em. Nhưng Ernest không bao giờ tham gia; anh thấy trò đó quá trẻ con. Cha cô vẫn thường dùng cái roi mận gai của ông xua cả lũ khỏi khu đất; nhưng thường thì nhóc Keogh đâm nhận chân canh chừng và hét ầm lên mỗi khi nó thấy cha cô đến. Tuy vậy dường như thời gian đó bọn cô vẫn còn rất hạnh phúc. Cha cô hồi đó chưa quá tệ; thêm vào đó, mẹ cô vẫn còn sống. Hồi đó đã cách đây lâu lắm rồi; anh chị em cô tất cả đã lớn; và mẹ cô đã mất. Tizzie Dunn cũng đã chết, và nhà Walter cũng đã quay về Anh. Mọi thứ đều thay đổi. Giờ đây cô sắp ra đi như những người khác, rời bỏ nhà mình.

Nhà mình! Cô quay nhìn căn phòng, ngắm từng món đồ thân quen tuần nào cô cũng phủi bụi trong từng ấy năm trời, lần nào cũng tự hỏi ở quái đâu ra mà lấm bụi thế. Có thể cô sẽ không bao giờ được nhìn lại những thứ quen thuộc này nữa, những thứ cô chưa bao giờ có thể tưởng tượng sẽ phải xa rời. Vậy mà cũng trong từng ấy năm cô chưa từng tìm hiểu về ông cha cô trong bức ảnh ố vàng treo phía tường bên trên cái đàn đập hơi đã hỏng, cạnh bản in màu bài hứa nguyện với Thánh Margaret Mary Alacoque, xem ông ta tên là gì. Ông cha cô từng là bạn đồng môn với cha cô. Mỗi lần chỉ bức ảnh cho khách, cha cô thường làm ra vẻ vô tình, nói thêm:

- Giờ lão đang ở Melbourne.

Cô đã bằng lòng ra đi, rời bỏ nhà mình. Có khôn ngoan không nhỉ? Cô cố cân nhắc từng khía cạnh của câu hỏi. Ở nhà mình dù sao cô cũng có nơi trú thân và thức ăn, có những người cô quen thuộc từ tấm bé. Tất nhiên cô phải làm việc vất vả, cô ở nhà lẫn nơi làm. Bọn họ ở Cửa hàng sẽ nói sao khi biết cô đã biến mất với một anh chàng? Nói cô là một con cóc, có lẽ vậy; và chỗ của cô sẽ được đăng tìm người thay thế. Miss Cavan chắc hẳn sẽ sung sướng lắm. Cô ta luôn lên mặt với cô, nhất là khi có nhiều người ở đó.

- Cô Hill, cô không thấy các quý bà đây đang phải đợi sao?

- Nhanh tay nhanh chân lên chứ, thưa cô Hill.

Cô sẽ không tốn nước mắt hối tiếc chuyện rời bỏ Cửa hàng.

Nhưng trong ngôi nhà mới của cô, ở một xứ cô chưa từng biết, mọi chuyện sẽ không như thế. Ở đó cô sẽ kết hôn – phải, cô, Eveline. Ở đó mọi người sẽ tôn trọng cô. Cô sẽ không bị đối xử như mẹ cô từng phải chịu. Ngay cả bây giờ, mặc dù đã hơn mười chín tuổi, nhiều lúc cô vẫn cảm thấy mình có nguy cơ bị cha đánh đập. Cô biết đó chính là nguyên nhân gây ra những cơn trống ngực nơi cô. Khi bọn cô còn nhỏ ông không bao giờ đánh đập cô, như ông thường đánh đập Harry và Ernest, bởi cô là con gái, nhưng gần đây ông bắt đầu dọa nạt và nói những gì ông làm cho cô chỉ là vì ông nghĩ đến người mẹ quá cố của cô. Và giờ đây cô không có ai bảo vệ. Ernest đã chết và Harry, giờ theo nghề trang trí nhà thờ, gần như lúc nào cũng mất tăm ở một xứ nhà quê nào đó. Thêm nữa, những cuộc to tướng triền miên lần nào cũng như lần nào về tiền nong mỗi tối thứ Bảy đã bắt đầu làm cô mệt mỏi khôn tả. Cô bao giờ cũng nộp tiền lương của mình – bảy shilling – và Harry luôn cố gắng gửi về những món anh chàng dành dụm được, nhưng vấn đề nằm ở chỗ làm sao khiến cha cô buông ra dù một khoản nhỏ nhất. Ông nói cô chỉ toàn tiêu pha phung phí, rằng

cô là đồ đầu đất, rằng ông sẽ không đưa những đồng tiền mồ hôi xương máu của ông cho cô vớt ra ngoài đường, và nhiều, nhiều nữa, bởi ông cứ đến tối thứ Bảy lại trở nên không thể chịu đựng nổi. Rồi cuộc ông cũng vẫn đưa tiền cho cô và hỏi liệu cô có định đi mua thức ăn cho bữa tối Chủ nhật hay không đây. Và rồi cô sẽ chạy vắt chân lên cổ ra chợ, tay nắm khư khư cái ví da màu đen cổ chèn lún xô đẩy và tối muộn mới trở về nhà lếch thếch với đồng đồ mua được. Cô đã phải làm việc cật lực để giữ cho cả nhà tồn tại và để đảm bảo hai đứa trẻ được giao lại cho cô chăm sóc hôm nào cũng đến trường và hôm nào cũng được ăn uống đầy đủ. Đó là một công việc khó khăn – một cuộc sống khó khăn – nhưng giờ đây sắp rời khỏi nó cô lại thấy hình như đó không phải hoàn toàn là một cuộc sống bỏ đi.

Cô sắp sửa được khám phá một cuộc sống khác với Frank. Frank rất tử tế, đàn ông, hào phóng. Cô sắp sửa được ra đi với anh trên chuyến tàu đêm, trở thành vợ anh và sống với anh ở Buenos Ayres, nơi đó anh có một căn nhà đang đợi cô. Cô vẫn nhớ như in lần đầu tiên gặp anh; hồi đó anh đang trọ tại một con phố lớn cô vẫn thường ghé qua. Mọi chuyện cứ như mới xảy ra cách đây có mấy tuần. Anh đang đứng nơi cổng nhà, mũ lưỡi trai quay ngược và tóc loà xoà phủ lên khuôn mặt rậm rắng. Rồi họ quen nhau. Anh thường hẹn hò cô mỗi tối bên ngoài Cửa hàng và đưa cô về nhà. Anh đưa cô đi xem vở opera “Cô gái Bohemien” và cô ngập tràn sung sướng khi được ngồi với anh trong góc cái nhà hát lạ lẫm đó. Anh rất mê âm nhạc và thỉnh thoảng còn hát. Thiên hạ nhận ra họ đang hẹn hò nhau, và khi anh cất giọng hát về người con gái đem lòng yêu một chàng thủy thủ, cô luôn cảm thấy bồi hồi sung sướng. Anh thường gọi đùa cô là Poppens. Đầu tiên cô chỉ thấy thích thú khi có một anh chàng như thế và rồi cô bắt đầu thấy thích anh thực sự. Anh có cả kho chuyện về những miền đất xa xôi. Anh đã bắt đầu cuộc đời chỉ là một thằng nhóc giữ chân sai vật lương vồn vện một bảng một tháng trên boong một con tàu hãng Allan Line đi Canada. Anh kể cho cô nghe tên những con tàu anh từng có mặt và tên những công việc khác nhau trên tàu. Anh từng vượt eo biển Magellan và anh kể cho cô nghe những câu chuyện rùng rợn về tộc người khổng lồ Patagon khủng khiếp. Rồi anh gây dựng được cơ nghiệp ở Buenos Ayres, anh nói, và chỉ quay lại Ireland để nghỉ ngơi. Tất nhiên, cha cô phát hiện được chuyện yêu đương này và đã cấm cô không được nói chuyện với anh nữa.

- Tao biết thừa những gã thủy thủ kiểu này – ông nói.

Một ngày nọ ông cãi lộn với Frank, và từ đó cô phải gặp người yêu một cách bí mật.

Buổi tối phủ dày hơn nữa lên phố. Màu trắng của hai lá thư đang đặt trên lòng cô nhạt nhoà dần. Một lá cho Harry; lá kia gửi cha cô. Ernest là người cô yêu quý nhất trong đám anh chị em, nhưng cô cũng yêu quý Harry. Gần đây cha cô đã bắt đầu yếu đi, cô nhận thấy vậy, ông sẽ nhớ cô. Đôi khi ông cũng có thể rất tử tế. Cách đây không lâu, khi cô bị ốm phải nằm trên giường cả ngày, ông đã đọc truyện ma cho cô nghe và nướng bánh mì cho cô. Một ngày khác, hồi đó mẹ cô vẫn còn sống, cả nhà đi picnic trên đồi Hawth. Cô vẫn nhớ cha cô đã lấy mũ của mẹ cô đội để chọc cho bọn trẻ con cười.

Thời gian của cô sắp hết, nhưng cô vẫn tiếp tục ngồi bên cửa sổ, dựa đầu vào tấm rèm cửa, hít hà mùi vải bố bụi bặm. Phía xa cuối phố cô nghe thấy tiếng đàn dạo xin tiền. Cô biết điệu nhạc này. Thật lạ lùng, sao nó lại đúng vào buổi tối hôm nay để nhắc cô nhớ lại lời hứa với mẹ mình, lời hứa sẽ chăm nom gia đình cho đến khi nào cô còn có thể. Cô nhớ lại đêm cuối cùng trước khi mẹ cô qua đời vì cơn bệnh; một lần nữa cô lại ở trong căn phòng ngột ngạt, tối tăm phấp phấp bên kia sảnh và cô nghe thấy điệu nhạc Ý buồn thảm ngoài kia. Người chơi đàn dạo đã bị đuổi đi nơi khác sau khi nhận một đồng sáu xu. Cô nhớ cảnh cha cô đắc thắng quay lại phòng người ốm, nói:

- Lũ người Ý khốn kiếp! Đến tận đây được!

Trong khi cô hồi tưởng, hình ảnh tội nghiệp của cuộc đời mẹ cô phủ màu đen tối như muốn trùm lên chính cuộc đời cô – một cuộc đời chỉ toàn những hy sinh vụn vặt để rồi kết cục là những cơn điên loạn. Cô rùng mình khi lại nghe thấy bên tai giọng mẹ lặp đi lặp lại trong man dại:

- Derevaun Seraun! Drevaun Seraun!

Cô đứng bật dậy kinh hoàng. Chạy trốn! Cô phải chạy trốn! Frank sẽ cứu cô. Anh sẽ mang lại cho cô cuộc sống và có thể cả tình yêu nữa. Nhưng cô muốn được sống. Tại sao cô phải chịu bất hạnh? Cô có quyền được hưởng hạnh phúc. Frank sẽ ôm cô, che chở cho cô. Anh sẽ cứu cô.

Cô đứng giữa đám đông đang chen lấn xô đẩy trên bến North Wall. Anh nắm tay cô và cô hiểu rằng anh đang nói với cô, nhắc đi nhắc lại điều gì đó về chuyến đi. Bến tàu đầy nghẹt linh kính hành lý màu nâu.

Qua những cánh cửa mở rộng của toà nhà cô thoáng thấy khối đen vĩ đại của con tàu, nằm cạnh tường ke, những cửa sổ tròn sáng đèn rực rỡ. Cô không trả lời anh. Cô cảm thấy má mình nhợt nhạt lạnh ngắt và, bỗng nhiên rơi vào một cơn tuyệt vọng, cô cầu xin Chúa soi đường cho cô, dẫn dắt cho cô thấy bổn phận của mình. Con tàu thả một hồi còi dài ảm đạm vào làn sương khói. Nếu cô r a đi, ngày mai cô sẽ đang ở trên biển cùng với Frank, thẳng tiến về Buenos Ayres. Chuyến đi cô họ đã được đặt vé. Có thể nào cô rút lại lời sau tất cả những điều anh đã làm vì cô? Cơn tuyệt vọng làm dấy lên trong cô cảm giác say sồng và cô cố gắng tiếp tục mấp máy môi thắm thì lời cầu nguyện thành kính.

Một hồi chuông làm nhói tim cô. Cô cảm thấy tay anh kéo chặt tay cô:

- Đi thôi!

Tất cả đại dương trên thế giới quay cuồng trong cô. Anh đang lôi tuột cô vào chúng, anh sẽ chìm chết cô. Cô túm chặt lấy hàng rào chắn bằng sắt.

- Đi thôi!

Không! Không! Không! Không thể được! Hai tay cô nắm chặt hàng rào sắt trong cơn mê loạn. Giữa đại dương cô hét lên đau đớn.

- Eveline! Evvy!

Anh chạy phía trước hàng rào và kêu to bảo cô chạy theo. Người ta hét gọi anh đi tiếp, nhưng anh vẫn đang gọi cô. Cô quay khuôn mặt trắng bợt của mình về phía anh ,bị động, như một con thú tuyệt vọng. ánh mắt cô nhìn anh không có chút biểu hiện nào, không tình yêu hay lời vĩnh biệt hay nhận ra anh.

8. Chương 8: Sau Cuộc Đua

Những chiếc xe lao nhanh về phía Dublin, lướt đi đều đặn như những viên đạn trên lòng đường Naas . Trên đỉnh đồi đoạn Inchicore những người hiếu kỳ đã tụ tập thành nhóm chờ đoàn đua đi qua, và qua con kênh nghèo đói và tù đọng này châu Âu lục địa tung ra sự giàu có và nền công nghiệp của nó. Chốc chốc đám người lại hò reo, tiếng hò reo của những con người bị kìm kẹp nhưng đầy lòng biết ơn vì bị kìm kẹp. Tình cảm của họ, tuy nhiên, là dành cho đội xe màu xanh – xe của những người bạn họ, người Pháp.

Người Pháp, hơn nữa lại gần như là những người chiến thắng. Đội đua của họ khá vững, họ giành được ngôi vị thứ hai và thứ ba còn tay đua lái chiếc xe Đức về đích đầu tiên nghe đâu lại là một người Bỉ. Mỗi chiếc xe màu xanh vì vậy được reo hò nhiều gấp đôi mỗi khi lên đến đỉnh đồi, và mỗi lần sồng hò reo vang lên lại được đón nhận bằng những nụ cười và cái gật đầu của những người trong xe. Trong một trong chiếc xe bóng mượt đó là một nhóm bốn chàng trai trẻ với tinh thần hiện giờ hình như còn lên cao hơn cả tinh thần chiến thắng Gaulois, nếu không nói bốn chàng đang vui phát cuồng. Họ là Charles Ségouin, chủ chiếc xe, André Riviere, một thợ điện trẻ sinh tại Canada, một người Hungary cao lớn tên Villona và một người đàn ông trẻ trông chải chuốt chỉnh tề tên Doyle. Ségouin đang thấy rất vui vẻ vì anh ta vừa bất ngờ nhận được mấy lời đặt hàng trước (anh ta đang chuẩn bị mở một hãng buôn xe ở Paris) và Riviere đang thấy rất vui vẻ bởi anh ta chuẩn bị được mời làm quản lý công ty đó, hai người đàn ông trẻ này (là anh em họ với nhau) thấy rất vui vẻ còn bởi sự thành công của đội đua Pháp. Villona thấy rất vui vẻ bởi anh ta vừa được ăn một bữa trưa cực kỳ ngon lành, và ngoài ra, anh ta vốn là người lạc quan. Thành viên thứ tư của nhóm, tuy nhiên, lại đang quá phấn khởi đến mức không thể cảm thấy vui sướng một cách thực sự.

Anh ta khoảng hai mươi sáu tuổi, có hàng ria mềm mại màu nâu nhạt và đôi mắt xám trông khá thơ ngây. Cha anh ta, từng là một nhà Dân Tộc chủ nghĩa kỳ cựu ngay từ hồi trẻ, đã sớm thay đổi nhân quan của anh ta. Ông kiếm nhiều tiền từ cửa hàng thịt của mình ở Kingstown, và bằng cách mở thêm cửa hiệu ở Dublin và vùng lân cận ông càng làm cho tiền của mình sinh sôi nảy nở. Ông cũng có cơ may kiếm được mấy hợp đồng cung cấp thực phẩm cho giới cảnh sát và cuối cùng đã trở nên giàu có đủ để được nhắc đến trên báo chí Dublin như một đại gia. Ông đã gửi con trai mình sang Anh theo học một trường trung học Công giáo lớn và sau đó gửi anh ta đến Đại học Tổng hợp Dublin để học luật. Jimmy không chí thú với việc học hành

cho lắm và có thời gian còn giao du với những thành phần bất hảo. Anh ta có tiền và anh ta nổi tiếng, và anh ta phân chia thời gian một cách khó hiểu giữa hội chơi nhạc và hội đua xe. Rồi họ mời anh ta theo học một kỳ ở Cambridge để được ném trải cuộc đời tí chút. Cha anh ta, nổi giận, nhưng lại ngấm ngấm hãnh diện về những trò ngông cuồng này của con trai, đã trả mọi hoá đơn cho anh ta và lôi cổ anh ta về nhà. Chính tại Cambridge anh ta đã gặp Ségouin. Hồi đó họ chưa thực sự thân nhau, nhưng Jimmy thấy thật vinh dự được quen biết một người đã từng được khám phá thể giới nhiều như thế và nghe đồn còn là chủ của mấy khách sạn lớn nhất nước Pháp. Một người như vậy (cha anh ta cũng đồng ý) thật đáng để quen, ngay cả nếu anh ta thực ra không phải là người đồng hành duyên dáng lắm. Villona cũng rất thú vị - một nghệ sĩ piano tài năng - nhưng, thật đáng tiếc, lại rất nghèo.

Chiếc xe vui vẻ lao đi, bên trên là những người chủ đang sướng điên. Hai anh em họ ngồi băng ghế trước, Jimmy và người bạn Hungary của anh ta ngồi phía sau. Rõ ràng Villona đang ở trong một tâm trạng tuyệt hảo, anh ta nhắm mắt một giai điệu bè rất trầm suốt đường đi. Hai người Pháp ném qua vai những tràng cười và lời bông đùa của họ về phía sau, và Jimmy cứ phải rướn về phía trước để bắt những âm thanh chớp nhoáng. Tất cả những thứ này chẳng thích thú lắm đối với anh ta, bởi gần như lần nào anh ta cũng phải đoán đại ý nghĩa của chúng rồi hét một câu phù hợp trong tiếng gió tấp vào răng. Thêm nữa, khúc nhạc của Villona làm mọi người không nghe rõ, cả tiếng xe chạy nữa.

Được lao đi như tên bắn làm người ta phấn chấn, được có tiếng cũng thế, được sở hữu tiền bạc cũng vậy. Đó là ba lý do cho cơn hứng khởi của Jimmy. Hôm nay rất nhiều bạn bè đã nhìn thấy anh ta đi cùng với những người châu Âu lục địa này. Tại trạm nghỉ Ségouin đã giới thiệu anh ta với một trong những tay đua người Pháp và để đáp lại lời lúng búng khen ngợi đầy bối rối của anh ta, gương mặt ngăm đen của tay đua loé ra một hàng răng trắng bóng. Được hưởng vinh dự đó rồi phải quay lại thể giới ngoại đạo làm khán giả với những cú huých và cái nhìn ngưỡng mộ thì cũng đáng. Còn về tiền bạc - thật sự anh ta đang có trong tay một khoản kha khá. Ségouin có lẽ sẽ không cho đây là một khoản khá, nhưng Jimmy, mặc dù đôi lúc phạm phải sai lầm, đã thực sự thừa kế được những bản năng quan trọng, anh ta hiểu rõ để có được khoản đó phải khó khăn thế nào. Khả năng này trước đây từng giúp giữ những hoá đơn của anh ta nằm yên trong giới hạn xả láng nhưng hợp lý nếu anh ta đã từng nhận thức vô cùng rõ ràng về giá trị đồng tiền ngay cả khi vấn đề chỉ là có nên đáp lại những phút bốc đồng hay không, thì giờ đây anh ta càng nhận thức rõ hơn khi sắp sửa kiếm được một khoản lớn trong vụ này! Đối với anh ta đây thực sự là chuyện nghiêm túc.

Dĩ nhiên, vụ đầu tư này là đáng giá, và Ségouin đã xoay sở để tạo được ấn tượng rằng nhờ vào tình bằng hữu mà món tiền Ireland nhỏ nhoi đó sẽ được góp chung vào số vốn của anh ta. Jimmy khâm phục sự khôn ngoan của cha mình trong chuyện buôn bán, và trong trường hợp này chính cha anh ta đã đề nghị vụ đầu tư, tiền thu được từ chuyện buôn xe ấy à, có mà hàng núi. Thêm nữa, Ségouin luôn toát ra cái vẻ giàu có không bao giờ thất bại. Jimmy bắt đầu nhắm tính phải làm bao nhiêu ngày thì mới mua được cái xe trắng lệ mình đang ngồi. Nó chạy mới êm chứ! Loại xe này trông thật sành điệu, lướt đi trên những con đường chồn đồng quê! Chuyến đi đặt một ngón tay điệu kỳ của nó lên nhịp đập của cuộc sống thật sự và một cách trang nhã bộ máy thần kinh của con người đã cố sức thoả mãn giới hạn của con vật màu xanh nhanh như gió này.

Họ lái vào phố Dame. Phố lúc này đang đông đúc một cách bất thường, âm ĩ còi xe và chuông xe điện đầy nóng ruột. Gần đến Ngân hàng, Ségouin dừng xe và Jimmy cùng bạn anh ta bước xuống. Một nhóm nhỏ đang tụ tập trên vỉa hè chào đón chiếc xe rền máy. Tối hôm đó cả bọn sẽ cùng nhau ăn tối tại khách sạn của Ségouin và, lúc này, Jimmy cùng các bạn anh ta, đang ở cùng anh ta, về nhà để thay đồ. Chiếc xe hướng chậm chậm về phía phố Grafton trong lúc hai người đàn ông trẻ tuổi chen qua đám người hiếu kỳ. Họ bước đi với cảm giác vỡ mộng lạ lùng về tất cả những chuyện này, trong khi thành phố treo lơ lửng khối ánh sáng màu nhạt phía bên trên trong ánh chiều tà một ngày mùa hạ.

Tại nhà Jimmy, bữa tối này đã được thông báo như một sự kiện trọng đại. Một chút tự hào trộn lẫn lo lắng của cha mẹ anh ta, cả một chút hồi hộp nhất định nữa, trước sự mạo hiểm, bởi ít nhất những cái tên thành phố ngoại quốc kia cũng thể hiện phẩm chất này. Jimmy trông cũng rất chải chuốt trong bộ dạ phục, và khi anh ta đứng trong sảnh, chỉnh lại lần cuối nút thắt cà vạt, cha anh ta chắc hẳn phải cảm thấy thoả mãn, về mặt thương mại mà nói, vì đã bảo trợ cho con trai mình có được những phẩm chất khó có thể mua được. Cha anh ta, do đó, đã tỏ ra thân thiện một cách lạ thường với Villona, và phong thái của ông thể hiện một sự kính trọng thật sự đối với những tài năng ngoại quốc, nhưng sự khéo léo hiếu khách của ông có lẽ đã biến

mất đối với người Hungagry khi anh này bắt đầu thể hiện nhu cầu bức thiết phải được ăn tối.

Bữa tối thật tuyệt hảo và cầu kỳ. Ségouin, Jimmy kết luận, có một giới thiệu cực kỳ tinh tế. Nhóm bọn họ giờ đây có thêm một người Anh trẻ tên là Routh mà Jimmy từng thấy đi với Ségouin hồi ở Cambridge. Những người đàn ông trẻ ăn trong một căn phòng ấm cúng thấp nền điện. Họ trò chuyện liến thoắng không hề giữ kẽ. Jimmy, trí tưởng tượng bắt đầu nóng lên, quan sát sức thanh xuân sôi nổi của những người Pháp thanh lịch sóng với phong cách vững vàng bình thản của chàng người Anh. Anh ta đã chọn được cho mình một hình ảnh thật phong nhã, Jimmy nghĩ, và cũng là một hình ảnh chân thực. Anh ta ngưỡng mộ cách chủ nhà khéo léo dẫn dắt câu chuyện. Năm chàng thanh niên có những gu khác nhau và họ đã bắt đầu nói thả phanh. Villona, với một sự khâm phục lớn lao, bắt đầu thể hiện cho chàng người Anh, đang lấy làm ấn tượng về vẻ đẹp của những khúc madrigan Anh, lấy làm tiếc trước sự mất đi của những nhạc cụ truyền thống, Riviere, không thực sự nhiệt tình lắm, đảm nhận việc giải thích cho Jimmy những thành tựu của thợ cơ khí Pháp. Giọng nói sang sảng của người Hungary chuẩn bị át đi tất cả một cách lố bịch về chuyện bọn hoạ sĩ lãng mạn vẽ sai đàn luyến thì Ségouin lái cả bọn sang chủ đề chính trị. Đây là lĩnh vực ăn ý của tất cả. Jimmy, dưới ảnh hưởng của các tác động hào phóng từ bữa tối, cảm thấy lòng yêu nước của cha mình sống lại trong anh ta, và rất cuộc anh ta đã làm Routh vốn lạnh nhạt trở nên giận điên lên. Căn phòng bắt đầu nóng gấp đôi và nhiệm vụ của Ségouin trở nên mỗi lúc một khó khăn hơn, thậm chí còn có nguy cơ thù oán cá nhân. Chủ nhà vội tìm cơ hội để nâng ly của mình lên vì Nhân loại, và khi cả bọn đã uống cạn chén rượu anh ta vội mở toang cửa sổ.

Đêm đó thành phố khoác lên mình vẻ ngoài của một thủ đô lớn. Năm người đàn ông trẻ thả bộ dọc vườn Stephen's Green trong một làn thuốc thơm. Họ nói chuyện âm ỉ vui vẻ và áo khoác của họ vung vẩy chực tuột khỏi vai. Ai cũng tránh đường cho họ. Tại góc phố Grafton một người đàn ông béo lùn đang giúp hai phụ nữ xinh đẹp lên xe, dưới sự quan sát của một người đàn ông khác không kém phần béo tốt. Chiếc xe chuyển bánh và người đàn ông béo lùn thấy bọn họ.

- André!

- A Farley!

Rồi tiếp theo là một tràng nổ như bắp rang. Farley là người Mỹ. Không ai hiểu rõ lắm câu chuyện là về cái gì. Villona và Riviere là hai người âm ỉ nhất, nhưng tất cả bọn họ đều thấy từng bừng. Họ trào hết lên một chiếc xe, ngồi xếp lại với nhau cười nói âm ỉ. Họ đi giữa đám đông, giờ đã trộn lẫn thành những sắc màu nhạt và đang chuyển động tới nơi phát ra tiếng nhạc chuông vui vẻ. Họ lên tàu ở bến Westland Row và chỉ mấy tích tắc sau, Jimmy thấy như vậy, họ đang bước ra khỏi ga Kingstown. Người soát vé chào Jimmy, đó là một ông lão.

- Chúc ngài một buổi tối vui vẻ!

Đó là một đêm mùa hè trời quang tạnh, cảnh nằm im như một tấm gương tối thẫm dưới chân. Họ tiến đến gần nó tay khoác tay, miệng hát điệp khúc bài Cadet Roussel, cùng giậm chân mỗi khi đến đoạn:

- Ho! Ho! Hohé, vraiment!

Họ lên một chiếc thuyền chèo bến tàu và chèo đến chiếc du thuyền của người Mỹ. Sẽ có ăn nhẹ, âm nhạc và chơi bài. Villona kêu lên một cách thoả mãn:

- Thật là tuyệt!

Có một cây đàn piano trên khoang, Villona chơi một bản valse cho Farley và Riviere nhảy Farley làm quý ông còn Riviere là quý bà. Sau đó là điệu square theo phong cách ngẫu hứng, các chàng trai nhảy với đủ tư thế kỳ quặc. Quả là đã đời! Jimmy tham gia vô cùng sôi nổi, đây mới là nếm trải cuộc sống chứ, điều nhất là như vậy. Rồi Farley thở hổn hển và kêu lên “Dừng thôi!” Một người phục vụ mang ra bữa ăn nhẹ, và các chàng trai ngồi xuống ăn để lấy lại sức. Tuy nhiên họ uống rượu, bởi đây là cuộc sống tự do. Họ uống mừng Ireland, Anh, Pháp, Hungary và Hợp chúng quốc Hoa kỳ. Jimmy phát biểu một bài diễn văn, một bài dài, Villona cứ nhắc lại “Nghe nào! Nghe nào!” mỗi khi bài diễn văn tạm ngừng. Tiếng vỗ tay âm ỉ khi anh ta ngồi xuống. Chắc nó đúng phải là một bài nói hay. Farley vỗ lên lưng anh ta và cười âm lên. Những anh chàng mới vui vẻ chứ! Họ đúng là những người bạn tốt!

Chơi bài! Chơi bài! Bàn được dọn sạch. Villona lẳng lặng quay lại chiếc piano của anh ta chơi những khúc ngẫu hứng cho bọn họ. Những người khác đánh hết ván này sang ván khác, đắm chìm vào cuộc đò đen. Họ nâng ly uống mừng sức khỏe của Nữ hoàng Q Cơ và Q Nhép. Jimmy thấy hơi tiếc vì không có khán giả tung hô lúc này: trí tuệ của họ đang loé sáng.

Những ván bài trở nên căng thẳng và giấy ghi nợ bắt đầu được chuyển qua lại. Jimmy không thật sự biết chính xác ai đang thắng, nhưng anh ta biết mình đang thua. Nhưng đó là lỗi của chính anh ta, bởi anh ta luôn nhầm lẫn bài của mình và những người khác phải tính nợ hộ anh ta. Họ là những ông bạn ma quỷ nhưng anh ta muốn dừng lại đã muộn rồi. Ai đó nâng ly chúc mừng chiếc tàu buồm Kiêu nữ vùng Newport rồi một người đề nghị chơi một ván lớn để kết thúc.

Tiếng đàn piano đã tắt, Villona chắc hẳn đã lên boong. Ván bài này thật tồi tệ. Họ dừng lại ngay trước khi nó kết thúc để uống lấy may. Jimmy hiểu rằng ván bài này là dành cho Routh và Ségouin. Hồi hộp quá! Jimmy cũng thấy hồi hộp, anh ta sẽ thua, tất nhiên. Anh ta đã ghi bao nhiêu nợ rồi nhỉ? Những chàng trai trẻ tuổi rướn hẳn người lên để ra nước bài cuối cùng, bàn tán và khoa chân múa tay. Routh thắng. Căn phòng rung chuyển tiếng những chàng trai hò reo và đồng bài được gom lại. Sau đó họ bắt đầu gộp những gì thu được xem thắng thua bao nhiêu. Farley và Jimmy bị thua nặng nhất.

Anh ta biết anh ta sẽ hối hận vào sáng hôm sau nhưng hiện tại anh ta đang thấy sung sướng vì được nghỉ ngơi, sung sướng với cái trạng thái mê mải tối sẽ che đi sự điên cuồng của mình. Anh ta tì khuỷu tay lên mặt bàn và lấy hai bàn tay ôm đầu, đếm nhịp đập trên thái dương. Cánh cửa phòng mở ra và anh ta nhìn thấy người bạn Hungary đứng trong một làn ánh sáng xám mờ.

- Bình minh rồi, các ngài!

9. Chương 9: Hai Chàng Ga Lãng

Buổi tối tháng Tám xám nhạt ảm áp phủ lên thành phố, và một làn không khí ảm áp dễ chịu, gợi nhớ về mùa hè, toả ra trên phố. Những con phố, nhà nào nhà nấy đóng kín cửa nghỉ ngơi ngày Chủ nhật, giờ đây nghẹt những đám đông màu sắc sặc sỡ. Như ngọc trai tỏa sáng, những ngọn đèn tỏa ánh người từ đỉnh cột cao xuống chuỗi sinh vật bên dưới đang không ngừng thay đổi hình dáng và màu sắc, chuỗi sinh vật thả lên bầu không khí buổi tối xám nhạt ảm áp một tiếng rì rầm không đổi, không dứt.

Hai người đàn ông trẻ tuổi đi xuôi xuống Rutland Square. Một người đang chuẩn bị kết thúc cuộc độc thoại dài của mình. Người kia, bị đẩy vào sát mép con đường mòn và đôi lúc buộc phải bước ra giữa đường cái, do sự khiếm nhã của người đồng hành, mang một khuôn mặt đang thích thú lắng nghe. Anh ta thấp đậm và hồng hào. Chiếc mũ lưỡi trai du thuyền hất tuột về phía sau, và câu chuyện đang nghe chốc chốc lại khiến gương mặt anh ta tách ra những làn biểu cảm, xuất phát từ góc mũi, mắt và miệng. Những chuỗi cười nghèn nghẹt tiếp nối nhau thoát ra từ cơ thể rung động. Mắt anh ta, lóe lên những tia vui sướng tinh quái, chốc chốc lại liếc sang khuôn mặt người bạn đồng hành. Một hay hai lần anh ta chỉnh lại chiếc áo khoác vải nhựa vẫn khoác hờ một bên vai theo kiểu dùng sĩ đấu bò tốt. Chiếc quần ống túm, đôi giày cao su trắng, và chiếc áo khoác vắt vai nghịch ngợm của anh ta, tất cả thể hiện tuổi trẻ. Nhưng đáng người anh ta từ hông trở xuống thì tròn xoay, tóc thưa và xám, và mặt anh ta, khi những làn biểu cảm đã tan hết, lại trở lại vẻ nhàu nát.

Khi khá chắc là câu chuyện đã kết thúc, anh ta cười ồm lên phải đến nửa phút. Rồi anh ta nói:

- Thật, đỉnh thật!

Giọng anh ta có vẻ hơi thiếu nồng nhiệt và để nhấn mạnh lời mình anh ta thêm vào với vẻ hài hước:

- Đỉnh thật, và nếu tớ được phép gọi nó như thế, đây quả là chuyện đỉnh trên cả đỉnh!

Sau đó anh ta trở nên nghiêm trang và nín lặng. Miệng anh ta mỗi nhừ, bởi anh ta đã nói cả chiều nay trong một quán rượu trên phố Dorset. Hầu như ai cũng coi Lenehan như một thứ đĩa bám, nhưng mặc dù

bị tiếng xấu này, tài ngoại giao và hùng biện vẫn luôn cứu anh ta khỏi bị bạn bè tẩy chay. Anh ta có một kiểu dáng dĩ là xuất hiện tại các buổi bù khú của họ trong quán rượu, kiên trì đứng ngoài rìa đóng góp cho đến khi được nhập bọn. Anh ta là một đả lông bông lẻo mép, có vũ khí là một kho truyện, thơ nhại, câu đố. Anh ta miễn dịch với tất cả các trò khiếm nhã. Không ai biết anh ta giải quyết miếng cơm manh áo thế nào, nhưng tên anh ta nghe nói có dính dáng đến mấy tờ lá cải cá cược đua ngựa gì đó.

- Và cậu nhặt được cô nàng ở đâu thế, Corley? – anh ta hỏi.

Corley đưa lưỡi liếm nhanh môi trên.

- Một đêm, anh bạn ạ - anh ta nói – tớ đang đi trên phố Dame thì tia thấy một em xinh xẻo đứng dưới cột đồng hồ tiệm Waterhouse, thế là tớ tiến lại chúc nàng một buổi tối tốt lành, cậu biết đấy. Rồi bọn tớ đi dạo dọc kênh (kênh Grand), và nàng nói với tớ nàng giúp việc cho một nhà trên phố Baggot. Đêm đó tớ vòng tay quanh nàng và ôm nàng kha khá. Rồi Chủ nhật sau đó, anh bạn, tớ đi chơi với nàng. Bọn tớ đi Donnybrook và tớ đưa nàng ra cánh đồng. Nàng kể cho tớ nghe trước kia nàng từng hẹn hò với một gã làm nghề vắt sữa... Mọi chuyện tốt đẹp lắm, anh bạn. Thuốc lá thì đêm nào nàng cũng mang cho tớ, và trả tiền xe điện cả đi lẫn về. Và một đêm nàng mang cho tớ hai điều xì gà bá cháy – Ôi chính là cái loại xịn cậu biết đấy, loại những lão già hồi xưa hay hút ấy ... Tớ chỉ hơi sợ, anh bạn, nhớ đâu cô ả dính bầu. Nhưng có vẻ cô nàng cũng biết lo lót mọi chuyện lắm.

- Có khi cô nàng nghĩ cậu sẽ cưới cô nàng cũng nên – Lenehan nói.

- Tớ bảo nàng tớ hiện không đi làm – Corley nói – Tớ bảo nàng trước đây tớ từng làm ở hãng Pim . Cô nàng không biết tên tớ. Tớ thừa sỏi trong đầu để không để lộ cho cô nàng biết. Nhưng nàng nghĩ tớ phải là hàng quý ông thế nào đó, cậu biết đấy.

Lenehan lại cười ồm lên.

- Trong tất cả những chuyện hay ho tớ từng nghe – Anh ta nói – đây quả là chuyện độc nhất vô nhị.

Corley nghiêng người đón nhận lời khen. Cái nghiêng của thân hình lực lưỡng làm cho bạn anh ta lại bất xuống lòng đường cái một đoạn mấy bước, Corley là con trai một viên thanh tra cảnh sát, và anh ta thừa hưởng hình dáng của cha. Anh ta bước đi hai tay ép dọc sườn, người uốn thẳng và chốc chốc lại quay đầu từ bên nọ sang bên kia. Đầu anh ta to, tròn xoay, và nhờn nhờn, nó đổ mồ hôi trong mọi thời tiết, và cái mũ tròn lớn của anh ta đội nghiêng một bên trông như một cái bóng đèn tròn, bóng đèn này lại mọc ra từ một bóng đèn khác. Anh ta luôn nhìn thẳng phía trước như đang duyệt binh, và khi muốn nhìn theo ai đó trên phố, anh ta cần phải chuyển động phần cơ thể phía trên hông. Hiện tại anh ta chỉ lông bông. Có chỗ nào cần người bạn bè sẽ luôn sẵn sàng mách cái tin trời đánh ấy cho anh ta. Người ta thường thấy anh ta đi với đám cảnh sát mặc thường phục, trò chuyện sôi nổi. Chuyện gì anh ta cũng biết tường tận và rất khoái được đưa ra những lời phán xét cuối cùng. Anh ta nói mà không bao giờ thèm lắng nghe những người đồng hành. Câu chuyện của anh ta chủ yếu là về bản thân anh ta, anh ta đã nói gì với người này người kia rồi người này người kia đã nói với anh ta những gì rồi anh ta đã nói gì để giải quyết vấn đề. Khi thuật lại những hội thoại này anh ta bật hơi chữ cái đầu tiên của tên mình theo kiểu người Florence .

Lenehan mời bạn một điếu thuốc. Trong lúc hai người đàn ông trẻ tuổi tiếp tục xuyên qua đám đông, thỉnh thoảng Corley lại quay sang mỉm cười với cô nào đó đi ngang họ, nhưng cái nhìn của Lenehan lại hướng dăm dăm về phía vầng trăng lờ mờ có quãng bao quanh. Anh ta chăm chú quan sát bóng chiều dần dần trôi ngang mặt trăng. Một lúc lâu rồi anh ta cất giọng:

- Nào...nói cho tớ biết, Corley, chắc cậu sẽ thu xếp ổn thỏa, phải không?

Corley nháy mắt đầy ngụ ý thay cho câu trả lời.

- Cô nàng dễ dụ không? – Lenehan hỏi ngược vệt – Phụ nữ khó biết lắm.

- Cô nàng ổn thôi – Corley nói – Tớ biết cách dụ nàng mà, anh bạn. Nàng chết tớ lắm.

- Cậu là kiểu mà tớ gọi là một chàng Lothario tươi vui – Lenehan nói – Và cũng là một chàng Lothario hảo hạng nữa!

Thoáng chầm biếm làm giảm bớt đi vẻ lệ thuộc của anh ta. Để giữ thể anh ta có thói quen làm câu nịnh của mình luôn mập mờ như kiểu chế giễu. Nhưng Corley chẳng mấy may nghi ngờ.

- Không gì bằng một cô hầu gái ngoan ngoãn – anh ta khẳng định – tớ đánh cược đấy.

- Lời đánh cược của một kẻ đã thử khắp lượt các cô nàng – Lenehan nói.

- Hồi xưa tớ hay đi với các nàng thật, cậu biết đấy – Corley nói, giọng bộc bạch – Các nàng khu South Circular. Tớ dẫn các nàng đi chơi, anh bạn, bằng xe điện đến đầu đày và trả tiền vé, hoặc đưa các nàng đi nghe hát hay xem kịch, hoặc mua tặng các nàng xô cô la hay kẹo hay gì đấy. Tớ vẫn luôn chịu chi đầy đủ vì các nàng – anh ta nói thêm, giọng thuyết phục, như thể nhận ra mình không được người ta tin tưởng cho lắm.

Nhưng Lenehan hoàn toàn tin tưởng điều đó, anh ta gật đầu trang trọng.

- Tớ hiểu trò đó mà – anh ta nói – Toàn là chuyện vô bổ.

- Quỷ tha ma bắt tớ có bao giờ kiểm soát được xu nào – Corley nói.

- Tớ cũng thế đấy – Lenehan nói.

- Chỉ trừ duy nhất một nàng – Corley nói.

Anh ta lại liếm môi trên. Chuyện cũ làm mất anh ta sáng lên. Rồi chính anh ta cũng ngược nhìn vầng trăng mờ, giờ đây đã sắp chìm hẳn, và trông có vẻ trầm tư.

- Cô nàng ...khá được – anh ta nói một cách tiếc nuối.

Anh ta lại nín lặng, rồi anh ta nói tiếp:

- Giờ cô nàng chắc cũng đi khách. Đêm nọ tớ thấy cô nàng ngồi với hai gã trên xe ngựa đi dọc phố Earl.

- Tớ chắc chính cậu đã đẩy cô nàng đến chỗ như vậy – Lenehan nói.

- Trước tớ cô nàng còn có những gã khác mà – Corley nói thản nhiên.

Lần này Lenehan buộc phải không tin. Anh ta lắc đầu và mỉm cười.

- Cậu biết cậu đâu có thể lừa được tớ, Corley – anh ta nói.

- Thề có Chúa! – Corley nói – chẳng phải chính cô nàng đã kể với tớ sao!

Lenehan làm một cử chỉ bi kịch.

- Hạng phản trắc ghê tởm! – anh ta nói.

Khi họ đi ngang qua tường rào trường Trinity College, Lenehan bước xuống lòng đường và nhìn lên đồng hồ.

- Bảy giờ hai mươi – anh ta nói.

- Còn nhiều thời gian mà – Corley nói – Cô ta sẽ vẫn đứng đó thôi. Tớ luôn để cô nàng phải đợi một lúc.

Lenehan cười kín đáo.

- Đồ quỷ! Corley, cậu luôn biết cách dụ bọ họ – anh ta nói.

- Tớ biết đủ loại mảnh khốc – Corley thú nhận.

- Nhưng nói cho tớ biết – Lenehan lại nói – cậu có chắc có thể thu xếp mọi chuyện ổn thỏa không đấy? cậu biết đây là chuyện tế nhị mà. Bọn họ mà cứ động đến chuyện này là sít sao lắm đấy. Hả? Sao?

Đôi mắt nhỏ, sáng của anh ta sẫm soi khuôn mặt người bạn đồng hành tìm sự bảo đảm. Corley lúc lắc đầu như thể muốn đẩy rơi ra một con côn trùng ngoan cố, và hai đầu lông mày anh ta nhíu lại.

- Tớ sẽ thu xếp được – anh ta nói – Cứ để tớ, được chứ?

Lenehan không nói gì nữa. Anh ta không muốn chọc tức bạn, làm anh ta nổi khùng, để rồi bị nói là không cần khuyên bảo gì hết. Cần phải có một ứng biến nho nhỏ. Nhưng hai đầu lông mày Corley đã mau chóng giãn ra. Những suy nghĩ của anh ta đi theo một chiều hướng khác.

- Nàng là một em đoan trang ngoan ngoãn – anh ta nói, giọng ngưỡng mộ - Cô nàng là như vậy.

Họ đi dọc phố Nassau rồi rẽ vào phố Kildare. Cách không xa vòm cổng một câu lạc bộ một nghệ sĩ phong cầm đang chơi nhạc giữa đường, xung quanh thưa thớt khán giả. Anh ta bật dây đàn lơ đãng, lúc thì liếc nhanh mỗi người mới đến nghe, lúc thì, vẫn một mỗi như vậy, ngược nhìn trời. Cây phong cầm của anh ta, uể oải, làn vải bọc rơi xuống ngang thân, trông cũng có vẻ mệt mỏi, để mặc người lạ nhìn ngó và để mặc bàn tay của người chủ làm gì thì là. Một tay anh ta chơi bè trầm khúc Silent, O Moyle, trong khi tay kia cứ sau một đoạn lại chêm bè cao. Những nốt nhạc rung đến não ruột.

Hai chàng trẻ tuổi bước đi trên phố không nói năng gì, tiếng nhạc nào nề đuổi theo họ. Khi tới vỉa hè nam Stephen's Green, họ qua đường. Ở đây tiếng ồn của xe điện, ánh đèn, đám đông giải thoát họ khỏi sự im lặng.

- Cô nàng kia kìa! – Corley nói.

Tại góc phố Hume một người phụ nữ trẻ đang đứng. Cô ta mặc một chiếc váy xanh lơ và đội chiếc mũ thủy thủ trắng. Cô ta đứng trên vỉa hè lát đá, một tay vung vẩy ô che nắng. Lenehan trở nên hoạt bát hẳn lên.

- Liếc cái xem cô nàng thế nào nào, Corley – anh ta nói.

Corley lườm bạn, và một cái nhếch mép cười không được dễ chịu lắm xuất hiện trên mặt anh ta.

- Cậu đang định nâng tay trên cửa sổ đấy à? – anh ta hỏi.

- Đồ chết tiệt! – Lenehan cộc lốc - tớ không muốn cậu giới thiệu. Tất cả những gì tớ muốn chỉ là nhìn xem cô ta thế nào. Tớ không ăn thịt cô nàng đâu.

- O...Nhìn xem cô ta thế nào à? – Corley nói giọng đã dịu hơn – Được rồi. Tớ bảo nhé, tớ sẽ đi ra tán chuyện với cô nàng một lúc và cậu có thể tình cờ đi ngang qua.

- Được đấy! – Lenehan nói.

Corley đã nhấc một chân chuẩn bị bước qua rào xích sắt thì Lenehan gọi theo;

- Rồi sau đó? Chúng ta gặp lại ở đâu?

- Mười rưỡi – Corley trả lời, nhắc nốt chân kia qua rào.

- Ở đâu?

- Góc phố Merrion. Bọn tớ sẽ quay lại.

- Được rồi cứ thế nhé! - Lenehan nói thay lời tạm biệt.

Corley không trả lời. Anh ta đứng đĩnh đi qua đường, đầu lắc lư từ bên nọ sang bên kia. Thân hình bệ vệ, điệu bộ ung dung, và tiếng bốt nện chắc nịch của anh ta, tất cả đều toát lên vẻ uy quyền. Anh ta tiến lại gần người phụ nữ trẻ và không thềm chào, bắt đầu nói luôn với cô ta. Cô ta vung vẩy chiếc ô nhanh hơn, gót giày xoay xoay. Một hay hai lần khi anh ta nghiêng người ghé sát, cô ta lại cười ré lên và cúi đầu xuống.

Lenehan quan sát họ mấy phút. Rồi anh ta rảo bước dọc theo hàng rào thêm một lúc rồi rẽ chéo sang đường. Khi tới góc phố Hume anh ta ngửi thấy không khí đậm đặc mùi nước hoa, và anh ta đưa mắt kín đáo dò xét bề ngoài người phụ nữ. Cô ta mặc bộ váy áo đẹp nhất dành cho ngày Chủ nhật. Chiếc váy dạ xanh thẫm lại ở eo bằng một chiếc thắt lưng da đen. Cái khóa bạc to tướng trên thắt lưng dường như khiến đoạn giữa người cô ta ngăn lại, thắt phần áo trắng bên trên vào như một cái kẹp. Cô ta mặc một chiếc áo khoác ngắn màu đen có khuy khảm vỏ trai, và quàng một cái khăn trông xơ xác. Phần trên cổ áo ren được cẩn thận xếp bồng lên và đám hoa màu đỏ cài trên ngực chống ngược cuống. Mắt Lenehan thích thú ghi nhận thân hình thấp lùn vạm vỡ của cô gái. Vẻ khỏe mạnh chân chất rạng ngời trên mặt cô ta, trên đôi má núng nính đỏ ửng và trong đôi mắt xanh không hề bôi rối. Nét cô ta thật thô. Cánh mũi cô ta rộng, miệng trẻ

toe toét thỏa mãn, hai răng cửa vẩu ra. Khi đi ngang, Lenehan nhấc mũ lên, và sau đó khoảng mười giây, Corley chào lại. Anh ta làm việc này bằng cách làm ra vẻ lơ đãng giơ tay lên sửa mũ.

Lenehan đi đến tận khách sạn Shelbourne, rồi anh ta dừng lại và đứng chờ. Chờ một lát thì anh ta thấy họ đang tiến lại về phía mình và khi họ rẽ sang phải, anh ta đi theo họ, chân giậm nhẹ đôi giày trắng, dọc theo vườn Merrion Square. Trong lúc chậm rãi đi tiếp, cần sao cho cách họ một khoảng vừa phải, anh ta nhìn cái đầu của Corley chốc chốc lại cúi xuống khuôn mặt người phụ nữ trẻ giống như một quả bóng lớn xoay tròn quanh trục. Anh ta đi theo đôi tình nhân cho đến khi nhìn thấy họ trèo lên xe điện đi Donnybrook, rồi anh ta quay gót và trở lại con đường vừa đi.

Giờ đây khi còn lại một mình, khuôn mặt anh ta trông già sạm. Vẻ tươi vui dường như đã bỏ rơi anh ta và bởi đang đi dọc theo hàng rào vườn Duke's Lawn, anh bèn để tay chạm theo những thanh rào. Điệu nhạc của người chơi phong cầm lúc trước bắt đầu điều khiển cử động của anh ta. Bàn chân mang giày êm giậm theo giai điệu trong khi những ngón tay anh ta uể oải lướt dọc theo rào sau mỗi đoạn nhạc.

Anh ta đi lơ vơ vòng quanh vườn Stephen's Green rồi đi xuống phố; Grafton. Mặc dù hai mắt không bỏ sót chi tiết nào của những đám đông anh ta đi xuyên qua, chúng làm vậy một cách ử ơ. Những thứ đáng lẽ ra phải đầy quyến rũ, giờ anh ta thấy thật tầm thường, và còn chẳng thêm đáp lại những cái liếc mắt mời gọi. Anh ta biết anh ta sẽ phải nói rất nhiều, phải khoác lác và mua vui, mà đầu óc và cổ họng anh ta giờ quá mệt mỏi cho những trò như vậy. Chuyện phải làm gì mấy tiếng đồng hồ từ bây giờ cho đến khi gặp lại Corley làm anh ta bức mình ít nhiều. Anh ta không nghĩ ra có thể làm gì ngoài việc cứ tiếp tục đi thế này. Anh ta rẽ sang trái khi đến góc vườn Rutland Square, và cảm thấy dễ chịu hơn chút ít trên con phố tối vắng ngắt, vẻ buồn thảm của nó hợp với tâm trạng anh ta. Cuối cùng anh ta dừng lại trước cửa kính một cửa hiệu trông xoàng xĩnh, phía trên có chữ Tiệm ăn nhẹ màu trắng. Trên tấm kính là hai dòng chữ nguệch ngoạc: "Bia gừng nhẹ và bia gừng nâu". Một đôi giầy bông bày trên cái đĩa lớn màu xanh, và cạnh đó trên một cái đĩa khác có điều bánh pudding mặn màu rất nhạt. Anh ta chăm chú nhìn đám đồ ăn một lúc, và rồi sau khi đã thận trọng nhìn hết dọc phố, vội vã bước vào hiệu ăn.

Anh ta thấy đói, bởi ngoài mấy chiếc bánh quy hai gã phục vụ quán rượu mang ra đầy miễn cưỡng theo yêu cầu, từ sáng sớm đến giờ anh ta đã ăn gì đâu. Anh ta ngồi xuống một chiếc bàn gỗ không trải khăn đối diện hai cô công nhân và một người thợ máy. Một cô bé phục vụ trông nhếch nhác đứng chờ anh ta gọi đồ ăn.

- Một đĩa đậu giá bao nhiêu? – anh ta hỏi.
- Một xu rưỡi, thưa ông – cô gái nói.
- Mang cho một đĩa đậu – anh ta nói – và một bia gừng nhẹ.

Anh ta nói cụt lủn để giảm bớt đi ấn tượng về sự cao sang, bởi từ lúc anh ta bước vào hiệu mọi cuộc trò chuyện đều ngừng lại. Mặt anh ta đỏ ửng. Để trông bình thường trở lại, anh ta đội mũ lưỡi trai lên và đặt cả hai khuỷu tay lên bàn. Người thợ máy và hai cô công nhân sầm soi anh ta kỹ càng trước khi quay lại cuộc chuyện trò của họ, giọng hạ xuống. Cô phục vụ mang lại một đĩa đậu nóng trộn tiêu và giấm, một cái đĩa, và bia gừng. Anh ta ngón ngấu chỗ thức ăn và thấy ngon đến nỗi phải nhắm trong đầu ghi nhớ địa chỉ hiệu ăn. Khi đã chén sạch chỗ đậu anh ta ngồi ngâm nga cốc bia gừng một lúc và nghĩ về cuộc phiêu lưu của Corley. Trong trí tưởng tượng anh ta thấy đôi tình nhân đang đi dạo dọc trên một con phố tối tăm nào đó, anh ta nghe thấy giọng Corley hạ thấp thì thầm tán tỉnh, và một lần nữa lại nhìn thấy vẻ toe toét miệng của người phụ nữ trẻ. Hình ảnh này bỗng làm anh ta thấy thấm thía sự nghèo nàn của cái ví tiền cũng như sinh lực của chính mình. Anh ta đã chán ngán cảnh lông bông, luôn bên bờ vực tụt bần, chán những mưu đồ mánh khéo này kia. Đến tháng Mười một này anh ta đã ba mươi một tuổi. Chẳng lẽ không bao giờ anh ta có được một công việc tử tế? chẳng lẽ không bao giờ có được một căn nhà của chính mình? anh ta nghĩ sẽ sung sướng dễ chịu làm sao khi có một lò sưởi ấm áp để được ngồi bên cạnh và một bữa tối ngon lành để được ngồi xuống ăn. Anh ta đã đi dạo trên phố quá đủ với đám bạn bè và với đám con gái. Anh ta biết đám bạn bè ấy có giá trị thế nào, anh ta cũng biết đám con gái thực ra thế nào. Ký ức lam'1 trái tuổi manh ta căm ghét cuộc sống. Nhưng hy vọng chưa hoàn toàn rời bỏ anh ta. Sau khi được ăn anh ta cảm thấy khá hơn, đỡ cảm thấy buồn thảm với cuộc đời mình hơn, đỡ u ám trong tâm tưởng hơn. Thậm chí giờ anh thắng aco'n có thể ổn định cuộc sống tại một chốn xinh xắn nào đó và sống hạnh phúc chỉ cần gặp được một cô gái tính tình đơn giản với một món dành dùm nho nhỏ.

Anh ta trả hai xu rượu cho cô bé nhếch nhác, và đi ra khỏi cửa hiệu tiếp tục chuyển lang thang của mình. Anh ta đi vào phố Capel và đi dọc về phía Tòa thị chính. Rồi anh ta rẽ vào phố Dame. Tại góc phố George, anh ta gặp hai người bạn, và dừng lại trò chuyện với họ. Anh ta cảm thấy sung sướng vì có thể nghỉ một lúc sau cuộc đi bộ dài. Bạn anh ta hỏi dạo này có gặp Corley không, và có tin gì mới không. Anh ta trả lời cả ngày hôm nay anh ta đi cùng Corley. Hai người bạn nói rất ít. Họ nhìn lơ đãng theo ai đó trong đám đông, thỉnh thoảng đưa ra những lời chê bôi. Một người nói anh ta vừa gặp Mac cách đây một tiếng trên phố Westmoreland. Nghe đến đó Lenehan nói đêm qua anh ta vừa đi uống với Mac ở quán nhà Egan. Người đàn ông trẻ gặp Mac ở phố Westmoreland hỏi có phải đúng là Mac vừa thắng chút đỉnh trong một trận bi a không. Lenehan không biết, anh ta nói Holohan đả cả bọn một chầu tại quán Egan.

Anh ta rời hai người bạn lúc mười giờ kém mười lăm và đi lên phố George. Anh ta rẽ trái chỗ khu chợ City Markets và đi tiếp vào phố Grafton. Đám đông con gái và những người đàn ông trẻ đã thừa dầm nó, và đi trên phố anh ta nghe thấy nhiều nhóm và các đôi chia tay chúc nhau ngủ ngon. Anh ta đi tới phía đồng hồ trường Phẫu thuật, nó đang điểm chuông báo mười giờ. Anh ta rảo bước dọc mặt phía bắc vườn Stephen's Green, vội vã, sợ nhỡ đâu Corley đã quay lại sớm hơn. Khi đến góc phố Merrion anh ta đứng nấp dưới bóng một cột đèn, rút ra điều thuốc để dành và châm lửa hút. Anh ta dựa lưng vào cột đèn và hướng mắt nhìn chờ đợi về phía anh ta nghĩ sẽ thấy Corley và người phụ nữ trẻ quay lại.

Tâm trí anh ta lại trở nên hoạt bát. Anh ta tự hỏi không biết Corley có thành công không. Anh ta tự hỏi không biết Corley đã hỏi cô gái chưa hay chờ đến lúc cuối mới hỏi. Anh ta khổ sở chịu đựng tất cả những nỗi lo lắng và hồi hộp cho tình cảnh của người bạn và cũng của chính anh ta. Nhưng nhớ lại hình ảnh cái đầu xoay xoay ung dung của Corley anh ta cảm thấy bình tâm lại một chút, anh ta chắc chắn Corley sẽ thu xếp mọi chuyện ổn thỏa. Rồi đột nhiên một ý nghĩ xuất hiện trong đầu anh ta nhờ đâu Corley đã tiễn cô gái về bằng đường khác, và cho anh ta leo cây. Mắt anh ta tìm kiếm dọc con phố, không hề thấy bóng dáng họ. Mà chắc chắn đã phải nửa giờ trôi qua từ lúc anh ta nhìn đồng hồ chỗ trường Phẫu thuật. Liệu Corley có thể làm một việc như thế không? anh ta châm điều thuốc cuối cùng và bắt đầu hút một cách căng thẳng. Anh ta căng mắt nhìn mỗi khi một chiếc xe điện dừng lại ở góc phía xa trên quảng trường. Chắc chắn bọn họ đã về nhà bằng đường khác. Tấm giấy cuốn điều thuốc bị bật ra và anh ta ném nó xuống đường cùng một câu chữ thề.

Đột nhiên anh ta nhìn thấy họ đang tiến về phía mình. Anh ta giật mình sung sướng, và cố nép sát hơn nữa vào cột đèn, cố đoán kết quả qua bộ dạng bước đi của họ. Họ đang đi rất nhanh, người phụ nữ trẻ bước những bước ngắn, nhanh, trong khi Corley bên cạnh cô ta chân sải những bước dài. Họ không có vẻ là đang trò chuyện. Điềm báo làm anh ta thót người như chạm phải vật nhọn. Anh ta biết Corley sẽ thất bại, anh ta biết mọi chuyện đã hỏng.

Họ rẽ xuống phố Baggot, và ngay lập tức anh ta bám theo, đi con đường mòn khác. Khi họ dừng anh ta cũng dừng. Họ nói chuyện một lát, rồi người phụ nữ trẻ xuống bậc thang vào tầng hầm một ngôi nhà. Corley vẫn đứng bên đường, cách bậc nhà một quãng. Mấy phút trôi qua. Rồi cửa trước ngôi nhà chậm chậm rón rén mở ra. Một người phụ nữ đi về phía cô ta. Hình dáng to lớn của anh ta che khuất người phụ nữ mấy giây và rồi cô ta lại hiện ra, chạy lên bậc nhà. Cửa nhà đóng lại sau cô và Corley bắt đầu rảo bước về hướng vườn Stephen's Green.

Lenehan đi nhanh theo hướng đó. Vài hạt mưa rắc xuống. Anh ta coi chúng là điềm gở và, vừa liếc lại ngôi nhà người phụ nữ trẻ vừa đi vào để đảm bảo không bị phát hiện, anh ta vừa hồi hộp chạy qua đường. Sự lo lắng và những bước chạy khiến anh ta thở hổn hển. Anh ta gọi to:

- Corley, chào!

Corley quay đầu nhìn xem ai gọi mình, rồi lại tiếp tục bước đi. Lenehan chạy sau anh ta, một tay chỉnh lại chiếc áo vải nhưa vắt trên vai.

- Corley, chào!

Anh ta đã ngang bằng với bạn và háo hức nhìn vào mặt anh ta. Anh ta không thấy gì ở đó.

- Sao? – anh ta nói – Có xoay được không?

Họ đã tới góc phố Ely Place. Vẫn không trả lời, Corley lượn sang trái và đi vào con phố nhỏ. Mọi đường

nét của anh ta toát vẻ lạnh tanh. Lenehan theo kịp bạn, thở phì phò. Anh ta thấy bị tên tò, và một sắc đe dọa xen vào giọng anh ta.

- Cậu không thể nói được hay sao? – anh ta nói – Cậu có hỏi cô ả không ?

Coley dừng lại nơi cột đèn đầu tiên và nhìn đắm đắm tàn nhẫn về phía trước. Rồi với một cử chỉ quan trọng anh ta chìa bàn tay về phía ánh đèn và, mỉm cười, chậm chậm mở nó ra trước cái nhìn chăm chú của gã đồ đệ. Một đồng tiền vàng nhỏ tỏa sáng giữa lòng bàn tay.

10. Chương 10: Đám Mây Nhỏ

Tám năm trước anh đã tiễn bạn mình tại bến North Wall và chúc anh ta thượng lộ bình an. Gallaher đã tìm được con đường cho mình. Có thể thấy ngay điều đó qua dáng vẻ lãng tử của anh ta, bộ comlê vải len cắt rất khéo, và giọng nói không hề e sợ. Ít người có được những khả năng như anh ta, và còn ít người hơn có thể tự giữ mình không bị sự thành công đó làm cho hư hỏng. Trái tim Gallaher đã được đặt đúng chỗ và anh ta xứng đáng được thành công. Có được một người bạn như thế quả không phải chuyện thường.

Tâm trí Little Chandler suốt từ trưa đến giờ chỉ quẩn quanh với cuộc gặp Gallaher, về lời mời của Gallaher tối nay, và về London rộng lớn nơi Gallaher sống. Anh bị gọi là Little Chandler bởi, dù chỉ hơi thấp bé hơn trung bình một chút, anh làm người ta có ấn tượng về một người đàn ông nhỏ bé. Tay anh trắng và nhỏ, thân hình mỏng mảnh, giọng yếu ớt và cử chỉ nhỏ nhẹ. Anh chăm sóc kỹ càng mái tóc hoe vàng mềm mại và bộ ria của mình, rắc nước hoa thoang thoảng lên chiếc khăn mùi soa. Móng tay anh tỉa hình bán nguyệt hoàn hảo, và khi anh cười người ta có thể thoáng thấy bên trong một hàng răng trắng trẻ thơ.

Ngồi bên bàn làm việc tại King's Inns, anh nghĩ về những đổi thay trong tám năm qua. Người bạn tồi tàn luôn túng quẫn anh từng biết giờ đã trở thành một nhân vật sáng chói trong giới ký giả London. Chốc chốc anh lại rời mắt khỏi trang viết tẻ ngắt của mình nhìn ra ngoài cửa sổ văn phòng. Ánh chiều thu thỏa trên thảm cỏ và lối đi. Nó phủ một làn bụi vàng lấp lánh lên những cô y tá ăn vận lôi thôi và những ông già hom hem ngồi gà gât trên ghế, nó rung rinh trên tất cả những gì đang chuyển động – lên lũ trẻ đang chạy hò hét trên lối đi rải sỏi và lên bất kỳ ai đi ngang qua khu vườn. Anh ngắm cảnh đó và nghĩ về cuộc đời, và (vẫn như mọi lần anh nghĩ về cuộc đời) anh trở nên buồn bã. Một cảm giác u sầu ngập tràn trong anh. Anh thấy thật vô nghĩa khi cứ phải cố chống lại số phận, cái gánh nặng thông thái hàng đời đã chất lên anh.

Anh nhớ lại hàngchồng thơ chất trên giá sách ở nhà. Anh đã mua chúng hồi còn độc thân và đã bao đêm, khi ngồi trong căn phòng nhỏ sau sảnh, anh đã từng rất muốn lấy một quyển xuống và đọc một đoạn cho vợ nghe. Nhưng sự ngưng ngừng luôn cản bước anh, và thế là những quyển sách lại nằm yên trên giá. Đôi khi anh tự lẩm nhẩm mấy đoạn và điều này làm anh thấy được an ủi.

Khi chuông báo hết giờ làm việc vang lên, anh đứng dậy và rời khỏi bàn, chào tạm biệt đồng nghiệp, tất cả đều thật tí mỉ. Anh bước ra từ vòm cổng kiểu cung đình của King's Inns, bé nhỏ tẻ chĩnh, và rảo bước xuôi phố Henrietta. Hoàng hôn mạ vàng đang nhạt dần và không khí đã buốt hơn. Một lũ trẻ trông cáu bẳn tụ tập trên phố. Chúng loảng quảng dưới lòng đường, bò lên bậc thang phía trước những cánh cửa khép hờ, hoặc ngồi lổm ngổm như lũ chuột con trên thềm nhà. Little Chandler không thèm để ý đến chúng. Anh khéo léo lách xuyên qua cái cuộc sống chuột bọ vụn vặt đó, dưới bóng những dinh thự ma quái hoang vu một thời giới quý tộc Dublin từng hội hè sung sướng. Không một hồi ức nào của quá khứ vương bạn anh, bởi tâm trí anh còn đang ngập tràn niềm vui sướng của hiện tại.

Anh chưa bao giờ đến tiệm Corless nhưng anh biết giá trị của cái tên đó. Anh biết người ta đến đó sau khi đến nhà hát để ăn món sò và uống các loại rượu, và anh nghe nói hầu bàn ở đó nói được tiếng Pháp và tiếng Đức. Mỗi tối khi rảo bước ngang qua tiệm anh vẫn thấy những cỗ xe dừng lại trước cửa và những quý bà ăn mặc sang trọng, theo sát là những quý ông thấp túng, bước xuống và biến mất vào tiệm. Họ mặc những chiếc váy sột soạt và tầng tầng lớp lớp áo khoác. Mặt họ đánh phấn và họ túm lấy váy nâng lên mỗi khi chúng chạm đất như những nàng Atalanta hoảng sợ. Anh luôn đi ngang qua họ mà không quay đầu lại nhìn. Rảo bước thật nhanh trên đường đã trở thành thói quen của anh ngay cả ban ngày, và mỗi khi nhận

ra mình đang ở trong thành phố lúc đêm khuya anh lại vội vã bước đi, vừa thấy lo ngại vừa thấy phấn khích. Tuy nhiên đôi lúc anh lại muốn chuốc lấy những nguyên do gây ra sự sợ hãi của mình. Anh chọn những đường phố tối nhất, hẹp nhất và khi dần bước tiến lên, sự im lặng lan tỏa quanh tiếng bước chân lại làm anh hoảng sợ, những thân hình vờ vẩn, im lìm làm anh lo sợ, và đôi khi một tiếng cười khê thoảng qua làm anh run lên như cây sậy trước gió.

Anh rẽ phải về phía phố Capel. Ignatius Gallaher thuộc giới ký giả London! Tám năm trước đây ai có thể nghĩ được chuyện đó? Nhưng dù sao giờ đây khi nhìn lại quá khứ, Little Chandler nhớ lại đã có nhiều dấu hiệu chứng tỏ bạn anh sẽ là người thành đạt. Hồi đó người ta từng nói Ignatius Gallaher thật điên rồ. Tất nhiên hồi đó đúng là anh ta có qua lại với một đám phóng đảng, uống rượu thả cửa và moi tiền khắp lượt. Cuối cùng anh ta dính vào vụ gì đó mờ ám, dàn xếp tiền nong gì đó, ít nhất đó là một trong những phiên bản giải thích chuyện anh tacao chạy xa bay. Nhưng không ai có thể phủ nhận tài năng của anh ta. Luôn có cái gì đó...điều gì đó ở Ignatius Gallaher làm người ta dù không muốn cũng phải thán phục. Kể cả khi sắp nhả túi phải đi kiểm từng xu anh ta cũng luôn giữ được một vẻ phớt đời. Little Chandler nhớ lại (và chuyện này khiến má anh hơi đỏ lên kiêu hãnh) một trong những câu nói của Ignatius Gallaher lúc bị dồn vào bước khó khăn;

- Nào ,giải lao thôi các cậu – anh ta thường nói một cách bông đùa – Cái mũ thông thái của tớ đâu rồi ấy nhỉ?

Ignatius Gallaher là như thế, và chết tiệt chứ, không thể không ngưỡng mộ anh ta vì điều đó.

Little Chandler vội bước nhanh hơn. Lần đầu tiên trong đời anh cảm thấy mình cao hơn những người anh đi qua. Lần đầu tiên tâm hồn anh nổi loạn chống lại vẻ tầm thường nhàm chán của phố Capel,. Không còn nghi ngờ gì, nếu muốn thành công người ta phải đi thật xa. Không thể làm được gì ở Dublin này. Khi đi qua cầu Grattan, anh nhìn xuống sông về phía bờ thấp phía dưới và thương hại những ngôi nhà lụp xụp nghèo khó. Trông chúng như đám người lang thang nằm rúc lại với nhau dọc hai bờ sông , những mảnh áo khoác cũ lấm đầy bụi và bồ hóng, rộng càng u độn hơn trong cảnh hoang hôn hùng vĩ, đang đợi chờ làn hơi lạnh đầu tiên của buổi tối đến đánh thức, lay họ dậy bước đi. Anh tự hỏi liệu mình có thể viết được một bài thơ với ý này không. Nhờ đâu Gallaher có thể gửi đăng trên tờ báo London nào đó cho anh. Liệu anh có thể viết được thứ gì đó độc đáo không nhỉ? Anh không chắc lắm mình muốn thể hiện ý tưởng gì, nhưng cái ý nghĩ mình vừa có cảm hứng thi ca đâm chồi trong anh như một tia hy vọng mới mẻ. Anh can đảm bước tiếp.

Mỗi bước đi lại mang anh gần hơn với London và xa hơn khỏi cuộc sống đứng ngoài nghệ thuật tẻ ngắt của anh. Một tia sáng bắt đầu cựa quậy nơi đường chân trời trong tâm trí anh. Anh đâu đã già – ba mươi hai tuổi! Tâm hồn anh có thể nói giờ mới đang độ chín. Có bao trạng thái cảm xúc khác nhau anh muốn được diễn đạt thành thơ. Anh có thể cảm thấy chúng. Anh cố đặt tâm hồn mình lên bàn cân xem có phải nó là tâm hồn của một thi sĩ không. U sầu là nốt nhạc chủ đạo của tâm hồn anh, anh nghĩ, nhưng đó là nỗi u sầu được dịu đi bởi sự trở lại của đức tin, sự cam chịu và niềm vui giản dị. Nếu anh có thể diễn đạt nó thành một tập thơ có lẽ người ta sẽ lắng nghe anh. Anh sẽ không bao giờ nổi tiếng, anh nhìn thấy rõ điều đó. Anh không thể thống trị đám đông, nhưng có khi anh có thể làm rung động một nhóm nhỏ những tâm hồn đồng điệu. Giới phê bình Anh có thể sẽ công nhận anh là một trong những thi sĩ trường phái Celtic bởi ảnh hưởng u sầu trong thơ anh, ngoài ra, anh sẽ cho thêm những ẩn dụ nữa. Anh bắt đầu tưởng tượng ra những câu chữ trong bài phê bình mà tập thơ của anh sẽ nhận được. Mr Candler có biệt tài với những vần thơ nhẹ nhàng thanh thoát...Một nỗi buồn man mác ngập tràn trong những bài thơ này...Âm hưởng Celtic. Thật đáng tiếc sao tên anh trông lại không giống một cái tên Ireland hơn chút nhỉ. Có khi nên ghi thêm tên mẹ anh vào trước tên họ Thomas Malone Chandler, hoặc thậm chí là T. Malone Chandler. Anh sẽ nói với Gallaher về chuyện này.

Anh chìm đắm trong những mơ tưởng của mình đến nỗi đã đi quá phố muốn đến và phải quay lại. Khi đến gần tiệm Corless sự lo âu lúc trước lại chiếm lấy anh và anh dừng lại trước cửa, ngập ngừng. Cuối cùng anh cũng mở cửa bước vào.

Ánh đèn và tiếng ồn của quán rượu làm anh khựng lại nơi cửa mấy giây. Anh nhìn quanh, nhưng cái nhìn của anh bị làm cho lẫn lộn bởi cơ man những ly rượu màu xanh đỏ. Có vẻ quán rượu đang đầy người và anh cảm thấy người ta đang tò mò quan sát anh. Anh liếc nhanh sang phải rồi sang trái (hơi nhứ mày để

trông có vẻ quan trọng) nhưng khi nhìn rõ hơn một chút anh nhận ra rằng chẳng có ai quay ra nhìn anh hết, và kia, chắc chắn rồi, là Ignatius Gallaher đang dựa lưng vào quầy, hai chân đứng giạng ra.

- Chào Tommy, người hùng, cậu đây rồi! gì nào? cậu sẽ uống gì? Tớ đang uống whisky, whisky ở đây khá hơn chỗ bọn tớ. Soda? Lithia? Không thêm nước khoáng à? Tớ cũng giống cậu. Mấy thứ đó chỉ tổ làm hỏng vị.. Này, garçon, mang cho chúng tôi hai nửa ly whisky mạch nha, anh bạn...Nào, cậu xoay xở thế nào từ lần cuối tớ gặp cậu? chúa ơi, chúng mình già đi mới khiếp chứ! Cậu có nhìn thấy tớ có dấu hiệu lão hóa gì không? Hả, gì cơ? Đầu hơi xám và thưa đi, hả?

Ignatius Gallaher bỏ mũ xuống, chia ra một cái đầu lớn tóc cắt sát. Mặt anh ta nặng nề, nhợt nhạt, cạo nhẵn thín. Mắt anh ta, màu xám nhạt, lộ ra vẻ xanh xao bệnh tật và rực sáng phía trên chiếc ca vát màu cam sắc sỡ anh ta đeo. Giữa hai đường nét đối chọi này là đôi môi trông trẻ hẳn xuống eo uột tái nhợt. Anh ta nghiêng đầu và lấy hai ngón tay mảnh dẻ sờ vào viền tóc mỏng quanh đỉnh đầu. Little Chandler lắc đầu phủ nhận, Ignatius Gallaher đội lại mũ lên.

- Nó làm cậu kiệt quệ - anh ta nói - cuộc đời ký giả ấy. Lúc nào cũng vội vã hối hả kiếm bài mà đôi khi cũng có kiếm được đâu, mà lại luôn phải tìm m.c dđi'ch thứ gì mới chứ. Mặc cha bọn sửa bông với bọn nhà in, tớ nói, biến đi vài ngày đã. Tớ thực sự vui, có thể nói với cậu như vậy, được trở lại quê hương. Luôn tốt cho sức khỏe, chuyện đi nghỉ ấy. Tớ cảm thấy khá hơn rất nhiều từ khi đặt chân trở lại cái Dublin thân thương bản thổ này..Rượu của cậu đây, Tommy. Thêm nước lọc à? Cứ nói nhé.

Little Chandler pha ly whisky của anh rất loãng.

- Cậu không biết cái gì tốt cho cậu rồi, cậu bé - Ignatius Gallaher nói - Tớ thì tớ uống nguyên luôn.

- Bình thường tớ cũng chỉ uống rất ít mà - Little Chandler rụt rè - Cùng lắm là nửa ly gì đó lúc nào gặp bạn bè cũ, chỉ thế thôi.

- Được rồi - Ignatius Gallaher vui vẻ - nào, nâng ly cho bọn mình và cho thời xa xưa và những bạn bè cũ.

Họ chạm ly.

- Hôm nay tớ cũng gặp mấy cậu hồi đó - ignatius Gallaher nói - O'Hara có vẻ xuống dốc quá. Cậu ta đang làm gì vậy?

- Chẳng làm gì cả - Little Chandler nói - Đời cậu ta coi như bỏ rồi.

- Nhưng Hogan thì khá, phải không?

- Phải, cậu ta làm ở Ủy ban Đất Đai

- Tớ từng gặp cậu ấy ở London một đêm nọ và cậu ta có vẻ xúng xểng lắm ...Tội nghiệp O'Hara! Nát rượu, có phải không?

- Cả những chuyện khác nữa - Little Chandler ngắt gọn.

Ignatius Gallaher cười phá lên.

- Tommy - anh ta nói - tớ thấy cậu chẳng mấy may thay đổi. Cậu vẫn là anh chàng đứng đắn giảng đạo cho tớ mỗi sáng Chủ nhật những lần tớ đau đầu buồn nôn. Cậu cần phải đi thăm thú thế giới này một chút đi. Cậu đã bao giờ đi đâu chưa, kể cả đi du lịch?

- Tớ đã đến Isle of Man - Little Chandler nói.

Ignatius Gallaher lại cười phá lên.

- Isle of Man! - anh ta kêu lên - Hãy đi đến London hoặc Paris, Paris ấy. Sẽ tốt cho cậu đấy.

- Cậu đã đến Paris chưa?

- Có khi tớ nên đến nhỉ? Tớ chả mòn gót ở đây rồi ấy chứ.

- Và đúng là nó đẹp như người ta vẫn nói chứ? - Little Chandler hỏi.

Anh nhấp một ngụm rượu trong khi Ignatius Gallaher dốc cạn ly của anh ta.

- Đẹp ư? – Ignatius Gallaher nói, ngừng lại tìm từ, cũng để thưởng thức vị rượu ngấm nơi cổ họng – Không đẹp lắm, cậu biết đấy. Tất nhiên là nó đẹp rồi...Nhưng là chuyện cuộc sống ở Paris, vấn đề ở chỗ đó. Ôi, không thành phố nào sánh được với Paris về vui vẻ, về phấn khích, về cuồng nhiệt....

Little Chandler uống cạn ly của mình, và sau một chút khó nhọc, cũng khiến được người phục vụ chú ý, anh lại gọi một ly giống thế.

- Tớ đã đến Moulin Rouge – Ignatius Gallaher tiếp tục khi người phục vụ mang ly của họ đi – và tớ cũng từng đến tất cả quán cà phê Bôhêmiêng, thật nóng bỏng chứ! Nhưng không dành cho một gã sùng đạo như cậu đâu , Tommy.

Little Chandler không nói gì cho đến khi người phục vụ quay lại với hai ly rượu rồi anh chạm nhẹ ly với bạn và uống đáp lễ. Anh bắt đầu cảm thấy vỡ mộng sao đó. Giọng Gallaher cùng cách nói của anh ta không làm anh thoải mái. Có một cái gì đó thô bỉ ở người bạn mà trước đây anh chưa từng nhận thấy. Nhưng có thể đó chỉ là hậu quả của chuyện sống ở London giữa những cơn quay cuồng và cạnh tranh của giới ký giả. Nét duyên dáng riêng biệt xưa kia vẫn còn đó ẩn dưới vẻ hóm hỉnh mới có này. Và dù sao, Gallaher đã sống, đã nhìn thấy thế giới. Little Chandler nhìn bạn anh với một vẻ ghen tị.

- Cái gì ở Paris cũng vui vẻ - Ignatius Gallaher nói – Họ tôn sùng chuyện hưởng thụ cuộc sống và cậu thấy họ có lý đấy chứ ? nếu cậu muốn hưởng thụ thực sự, cậu phải tới Paris. Và cho cậu biết nhé, ở đó họ thích người Ireland lắm đấy. Khi họ nghe thấy tớ bảo tớ là người Ireland, họ gần như ăn tươi nuốt sống tớ, anh bạn ạ.

Little Chandler uống liền bốn, năm ngụm rượu.

- Kể cho tớ biết – anh nói – có đúng là Paris rất, rất ...hư hỏng như người ta nói không?

Ignatius Gallaher giơ cánh tay phải lên khoát một cử chỉ rộng lượng.

- Nơi nào không hư hỏng – anh ta nói – tất nhiên cậu có thể tìm thấy những thứ vui vẻ nhất ở Paris. Tới một đêm nhảy nhót của sinh viên chẳng hạn. Hơi bị sôi nổi đấy, nói như kiểu của cậu, lúc nào các em bắt đầu bốc lên. Tớ chắc cậu biết thế nghĩa là gì, phải không?

- Tớ có nghe nói – Little Chandler nói.

Ignatius Gallaher dốc cạn chỗ whisky và lắc lắc đầu.

- À – anh ta nói – người ta có thể muốn nói gì thì nói. Nhưng không phụ nữ ở đâu sánh bằng phụ nữ ở Paris hết, về độ vui vẻ, về phong cách.

- Có nghĩa đó là một thành phố hư hỏng – Little Chandler nói, rụt rè – Ý tớ là, nếu so với London hay Dublin?

- London á! – Ignatius Gallaher kêu lên – Tám lạng nửa cân thôi! Đi mà hỏi Hogan ấy, chàng trai. Tớ đã giới thiệu cho cậu ta chút ít về London hồi cậu ta ở đó. Cậu ta sẽ mở mắt cho cậu...tớ bảo rồi, Tommy, đừng có uống whisky hảo hạng thế này mà như uống rượu punch nhà cậu, cạn ly đi.

- Thôi, thật đấy...

- Dào, thôi nào, một ly nữa cũng có hại gì đâu. Gì nào? lại một ly như thế chứ?

- Thôi..được rồi.

- Francois, tiếp như cũ...Cậu làm một điều chứ, Tommy?

Ignatius Gallaher đặt lên quầy hộp xì gà của anh ta. Hai người bạn châm xì gà và nhả khói trong im lặng cho đến khi rượu được mang ra.

- Tớ sẽ nói cho cậu biết quan điểm của tớ - Ignatius Gallaher nói, cất giọng trở lại sau một lúc nấp sau đám khói thuốc – đây là một thế giới kỳ quặc. Nói về chuyện hư hỏng! Tớ từng được nghe những trường hợp – tớ đang nói gì nhỉ - tớ biết họ, những trường hợp ...hư hỏng....

Ignatius Gallaher trầm tư nhả khói từ điệu xì gà và rồi, với một giọng kể chuyện điềm tĩnh, anh ta phác nên cho bạn những bức tranh về sự suy đồi tràn lan ở xứ ngoại quốc. Anh ta tổng kết lại những tệ nạn của

nhieu thủ đô và có vẻ muốn trao giải quán quân cho Berlin. Có một số thứ anh ta không chắc lắm (bạn bè kể lại cho anh ta), nhưng về những chuyện khác thì đúng là anh ta đã tự mình chứng kiến. Anh ta chẳng từ loại nào, đủ thượng vàng hạ cám. Anh ta tiết lộ rất nhiều bí mật về các cộng đồng tôn giáo ở Âu Châu lục địa và tả lại một số kiểu đang là một trong giới quý tộc, và kết thúc bằng câu chuyện chi tiết về một nữ công tước người Anh - một câu chuyện mà anh ta biết là có thật. Little Chandler cứ sững sờ lắng nghe.

- Dào, vậy đấy - Ignatius Gallaher nói - và chúng ta lại ở đây tại cái đất Dublin cổ lỗ sĩ này, chẳng bao giờ người ta có thể tưởng tượng ra những chuyện như thế.

- Giờ chắc hẳn cậu phải thấy nó ngán ngẩm lắm nhỉ? - Little Chandler nói - Sau tất cả những nơi cậu từng đi qua!

- À không - Ignatius Gallaher nói - quay về đây thật thoải mái, cậu biết đấy. Vả lại, dù sao đây cũng là quê hương, như họ vẫn nói, phải không? người ta không thể không có những tình cảm nhất định với nó. Bản tính con người mà... Nhưng hãy kể cho tớ nghe về cậu đi chứ. Hogan bảo tớ cậu đã được.. Ném trải niềm vui cuộc sống lứa đôi. Cách đây hai năm, phải không?

Little Chandler đỏ mặt mỉm cười:

- Phải - anh nói - Tớ mới cưới được một năm, tháng Năm năm ngoái.

- Tớ hy vọng giờ nói lời chúc mừng thì vẫn chưa quá muộn chứ - Ignatius Gallaher nói - Tớ không biết địa chỉ của cậu chứ không hỏi đó tớ đã gửi thư chúc mừng rồi.

Anh ta lại chìa tay ra và Little Chandler nắm lấy.

- Nào Tommy - anh ta nói - tớ chúc cậu và vợ cậu có được mọi niềm vui trong cuộc sống, anh bạn, có tiền bạc như nước, và chúc cậu không bao giờ chết cho đến ngày tớ bắn chết cậu. Và đó là lời chúc của một người bạn chân thành, một người bạn cũ. Cậu hiểu chứ?

- Tớ hiểu - Little Chandler nói.

- Có nhóc nào chưa? - Ignatius Gallaher nói.

Little Chandler lại đỏ mặt.

- Bọn tớ có một đứa.

- Trai hay gái?

- Một cu cậu.

Ignatius Gallaher vỗ bôm bốp lên lưng bạn.

- Hoan hô - anh ta nói - tớ biết cậu mà, Tommy.

Little Chandler mỉm cười, bối rối nhìn vào ly rượu của mình và cắn môi dưới bằng ba cái răng cửa trắng trẻ thơ.

- Tớ hy vọng cậu sẽ ăn tối với bọn tớ một hôm - anh nói - trước khi cậu đi. Vợ tớ sẽ rất vui được gặp cậu. Chúng ta có thể nghe chút nhạc và...

- Cảm ơn rất nhiều, anh bạn - Ignatius Gallaher nói - Tớ rất tiếc chúng mình không gặp nhau sớm hơn. Đêm mai tớ đi rồi.

- Hay là tối nay?

- Tớ vô cùng xin lỗi, anh bạn. Cậu thấy tớ ở đây với một cậu khác nữa đấy, cũng trẻ trung tinh ranh lắm, và chúng tớ định tối một vụ ăn uống đánh bài. Giá mà được ...

-Ồ không, nếu thế thì...

- Nhưng ai mà biết chứ? - Ignatius Gallaher nói nữa - Năm sau biết đâu tớ lại trốn về đây nữa, giờ thì đã gặp lại được bạn bè rồi. Chỉ là hoàn cuộc vui lại chút ít thôi mà.

- Được rồi – Little Chandler nói – lần sau cậu về chúng ta nhất định phải ăn tối với nhau. Thỏa thuận rồi đấy nhé?

- Phải, thỏa thuận thế - Ignatius Gallaher nói – năm sau nếu tớ về, Parole d'honneur (lời hứa danh dự).

- Và để đánh dấu kết thúc thỏa thuận – Little Chandler nói – giờ chúng ta sẽ uống thêm một ly nữa.

Ignatius Gallaher rút ra một chiếc đồng hồ bằng vàng lớn và cúi xem.

- Ly cuối phải không nhỉ? – anh ta nói – Bởi, cậu biết đấy, tớ bị mắc chút ít .

- Phải, phải, tất nhiên rồi – Little Chandler nói.

- Thế thì được – Ignatius Gallaher nói – vậy bọn mình làm thêm ly nữa gọi là chén quan hà nhé - từ đó gọi một ly whisky nhỏ thì tớ nghĩ đúng là chuẩn đấy.

Little Chandler gọi rượu. Vẻ ửng đỏ trên mặt anh mấy phút trước giờ đang lan rộng. Một chuyện nhỏ cũng có thể làm anh đỏ mặt bất cứ lúc nào và lúc này anh cảm thấy nóng và vui. Ba ly whisky nhỏ đã bốc lên đầu và điều gì gần nặng Gallaher mời đã làm tâm trí anh rối tung, bởi anh là một người nhạy cảm và điều độ. Toàn bộ cuộc phiêu lưu này, gặp lại Gallaher sau tám năm, rồi thấy mình đang cùng với Gallaher trong tiệm Corless, xung quanh là ánh đèn và tiếng ồn, lắng nghe những câu chuyện của Gallaher và chỉ sẽ một thoáng cuộc sống lãng tử và vinh quang của Gallaher, đã làm chao đảo bản tính nhạy cảm của anh. Anh cảm thấy rất rõ sự trái ngược giữa cuộc sống của anh và của bạn an toàn, và điều này đối với anh dường như thật bất công. Tính về tuổi đời cũng như học hành Gallaher đều kém anh. Anh chắc chắn rằng anh có thể làm được điều gì đó tốt hơn bạn anh đã từng làm, hoặc có thể làm, một điều gì cao hơn nghề ký giả hào nhoáng, chỉ cần anh có cơ hội. Cái gì đã chặn bước anh? Bản tính rụt rè không may của anh! Anh ước gì có thể chứng tỏ bản thân theo cách nào đó để khẳng định sức mạnh đàn ông của mình. Anh nhìn thấu điều ẩn sau sự từ chối của Gallaher với lời mời của anh. Gallaher chỉ hạ cố làm bạn với anh giống như anh ta hạ cố về thăm Ireland.

Người phục vụ mang rượu đến cho họ. Little Chandler đẩy một ly về phía bạn và mạnh dạn cầm ly kia lên.

- Ai mà biết được ? – anh nói khi họ cùng nâng ly – Năm sau khi cậu về đây có khi tớ lại được hân hạnh chúc mừng hạnh phúc ông và bà Ignatius Gallaher ấy chứ .

Ignatius Gallaher đang chuẩn bị uống, nháy một mắt đầy ngụ ý qua gọng kính. Khi đã uống xong anh ta chẹp môi cả quyết, đặt ly xuống và nói.

- Không phải lo chuyện vặt ấy, cậu bé. Tớ phải bay nhảy tận hưởng cuộc đời và thế giới này trước khi cho đầu vào rọ - mà không chắc tớ có làm thế không nữa.

- Rồi một ngày cậu sẽ làm thôi – Little Chandler điềm tĩnh.

Ignatius Gallaher xoay xoay chiếc cốc vắt màu cam và đôi mắt xanh xám sang hẳn phía bạn.

- Cậu nghĩ vậy à? – anh ta nói.

- Cậu rồi sẽ cho đầu vào rọ thôi – Little Chandler bình tĩnh nhắc lại – giống như mọi người nếu như cậu có thể tìm được một cô nàng.

Anh đã hơi dần giọng một chút, và anh hoàn toàn biết anh đã phản bội lại chính mình, nhưng, mặc dù má đã đỏ bừng lên, anh không hề nao núng trước cái nhìn của người bạn. Ignatius Gallaher nhìn anh thêm mấy giây nữa rồi nói.

- Nếu nó ó xảy ra đi nữa, cậu có thể đem đầu đánh cược rằng sẽ không có chuyện lãng mạn tình cảm gì ở đây. Ý tớ là tớ sẽ kết hôn vì tiền. Cô ta sẽ phải có một tài khoản khá khá ở ngân hàng, nếu không đừng hòng dụ được tớ.

Little Chandler lắc đầu.

- Sao chứ, đồ chết giấm – Ignatius Gallaher nói hăng hái – cậu có biết thế là gì không? giờ tớ nói miệng thế thôi nhưng ngày mai tớ có thể có được cả cô nàng lẫn tiền bạc đấy .cậu không tin à? Dào, tớ biết hết. Có hàng trăm – tớ đang nói gì ấy nhỉ - hàng nghìn cô ả người Đức hoặc Do Thái giàu có, thừa thãi tiền bạc, họ

chẳng bám ngay lấy ấy chứ...Cậu cứ chờ xem, cậu bé. Chờ xem tớ có đi được nước bài đung không. Khi tớ đã để ý chuyện gì, thì chuyện đấy là chuyện làm ăn thực sự, bảo cho cậu biết. Cậu cứ chờ mà xem.

Anh ta dốc cạn ly rượu và cười âm ỉ. Rồi anh ta nhìn thẳng phía trước một cách trầm tư và nói với một giọng trầm tĩnh hơn.

- Nhưng tớ chẳng với gì phải vội. Bọn họ có thể chờ. Tớ không khoái chuyện phải ràng buộc với một phụ nữ nào cả, cậu biết đấy.

Anh ta dùng miệng nhai hành động ném thử và làm điệu bộ nhăn mặt.

- Chắc sẽ như ăn phải cơm sống nhỉ, tớ đoán thế - anh ta nói.

Little Chandler ngồi trong căn phòng nhỏ sau sảnh, tay ôm đứa bé. Để tiết kiệm tiền họ không thuê người giúp việc, nhưng em gái Annie là Monica ngày nào cũng đến khoảng một tiếng buổi sáng và một tiếng buổi tối giúp họ việc nhà. Nhưng giờ Monica đã về nhà lâu rồi. Đã chín giờ kém mười lăm. Little Chandler đã về muộn giờ uống trà, và tệ hơn, anh hẳn quên rẽ qua tiệm Bewley lấy bịch cà phê cho Annie. Hẳn nhiên là cô đang bực mình và nhăm nhẳm với anh. Cô nói đã thế thì không có trà triếc gì nữa, nhưng khi sắp hết giờ cửa hiệu góc phố đóng cửa, cô lại quyết định tự mình đi mua một lạng trà và một cân đường. Cô khéo léo đặt đứa trẻ đang ngủ vào tay anh và nói.

- Đây, đừng có mà đánh thức nó.

Ngọn đèn nhỏ chụp bằng sứ trắng trên bàn tỏa ánh sáng xuống một bức ảnh lồng trong khung sừng ép. Đó là bức ảnh của Annie. Little Chandler nhìn nó, dừng lại nơi làn môi mỏng mím chặt. Cô đang mặc một chiếc áo mùa hè xanh nhạt anh đã mua về tặng cô một ngày thứ Bảy. Anh đã mất đến mười shilling và mười một xu cho nó, nhưng còn nỗi hồi hộp khổ sở anh phải chịu đựng vì nó nữa! anh đã khốn khổ ngày hôm đó như thế nào, chầu chực đợi bên ngoài cửa hiệu cho văn khách, đứng nơi quầy, cố tỏ ra bình thản trong khi cô bán hàng đặt từng chồng áo phụ nữ trước mặt anh, trả tiền rồi quên mất lấy mấy xu lẻ tiền trả lại, rồi được người thu ngân gọi lại, và cuối cùng, vừa ra khỏi hiệu vừa khốn khổ cố giấu đi khuôn mặt đỏ bừng của mình bằng cách giả vờ cúi xuống kiểm tra xem gói quà đã được buộc chắc chưa. Khi anh mang nó về nhà, Annie hôn anh và nói chiếc áo thật đẹp và hợp một, nhưng khi nghe thấy giá tiền cô ném chiếc áo lên bàn và nói bán chiếc áo này giá mười shilling mười một xu thì đúng là trò lừa đảo trắng trợn. Lúc đầu cô định mang trả nó, nhưng đến khi mặc thử vào thì cô thích nó quá, nhất là chỗ ống tay, và hôn anh, nói anh thật tốt đã quan tâm đến cô.

Hừm!

Anh lạnh lẽo nhìn vào đôi mắt trong bức ảnh và cũng lạnh lẽo nhìn lại anh. Hẳn nhiên chúng thật đẹp và cả khuôn mặt nữa cũng thật xinh đẹp. Nhưng anh thấy một cái gì thật tầm thường ở đó. Tại sao nó thật vô tình và thật ủy mị thế kia? Sự bình thản của đôi mắt làm anh tức giận. Chúng khước từ và thách đố anh, không đam mê, không say đắm. Anh nhớ lại những gì Gallaher nói về những cô ả Do Thái giàu có. Những đôi mắt phương Đông đen huyền đó, anh nghĩ, sao mà chúng tràn đầy đam mê, đầy ham muốn khoái lạc! Tại sao anh lại đi cười đôi mắt trong bức ảnh kia cơ chứ?

Anh ngừng lại trước câu hỏi và thẳng thốt nhìn quanh căn phòng. Anh thấy nét gì đó thật tầm thường trong những thứ đồ đạc xinh xắn anh từng mua trả góp cho ngôi nhà của mình. Annie đã tự mình chọn chúng và chúng gợi anh nhớ về cô. Cả chúng nữa, trông chúng cũng quá nét na xinh đẹp. Một nỗi oán giận cuộc đời bùng lên trong anh. Có thể nào anh không thể trốn thoát được ngôi nhà nhỏ của mình? đã quá muộn để cố gắng sống can đảm như Gallaher rồi sao? Anh có thể đi London được không? vẫn còn vài món đồ chưa trả hết tiền. Chỉ cần anh viết được một cuốn và gửi cho nhà xuất bản, có thể nó sẽ mở ra cho anh một lối thoát.

Một quyển thơ Byron nằm trên bàn trước mặt anh. Anh cẩn thận dùng tay trái mở nó để không làm đứa bé thức giấc và bắt đầu đọc bài thơ đầu tiên.

Gió lớn lặng rồi và hoàng hôn u ám

Gió cũng thôi thoảng qua những lùm cây

Khi tôi quay về ngắm mộ nàng Margaret

Và rải hoa lên tro người tôi yêu

Anh ngừng lại .anh cảm thấy âm điệu bài thơ lan tỏa khắp căn phòng. Nó mới u buồn làm sao! Liệu anh, anh cũng có thể bao giờ được như vậy, diễn tả được sự u uẩn của tâm hồn mình thành thơ như thế? Có bao nhiêu điều anh muốn thể hiện, ví dụ như cảm giác của anh vài giờ trước đó trên cầu Grattan. Giá như anh có thể tìm lại cảm giác đó một lần nữa...

Đứa trẻ thức giấc và bắt đầu khóc. Anh bỏ trang sách đầy quay sang cố dỗ dành nó, nhưng nó không chịu nín. Anh bắt đầu đưa nó nhẹ nhàng, nhưng tiếng khóc ngằn ngặt của nó càng to hơn. Anh đứng đưa nó nhanh hơn trong khi mắt lại nhìn sang tiếp khổ thơ thứ hai:

Dưới mộ nhỏ này nàng đã là đất sét

Đất sét đó từng là...

Vô ích. Anh không thể đọc được. Anh không thể làm gì được cả. Tiếng khóc ngằn ngặt của đứa trẻ xói vào tai anh. Đúng là vô ích, vô ích! Anh đã trở thành người tù lãnh án chung thân. Hai cánh tay anh run lên giật dữ, và đột nhiên cúi xuống mặt đứa trẻ, anh hét lên:

- Im ngay!

Đứa bé nín lặng một thoáng, rồi sững sốt kinh hoàng, nó gào lên. Anh bật khỏi ghế và lật đật đi đi lại lại trong phòng hai tay ôm đứa trẻ. Nó bắt đầu thổn thức, lặng đi bốn hay năm giây gì đấy rồi lại òa lên khóc. Bốn bức tường mỏng căn phòng vang dội tiếng khóc. Anh cố gắng dỗ dành nó, nhưng nó càng khóc to hơn. Anh nhìn khuôn mặt co rúm và run rẩy của đứa trẻ và bắt đầu thấy lo lắng. Anh đếm được có tới bảy cơn nức nở liên tục và sợ hãi ôm nó sát ngực. Nếu nó chết thì sao...

Cửa phòng bật mở và một phụ nữ trẻ lao vào, hỗn hển.

- Làm sao vậy? làm sao vậy? – cô kêu lên.

Đứa bé, nghe thấy tiếng mẹ, lại òa lên một cơn nức nở thảm thiết.

- Không sao đâu, Annie, không sao đâu .. .Nó tự nhiên òa khóc thôi...

Cô ném mấy cái gối xuống sàn và giật lấy đứa bé từ tay anh.

- Anh đã làm gì nó vậy? – cô hét lên, quắc mắt nhìn anh.

- Little Chandler chững lại một giây trước cái nhìn và tìm anh nhói lên khi cảm thấy sự thù hận trong đôi mắt ấy. Anh lấp bắp

- Có gì đâu ...Nó...nó òa khóc... Anh không biết.. Anh không thể ... Anh chẳng làm gì được cả...Sao?

Không thềm nghe anh nói một lời cô biết đi đi lại lại trong phòng, ôm chặt đứa bé trong tay và thì thầm.

- Con trai của mẹ! Con trai bé bỏng của mẹ! Con sợ lắm phải không, con yêu? Được rồi, con yêu...Được rồi! Lambabaun (con cừu non)! Con cừu bé bỏng yêu nhất đời của mẹ! Được rồi....

Little Chandler cảm thấy hai má rục lên xấu hổ và anh lùi lại xa khỏi ánh đèn. Anh lắng nghe cơn nức nở của đứa trẻ nhỏ dần nhỏ dần, và những giọt nước mắt hối hận dâng đầy mắt anh.

11. Chương 11

NHỮNG BẢN SAO

Một hồi chuông vang lên giật dữ và, khi Miss Parker bước lại nhắc máy, một giọng Bắc Ireland the thé bực tức cất lên.

- Cho gọi ngay Farrington lên đây!

Miss Parker quay lại máy chữ của mình, nói với người đàn ông đang ngồi viết ở bàn bên cạnh.

- Ngài Alleyne muốn gặp anh trên gác.

Người đàn ông lảo đảo rất khê “Gã trời đánh!” và đẩy ghế đứng dậy. Khi đứng anh ta trông khá cao lớn. Mặt anh ta nhão nhoẹt, màu rệu rã, lông mày và ria hoe vàng, mắt hơi lồi và lòng trắng đục ngầu. Anh ta nhấc mặt quây lên, đi qua đám khách hàng, nặng nề lê bước ra khỏi phòng.

Anh ta bước nặng nhọc lên cầu thang đến tầng hai, chỗ cánh cửa treo tấm biển bằng đồng đề chữ Mr Alleyne. Đến đây anh ta dừng lại, phì phò bụi bặm, và gõ cửa. Giọng the thé kêu lên.

- Vào đi!

Người đàn ông bước vào căn phòng của Mr Alleyne. Cùng lúc đó Mr Alleyne, một người đàn ông nhỏ thó đeo kính gọng vàng trên một khuôn mặt nhẵn nhụi, ngẩng phắt đầu lên từ đồng giấy tờ. Cái đầu trông cũng hồng hào và trơn tru đến nỗi trong như một quả trứng lớn ngự trên đồng giấy. Mr Alleyne không bỏ phí một giây.

- Farrington? Thế này nghĩa là sao? Tại sao lúc nào tôi cũng phải than phiền vì anh vậy? tôi có thể hỏi anh tại sao anh chưa chép lại bản hợp đồng vụ Bodley và Kirwan không? tôi đã bảo anh là phải xong trước bốn giờ kia mà.

- Nhưng ngài Shelly nói là, thưa ngài...

- Ngài Shelly nói là, thưa ngài... Làm ơn lắng nghe những gì tôi nói chứ không phải những gì ngài Shelly nói, thưa ngài. Lúc nào anh cũng có lý do này nọ để trốn việc. Tôi xin được nói với anh rằng nếu hợp đồng đó không được chép lại xuống trước tối nay tôi sẽ mang chuyện này báo cáo lên ngài Crosbie...Anh có nghe tôi nói không đấy?

- Vâng, thưa ngài.

- Anh có nghe tôi nói không đấy? À, còn một vấn đề nhỏ nữa! Nói với anh thế này thà nói với đầu gối còn hơn. Tôi nói cho anh hiểu chỉ một lần này thôi rằng anh có nửa tiếng ăn trưa chứ không phải là một tiếng rưỡi. Anh muốn ăn bao nhiêu món cơ chứ? tôi muốn biết lắm... Anh có nghe tôi nói không đấy?

- Vâng, thưa ngài.

Mr Alleyne lại cúi đầu xuống đồng giấy tờ. người đàn ông nhìn chăm chăm vào cái sọ bóng mượt đang hướng xuống hồ sơ vụ Crosbie & Alleyne, đánh giá độ mỏng của nó. Một cơn giận bùng lên thất vọng cổ họng anh ta mấp máy rồi tan dần, để lại một cảm giác khát cháy. Người đàn ông nhận ra cảm giác đó và cảm thấy tối nay nhất định anh ta phải uống đã đời. Đã hết nửa tháng, nếu anh có thể chép xong kịp bản hợp đồng. Mr Alleyne có thể ký giấy cho anh ta lấy lương. Anh ta đứng im, nhìn chăm chăm vào cái đầu ngự trên đồng giấy tờ. Đột nhiên, Mr Alleyne lục tung đồng giấy, tìm cái gì đó. Rồi, như thể đến giờ ông ta mới nhận ra người đàn ông vẫn ở đó từ nãy, ông ta lại ngẩng phắt đầu lên, nói.

- Sao? Anh định đứng đó cả ngày đấy hử? Thề chứ, Farrington, anh coi thường mọi thứ quá đấy!

- Tôi đang chờ để xem...

- Tốt lắm, anh không cần chờ để xem cái gì cả. xuống làm việc của anh đi.

Người đàn ông bước nặng nhọc về phía cửa và khi ra khỏi căn phòng, anh ta nghe thấy Mr Alleyne quát đằng sau rằng nếu bản hợp đồng không được chép xong trước tối nay thì ngài Crosbie sẽ được báo cáo mọi chuyện.

Anh ta trở lại bàn mình trong căn phòng tầng dưới và đếm số trang còn lại phải chép. Anh ta nhấc bút lên và nhúng nó vào lọ mực, nhưng lại tiếp tục nhìn dờ dẩn vào những dòng chữ vừa viết lúc trước. Trong tất cả trường hợp ngài Bernard Bodley buộc....Buổi tối đang đến gần và trong mấy phút nữa thôi người ta sẽ tắt đèn gas, lúc đó anh ta có thể viết. Anh ta thấy phải làm dịu cơn khát trong cổ họng. Anh ta đứng dậy rời khỏi b' n và lại nhấc mặt quây lên như lúc trước, đi ra khỏi phòng. Khi ngang qua viên thư ký trưởng, ông ta nhìn anh dò hỏi.

- Không có chuyện gì đâu, ngài Shelly – người đàn ông nói, ra dấu diễn tả mục đích ra ngoài của mình.

Viên thư ký trưởng liếc nhìn giá để mũ, nhưng thấy trên giá vẫn còn đầy, ông ta không nói gì cả. Vừa ra đến hành lang người đàn ông rút khỏi túi áo một chiếc mũ dạ, đội lên đầu và chạy thật nhanh xuống cái cầu thang ọp ẹp. Ra đến phố anh ta đi lên lút sát bên lề đường về phía góc phố và đột nhiên rẽ vào trong một cánh cửa. Giờ anh ta đã an toàn trong căn phòng nhỏ để mở cửa quán O'Neill, và thò gương mặt đỏ rục của mình, không biết là đỏ màu rượu chất hay màu thịt bò vào ô cửa nhỏ mở vào quầy rượu, gọi to:

- Nay Pat, mang cho tớ một choác porter nào, anh bạn.

Người phục vụ mang cho anh ta một ly bia porter. Người đàn ông dốc ừng ực hết một hơi rồi hỏi xin ít hạt thì là . Anh ta đặt đồng xu lên mặt quầy và để mặc người phục vụ dò dẫm tìm nó trong bóng tối, rút lui khỏi quán cũng với vẻ lén lút như lúc đến.

Bóng tối, cùng với làn sương dày đặc, đang bắt đầu phủ lên buổi hoàng hôn tháng hai và đèn đường trên phố Eustace đã bật sáng. Người đàn ông đi men theo những ngôi nhà cho đến khi tới cửa văn phòng, tự hỏi liệu anh ta có thể chép xong kịp giờ không. Trên cầu thang, một mùi nước hoa ẩm ướt hăng hắc sộc vào mũi anh ta, rõ ràng Miss Delacour đã đến khi anh ta đang ở quán O'Neill. Anh ta vò chiếc mũ dứt lại vào túi và bước vào văn phòng, nét mặt làm ra vẻ lơ đãng.

- Ngài Alleyne cho gọi anh mãi – viên thư ký trưởng nói nghiêm khắc – Anh vừa đi đâu vậy?

Người đàn ông nhìn nhanh hai khách hàng đang đứng trước quầy như thể muốn ám chỉ sự có mặt của họ làm anh ta không tả lời được. Bởi cả hai người khách đều là đàn ông, viên thư ký trưởng tự cho phép mình cười phá lên.

- Tôi biết tổng cái trò đấy rồi – ông ta nói – Nhưng năm lần trong một ngày thì cũng hơi..Thôi, anh nên tề chỉnh lại đi rồi mang tập sao thư từ vụ Delacour lên cho ngài Alleyne.

Bài diễn văn ở ngay chốn đông người, rồi chuyện phải chạy học tốc lên gác, và chỗ bia anh ta vừa vội vàng nuốt chửng, tất cả làm tâm trí người đàn ông rối bời và khi ngồi xuống bàn mình để tìm cái đang được yêu cầu, anh ta nhận ra chuyện phải chép xong bản hợp đồng trước năm giờ rưỡi sao mà xa vời. Buổi tối ẩm ướt tối tăm đang đến gần và anh ta chỉ muốn sao tối nay được tới quán rượu, uống với bạn bè trong ánh đèn gas rục rở và tiếng chạm ly lạnh canh. Anh ta lấy tập thư từ vụ Delacour và rời khỏi phòng. Anh a hy vọng Mr Alleyne sẽ không phát hiện ra việc bị thiếu hai lá thư cuối.

Mùi nước hoa ẩm ướt hăng hắc rải suốt đường đi lên phòng Mr Alleyne. Miss Delacour là một phụ nữ trung niên có vẻ bề ngoài của người Do Thái. Mr Alleyne bị đờn là luôn tỏ ra dịu ngọt với bà ta hay tiền của bà ta thì cũng không rõ. Bà ta rất hay đến văn phòng và mỗi lần đến thì đều ở lại rất lâu. Giờ đây bà ta đang ngồi bên bàn của ông ta, sức nước hoa, tay vuốt vuốt cán ô và gật gật chiếc lông chim lớn gài trên mũ. Mr Alleyne đã quay ngược ghế của mình lại để ngồi đối diện với bà ta và vui vẻ gác bàn chân phải của ông ta lên đầu gối bên trái. Người đàn ông đặt tập thư từ lên bàn và cúi chào kính cẩn, nhưng cả Mr Alleyne lẫn Miss Delecour đều không thèm liếc mắt nhìn cái cúi chào ấy. Mr Alleyne gõ gõ một ngón tay lên tập thư rồi bật tách tách nó về phía anh ta như để nói được rồi, được rồi, giờ anh có thể đi.

Người đàn ông trở lại căn phòng tầng dưới và ngồi xuống bàn. Anh ta nhìn chăm chú vào dòng chữ dở dang: trong tất cả các trường hợp ngài Bernard Bodley buộc...và nghĩ đúng là kỳ cục khi ba từ cuối cùng lại bắt đầu cùng một phụ âm. Viên thư ký trưởng bắt đầu giục miss Parker, nói cô sẽ không bao giờ đánh máy xong đồng thư để kịp gửi bưu điện mất. Người đàn ông lắng nghe tiếng lạch xạch của cái máy một lúc rồi bắt đầu chép nốt. Nhưng đầu óc anh ta cứ rối tung lên và tâm trí anh ta mơ tưởng đến ánh rục rở và tiếng lạnh canh của quán rượu. Tối nay đúng là một tối sinh ra để dành cho rượu punch nóng. Anh ta tiếp tục đánh vật với tờ giấy, nhưng khi đồng hồ điểm năm giờ anh ta vẫn còn tận mười bốn trang nữa phải chép. Chết tiệt! Anh ta sẽ không xong kịp mất. Anh ta chỉ muốn được chửi rửa thật to, được đắm xuống thứ gì đó thật mạnh. Anh ta tức giận đến nỗi đã viết nhầm Bernard Bodley thành Bernard Bernard và lại phải viết một tờ khác.

Anh ta cảm thấy giận đến nỗi có đủ sức đập tan cái văn phòng này chỉ bằng mấy cái quờ tay. Cơ thể anh ta muốn được làm một cái gì đó ghê gớm, được bùng thoát ra ngoài và đập phá. Tất cả những thứ tầm thường anh ta vẫn phải làm từ trước đến nay làm anh ta giận điên lên. Anh ta có thể hỏi riêng người thủ quỹ nhờ ứng trước chút tiền không? không, người thủ quỹ chẳng được tích sự gì, chẳng được tích sự chết tiệt gì cả,

hắn ta sẽ không tạm ứng gì hết...Anh ta biết sẽ gặp được bọn bạn: Leonard, O'Halloran và Nosey, và Flynn ở đâu. Phong vũ biểu cảm xúc của anh ta đi đến vạch nổi loạn.

Trí tưởng tượng làm anh ta đắm chìm đến nỗi tên mình vang lên tận hai lần anh ta mới đáp lại. Mr Alleyne và Miss Delacour đang đứng bên ngoài quây và tất cả đám thư ký đều đã quay hết lại chờ xem điều gì sắp xảy ra. Người đàn ông đứng dậy khỏi bàn. Mr Alleyne bắt đầu một tràng chửi rửa, bảo có hai lá thư bị thiếu. Người đàn ông trả lời anh ta không biết gì về chuyện đó, rằng anh ta đã chép lại tất cả đồng thư từ y như bản gốc. Tràn chửi rửa tiếp tục, nó nghe thật mỉa mai và độc địa đến nỗi người đàn ông phải cố gắng lắm mới kìm giữ được nắm đấm của anh ta không hạ trên cái đầu của gã lùn đang ở trước mặt.

- Tôi không biết gì về hai lá thư khác hết – anh ta nói ngây độn.

- Anh-không-biết-gì-hết . Tất nhiên là anh không biết gì hết - Mr Alleyne nói – Nói xem nào – ông ta tiếp sau khi đã liếc nhìn chờ sự hưởng ứng từ quý bà bên cạnh – anh cho tôi là thằng ngu hả? Anh cho tôi là thằng đại ngu hả?

Người đàn ông nhìn nhanh từ khuôn mặt của quý bà sang cái đầu hình quả trứng bé xíu rồi ngược lại, và, gần như trước khi anh kịp nhận ra, lưỡi anh ta đã tìm được một khoảng khắc thuận lợi:

- Tôi không nghĩ rằng, thưa ngài – anh ta nói – Câu đấy mà hỏi tôi thì phù hợp cho lắm.

Tất cả đám thư ký ngừng thở. Ai nấy đều kinh ngạc (ngay cả tác giả của câu mỉa mai cũng không kém kinh ngạc) và Miss Delacour, một người mạnh mẽ dễ gần, nở một nụ cười lớn. Mr Alleyne đổ rần đến tận chân tóc và miệng của ông ta méo xệch trong cơn giận dữ của một anh lùn. Ông ta giờ nắm đấm lên mặt người đàn ông cho đến khi nó rung lên bần bật như tay nắm máy chạy điện:

- Đồ lưu manh hỗn láo! Đồ lưu manh hỗn láo! Tôi sẽ không tha cho anh đâu! Cứ chờ đấy! Anh sẽ xin lỗi tôi vì sự hỗn láo của anh hoặc anh sẽ bị đuổi việc ngay lập tức. Anh sẽ bị đuổi việc, tôi nói cho mà biết , hoặc anh phải xin lỗi tôi!

Anh ta đứng khuất dưới cánh cửa đối diện văn phòng, chờ xem người thủ quỹ có đi ra một mình không. Tất cả đám thư ký đã ra hết và cuối cùng người thủ quỹ bước ra cùng viên thư ký trưởng. Bây giờ có mà nói lời nào với hắn ta cũng chẳng ích gì vì có viên thư ký trưởng ở đó. Người đàn ông cảm thấy tình thế của mình thật không gì thảm hại hơn. Anh ta đã buộc phải hèn hạ xin lỗi Mr Alleyne vì sự hỗn láo của mình nhưng anh ta hoàn toàn từ bây giờ văn phòng này sẽ trở thành tổ kiến lửa với anh ta. Anh ta vẫn còn nhớ cái cách Mr Alleyne đã buộc Peake bé nhỏ phải rời khỏi văn phòng như thế nào để nhường chỗ cho cháu ông ta. Anh ta cảm thấy giận dữ và thêm khát trả thù, tức giận với chính mình và với những người khác. Mr Alleyne sẽ không bao giờ cho anh ta một tiếng đồng hồ nghỉ giữa giờ nữa, cuộc sống của anh ta sẽ trở thành địa ngục. Lần này anh ta đã tự biến mình thành một gã ngốc chính cống. Giá như anh ta có thể giữ mồm giữ miệng? nhưng trước đây họ, anh ta và Mr Alleyne, cũng đã bao giờ thân thiện được với nhau, nhất là từ ngày Mr Alleyne tình cờ nghe thấy anh ta đang nhại giọng Bắc Ireland của ông ta để mua vui cho Higgins và Miss Parker, đó chính là khởi đầu mọi chuyện. Đáng lẽ anh ta có thể thử hỏi vay Higgins tiền, nhưng Higgins lo bản thân mình cũng chẳng đủ. Một người đàn ông phải gánh miệng ăn cho cả hai gia đình, tất nhiên anh ta không thể...

Anh ta lại cảm thấy cơ thể to lớn của mình đòi hỏi được cảm thấy dễ chịu nơi quán rượu. Sương đêm bắt đầu làm anh ta lạnh cóng và anh ta tự hỏi liệu có thể giật tạm Pat ở quán O'Neill. Anh ta sẽ không thể vay Pat hơn một shilling – mà một shilling thì chẳng ích gì. Nhưng thế nào đi nữa anh ta nhất quyết cũng phải giật tạm từ mỗi nào đấy : anh ta đã dùng đồng xu cuối cùng cho ly bia lúc này và chẳng mấy chốc tìm mỗi vay thì sẽ quá muộn. Đột nhiên, khi đang xoay xoay cái dây xích đồng hồ, anh ta nghĩ đến hiệu cầm đồ Terry Kelly trên phố Fleet. Đây chính là lối thoát! Làm sao mà anh ta không nghĩ ra sớm hơn kia chứ!

Anh ta rảo bước xuyên qua phố Temple Bar hẹp, miệng lẩm bẩm cả lũ chúng nó cứ xuống địa ngục hết đi, bởi anh ta sẽ xả láng ở đây cả đêm luôn. Người trông hàng tiệm Terry Kelly phán Một curron ! Nhưng nhân viên ký gửi lại cho giá sáu shilling, và cuối cùng thì sáu shilling đã được giao cho anh ta. Anh ta vui sướng ra khỏi tiệm cầm đồ, chổng đấm xua giữa ngón cái và ngón trỏ. Phố Westmorreland chật cứng đàn ông và phụ nữ trẻ mới tan sở, và những thằng nhóc rách rưới chạy náo loạn miệng rao báo buổi tối. Người đàn ông đi xuyên qua đám đông, bao quát cảnh tượng trước mắt với một vẻ hài lòng kiêu ngạo và hách dịch nhìn ngắm đám con gái công sở. Đầu anh ta ngập tràn tiếng còi xe điện và tiếng xe kéo cọt kẹt và mũi anh

ta chưa gì đã ngửi thấy những làn khói tỏa lên từ ly rượu punch. Trong lúc bước đi anh ta định trước trong đầu những từ sẽ dùng để kể lại sự việc hôm nay với lũ bạn.

- Thế là, tớ chỉ nhìn lão ta – thờ ơ, các cậu biết đấy, rồi nhìn sang mụ ta. Rồi tớ quay lại nhìn lão ta để kéo dài thời gian các cậu biết đấy. Tôi không nghĩ rằng câu đấy mà hỏi tôi thì phù hợp cho lắm, tớ nói.

Nosey Flynn đang ngồi trong góc ưa thích của mình trong quán Davy Byrne, và khi nghe xong câu chuyện, anh ta mua cho Farrington ly nhỏ whisky bảo đó là câu trả lời thông minh nhất mà anh ta từng nghe. Farrington mời lại bạn một ly nhỏ. Một lúc sau O'Halloran và Paddy Leonard bước vào và câu chuyện lại được kể lại cho bọn họ. O'Halloran mua cho cả bọn mỗi người một ly nhỏ rượu malt nóng và kể lại chuyện anh ta đã đối đáp trả đũa viên thư ký trưởng hồi còn làm ở hãng Callan trên phố Fownes ra sao, nhưng bởi câu trả đũa của anh ta là theo kiểu mực đồng chân chắt trong các bài thơ cổ, anh ta phải thừa nhận rằng nó không thông minh bằng câu trả đũa của Farrington. Đến đây Farrington bảo đảm bạn hãy cùng trăm phần trăm và gọi tiếp châu nữa.

Vừa lúc họ đang lần lượt gọi các loại nước cay tiếp theo, thì xem ai bước vào nếu không phải là Higgins! Tất nhiên anh ta phải nhập bọn với bọn họ. Cả bọn đòi anh này kể lại câu chuyện như anh ta chứng kiến, và anh ta làm vậy bằng một giọng cực kỳ sôi nổi, bởi hình ảnh năm ly rượu whisky trước mặt thật đáng hồ hởi. Cả bọn cười phá lên ầm ĩ khi anh ta diễn lại cảnh Mr Alleyne run run gờ nắm đấm trước mặt Farrington. Rồi anh ta nhại lại giọng Farrington, nói Và đây, chiến hữu của tôi, luôn phốt đời như các quý cô bằng tưởng tượng, trong khi Farrington nhìn xuống các bạn từ đôi mắt hùm hụp đục ngầu của anh ta, mỉm cười và chốc chốc lại dùng môi dưới liếm những giọt rượu đọng trên ria mép.

Khi châu đó kết thúc, cả hội ngừng lại. O'Halloran có tiền, nhưng cả hai người kia chẳng ai có vẻ có đồng nào, thế là cả bọn rời khỏi quán có phần luyến tiếc. Tại góc phố Duke, Higgins và Nosey Flynn rẽ trái, trong khi ba người kia quay lại đi về phía thành phố. Mưa phùn đổ lên những con phố lạnh lẽo, và khi đến Ballast Office, Farrington đề nghị họ vào quán Scotch House. Quán rượu rất đông và ầm ĩ tiếng nói cười chạm ly. Ba người đàn ông đi qua đám nhóc bán diêm đang lải nhải mời chào ở cửa và đứng chụm với nhau ở góc quầy. Họ bắt đầu tán chuyện. Leonard giới thiệu hai người kia với một chàng trẻ tuổi tên Weathers, nghệ sĩ nhào lộn kiêm hát và đọc thơ đang biểu diễn tại Tivoli. Farrington gọi rượu cho cả bọn. Weathers nói anh ta sẽ uống một ly Ireland nhỏ pha Apollinaris. Farrington, tỏ ra sành sỏi, hỏi hai người kia họ có muốn uống Apollinaris không, nhưng họ bảo Tim mang cho họ whisky nóng. Câu chuyện trở nên hoành tráng. O'Halloran mời một châu và rồi Farrington mời châu tiếp theo, trong khi Weathers phản đối rằng sự hiếu khách này Ireland quá. Anh ta hứa sẽ mời họ vào hậu trường và giới thiệu cho họ mấy em đáng yêu. O'Halloran nói anh ta và Leonard nhất định sẽ tới, nhưng Farrington thì không bởi anh ta đã có vợ, và đôi mắt hùm hụp đục ngầu của Farrington liếc về phía bạn tỏ ý anh ta biết anh ta đang bị trêu. Weathers mời cả bọn nhấp miệng thêm một châu nữa, lần này anh ta trả và hẹn gặp lại cả bọn lúc sau tại quán Mulligan trên phố Poolbeg.

Khi Scotch House đóng cửa họ vòng sang quán Mulligan. Họ đi vào căn phòng nhỏ phía trong và O'Halloran gọi cho cả bọn loại nhỏ nóng đặc biệt. Cả bọn ai cũng bắt đầu chéch choáng. Khi Weathers quay lại Farrington mới đang chuẩn bị gọi tiếp châu nữa cho cả bọn. Farrington nhẹ cả người vì lần này anh ta chỉ gọi một ly bitter. Ngân khố đang cạn dần nhưng vẫn còn đủ để họ tiếp tục. Giờ có hai phụ nữ trẻ đội mũ rộng vành và một người đàn ông mặc comlê kẻ ca rô bước vào và ngồi ở bàn bên cạnh. Weathers chào họ và bảo cả bọn rằng những người này làm cùng đoàn ở Tivoli. Mắt Farrington nhìn chăm chăm về phía một trong hai người phụ nữ. Có một cái gì đó thật ấn tượng ở vẻ bề ngoài của cô ta. Chiếc khăn mutxolin vĩ đại màu xanh cổ vịt phủ quanh mũ và được thắt lại thành một cái nơ lớn dưới cằm cô ta, và cô ta đeo găng tay màu vàng tươi, dài đến khuỷu. Farrington đắm đuối nhìn cánh tay mũm mĩm cử động liên tục với một vẻ điệu đà, và khi, sau một lúc, cô ta nhìn đáp lại, anh ta lại càng đắm đuối nhìn đôi mắt to đen của cô ta. Vẻ kiêu kỳ của chúng làm anh ta mê đắm. Cô ta liếc lại một hai lần gì đó và, khi cả bọn rời phòng, cô ta quẹt sát vào ghế anh ta và nói, Ôi xin lỗi, bằng giọng London. Anh ta nhìn theo, hy vọng cô ta sẽ quay đầu nhìn lại, nhưng anh ta bị thất vọng. Anh ta nguyên rửa cảnh thiếu thốn tiền nong của mình và nguyên rửa tất cả chỗ rượu mà anh ta đã trả tiền, nhất là chỗ whisky với Apollinaris anh ta phải trả cho Weathers. Nếu trên đời này anh ta ghét nhất điều gì thì đó chính là bọn ăn chực. Anh ta giận dữ đến nỗi không theo được hội bạn đang nói gì.

Khi Paddy Leonard gọi anh ta mới nhận ra họ đang nói về chuyện thi thổ sức mạnh. Weathers đang khoe

bắp tay trước cả bọn và huênh hoang đến nỗi hai người kia phải cầu cứu Farrington hãy cứu lấy thể diện quốc gia. Thế là Farrington kéo ống tay áo lên và chìa cho cả bọn xem bắp tay của anh ta. Hai cánh tay được xem xét và so sánh và cuối cùng cả bọn thỏa thuận tổ chức một cuộc đọ tay xem sao. Ly được dọn đi và hai người đàn ông chống khuỷu tay lên bàn, đan tay vào nhau. Khi Paddy Leonard hô bắt đầu! Mỗi người phải cố gắng hạ tay người kia xuống bàn. Farrington trông rất nghiêm túc và quyết tâm.

Cuộc tỉ thí bắt đầu. Sau khoảng ba mươi giây Weathers từ từ hạ tay đối thủ xuống mặt bàn. Khuôn mặt màu rượu chát của Farrington trở nên thẫm và đánh lại đầy tức giận và nhục nhã vì bị thua bởi một thằng nhóc con như vậy.

- Cậu không được từ người lên. Chơi đúng luật đi – anh ta nói.

- Ai không chơi đúng luật ở đây chứ? – người kia nói.

- Bắt đầu lại. Ai được hai trên ba lần sẽ thắng luôn.

Cuộc tỉ thí bắt đầu lại. Gân trên trán Farrington nổi chằng chịt, còn nước da xanh xao của Weathers chuyển sang màu tía. Bàn tay và cánh tay của họ rung bần bật vì gắng sức. Sau một hồi lâu vật lộn Weathers lại từ từ hạ tay địch thủ xuống bàn. Từ phía khán giả vang lên tiếng rì rầm tán thưởng. Người phục vụ, đang đứng cạnh bàn, gật gật cái đầu tóc đỏ của anh ta về phía người chiến thắng và nói với giọng bỗ bã què mùa:

- A, bác này khá quá!

- Mà thì biết cái quái gì chứ? – Farrington nói một cách dữ tợn, quay sang chàng trai – Chỉ giỏi lẻo mép.

- Xuyt, xuyt! – O'Halloran nói, nhìn thấy vẻ giận dữ trên nét mặt Farrington – Chuẩn bị chuồn thôi, các cậu. Mình uống thêm tí đỉnh nữa rồi ngược nhé.

Một người đàn ông nét mặt cực kỳ sung sướng đứng ở góc cầu O'Connell chờ chuyển xe điện Sandymount về nhà. Lòng anh ta nung nấu đầy giận dữ và trả thù. Anh ta cảm thấy nhục nhã và bất mãn, thậm chí anh ta không còn cảm thấy say nữa, và anh ta chỉ còn hai xu trong túi. Anh ta nguyên rửa mọi thứ. Anh ta đã tự làm hại mình ở văn phòng, đi cầm đồng hồ, tiêu sạch tiền và thậm chí đến say cũng không cảm thấy. Anh ta lại cảm thấy khát và anh ta lại muốn trở lại quán rượu nóng bức sặc mùi. Anh ta đã đánh mất danh tiếng là người đàn ông khỏe nhất, bị đánh bại hai lần chỉ bởi một gã oắt con. Lòng anh ta quặn lên giận dữ và khi nhớ lại người phụ nữ đội mũ rộng vành đã quệt qua anh ta và nói Xin lỗi, cơn giận dâng lên suýt nữa làm nghẹt cổ anh ta.

Xe điện thả anh ta xuống đường Shelbourne và anh ta lê cơ thể kèn càng của mình dọc theo bóng bức tường của khu doanh trại. Anh thấy chán ghét phải về nhà. Khi bước vào qua cửa phụ anh ta thấy phòng bếp trống trơn và lò sưởi đã gần tàn. Anh ta gọi vọng lên gác.

- Ada! Ada!

Vợ anh ta là một người phụ nữ nhỏ bé nét mặt sắc sảo hành hạ chồng khi anh ta tỉnh và bị anh ta hành hạ lúc anh ta say. Họ có năm đứa con. Một thằng bé chạy xuống gác.

- Ai đấy? – người đàn ông hỏi, căng mắt trong bóng tối.

- Con, bố ạ.

- Mà là đứa nào? charlie à?

- Không, bố ạ. Tom.

- Mẹ mà đi đâu rồi?

- Mẹ đi lễ ạ.

- Ủ phải... Mẹ mà có nhớ phần tao tí bữa tối nào không?

- Có bố ạ. Con...

- Thắp đèn lên. Mà làm gì mà để nhà cửa tối tăm thế này? Mấy đứa khác đã đi ngủ chưa?

Người đàn ông ngồi phịch xuống một chiếc ghế trong khi thằng bé thấp đèn. Anh ta bắt đầu nhai lại giọng đều đều của thằng con, mà cũng như nói với chính mình: đi lễ, đi lễ, đi lễ ạ! Khi đèn đã được thấp anh ta đâm tay xuống bàn và hét lên:

- Bữa tối của tao đâu ?

- Con chuẩn bị.. Nấu đây, bố - thằng bé nói.

Người đàn ông nhảy dựng lên giận dữ và chỉ vào lò:

- Nấu trong cái lò thế kia hả? mà để tắt à? Thẻ có Chúa tao sẽ dạy mày xem có dám làm thế nữa không!

Anh ta nhảy một phát đến sau cửa và tóm lấy cây can dựng trong góc.

- Tao sẽ dạy mày thế nào là để lò tắt! - anh ta nói, xắn ống tay áo để đánh dễ hơn.

Thằng bé kêu lên, Ôi bố ơi! Và vừa khóc thút thít vừa chạy quanh bàn, nhưng người đàn ông đuổi theo và túm được áo nó. Thằng bé nhón nhác nhìn lên mặt bố, nhưng thấy không còn cơ thoát được, nó quỳ xuống.

- Nào, xem mày có dám để lò tắt nữa không!

Người đàn ông nói, đánh liên tục vào thằng bé bằng cây can

- Cho mày chết này, đồ oắt con!

Thằng bé ré lên đau đớn mỗi khi cái gậy đập xuống đùi. Nó chấp hai tay lại và giọng lạc đi hoảng sợ.

- Ôi bố ơi! - nó khóc - Đừng đánh con, bố ơi! Con sẽ... con sẽ đọc một bài kinh Kính mừng cho bố. Con sẽ đọc một bài kinh Kính mừng cho bố. Bố ơi, bố đừng đánh con..con sẽ đọc một bài kinh Kính mừng....

Đất sét

Người quản lý đã cho phép bà được đi ngay sau khi bữa tiệc trà của đám phụ nữ kết thúc, và Maria nôn nóng chờ đợi buổi tối của bà. Bếp đã sáng bóng, người đầu bếp bảo chỗ nồi giờ đã có thể soi gương được. Lửa trong lò cháy đều và trên chiếc bàn kê sát tường đã bày sẵn bốn cái bánh barmbrack rất lớn. Bánh trông như chưa được cắt, nhưng nếu đến gần sẽ thấy chúng đã thành những lát dày đều tăm tắp, sẵn sàng cho bữa trà. Maria đã tự tay cắt bánh.

Maria đúng là một người rất, rất nhỏ bé, nhưng bà có một cái mũi vô cùng dài và một cái cằm vô cùng dài. Giọng bà hơi nghèn nghẹt, bao giờ cũng nhỏ nhẹ “đúng rồi, em” và “Không đâu, em”. Bà luôn được cử đến dàn xếp mỗi khi đám phụ nữ cãi cọ ganh bì chuyện chẫu giắt và luôn hòa giải thành công. Một hôm người quản lý bảo:

- Maria, bà đúng là một nhà hòa giải!

Người phó quản lý và hai quý bà trong Ủy ban cũng đã nghe được lời khen đó. Còn Ginger Mooney thì luôn miệng nói nếu không nể Maria thì cô ta đã cho cái con bé ngu dốt trong tổ là ủi một trận. Ai cũng vô cùng yêu quý Maria.

Đám phụ nữ có bữa trà lúc sáu giờ vậy là bà sẽ có thể rời tiệm trước bảy giờ. Từ Ballsbridge đến Pillar, hai mươi phút; từ Pillar đến Drumcondra, hai mươi phút; và hai mươi phút mua đồ. Bà sẽ có mặt tại đó trước tám giờ. Bà lôi chiếc ví có khóa bạc ra, đọc lại dòng chữ “Kỷ niệm Belfast”. Bà rất thích chiếc ví này bởi Joe đã mua cho bà năm năm trước, khi nó và Alphy tới Belfast trong dịp Ngày thứ hai lễ hạ trần. Trong ví có hai nửa đồng curon và mấy xu lẻ. Bà sẽ còn lại tận năm shilling sau khi trả tiền vé xe điện. Họ sẽ có một buổi tối tuyệt vời, bọn trẻ sẽ hát hò say sưa! Chỉ có điều bà hy vọng Joe sẽ không về nhà trong bộ dạng say xỉn. Nó trở nên khác hẳn mỗi khi uống rượu.

Nó vẫn luôn muốn bà đến ở cùng gia đình nó, nhưng khi đó bà sẽ cảm thấy mình chỉ gây phiền (mặc dù vợ Joe đối xử rất tốt với bà) và lại bà đã quen với cuộc sống ở tiệm giặt là. Joe là một người tốt. Bà đã nuôi nấng nó và Alphy nữa, và Joe vẫn thường nói:

- Mẹ thì vẫn là mẹ, nhưng Maria mới đúng là mẹ tôi.

Sau khi gia đình tan rã bọn con trai đã tìm cho bà một căn trong tiệm giặt là Dublin dưới Ánh đèn đêm, và bà thích công việc ở đây. Bà từng có ấn tượng không mấy tốt đẹp về những người theo đạo Tin Lành nhưng giờ bà nghĩ họ là những người rất tốt, tuy hơi ít nói và nghiêm trang, nhưng vẫn là những người rất tốt. Rồi bà có được những cây riêng của mình trong nhà kính và bà rất thích chăm sóc chúng. Bà có mấy cây dương xỉ và lan tai cáo rất xinh và, mỗi lần có ai đến thăm, bà luôn biếu họ một hai cành về giâm. Có một điều bà không thấy thích lắm, đó là những bài răn hiểu lễ trên tường, nhưng người quản lý là một người rất dễ chịu, rất lịch thiệp.

Khi người đầu bếp bảo bà mọi thứ đã sẵn sàng bà đi vào phòng dành cho người làm nữ và bắt đầu rung cái chuông lớn. Chẳng mấy chốc đám phụ nữ đã túm tụm hai ba người đi vào, vừa đi vừa chùi hai bàn tay còn đầy hơi nước của họ vào váy lót rồi kéo ống tay áo xuống phủ hai cánh tay đỏ ửng. Họ lục tục ngồi xuống trước những cái ca rất lớn người đầu bếp và con bé giúp việc vừa đổ đầy trà nóng đã có sẵn sữa và đường đổ từ những bình thiếc to đùng. Maria chăm sóc việc chia bánh barmbrack sao cho mỗi người đều nhận được bốn lát. Tiếng cười nói pha trò râm ran suốt bữa trà. Lizzie Fleming nói thế nào rồi Maria cũng sẽ bắt được nhần và mặc dù Fleming đã nói thế bao nhiêu đêm Halloween, Maria vẫn phải cười phá lên và nói bà không muốn nhần cũng không muốn ông chồng nào hết, và khi bà cười đôi mắt xanh xám của bà thoáng chút ngượng ngùng thất vọng và đầu mũi bà gần chạm chòm cằm. Rồi Ginger Mooney nâng ca trà của mình lên chúc sức khỏe Maria, trong lúc tất cả những người khác gõ ca lách cách xuống mặt bàn, và Ginger Mooney nói chán quá, giá mà cô có chút bia đen để uống mừng sự kiện này. Và Maria lại phá lên cười cho đến khi đầu mũi bà gần chạm chòm cằm và cho đến khi thân hình nhỏ xíu của bà gần như tách đôi ra, bởi bà biết Mooney thật sự có ý tốt, mặc dù tất nhiên cô ta cũng chỉ là một người đầu óc đơn giản.

Nhưng quả thật Maria thấy nhẹ cả người khi đám phụ nữ kết thúc bữa trà và người đầu bếp cùng con bé giúp việc bắt đầu thu dọn. Bà đi vào căn phòng nhỏ của mình và nhớ ra sáng mai là sáng đi lễ, bà vận kim đồng hồ từ bảy giờ lên sáu giờ. Rồi bà cởi bỏ chiếc váy và đôi ủng mặc khi làm việc, đặt chiếc váy đẹp nhất lên giường và đôi giày đi chơi nhỏ xíu của mình cạnh chân giường. Bà thay cả áo nữa và lúc đứng trước gương, bà nghĩ lại hồi xưa khi còn thiếu nữ mỗi lần đi lễ sáng Chủ nhật bà từng ăn mặc như thế nào, và bà ngắm nhìn cơ thể nhỏ xíu của mình với một vẻ triu mến lạ lẫm, cơ thể bấy lâu nay bà vẫn chăm chút. Dù đã bao nhiêu năm trôi qua bà stil thấy nó thật xinh xắn gọn ghẽ.

Khi bà ra đến ngoài, đường phố lấp lánh dưới làn mưa và bà mừng vì đã mang theo cái áo mưa cũ màu nâu của mình. Xe điện chật cứng và bà phải ngồi trên chiếc ghế đầu nhỏ phía cuối, đối diện với mọi người, chân chỉ hơi chạm sàn. Bà sắp xếp trong đầu những việc mình sắp làm, và nghĩ rằng được tự do, có một chút tiền trong túi thế này quả là tốt hơn. Bà hy vọng họ sẽ có một buổi tối vui vẻ. Bà chắc chắn sẽ như vậy, nhưng bà không khỏi chạnh lòng khi nghĩ đến chuyện giờ Alply và Joe không còn nói chuyện với nhau nữa. Hai đứa giờ đây luôn xung đột nhưng khi còn nhỏ chúng đã từng là bạn thân nhất của nhau, cuộc đời là thế mà.

Bà xuống xe điện tại bến Pillar và len lỏi qua đám đông. Bà đi tới tiệm bánh Downes nhưng tiệm đông khách đến nỗi phải một lúc lâu sau mới đến lượt bà. Bà mua một chục bánh ngọt nhỏ đủ các loại, và cuối cùng cũng ra khỏi tiệm với một túi lớn nặng trĩu. Rồi bà nghĩ sẽ mua thêm, bà muốn mua thứ gì đó thật ngon. Nhà họ chắc hẳn đã có đầy táo và hạt óc chó. Thật khó biết nên mua thêm thứ gì, tất cả những gì bà có thể nghĩ ra bây giờ là mua bánh. Bà quyết định mua một ít bánh nhân mặn, nhưng bánh mặn tiệm Downes phủ quá ít đường hạnh nhân, thế là bà rẽ vào một tiệm khác trên phố Henry. Ở đây bà ngắm nghía các loại thật lâu và quý cô ăn vận thời trang đang sau quầy, rõ ràng hơi bức mình vì bà, hỏi có phải bà muốn mua bánh cưới không. Điều này làm Maria đỏ mặt và mỉm cười với quý cô trẻ tuổi, nhưng cô gái trông hoàn toàn nghiêm nghị và cuối cùng cắt một lát dày bánh nhân mặn, bọc lại và nói:

- Hai shilling bốn xu, thưa bà.

Bà tưởng sẽ phải đứng trên xe điện từ Drumcondra bởi đám trai trẻ dường như không ai để ý thấy bà nhưng một quý ông đứng tuổi đã nhường chỗ cho bà. Đó là một quý ông người chắc mập, đôi mắt quả dưa màu nâu, ông có một gương mặt chữ điền hồng hào và bộ ria xám nhạt. Maria nghĩ trông ông hơi giống một vị tướng và nhớ lại ông đã lịch thiệp với bà bao nhiêu so với đám thanh niên chỉ biết giương mắt nhìn họ. Quý ông bắt chuyện với bà. Ông nói về lễ Halloween và về thời tiết mưa gió. Ông nói chắc hẳn chiếc túi kia của bà đang đựng toàn món ngon lành cho lũ trẻ và nói cũng phải thôi đúng là bọn trẻ có quyền vui chơi khiday còn là trẻ con. Maria bày tỏ sự tán thành của mình bằng những cái gật đầu và háng giọng kín đáo.

Ông tỏ ra rất tốt với bà, và khi sắp xuống bến Canal Bridge, bà cảm ơn và cúi chào ông, và ông cúi chào bà và nâng mũ và mỉm cười lịch sự, và khi đã đi dọc dãy nhà, cúi mái đầu nhỏ tránh mưa, bà vẫn nghĩ được làm quen với một quý ông như vậy thật dễ chịu ngay cả sau khi ông ấy vừa uống tí chút .

Ai cũng kêu lên, Ôi dì Maria đây rồi! Khi bà bước vào nhà. Joe đang ở đó, vừa từ sở làm về, và tất cả bọn trẻ đều mặc những bộ quần áo đi lễ Chủ nhật. Có hai cô bé con nhà hàng xóm cũng ở đó và cả nhà đang chơi trò chơi. Maria đưa túi bánh cho cậu lớn nhất, Alphy, để chia, và Mrs Donnelly nói bà thật tốt vì đã nhọc công mang đến túi bánh to như vậy và ra lệnh cho bọn trẻ đồng thanh:

- Cảm ơn dì Maria.

Nhưng Maria nói bà còn mang một thứ đặc biệt cho bố nó và mẹ nó, một thứ chắc chắn họ sẽ thích, và bà bắt đầu lục tìm gói bánh nhân mận của mình. Bà thử tìm trong túi bánh tiệm Downes và tìm trong túi áo mưa của mình và rồi tìm trên mặt tủ treo áo khoác, nhưng không thấy đâu cả. Rồi bà hỏi bọn trẻ liệu có đứa nào đã ăn mất rồi không - lỡ ăn, tất nhiên - nhưng lũ trẻ đều nói không và có vẻ chúng nó sẽ từ chối không còn muốn ăn bánh nữa nếu như bị buộc tội ăn trộm. Mỗi người đều đưa ra phỏng đoán về điều bí ẩn này và Mrs Donnelly nói đơn giản là Maria đã quên bánh trên xe điện. Maria, nhớ lại chuyện quý ông với bộ ria xám nhạt đã làm bà bối rối như thế nào, đỏ bừng mặt xấu hổ xen lẫn bức dọc và thất vọng. Nghĩ đến chuyện điều ngạc nhiên nho nhỏ của mình thế là tan thành mây khói rồi còn món tiền hai shilling bốn xu cũng đi tong bà suýt nữa thì òa khóc.

Nhưng Joe nói không sao cả và dẫn bà lại ngồi cạnh lò sưởi. Nó thật tốt với bà. Nó kể cho bà nghe chuyện ở sở làm, nhắc lại cho bà câu trả lời thông minh nó đã đáp lại viên quản lý ra sao. Maria không hoàn toàn tại sao Joe lại cười về chuyện câu trả lời kia nhiều thế nhưng bà vẫn nói chắc hẳn viên quản lý phải là một người khó chịu hết sức. Joe nói thực ra ông ta cũng không đến nỗi khó ưa lắm nếu biết cách, rằng ông ta cũng tử tế miễn là đừng có trêu chọc ông ta. Mrs Donnelly chơi piano cho lũ trẻ và chúng nhảy và hát. Rồi hai cô bé nhà bên chia óc chó cho mọi người. Không ai tìm thấy cái đập óc chó đâu cả, và Joe sút nữa thì cáu nhặng lên vì chuyện này và hỏi làm sao mà chúng có thể ngồi chờ Maria đập óc chó nếu như không có cái đập óc chó. Nhưng Maria nói bà không thích óc chó và họ không phải bận tâm về bà. Rồi Joe hỏi bà có muốn uống một chai bia stout không, và Mrs Donnelly nói trong nhà cũng có cả rượu porto nữa nếu bà thích uống. Maria nói họ không cần phải mời bà gì đâu, nhưng Joe cứ cố nài.

Thế là Maria phải để nó làm thế và họ ngồi bên lò sưởi nói về những năm tháng xa xưa và Maria nghĩ bà sẽ lựa lúc thuận tiện để nói giúp cho Alphy. Nhưng Joe kêu lên trời đánh thánh vật nó nếu phải nói dù một lời với thằng em và Maria nói bà rất tiếc đã gọi lại mọi chuyện. Mrs Donnelly bảo chồng nói thế về người em máu mủ của mình thì thật đáng xấu hổ, nhưng Joe nói không có anh em gì với Alphy hết và rồi mọi chuyện suýt nữa biến thành trận đấu khẩu. Nhưng Joe nói vì đêm nay là đêm lễ nên nó sẽ không nổi khùng và bảo vợ mở thêm một ít bia stout. Hai cô bé nhà bên đã chuẩn bị sẵn mấy trò Halloween và mọi thứ nhanh chóng lại trở nên vui vẻ. Maria sung sướng khi thấy bọn trẻ vui vẻ và Joe và vợ nó cũng vậy. Hai cô bé nhà hàng xóm đặt mấy cái đĩa lên bàn và dẫn bọn trẻ tới gần bàn, bịt mắt lại . Một đứa sờ được quyển kinh, còn ba đứa kia sờ phải nước, và khi một trong hai cô bé hàng xóm được cái nhẫn thì Mrs Donnelly hươ hươ ngón tay trước mặt cô bé đang đỏ bừng mặt như thể muốn nói: A, ta biết hết rồi nhé! Bọn họ nhất định muốn Maria phải bị bịt mắt và dẫn bà đến chiếc bàn xem bà sẽ chọn được gì, và trong khi họ bịt mắt bà, Maria phá lên cười cho đến khi đầu mũi gần chạm chòm cằm.

Họ dẫn bà đến bên bàn giữa tiếng cười nói pha trò, và bà đưa tay ra phía trước theo lời chỉ dẫn. Bà hươ tay trong không khí và chạm phải một trong những chiếc đĩa. Bà cảm thấy một chất mềm mềm ẩm ướt chạm vào ngón tay và thấy thật ngạc nhiên bởi không ai nói gì cũng không bỏ dải băng che mắt ra cho bà. Một khoảng im lặng mấy giây, và rồi sau đó là rất nhiều xáo trộn và thăm thẳm. Ai đó nói gì đó về khu vườn và cuối cùng Mrs Donnelly nói gì đó với một trong hai cô bé hàng xóm bằng giọng rất giận dữ và bảo cô vút nó đi ngay lập tức, đây không phải trò chơi. Maria hoàn toàn rằng lần này đã không thành và vì vậy bà phải làm lại từ đầu, và lần này bà chọn được một quyển kinh cầu nguyện.

Sau đó Mrs Donnelly chơi bản Miss McCloud's Reel cho bọn trẻ và Joe rót cho Maria một ly rượu. Họ nhanh chóng vui vẻ trở lại và Mrs Donnelly nói chắc năm nay Maria sẽ vào tu viện bởi vì bà đã bắt được quyển kinh. Maria chưa bao giờ thấy Joe tốt với bà như đêm đó, chỉ toàn là những câu chuyện thú vị và những kỷ niệm xưa. Bà nói cả nhà đã thật tốt với bà.

Cuối cùng bọn trẻ mệt mỏi và buồn ngủ và Joe hỏi liệu Maria có thể hát mấy bài ngắn ngắn trước khi về, một trong những bài hồi xưa ấy. Mrs Donnelly nói xin đi hát đi, đi Maria! Và thế là Maria phải đứng bên cạnh chiếc piano. Mrs Donnelly ra hiệu cho bọn trẻ trật tự và lắng nghe bài hát của Maria, rồi chơi khúc dạo đầu và nói Nào, đi Maria! Và Maria, mặt đỏ bừng, bắt đầu hát bằng một giọng mảnh, run run. Bà hát bài Em mơ thấy em có một tòa nhà , và khi đáng lẽ sang đến đoạn hai thì bà lại hát lại:

Em mơ thấy em có một tòa nhà

Bằng cẩm thạch và người hầu vây quanh

Đối với những người bên trong đó

Em chính là ước vọng, là tự hào

Cơ man của cái giàu sang em có

Và địa vị cao quý danh quyền

Nhưng em vẫn mơ, điều sung sướng nhất

Là chàng vẫn sẽ mãi yêu em

nhưng không ai cố chỉ cho bà thấy sự nhầm lẫn và khi bà đã hát xong Joe tỏ ra cảm động vô cùng. Nó nói không gì sánh được với những ngày xưa và không gì hay hơn những bài hát của Balfe, cho dù những người khác có nói gì chẳng nữa, và mắt nó đầm lệ đến nỗi nó không tìm được thứ nó đang tìm và cuối cùng nó phải nhờ vợ nó chỉ cho cái mở chai đang nằm ở đâu.

Một trường hợp đau lòng

Mr James Duffy sống tại Chapelizod bởi ông muốn cách càng xa càng tốt cái thành phố mà ông là một công dân và bởi ông thấy tất cả các khu ngoại ô khác của Dublin đều bần tiện, tân tiền và hợm hĩnh. Ông sống trong một ngôi nhà cổ ấm đảm và từ cửa sổ ông có thể nhìn vào một nhà máy rượu bỏ hoang hoặc nhìn xa lên phía dòng sông cạnh nước chia đôi Dublin. Bốn bức tường cao trong căn phòng không trải thảm của ông không treo bức tranh nào. Ông đã tự mình mua sắm từng món đồ trong phòng, một khung giường sắt màu đen, một chậu rửa bằng sắt, bốn cái ghế mây, một giá treo quần áo, một thùng đựng than sưởi, cái chần than, bàn là sắt và một cái bàn vuông loại vừa đựng giấy tờ vừa làm bàn viết. Giá sách được làm từ những giá gỗ trắng lợi dụng chỗ hốc tường. Giường được phủ ga nệm trắng, phía dưới phủ một tấm len dạ lớn màu đen đỏ. Một mảnh gương nhỏ treo phía trên bồn rửa và vào ban ngày thì chiếc đèn có chụp màu trắng là vật trang trí duy nhất trên bệ lò sưởi. Những quyển sách trên giá gỗ màu trắng được sắp xếp tuần tự từ dưới lên trên theo độ dày. Một bộ Wordsworth toàn tập ngự trên phía này của giá thấp nhất và một quyển Maynooth Catechism, có bìa mềm được khâu từ bìa một cuốn sổ, nằm ở phía bên kia trên giá cao nhất. Trên bàn luôn có giấy tờ đang viết dở. Trong ngăn đựng bên trong có bản thảo bản dịch tiếng Anh vở Michael Kramer của Hauptmann, với những dòng chỉ đạo sân khấu viết bằng mực màu tím đậm, và một tập giấy mỏng ghim với nhau bằng kẹp sắt. Đôi chỗ trên những tờ giấy lại có một dòng viết thêm vào, và vào một giây phút đầy mỉa mai, tiêu đề của một mẫu quảng cáo thuốc Bile Beans đã được dán lên trang trên cùng. Khi nhắc nắp bàn viết ra một mùi thơm nhẹ bay lên - mùi thơm của những chiếc bút chì mới bằng gỗ tuyết tùng hoặc của một lọ hồ dán hoặc của một quả táo gần nẫu có thể đã bị để đó rồi quên mất.

Mr Duffy ghét cay ghét đắng bất cứ thứ gì gây ra lộn xộn về vật chất cũng như tinh thần. Một bác sĩ thời Trung cổ chắc hẳn sẽ kê ông bị chứng sao Thổ chiếu . Mặt ông , mang toàn bộ câu chuyện cuộc đời ông, có màu nâu của những con phố Dublin. Trên cái đầu dài và khá to của ông mọc những đám tóc đen và khô và một bộ ria nâu vàng không đủ để che một cái miệng không được để ưa cho lắm. Hai gò má cao cũng làm cho khuôn mặt ông thêm nét khắc nghiệt, nhưng không hề có chút gì tàn nhẫn trong đôi mắt, nhìn thế giới từ phía dưới cặp lông mày nâu vàng, đôi mắt mang lại cảm giác về một người đàn ông luôn sẵn lòng đón nhận những bản chất tốt đẹp từ người khác nhưng lại thường bị thất vọng. Ông sống hơi cách xa thân thể mình, ngắm nhìn những hành động của chính mình một cách hoài nghi. Ông có một thói quen lý sự lạ lùng, thói quen làm ông thỉnh thoảng tạo ra trong đầu một câu ngắn về chính bản thân, sử dụng chủ ngữ ở ngôi thứ ba và động từ ở thì quá khứ. Ông không bao giờ cho tiền ăn mày, và luôn bước đi thẳng tắp, tay gõ một cây cần gỗ phi.

Bao nhiêu năm nay ông làm nhân viên phụ trách thu ngân tại một nhà băng tư trên phố Baggot. Mỗi sáng ông đi xe điện từ Chapelizod vào thành phố. Trưa đến, ông đến tiệm Dan Burke gọi bữa của mình - một chai bia lager và một khay nhỏ bánh quy bột dong. Vào lúc bốn giờ ông được tan sở. Ông ăn tối tại một hàng ăn trên phố George, nơi ông cảm thấy mình được an toàn, cách xa cái xã hội của bọn trẻ tuổi mạ vàng của Dublin, và nơi có một sự trung thực nhất định trên thực đơn. Những buổi tối của ông hoặc trôi qua trước cây đàn piano của bà chủ nhà hoặc đi lang thang quanh khu ngoại ô thành phố. Sự yêu thích nhạc Mozart đôi khi dẫn ông đến một buổi opera hoặc một buổi hòa nhạc, đây là những tiêu khiển đẹp nhất trong cuộc đời ông.

Ông không sống chung với ai mà cũng không có bạn bè, không đi lễ mà cũng không có đức tin. Ông sống cuộc sống tinh thần của mình mà không chia sẻ với ai, chỉ đi thăm họ hàng mỗi dịp lễ Giáng sinh và tổng tiền họ về nghĩa trang khi họ qua đời. Ông thực hiện hai nghĩa vụ xã hội này chỉ vì tôn trọng lễ giáo mà không nhân nhượng chuyện tham dự sâu hơn nữa vào những nghi thức của cuộc sống công dân. Ông sẽ cho phép mình nghỉ trong một số hoàn cảnh nhất định nào đó ông sẽ cướp ngân hàng nơi ông làm, và bởi vì những hoàn cảnh như thế không bao giờ xuất hiện, cuộc đời ông trôi đi đều đặn - một câu chuyện không hề có phiêu lưu.

Một buổi tối ông thấy mình ngồi cạnh hai quý bà trong nhà hát Rotunda. Nhà hát, lác đác người ngồi và rất im ắng, báo hiệu một thất bại thảm hại. Quý bà ngồi bên ông quay nhìn nhà hát vắng teo một hai lần gì đó và nói:

- Đáng tiếc đêm nay vắng quá! Phải hát cho mấy dãy ghế trống này nghe thì khó thật đấy.

Ông đón câu nhận xét như một lời mời bắt chuyện. Ông thấy ngạc nhiên bởi bà chẳng tỏ ra lúng túng e thẹn. Khi họ trò chuyện ông cố gắng lưu giữ lại hình ảnh bà mãi mãi trong tâm trí. Khi biết cô thiếu nữ ngồi bên cạnh là con gái bà o đoán chừng chắc bà trẻ hơn ông một hai tuổi gì đó. Khuôn mặt bà, một khuôn mặt trước khi chắc hẳn phải rất đẹp, vẫn giữ được những nét thông minh nhanh nhẹn. Đó là một khuôn mặt hình trái xoan sắc nét. Đôi mắt xanh thắm, tự tin. Chúng phát ra cái nhìn lúc đầu hơi có vẻ thách thức, nhưng sau đó trông lại bối rối bởi cái dẫn ra như cố ý của hai đồng tử xanh biếc, để lộ, trong một tích tắc, một tâm tính vô cùng nhạy cảm. Hai đồng tử nhanh chóng bình thường trở lại, tâm tính mới vừa hé lộ kia lại bị che ngự bởi vẻ dè chừng, và chiếc áo khoác lông cừu strakhan của bà ôm lấy một khuôn ngực khá đầy đặn, như muốn đẩy cao sự thách thức.

Ông gặp lại bà vài tuần sau đó trong một buổi hòa nhạc tại Earlsfort Terrace và tranh thủ lúc cô con gái lơ đãng để làm thân hơn. Bà có ám chỉ một, hai lần gì đó về ông chồng, nhưng giọng bà không có vẻ gì muốn biến sự ám chỉ đó thành lời cảnh báo. Tên là Mrs Sinico. Ông cụ kỵ bên nhà chồng bà là người Leghorn. Chồng bà là thuyền trưởng một thương thuyền đi về giữa Dublin và Hà Lan, và họ có một con.

Lần thứ ba tình cờ gặp lại bà, ông tìm được đủ can đảm đề nghị một cuộc hò hẹn. Bà đã đến. Đó là cuộc gặp đầu tiên mở đầu các cuộc hẹn tiếp theo, họ luôn gặp nhau vào buổi tối và chọn những khu vắng lặng nhất để cùng đi dạo. Mr Duffy, tuy vậy, ác cảm với những chuyện vụng trộm, nhận ra rằng họ đang buộc phải gặp nhau một cách lén lút, bèn hỏi bà phải mời ông đến nhà. Thuyền trưởng Sinico luôn niềm nở trước những cuộc viếng thăm của ông, nghĩ chắc nguyên do có liên quan tới việc hôn nhân của cô con gái. Đã lâu nay thuyền trưởng không còn coi vợ nằm trong danh sách những điều đem lại khoái lạc nên ông chẳng mấy may tưởng tượng đến chuyện giờ có ai lại có thể thích bà. Vì ông chồng thường xa nhà và cô con gái đi dạy nhạc, Mr Duffy có rất nhiều cơ hội được hưởng tình bằng hữu của bà. Cả ông và bà đều chưa bao giờ có một cuộc phiêu lưu như vậy và cả hai đều không ý thức được có điều gì trái lễ giáo ở đây. Dần dần ông hòa nhập những suy nghĩ của ông với suy nghĩ của bà. Ông cho bà mượn sách, nói cho bà những ý tưởng, chia sẻ cuộc sống trí thức của ông với bà. Bà lắng nghe tất cả.

Thỉnh thoảng để đáp lại những lý thuyết của ông, bà nói đôi chút về cuộc đời bà. Với một sự quan tâm gần như mang tính mẫu tử, bà vỗ về khuyến khích ông thổ lộ hết tâm tư: bà trở thành cha giải tội của ông. Ông kể với bà có một hồi ông từng dự các cuộc họp của một Đảng Xã hội Ireland, trên một căn phòng áp mái từ mù đèn dầu, nơi ông tự cảm thấy mình là một nhân vật lạc loài giữa đám công nhân liêm chính. Khi đảng đó tách ra thành ba tổ chức, mỗi tổ chức có người lãnh đạo riêng, phòng áp mái riêng, ông không đến họp nữa. Những cuộc thảo luận của đám công nhân hồi đó, ông nói, quá vặt vãnh, họ tập trung quá mức vào vấn đề tiền lương. Ông cảm thấy họ chỉ là những người theo phái đối lập luận chặt chẽ, một thứ sản

phẩm xa hoa ngoài tầm với của họ. Có vẻ như, ông nói với bà, sẽ không có cuộc cách mạng xã hội nào nổ ra ở Dublin ít nhất trong mấy thế kỷ tới.

Bà hỏi ông tại sao ông không viết ra những suy nghĩ của mình. Để làm gì, ông hỏi bà, với một vẻ cao ngạo chùng mực. Để cạnh tranh với đám nhà văn ba xu, cái bọn không bao giờ nghĩ nổi cho đúng logic dù chỉ sáu mươi giây? Để tự nộp mình cho bọn phê bình tiểu tư sản dần dần, bọn phò mặc hoàn toàn chuẩn mực đạo đức cho giới cảnh sát và nghệ thuật thi họa cho các ông bầu?

Ông thường đến ngôi nhà nhỏ của bà ở vùng ngoại ô Dublin, họ thường có những buổi tối bên nhau, chỉ có hai người. Dần dần, khi những suy nghĩ của họ hòa nhập, họ nói về những chủ đề ít xa vời hơn. Sự bầu bạn của bà như lớp đất mềm ẩm bao bọc lấy cái cây lạ. Rất nhiều lần bà cho phép bóng tối rơi phủ lên họ, chần chừ không thấp đèn. Căn phòng tối kín đáo, sự tách biệt của họ, tiếng nhạc vẫn còn vọng bên tai, tất cả khiến họ gần nhau hơn. Sự gần gũi này khiến tâm hồn ông thăng hoa, làm mềm mại những cạnh xù xì trong tính cách ông, làm cuộc sống tinh thần của ông dịu lại. Đôi khi ông bắt gặp mình đang lắng nghe tiếng nói của chính bản thân. Ông nghĩ trong mắt bà ông đã vượt lên tầm một thiên thần, và khi càng gần gũi hơn với bản tính nồng nhiệt của bạn mình, ông nghe thấy một giọng nói lạnh lùng kỳ lạ mà ông nhận ra chính giọng của ông bằng, khẳng định sự tồn tại của sự cô đơn vô phương cứu chữa của tâm hồn. Chúng ta không thể đầu hàng, giọng nói cất lên, chúng ta là của bản thân chúng ta, không ai có thể sở hữu. Hồi kết của những lần trò chuyện này là một buổi tối, sau khi biểu lộ mọi dấu hiệu phấn khích lạ lùng nhất, Mrs Sinico túm lấy tay ông một cách nồng nhiệt và áp nó vào má bà.

Mr Duffy rất đỗi ngạc nhiên. Cách bà đón nhận những lời của ông làm ông vỡ mộng. Ông không đến thăm bà liên tục trong một tuần, sau đó ông viết thư đề nghị bà gặp ông. Vì ông không muốn cuộc trò chuyện cuối cùng của họ bị ảnh hưởng bởi tác động của ngôi nhà xưng tội giờ đây đã bị phá hỏng, họ gặp nhau tại một tiệm bánh nhỏ gần Parkgate. Khi đó đang là tiết trời mùa thu lạnh lẽo, nhưng mặc không khí lạnh họ vòng đi vòng lại trên những lối đi công viên gần ba tiếng đồng hồ. Họ đồng ý ngừng mối quan hệ này lại, nếu rằng buộcthêm, ông nói, chỉ dẫn đến kết cục đau buồn. Ra khỏi công viên, họ bước trong im lặng về phía xe điện, nhưng ở đây bà bắt đầu run rẩy dữ dội đến mức, sợ một cơn khủng hoảng khác lại đến với bà, ông nhanh chóng chào tạm biệt bà và bước đi. Mấy ngày sau ông nhận được một bưu kiện bên trong có những quyển sách và bản nhạc ông đã tặng bà.

Bốn năm trôi qua. Mr Duffy trở lại cuộc sống đều đều của ông. Căn phòng vẫn ngày ngày chứng kiến sự ngăn nắp trật tự của tâm trí ông. Một vài bản nhạc mới được chồng lên thêm trên ngăn để nhạc phòng dưới và trên giá sách của ông xuất hiện hai quyển sách của Nietzsche: Zarathustra đã nói thế và Tri thức hân hoan. Gần như ông không còn viết lên tập giấy vẫn nằm trong ngăn bàn nữa. Một trong những câu được viết hai tháng sau lần nói chuyện cuối cùng với Mrs Sinico, như sau: Tình yêu giữa đàn ông với đàn ông là không thể vì không thể có quan hệ tình dục, và tình bạn giữa đàn ông và đàn bà là không thể vì bắt buộc phải có quan hệ tình dục. Ông tránh xa các buổi hòa nhạc vì sợ rằng có thể gặp lại bà. Cha ông qua đời, nhân viên cấp dưới ở nhà băng cũng đã nghỉ hưu. Và vẫn vậy mỗi sáng ông đi xe điện vào thành phố và mỗi tối đi bộ từ thành phố về nhà sau khi đã ăn tối một cách điều độ tại phố George và đọc báo buổi tối thay món tráng miệng.

Một tối khi đang chuẩn bị cho một mẩu thịt hun muối xay cùng với món cải bắp vào miệng, tay ông dừng lại. Mắt ông dán vào một đoạn trên tờ báo buổi tối đang để dựa vào bình nước lọc. Ông để lại mẩu thức ăn lên đĩa và chăm chú đọc đoạn tin. Sau đó ông uống một ly nước, đẩy đĩa ăn sang một bên, gấp tờ báo đặt lên bàn giữa hai khuỷu tay và đọc đi đọc lại mẩu tin. Món cải bắp bắt đầu đóng một lớp vàng ngույ on trên đĩa. Cô phục vụ lại gần hỏi có phải bữa tối hôm nay của ông nấu không ngon không. Ông bảo bữa tối rất ngon và ăn thêm mấy miếng nữa một cách khó khăn. Sau đó ông trả tiền và đi ra.

Ông rảo bước trong ánh chạng vạng của buổi tối tháng mười một, cây can gổ phỉ gổ lộc cộc trên đường, màu vàng của tờ Thư tín lộ ra từ túi chiếc áo choàng kẹp cài chéo sát người của ông. Trên con đường cô quạnh từ Parkgate đến Chapelizod ông bước chậm lại. Tiếng cây can gổ trên đường cũng bớt mạnh đi, và hơi thở ông, phả ra đứt quãng, gần như thoáng tiếng thở bị đông cứng lại trong làn không khí mùa đông ảm đạm. Khi về đến nhà ông đi thẳng lên phòng ngủ và, lôi tờ báo ra khỏi túi, ông đọc lại mẩu tin một lần nữa trong ánh sáng mờ mờ từ cửa sổ. Ông không đọc to, nhưng môi ông mấp máy như một linh mục đang đọc bài kinh Secreto (lời nguyện đọc thầm trong lễ Misa). Mẩu tin như sau:

CÁI CHẾT CỦA MỘT QUÝ BÀ TẠI SYDNEY PARADE

MỘT TRƯỜNG HỢP ĐAU LÒNG

Hôm nay tại bệnh viện thành phố Dublin, ngài Phó Chính văn phòng điều tra tử nạn (thay mặt ngài Leverett) đã tiến hành khám nghiệm thi thể Mrs Emily Sinico, bốn mươi ba tuổi, chết tại ga Sydney Parade tối qua. Các bằng chứng cho thấy quý bà quá cố trong lúc đang vượt qua đường ray, đã bị đầu máy chuyển tàu chậm mười giờ từ Kingstown hất ngã, do đó bị thương phía đầu và thân bên phải, là nguyên nhân gây tử vong.

James Lennon, nhân viên lái chuyển tàu, cho biết ông đã làm việc cho hãng xe lửa mười lần năm nay. Khi nghe thấy tiếng còi của nhân viên nhà ga, ông cho tàu chuyển bánh và chỉ một, hai giây sau đó phải điều khiển cho tàu dừng lại vì nghe thấy những tiếng kêu lớn. Lúc đó con tàu đang chạy tốc độ chậm.

P.Dunne, nhân viên nhà ga, nói khi con tàu chuẩn bị chuyển động ông nhìn thấy một phụ nữ đang cố vượt qua đường ray. Ông chạy về phía bà và hét lên, nhưng trước khi ông kịp đến gần bà, bà đã bị đầu tàu hất lên và ngã xuống đất.

Một vị thẩm phán - Ông đã nhìn thấy quý bà ngã xuống?

Nhân chứng - Đúng vậy.

Hạ sĩ Croly khai rằng khi đến hiện trường ông thấy người quá cố đang nằm trên sân ga có vẻ đã chết. Ông cho mang bà vào phòng chờ trong khi đợi xe cấp cứu.

Cảnh sát 57 xác nhận sự việc.

Bác sĩ Halpin, trợ tá phẫu thuật Bệnh viện thành phố Dublin cho biết người quá cố bị gãy hai xương sườn dưới và có nhiều vết dập nghiêm trọng trên vai phải. Phía đầu bên phải bị thương tổn khi bị hất ngã. Nhưng những thương tổn này không đủ nghiêm trọng để gây tử vong đối với một người bình thường. Nguyên nhân tử vong, theo ý kiến ông có lẽ là do bị chấn động tâm lý và trục tim.

H.B. Patterson Finlay, thay mặt cho hãng xe lửa, bày tỏ sự đau buồn sâu sắc trước tai nạn. Công ty đã và đang thực hiện mọi biện pháp cẩn trọng nhất nhằm ngăn chặn những trường hợp vượt qua đường ray, ngoại trừ bằng cầu vượt, bằng cách đặt bảng thông báo tại tất cả các ga và sử dụng thanh chắn tự động tại những chỗ lên xuống. Người quá cố có thói quen vượt qua các đường ray hàng đêm để đi từ sân ga này sang sân ga kia và, xét đến một số hoàn cảnh khác của trường hợp này, ông không cho rằng các nhân viên nhà ga phải chịu trách nhiệm.

Thuyền trưởng Sinico, sống tại Leoville, Sydney Parade, chồng của người quá cố, cũng đưa ra một số dữ kiện. Ông cho biết nó nhớ cố là vợ ông. Ông không có mặt ở Dublin vào thời điểm diễn ra tai nạn bởi ông vừa từ Rotterdam trở về sáng hôm nay. Họ đã lấy nhau được hai mươi hai năm và sống hạnh phúc cho đến khoảng cách đây hai năm, khi vợ ông bắt đầu thể hiện sự quá độ trong những thói quen của bà.

Miss Mary Sinico nói rằng người mẹ quá cố của cô thường có thói quen đi mua rượu mỗi đêm. Cô, nhân chứng, thường phải khuyên giải mẹ và đã thuyết phục bà tham gia một tổ chức cai rượu. Cô không có mặt ở nhà cho đến khi tai nạn đã xảy ra được một tiếng.

Bồi thẩm đoàn đưa ra một phán quyết phù hợp với những chứng cứ y khoa và miễn cho nhân viên lái tàu Lennon mọi trách nhiệm.

Ngài Phó chánh phòng điều tra Tử nạn nói đây là một trường hợp hết sức đau lòng, và bày tỏ lời chia buồn sâu sắc đến thuyền trưởng Sinico và con gái ngài. Ông kêu gọi hãng xe lửa đưa ra nhiều biện pháp mạnh hơn nữa để ngăn chặn khả năng tai nạn tương tự có thể xảy ra trong tương lai, không ai bị truy cứu trách nhiệm.

Mr Duffy rời mắt khỏi tờ báo và hướng ra cửa sổ nhìn cảnh vật buổi tối ảm đạm. Dòng sông nằm lặng lẽ bên nhà máy rượu trống rỗng, thỉnh thoảng có ánh đèn hiện ra phía mấy ngôi nhà trên đường Lucan. Kết cục mới kinh khủng làm sao! Toàn bộ bản miêu tả cái chết của bà làm ông ghê tởm và ông cũng thấy ghê tởm khi nghĩ đã có thời ông từng nói với bà về những thứ ông coi là thiêng liêng. Những lời lẽ sáo mòn, những câu chữ tỏ ra chia sẻ được viết một cách ngu ngốc, những từ ngữ thận trọng của một ký giả bị thuyết

phục phải che đi những chi tiết của một cái chết tầm thường, đáng kinh tởm, tất cả co thắt bụng ông đến buồn nôn. Không chỉ bà đã làm hèn hạ chính bà, bà còn làm hèn hạ chính ông. Ông nhìn thấy khía cạnh sa đọa của việc bà rượu chè quá độ, khốn khổ và sặc sụa hơi rượu. Bận tâm giao của ông! ông nghĩ đến những sinh linh khốn khổ ngất ngưỡng ông từng nhìn thấy trong quán rượu loạn choạng đưa can và chai cho người đứng quầy đổ rượu vào. Chúa ơi, kết cục mới ghê sợ làm sao! Rõ ràng là bà đã không thể tự thích nghi với cuộc sống, bà không có can đảm, cũng không có mục đích, dễ dàng buông thả làm mồi cho những thói quen của chính mình, một trong những mảnh dăm trên đó nền văn minh được dựng nên. Nhưng làm sao bà có thể lún sâu như vậy! Có thể nào ông đã tự đánh lừa tất cả về bà? Ông nhớ lại sự bột phát của bà đêm đó và giải nó theo một nghĩa tàn nhẫn hơn bao giờ hết. Giờ đây ông không còn khó khăn áy náy gì trong việc tán thành những gì ông đã làm.

Khi ánh sáng tắt dần và ký ức bắt đầu trở nên lộn xộn, ông nghĩ tay bà đang chạm vào tay ông. Cơn kinh hoàng lúc trước đã co thắt bụng ông giờ đang tấn công tâm trí ông. Ông mặc vội chiếc áo choàng, đội mũ và ra khỏi nhà. Không khí lạnh lẽo ủa đến khi ông bước ra thềm, nó len vào hai ống tay áo khoác ông. Khi tới quán rượu phía cầu Chapelizod ông bước vào và gọi một ly punch nóng.

Chủ quán phục vụ ông một cách niềm nở nhưng không dám khơi chuyện. Lúc đó trong quán đang có năm sáu người thợ đang bàn tán về giá trị điền sản của một quý ông ở hạt Kildare. Họ uống bia từ vại lớn và hút thuốc, nhả ra sàn liên tục và chốcchốc lại dùng mũi unction nặng nề di động mùn cửa lên phủ bãi nhỏ. Mr Duffy ngồi trên ghế đầu cạnh quầy, mắt hướng về họ mà không nhìn hay nghe thấy họ. Một lúc sau họ đi khỏi và ông gọi một ly punch nữa. Ông ngồi một lúc lâu trước ly rượu. Quán rất vắng lặng. Chủ quán gò lưng trên quầy đọc tờ Truyền tin và ngáp dài, thỉnh thoảng tiếng còi hú của một chiếc xe điện lại vọng tới dọc theo con đường cô quạnh bên ngoài.

Khi ông ngồi đó, sống lại những giây phút từng có với bà và đan xen trong tâm trí hai hình ảnh trái ngược lúc này ông nghĩ về bà, ông bỗng nhận ra rằng bà đã chết, rằng bà đã ngừng tồn tại, rằng bà đã trở thành ký ức. Ông bắt đầu cảm thấy khó ở. Ông tự hỏi ông đã có thể làm được gì khác. Ông không thể tiếp tục một hài kịch lừa dối với bà, ông cũng chẳng thể sống công khai cùng bà. Ông đã làm những gì đối với ông dường như là đúng đắn nhất. Làm sao ông có thể bị buộc tội? giờ đây bà đã đi rồi ông mới hiểu cuộc đời bà chắc hẳn đã cô đơn đến thế nào, ngồi đêm này qua đêm khác một mình trong căn phòng đó. Cuộc đời của ông cũng sẽ cô đơn cho đến khi, chính ông, cũng, chết, ngừng tồn tại, trở thành ký ức - nếu như trên đời này còn có ai nhớ đến ông.

Khi ông rời khỏi quán đã hơn chín giờ tối. Buổi tối gió lạnh lẽo và u ám. Ông đi vào Công viên bằng cổng đầu tiên và đi dọc dưới hàng cây khải khiu trụi lá. Ông đi trên những con đường cô quạnh nơi họ từng dạo bước bốn năm về trước. Dường như bà đang ở cạnh ông trong bóng tối. Trong một khoảnh khắc ông như cảm thấy giọng bà vọng vào tai ông, tay bà chạm vào tay ông. Ông đứng im lắng nghe. Tại sao ông lại cướp đi cuộc sống khỏi bà? Tại sao ông đẩy bà đến cái chết? ông cảm thấy conn đạo đức của mình đang vỡ vụn.

Khi lên tới đỉnh đồi Magazine, ông dừng lại và nhìn xuôi theo dòng sông về hướng Dublin, những ánh đèn thành phố tỏa ra rực rỡ và ấm áp trong đêm lạnh. Ông nhìn xuống theo sườn đồi và, dưới chân đồi, trong bóng tối bức tường rào Công viên, ông nhìn thấy những hình người đang nằm. Những cặp tình nhân vụng trộm và vụ lợi đó làm ông tuyệt vọng đến kiệt sức. Ông đã dè sẻn từng chút để giữ sự đúng đắn chính trực của cuộc đời ông, giờ ông cảm thấy mình bị bỏ rơi ngoài bữa tiệc của cuộc sống. Một conn dường như đã đem lòng yêu ông và ông đã từ chối cuộc sống và hạnh phúc của bà, ông đã đẩy bà đến sự dễ tiện, một cái chết đáng hổ thẹn. Ông biết những hình hài đang nằm dưới chân tường kia đang quan sát ông và muốn ông đi khỏi. Không ai muốn ông, ông bị đẩy ra ngoài bữa tiệc của cuộc sống. Ông hướng nhìn về phía dòng sông xám lấp lánh, uốn lượn quanh Dublin. Phía xa trên dòng sông ông nhìn thấy một đoàn tàu chở hàng đang lượn vòng khỏi ga Kingbridge, như một con sâu có cái đầu đỏ lửa đang lượn ngoằn ngoèo xuyên bóng tối, bên bờ và cần mẫn. Nó chậm chậm biến khỏi tầm mắt, nhưng trong tai ông vẫn vang lại tiếng động cơ rung rền từng âm tiết của tên bà.

Ông quay lại con đường ông đã đến, nhịp tiếng máy vẫn rền âm trong tai. Ông bắt đầu nghi ngờ sự xác thực của những gì ký ức vừa gợi lại. Ông dừng lại dưới một cái cây chờ cho những âm thanh vang vọng tắt hẳn. Ông không còn cảm thấy bà đang ở cạnh ông trong bóng tối cũng không nghe thấy giọng bà vang bên tai. Ông chờ mấy phút nữa, lắng nghe. Ông không nghe thấy gì hết, màn đêm im lặng tuyệt đối. Ông lắng

nghe lần nữa: im lặng tuyệt đối. Ông cảm thấy ông chỉ còn lại một mình.

12. Chương 12

Ngày Thường Xuân trong Phòng Hội đồng

Mr Jack lấy mảnh bìa vun đống tro lại và thận trọng rải lên đống than đang chuyển sang màu trắng. Khi đống than đã được phủ một lớp mỏng, khuôn mặt ông chìm vào bóng tối, nhưng lúc ông chuẩn bị cời cho ngọn lửa cháy lên, cái bóng lom khom của ông in trên bức tường đối diện và khuôn mặt ông lại chậm chậm hiện ra dưới ánh sáng. Đó là khuôn mặt của một ông già, xương nhô lên và đầy râu tóc. Đôi mắt xanh kèm nhèm hấp háy trước ánh lửa và cái mồm lẹp nhẹp thỉnh thoảng lại trễ xuống, trệu trạo mấy mớ cho đến khi nó khép lại. Khi đám tro cháy hết ông đặt mảnh bìa dựa vào tường, thở dài và nói:

- Giờ thì ổn hơn rồi, Mr O'Connor.

Mr O'Connor, một người đàn ông trẻ tuổi tóc màu xám, khuôn mặt bị biến dạng bởi vô số mụn nhọt, vừa cuộn xong một điều thuốc lá đều đặn tuyệt đẹp nhưng khi nghe thấy câu nói bèn tháo công trình nghệ thuật của mình ra một cách trầm tư. Rồi anh ta bắt đầu trầm tư cuộn lại điều thuốc và sau một giây suy nghĩ bèn quyết định liếm viền giấy cuộn.

- Ngài Tierney có nói bao giờ ông ấy sẽ quay lại không ? - anh ta hỏi, giọng the thé hơi khàn.

- Ông ấy không nói.

Mr O'Connor đưa điều thuốc lên miệng và bắt đầu lục tìm trong túi áo., anh ta lôi ra một tập các mỏng.

- Để tôi lấy diêm cho ngài - ông lão nói.

Anh ta chọn một trong những tấm các và đọc những gì in trên đó:

BẦU CỬ HỘI ĐỒNG THÀNH PHỐ

KHU VỰC ROYAL EXCHANGE

Mr Richard J. Tierney, P.L.G , trân trọng đề nghị có được phiếu bầu và sự ủng hộ của ngài trong cuộc bầu cử sắp tới tại khu vực Royal Exchange.

Mr O'Connor được cơ quan phụ trách tranh cử của Mr Tierney đề nghị tham gia tổ chức vận động bỏ phiếu tại một khu phố nhưng, bởi thời tiết đng thật khắc nghiệt và hai bốt của anh ta ướt nhẹp, anh ta dành gần như cả ngày hôm nay ngồi bên lò sưởi trong phòng Hội đồng trên phố Wicklow với Jack, người gác cửa già. Họ cứ ngồi như vậy từ lúc cái ngày ngắn ngủi chuyển sang bóng tối. Đó là ngày 6 tháng 10, ngoài trời ẩm đạm và lạnh lẽo.

Mr O'Connor xé một mẩu tấm các và mời nó, châm thuốc. Trong lúc anh ta châm thuốc ánh lửa lóe sáng trên ve áo khoác anh ta một lá thường xuân bóng, sẫm màu. Ông lão quan sát anh ta chăm chú và rồi lại nhấc mảnh bìa lên, bắt đầu chậm rãi cời lò trong khi người bầu bạn của ông hút thuốc.

- Vâng, đúng vậy - ông tiếp tục - nuôi dạy con cái khó lắm. Ai mà nghĩ được giờ nó lại đồ ỉn ra như vậy! Tôi đã gửi nó theo học trường Christian Brothers, tôi đã làm tất cả những gì có thể cho nó, để rồi giờ nó chỉ say sưa tối ngày như thế. Tôi đã cố gắng làm nó thành người tử tế.

Ông đặt lại tấm bìa xuống một cách mệt mỏi.

- Giờ tôi đã già rồi chứ không tôi đã sửa gậy cho nó. Tôi sẽ lấy roi cho nó một trận đến khi nào mệw không đứng nổi thì thôi - như trước kia tôi vẫn làm. Mẹ nó, ngài biết đấy, thì suốt ngày tăng nó lên thế nọ thế kia...

- Như thế chỉ làm hư con cái - Mr O'Connor nói.

- Chính thế đấy - ông lão nói - Mà có được cảm ơn lời nào đâu, chỉ toàn hỗn láo. Mỗi lần thấy tôi uống tí chút là lại lên mặt dạy đời. Có đời thuở nhà ai con cái lại ăn nói với cha như thế không kia chứ?

- Nó bao nhiêu tuổi? - Mr O'Connor hỏi.

- Mười chín - ông già nói.

- Sao ông không kiếm cho nó việc gì?

- Có chứ, từ hồi nó học xong đến giờ lúc nào tôi chẳng nói với thằng lỏi nghiện ngập, Tao không nuôi mày đâu - tôi bảo nó - Mày phải tự mà đi kiếm việc. Nhưng lúc nào kiếm được việc rồi chắc chắn còn tệ hơn, nó chẳng nường tiền hết vào rượu ấy chứ.

Mr O'Connor lắc đầu thông cảm, và ông lão chìm vào im lặng, nhìn đăm đăm vào lò sưởi. Ai đó mở cửa căn phòng và gọi to:

- Xin chào! Họp hội tam điểm phỏng?

- Ai đó? - ông lão nói.

- Mấy người đang thậm thụt gì trong bóng tối vậy? - một giọng cất lên.

- Có phải cậu không, Hynes? - Mr O'Connor hỏi.

- Phải. Mấy người đang thậm thụt gì trong bóng tối vậy? - Mr Hynes nói, bước vào vùng sáng của lò sưởi.

Anh ta là một chàng trai cao, mảnh dẻ, có hàng ria màu nâu nhạt. Những hạt mưa nhỏ nặng trĩu bám trên viền mũ! Và cổ áo khoác anh ta được dựng lên.

- Chào Mat, - anh ta nói với Mr O'Connor - mọi chuyện thế nào?

Mr O'Connor lắc đầu. Ông lão đã rời lò sưởi sau khi dò dẫm quanh phòng, quay trở lại với hai giá nến, châm lần lượt vào lò sưởi và đặt lên bàn. Một căn phòng trần trụi hiện ra và ánh lửa bùng mất đi tất cả những sắc vui tươi của nó. Bốn phía tường trơn trợt, chỉ dọc một bản in địa chỉ bầu cử. Chính giữa phòng là một cái bàn nhỏ chất đồng giấy tờ.

Mr Hynes đứng dựa vào bệ lò sưởi và hỏi:

- Lão trả tiền cho cậu chưa?

- Chưa - Mr O'Connor nói - Cầu Chúa lão sẽ không bỏ rơi chúng ta đêm nay.

Mr Hynes cười lớn.

- Đào, lão sẽ trả cho cậu. Không phải lo đâu - anh ta nói.

- Tớ hy vọng lão sẽ chơi đẹp nếu đúng là lão muốn làm ăn nghiêm túc - Mr O'Connor nói.

- Ông nghĩ sao, Jack? - Mr Hynes hỏi ông lão một cách mỉa mai.

Ông lão trở lại chỗ ngồi của mình bên lò sưởi nói:

- Dù gì thì cũng không vấn đề tiền đâu. Không giống những quân khố rách áo ôm khác.

- Những quân khố rách áo ôm nào? - Mr Hynes hỏi.

- Colgan - ông già nói một cách ghê tởm.

- Có phải vì Colgan là dân lao động mà ông nói thế không? đâu là sự khác nhau giữa một người thợ nề giỏi giang trung thực và một chính trị gia- hả. Chẳng nhẽ người lao động không có quyền được vào Hội đồng thành phố như những người khác phải có nhiều quyền hơn những kẻ chuyên liếm gót bọn Anh, suốt ngày chăm chăm ngả mũ chào bất cứ ai có chức tước? không đúng thể sao, Mat? - Mr Hynes nói, hướng về phía O'Connor.

- Tớ nghĩ cậu nói đúng - Mr O'Connor nói.

- Đàn ông là phải trung thực và dám đương đầu. Anh ta xứng đáng được đại diện cho tầng lớp lao động. Cái gã ông đang phục vụ thực ra chỉ nhằm nhẹ kiếm chác một vai vế chính trị thôi.

- Tất nhiên, tầng lớp lao động nên được có đại diện - ông già nói.

- Người lao động - Mr Hynes nói - chỉ nhận được toàn đầm đá mà không được một xu. Nhưng chính lao động làm ra tất cả. Những người lao động không tìm kiếm chỗ làm béo bở cho con trai họ và cháu trai họ và anh em họ. Những người lao động sẽ không kéo danh dự của Dublin xuống bùn đen để làm vừa lòng một vương triều Đức.

- Sao lại thế? - ông già hỏi.

- Ông không biết họ đang muốn đọc diễn văn chào mừng Edward Rex nếu năm sau ông ta đến đây sao? Chúng ta muốn gì mà phải quỳ lại một ông vua ngoại quốc chứ?

- Người của chúng ta sẽ không bầu cho bài diễn văn - Mr O'Connor nói - Ông ấy là ứng cử viên phái Dân tộc chủ nghĩa.

- Ông ấy sẽ không bầu ấy à? - Mr Hynes hỏi - cậu cứ chờ xem ông ta có làm thế hay không. Tôi biết ông ấy. Có phải là Tierney Trí Trí Ti Tiện không?

- Thề có Chúa! Có lẽ cậu nói đúng, Joe - Mr O'Connor nói - Dù sao, tôi mong ông ấy sẽ xuất hiện với những đồng xèng.

Ba người im lặng. Ông lão lại bao giờ vun tro lại. Mr Hynes bỏ mũ ra, giữ giữ, rồi bẻ cổ áo khoác xuống, lộ ra một chiếc lá thường xuân trên ve áo.

- Nếu người đàn ông này còn sống - anh ta nói, chỉ vào chiếc lá - thì giờ chúng ta đã chẳng phải nói về bài diễn văn chào mừng.

- Đúng vậy - Mr O'Connor nói.

- Đúng trên cả đúng, Chúa phù hộ cho mấy thời đó! - ông già nói - Hồi đó quả là sôi động.

Căn phòng lại rơi vào im lặng. Rồi một người đàn ông nhỏ thó đáng tất bật, mũi khịt khịt và tay lạnh cóng đẩy cửa vào. Anh ta bước nhanh đến chỗ lò sưởi, hai tay xoa vào nhau như thể muốn đánh ra lửa.

- Không có tiền, các chàng trai - anh ta nói.

- Ngồi xuống đây, ngài Henchy - ông lão nói, nhường ghế cho anh ta.

- Ô, cứ ngồi yên, Jack, cứ ngồi yên - Mr Henchy nói.

Anh ta gật đầu nhanh với Mr Hynes và ngồi xuống cái ghế ông già vừa đứng lên.

- Cậu có làm phố Aungier không? - anh ta hỏi Mr O'Connor.

- Có - Mr O'Connor nói, lục tìm trong túi áo quần sổ ghi.

- Cậu có đi gặp Grimes không?

- Có.

- Thế nào? ông ta về phe nào?

- Ông ấy không chịu hứa chắc. Ông ta nói tôi sẽ không nói với bất kỳ ai tôi sẽ bỏ phiếu thế nào. Nhưng tôi nghĩ ông ta sẽ ổn thôi.

- Sao lại thế?

- Ông ấy hỏi tôi những người đề cử ứng cử viên là ai, và những nói với ông ta. Tôi còn nhắc cả tên Cha Burke nữa. Tôi nghĩ sẽ ổn thôi.

Mr Henchy bắt đầu khịt mũi và xoa tay liên hồi trên lò sưởi. Rồi anh ta nói:

- Vì Chúa, Jack, hãy mang thêm cho chúng tôi ít than. Chắc phải còn một ít chứ.

Ông lão rời khỏi phòng.

- Sẽ chẳng có xu nào đâu - Mr Henchy nói, lắc đầu - tớ đã đi hỏi cái gã đều giả ấy, nhưng lão nói Ô vâng, thưa ngài Henchy, lúc nào thấy mọi chuyện diễn ra đúng theo kế hoạch tôi sẽ không quên ngài đâu, ngài có thể yên tâm về chuyện đó. Quân khố rách áo ôm keo kiệt! Mà đúng, lão ta còn có thể là loại người nào khác được cơ chứ!

- Tớ đã bảo cậu thế nào rồi, Mat? - Mr Hynes nói - Tierney Trí Trá Ti Tiện.

- Ồi dào, lão ấy còn ghê hơn thế ấy chứ - Mr Henchy nói - Có phải tự dưng mắt lão ấy bé tí lơ lửng lơ thế đâu. Quỷ tha ma bắt lão đi! Chẳng lẽ lão không thể trả tiền cho người ta thay vì cái câu Ô vâng, ngài Henchy, tôi phải đi hỏi ngài Fanning đã... Đạo này tôi phải chi nhiều quá. Đồ keo kiệt bần tiện! Tớ chắc lão đã quên mất cái thời ông già nhỏ thó nhà lão làm chủ tiệm đồ cũ trên phố Mary's Lane.

- Nhưng chuyện đó có đúng là thật không? - Mr O'Connor hỏi.

- Chúa ơi, thật - Mr Henchy nói - Cậu chưa bao giờ nghe thấy sao? Người ta vào tiệm ông già mỗi sáng Chủ nhật trước khi các quán rượu mở cửa để mua áo gi lê hoặc mua quần, thế đấy! Nhưng ông già nhà Trí Trá Ti Tiện luôn có chai rượu thủ trong góc để bán. Giờ thì cậu tin chưa? Thế đấy. Đó là cái nơi lão ta chào đời.

Ông lão quay lại mang theo một ít than và rải lên lò sưởi.

- Chúng ta lâm vào hoàn cảnh hay quá nhỉ? - Mr O'Connor nói - Nhưng làm sao ông ta lại có thể nghĩ bọn mình chịu làm mà ông ta lại không chịu xùy tiền ra?

- Tớ chịu rồi - Mr Henchy nói - Giờ mà về nhà chắc tớ sẽ thấy bọn mỗ tòa đứng đầy sảnh rồi.

Mr Hynes cười to và lấy hai vai nhấc thân mình khỏi bộ lò sưởi, chuẩn bị đi.

- Khi vua Eddie đến, mọi chuyện sẽ ổn thỏa cả thôi - anh ta nói - thôi, các chàng trai, giờ tớ phải biến đây. Gặp sau nhé. Chào.

Anh ta chậm chạp rời khỏi phòng. Cả Mr Henchy lẫn ông lão đều không nói gì, nhưng, ngay sau khi cánh cửa đang khép lại, Mr O'Connor từ nãy vẫn trầm tư nhìn đồng lửa, bỗng nhiên gọi với theo:

- Chào, Joe.

Mr Henchy chờ một lúc rồi hất đầu về phía cửa.

- Nói cho tớ - anh ta nói từ phía bên kia lò sưởi - điều gì mang anh bạn của chúng ta đến đây vậy? anh ta muốn gì?

- Úi chà, Joe khôn khố - Mr O'Connor nói, ném đầu mẩu điều thuốc của anh ta vào lò sưởi - Hắn ta rỗng tuếch, như bọn chúng ta thôi.

Mr Henchy khụt khịt mũi và khạc nhổ ầm ỹ đến nỗi anh ta suýt nữa làm tắt lửa, chuyện này làm đẩy lên những tiếng xuyt xuyt bất bình.

- Nói riêng cho cậu biết thực sự tớ nghĩ gì - anh ta nói - Tớ nghĩ hắn ta là người của phe bên kia. Hắn ta là gián điệp của Colgan, nói hắn ra là thế. Cứ đi một vòng thử xem họ đang thế nào rồi. Không ai nghi ngờ cậu đâu. Cậu có nhận ra thế không?

- Ồ không. Joe khôn khố thực ra là người tử tế đấy - Mr O'Connor nói.

- Cha hắn ta đúng là một người tử tế, đáng kính - Mr Henchy công nhận - Khổ thân ông già Larry Hynes! Hồi còn sống ông ấy đã làm được hai điều tử tế. Những tớ thực sự e rằng cậu bạn của chúng ta không phải là người quang minh chính trực lắm. Chết tiệt, tớ có thể hoàn toàn được tình cảnh không xu dính túi là thế nào, nhưng cái tớ không thể hoàn toàn được là làm sao con người ta lại có thể kiếm chác bằng cách ăn bám như thế. Chẳng lẽ hắn không có một tí nhân cách nào hay sao?

- Lần sau mà anh ta có đến tôi sẽ không niềm nở nữa - ông già nói - Cứ để anh ta làm việc cho phe của anh ta và đừng có lơ vờ dò xét ở đây.

- Tôi không chắc lắm - Mr O'Connor phân vân khi anh ta lôi tập giấy cuộn và thuốc lá ra - Tôi nghĩ Mr Hynes là người ngay thẳng. Anh ta còn là một cây bút khá sắc sảo nữa. Cậu nhớ những gì anh ta viết không?

- Nếu mà cậu hỏi thì tớ sẽ nói có vài kẻ trong số những quân Fenian du kích đồi núi đó thật sao mà quá khôn khéo - Mr Henchy nói - Cậu có muốn nghe ý kiến thực sự của tớ về những kẻ làm trò hề đấy không? tớ tin rằng một nửa trgsv bọn họ ăn lương của Lâu đài

- Khó mà biết được - ông lão nói.

- Ồ vâng, nhưng tôi biết chắc chắn nó là như thế - Mr Henchy nói - Đó là những kẻ chỉ điếm làm thuê cho Lâu đài...Tớ không nói Hynes... Không, mẹ kiếp, tớ nghĩ hẳn ta rõ ràng là trên tầm đó...Nhưng có một quý ông nhỏ bé mắt lác - cậu biết ai là nhà ái quốc tớ đang nói đến chứ?

Mr O'Connor gật đầu.

- Đây, một hậu duệ gần của Tướng Sirr ! Ôi trái tim hùng hực của nhà ái quốc! Và thế là giờ gã bán bay tổ quốc của mình để lấy bốn xu - oài - và quỳ mọp gối cảm ơn Đảng Quyền năng đã cho gã ta một đất nước để đi bán.

Cô tiếng gõ cửa.

- Mời vào! - Mr Henchy nói.

Một người trông giống tu sĩ khát thực hoặc một diễn viên nghèo khổ xuất hiện ở cửa. Bộ quần áo màu đen của ông ta được cài bó sát thân hình thấp lùn và khó có thể nói cái cổ áo ông ta đang mặc là của thầy tu hay của người thường, bởi cổ chiếc áo khoác dài đã sờn của ông ta, có những chiếc khuy không cài lấp lánh phản chiếu ánh nến, được lật lên. Ông ta đội một chiếc mũ tròn đen kịt. Mặt ông, lấp lánh nước mưa, trông giống miếng pho mát vàng sắp mủn, trừ hai điểm màu hồng đánh dấu hai gò má. Ông ta đột ngột há cái miệng rất dài của mình ra thể hiện sự thất vọng và cùng lúc gương lớn đôi mắt màu xanh rất sáng thể6 hiện sự ngạc nhiên và hài lòng.

- Ô, cha Keon! - Mr Henchy nói, đứng bật dậy khỏi ghế - Có phải cha đấy không? xin mời vào!

- Ồ không, không, không! - Cha Keon nói nhanh, mím môi lại như thể ông đang nói với một đứa trẻ.

- Cha không vào ngồi một chút sao?

- Không, không, không ! - Cha Keon nói, với một giọng dè dặt, khoan dung, êm dịu - Đừng có bận tâm vì tôi. Tôi chỉ muốn tìm ngài Fanning...

- Ông ấy đang ở quán Đại bàng đen -Mr Henchy nói - Nhưng chẳng lẽ cha không vào đây ngồi được mấy phút sao?

- Không, không, cảm ơn . Chỉ mấy chuyện lật vật thôi ấy mà - Cha Keon nói - Cảm ơn rất nhiều.

Ông ta bước ra khỏi cửa và Mr Henchy, tóm lấy một giá nến, đi ra cửa để soi cho ông ta bước xuống cầu thang.

- Ấy, đừng bận tâm, tôi xin đấy!

- Không, thưa cha, cầu thang tối lắm.

- Không, không, tôi nhìn được ... cảm ơn rất nhiều.

- Cha đã xuống hết cầu thang chưa?

- Ổn rồi, cảm ơn.. Cảm ơn.

Mr Henchy quay lại và đặt giá nến lên bàn. Anh ta lại ngồi xuống bên lò sưởi. Căn phòng im lặng một lúc.

- Nói cho tớ biết, John - Mr O'Connor nói, châm điếu thuốc của anh ta bằng một tấm các khác.

- Hử?

- Thực sự ông ta là ai?

- Hỏi tớ câu khác dễ hơn đi - Mr Henchy nói.

- Tớ thấy Fanning và ông ấy có vẻ rất thân thiết. Họ thường vào quán Kavanagh với nhau. Cuối cùng thì thật ra ông ấy có phải là linh mục không?

- ừm, phải, tớ tin là vậy ..Tớ nghĩ ông ta là một con chiên ghẻ, như người ta vẫn nói. Chúng ta không có nhiều kẻ như vậy, ơn Chúa, nhưng chúng ta có một số ...Ông ta thật ra cũng là một người không may...

- và làm sao ông ta kiếm sống? - Mr O'Connor hỏi.

- đó là một điều bí ẩn khác.

- ông ta có gần với một nhà thờ hay tổ chức hay...

- không - Mr Henchy nói - tớ nghĩ ông ấy sống bằng tiền riêng..Chúa tha tội - anh ta nói thêm - tớ đã tưởng ông ấy đến đây để chuyển bia cho bọn mình.

- liệu chúng mình có thể hy vọng được uống gì không nhỉ? - Mr O'Connor hỏi.

- tôi cũng khát khô cả cổ - ông lão nói.

- tớ đã hỏi cái gã khổ rách áo ôm đấy ba lần - Mr Henchy nói - hỏi xem lão ta có định cho người chuyển tá bia stout đến không. Tớ đã định hỏi, nhưng lúc đó lão đang ngả ngớn ở chỗ quầy tán hươu tán vượn với Alderman Cowley.

- Sao cậu không nhắc lão ấy? - Mr O'Connor nói.

- Dào ,làm sao mà tớ xuất hiện được khi lão ta đang nói chuyện với Alderman Cowley chứ. Tớ chỉ có thể chờ cho đến khi đón được mắt lão ta, rồi nói Về và nhỏ mà tôi đã nói với ông...Chuyện đó sẽ được giải quyết, thưa ngài H... - lão ta nói. Phải, phải tất nhiên là lão lùn đã quên tiết rồi chứ sao.

- Họ đang có phi vụ gì đó hay sao ấy - Mr O'Connor trầm tư - Hôm qua tớ thấy ba người bọn họ thì thà thì thụt ở góc phố Suffolk.

- Tớ nghĩ tớ biết bọn họ đang bàn mưu kế gì - Mr Henchy nói - Bây giờ muốn được bầu làm Thị trưởng nhất thiết cậu phải nợ tiền các ủy viên hội đồng. Và họ sẽ bầu cậu làm thị trưởng. Chúa lòng lành! Tớ đang nghiêm túc nghĩ đến chuyện trở thành một ủy viên hội đồng mới được. Cậu nghĩ sao? Tớ có làm được không?

Mr O'Connor cười lớn.

- Ít nhất về cái chuyện đi nợ tiền này thì...

- Ngồi xe từ Mansion House đi ra - Mr Henchy nói - mặc toàn đồ lông chồn, với già Jack đây đầu đội tóc giả rắc phấn đứng chào phía sau - không tồi, hở?

- Và hãy thuê tớ làm thư ký riêng cho cậu, John.

- Phải. Và tớ sẽ đề nghị cha Keon làm cha tuyên úy riêng cho tớ. Chúng ta sẽ có một đảng gia đình.

- Nói thật chứ, ngài Henchy - ông già nói - ngài còn có phong cách hơn hẳn một số người bọn họ ấy. Hôm trước tôi vừa nói chuyện với lão già gác cổng Kregan. Ông thích người chủ mới của ông chứ, Pat? Tôi hỏi lão ta. Giờ chắc ông không phải đón nhiều khách đến tiệc tùng nhỉ - tôi nói. Tiệc tùng á! - lão ta nói - Ông ấy sống nhờ hít mùi mỡ khăn lau bếp thì có. Và các ngài biết lão ấy đã nói gì với tôi không? giờ, thế có Chúa, tôi không tin lời lão ta.

- Cái gì? - Mr Henchy và Mr O'Connor cùng nói.

- Lão ấy bảo tôi, Ông nghĩ thế nào về một ngài thị trưởng Dublin ăn tối vồn vện có một pao sườn? cuộc sống sang trọng là thế ư? - lão ấy nói. Ủi chà! Ủi chà - tôi nói - một pao sườn - lão ta nói, Gọi đến Mansion House, úi chà! - tôi nói - không biết bao giờ quan chức người ta thành ra cái kiểu gì nữa không biết?

Đúng lúc đó có tiếng gõ cửa và một thằng bé thò đầu vào.

- Cái gì thế? - ông già hỏi.

- Cái này từ quán Đại bàng đen - thằng bé nói, tiến vào và đặt một cái bị lên sàn bên trong lanh canh tiếng chai.

Ông già giúp thằng bé chuyển chai lên bàn và kiểm lại số lượng. Chuyển xong thằng bé đeo bị vào tay và hỏi:

- Có vỏ chai nào không?

- Vỏ chai gì? - ông già hỏi.

- Chẳng nhẽ mày không để bọn tao uống cái đã hả? - Mr Henchy nói.

- Tôi được báo là phải hỏi lấy lại vỏ chai.

- Mai quay lại - ông lão nói.

- Này nhóc! - Mr Henchy nói - Mày chạy ra quán O'Farrell hỏi mượn cho chúng tao cái mở chai được không - nói là cho ngài Henchy. Nói với ông ấy là bọn tao trả lại ngay. Cứ để bị ở đây.

Thằng bé đi ra và Mr Henchy vui vẻ xoa hai tay, nói:

- À, ừ, dù sao thì lão ấy cũng đâu có tệ lắm. Cuối cùng thì lão ấy cũng biết giữ lời.

- Không có lý đâu - ông lão nói.

- Ấy, đừng để chuyện đó làm ông mất vui chứ, Jack - Mr Henchy nói - Đã có bao trang nam tử trước chúng ta từng uống thẳng từ chai mà.

- Dù sao thì thế này cũng tốt hơn là không có gì - Mr O'Connor nói.

- Lão ta không phải loại tệ lắm - Mr Henchy nói - chỉ tội lão ta bị Fanning sai khiến nhiều quá. Lão ấy có ý tốt, cậu biết đấy, tốt theo cái kiểu thấp kém của lão.

Thằng bé quay lại với cái mở chai. Ông lão mở ba chai và đang chuẩn bị đưa lại cái mở chai cho thằng bé thì Mr Henchy nói với nó:

- Mày có muốn uống không, nhóc?

- Thưa, nếu ngài cho phép - nó nói.

Ông lão miễn cưỡng mở một chai nữa và đưa cho thằng bé.

- Mày bao nhiêu tuổi? - ông ta hỏi.

- Mười bảy tuổi - thằng bé nói.

Bởi ông già không nói gì nữa, thằng bé nâng chai bia lên, nói với Mr Henchy "Xin kính chúc sức khỏe ngài" rồi uống cạn, đặt lại cái vỏ chai lên bàn và lấy ống tay áo quệt mồm. Rồi nó nhặt cái mở chai lên và tiến ra cửa, miệng lẩm bẩm cái gì đó như lời chào.

- Chẳng chóng thì chầy rồi cũng hỏng thôi - ông lão nói.

- Rồi không rút chân ra được - Mr Henchy nói.

Ông lão chia ba chai bia vừa mở cho từng người và họ cùng dốc chai uống. Rồi mỗi người đặt chai của mình lên bệ lò sưởi và khà một hơi dài thỏa mãn.

- Ủ, hôm nay tớ cũng làm được kha khá - Mr Henchy nói, sau một lúc.

- Thế hả, John?

- Ủ, tớ lấy được cho lão ta một hay hai phiếu chắc chắn ở phố Dawson, tớ và Crofton. Nói riêng cho cậu biết nhé, Crofton (tất nhiên hẳn ta là người tử tế rồi) là tay vận động không đáng một xu. Chẳng nói được lời nào, cứ câm như hến. Chỉ biết đứng đấy giương mắt nhìn trong lúc tớ diễn thuyết.

Đến đây hai người đàn ông bước vào phòng. Một trong hai người rất to béo, đến nỗi bộ quần áo vải séc màu xanh của anh ta dường như có nguy cơ chuẩn bị trượt khỏi thân hình dốc đứng. Anh ta có khuôn mặt to bè, vẻ mặt trông giống như mặt một con bò đực non, đôi mắt xanh nhìn chăm chú và hàng ria hoa râm. Người kia, trẻ và mảnh dẻ hơn rất nhiều, mặt gầy gò, nhẵn nhụi. Anh ta mặc một chiếc áo cổ kép rất cao và đội mũ tròn vành rộng.

- Chào, Crofton! - Mr Henchy nói với người to béo - vừa nhắc đến sói thì sói xuất hiện...

- Bia bọt đầu ra thế này? - người đàn ông trẻ hỏi - Ăn mừng cái gì à?

- Ha, tất nhiên rồi, Lyons luôn đánh hơi được rượu đầu tiên! - Mr O'Connor nói, cười lớn.

- Lũ các cậu đi vận động thể này hả - Mr Lyons nói - còn tớ với Crofton thì dầm mưa đi kiếm phiếu?

- Cái gì chứ, quỷ tha ma bắt các cậu đi - Mr Henchy nói - Trong năm phút tớ còn kiếm được nhiều phiếu hơn hai đứa nhà cậu kiếm trong một tuần.

- Hãy mở chai nữa, Jack - Mr O'Connor nói.

- Làm sao tôi làm được - ông lão nói - khi không có cái mở chai đây?

- Chờ chút, chờ chút - Mr Henchy đứng nhanh dậy - Đã bao giờ các cậu thấy trò này chưa?

Anh ta lấy hai chai bia trên bàn, mang đến lò sưởi, đặt vào ngăn nướng. Rồi anh ta lại ngồi xuống bên lò sưởi và nâng chai uống một ngụm bia nữa. Mr Lyons ngồi trên mé bàn, kéo mũ xuống sau gáy và bắt đầu dùng đũa hai chân.

- Chai nào là của tớ? - anh ta hỏi.

- Đây, ông bạn - Mr Henchy nói.

Mr Crofton ngồi xuống một cái hòm và nhìn đăm đăm vào cái chai còn lại trong lò nướng. Anh ta im lặng vì hai lẽ. Thứ nhất, lý do này là đủ, anh ta không có gì để nói, thứ hai, anh ta cho những người bạn của mình đều dưới tầm. Anh ta từng làm người đi vận động bỏ phiếu cho Wilkins, ứng viên Đảng Bảo thủ, nhưng khi Đảng Bảo thủ rút người và, lựa chọn cái đỡ tồi tệ hơn trong hai cái tồi tệ, và, tính đến sự ủng hộ của người ta đối với ứng viên phái Dân tộc chủ nghĩa, anh ta bằng lòng làm việc cho Mr Tierney.

Mấy phút sau một tiếng Pốc! Đầy hơi lỏi vang lên và cái nắp bay ra khỏi chai bia của Mr Lyons. Mr Lyons nhảy phắt khỏi bàn, đi tới lò sưởi, lấy chai bia của anh ta và mang lại bàn.

- Tớ đang nói với họ đây, Crofton - Mr Henchy nói - rằng hôm nay chúng ta kiếm được kha khá phiếu.

- Các cậu được những ai? - Mr Lyons hỏi.

- Ủ, tớ có Parkes là một này, Atkinson là hai này, và cả Ward ở Phố Dawson nữa. Ông ấy cũng tử tế, vị quý tộc già, thành viên già Đảng Bảo thủ đấy! Nhưng chẳng phải ứng cử viên của ngài là người phái Dân tộc chủ nghĩa sao? - ông ấy hỏi. Ông ấy là người có uy tín, tớ nói. Ông ấy ủng hộ tất cả những gì mang lợi cho đất nước này. Ông ấy nộp rất nhiều thuế điền sản - tớ nói. Ông ấy có rất nhiều tài sản nhà cửa trong thành phố và ba hãng buôn, chẳng nhẽ ông ấy lại không muốn thuế được hạ thấp nhất có thể? Ông ấy là một công dân xuất chúng và đáng kính - tớ nói - và là một đại biểu Luật Hỗ trợ người nghèo nữa, và ông ấy không theo một tổ chức đảng phái nào hết, phe tả, phe hữu hay trung. Nói với bọn họ là phải nói như vậy.

- Thế còn bài diễn văn đón chào đức vua? - Mr Lyons nói, sau khi đã uống bia và chẹp chẹp môi.

- Nghe tớ này - Mr Henchy nói - những gì chúng ta cần cho đất nước này, như tớ nói với Già Ward, là vốn. Chuyến thăm của đức vua đến đây có nghĩa tiền sẽ chảy về đất nước này. Những công dân Dublin sẽ hưởng lợi từ đó. Hãy nhìn đám nhà máy bên ke sông đấy, ngắc ngoải! Hãy nhìn xem liệu sẽ có bao nhiêu tiền trong đất nước này nếu như chúng ta chỉ có những ngành công nghiệp già cỗi, những xưởng sản xuất, xưởng đóng tàu và nhà máy. Chúng ta cần vốn

- Nhưng hãy nhìn xem, John - Mr O'Connor nói - tại sao chúng ta phải chào đón vua nước Anh cơ chứ? chẳng nhẽ không phải chính Parnell đã...

- Parnell - Mr Henchy nói - đã chết rồi. Nào, đây là cách tổ nhìn mọi chuyện đây. Ông ta đâu có được ngồi đầu, bà mẹ già của ông ta giữ tiết lấy nó cho đến khi ông ta bạc tóc . Ông ta là người hoàn toàn biết và ông ta đâu có ý xấu đối với chúng ta. Ông ta là một gã tử tế, vui vẻ, nếu các cậu hỏi tổ, và không có tai tiếng gì. Ông ta chỉ tự nhủ thế này, Bà già ta chẳng bao giờ đi gặp những người Ireland hoang dã này . Thề có Chúa, ta sẽ đi xem họ như thế nào. Và chẳng nhẽ chúng ta sẽ lãng mạ khi ông ta đến đây trong một chuyến thăm hữu nghị hay sao? Hả? không đúng sao, Crofton?

Mr Crofton gật đầu.

- Nhưng dù sao bây giờ - Mr Lyons nói, giọng tranh cãi - cuộc đời của vua Edward, các cậu biết đấy, cũng không phải là...

- Chuyện gì đã qua hãy để nó qua đi - Mr Henchy nói - Cá nhân tổ, tổ ngưỡng mộ ông ấy. Ông ấy cũng chỉ là một gã vui tính như những người khác, như cậu như tổ. Ông ta thích ly rượu grog của ông ta và ông ta hơi chơi bời một tí, có lẽ vậy, và ông ta chơi thể thao nữa. Quỷ tha ma bắt, chẳng lẽ người Ireland chúng ta không thể công bằng được một chút hay sao?

- Tất cả những chuyện đó đều không sao - Mr Lyons nói - Nhưng giờ hãy xem trường hợp của Parnell.

- Có Chúa chứng giám - Mr Henchy nói - hai trường hợp có gì giống nhau kia chứ?

- Ý tổ là - Mr Lyons nói - chúng ta có những lý tưởng riêng của mình. Vậy tại sao chúng ta lại phải đón chào một người như thế ? các cậu có nghĩ rằng sau tất cả những gì Parnell đã làm thì ông ta vẫn xứng đáng để lãnh đạo chúng ta? Và tại sao chúng ta không chấp thuận để vua Edward VII làm?

- Hôm nay là kỷ niệm ngày Parnell mất - Mr O'Connor nói - và đừng có làm chúng ta phát sôi máu lên một cách vô nghĩa làm gì. Chúng ta đều kính trọng ông ấy, giờ đây khi ông ấy đã chết, ngay cả đảng Bảo thủ, anh ta thêm vào, quay về phía Mr Crofton.

Pốc! Cái nắp giờ mới chịu, bay khỏi miệng chai bia của Mr Crofton. Mr Crofton rời khỏi cái hòm đang ngồi và đi về phía lò sưởi. Quay lại với chiến lợi phẩm anh ta nói bằng một giọng trầm trầm.

- Phe bọn tổ tôn trọng ông ấy, bởi ông ấy là một quý ông thực sự.

- Cậu nói rất đúng, Crofton! - Mr Henchy hùng hồn - Ông ấy là người duy nhất có thể dẹp yên được cái tổ mèo đó. Nằm im nào! Nằm xuống! Đó là cách ông ấy đối xử với họ. Vào đi, Joe! Vào đi! - anh ta gọi to, thoáng thấy bóng Mr Hynes phía cửa.

Mr Hynes chậm rãi bước vào.

- Mở một chai nữa đi, Jack - Mr Henchy nói - Ấy, tôi quên mất là không có cái mở chai! Nào, đưa tôi một chai rồi tôi để vào lò sưởi nào.

Ông lão đưa cho anh ta một chai khác và anh ta đặt nó lên ngăn nướng.

- Ngồi xuống đi Joe, - Mr O'Connor nói - Bọn tổ đang nói về Ông Cả ấy mà.

- Phải, phải! - Mr Henchy nói.

Mr Hynes ngồi trên mép bàn gần Mr Lyons nhưng không nói gì.

- Dù gì thì cũng có một người trong bọn họ - Mr Henchy nói - không từ bỏ ông ấy. Thề có Chúa, tổ nói là cậu đấy, Joe! Không, thề có Chúa, cậu tôn sùng ông ấy!

- Ừ phải , Joe - Mr O'Connor đột nhiên nói - đọc cho bọn tổ nghe cái bài cậu viết hồi trước đi - cậu có nhớ không? cậu có mang theo nó không?

- Phải đấy! - Mr Henchy nói - Đọc cho bọn tổ đi. Cậu chưa bao giờ nghe bài ấy phải không, Crofton? Thế thì giờ nghe nhé, tuyệt tác đấy.

- Đọc đi - Mr O'Connor nói - Đọc đi nào Joe.

Mr Hynes có vẻ không hiểu ngay họ đang nói đến bài viết nào, nhưng sau một lúc nghĩ ngợi, anh ta nói:

- À, cái bài đấy à...Tất nhiên rồi, giờ thì nó cũ rồi...

- Đọc đi anh bạn! - Mr O'Connor nói.

- Suyt, suyt - Mr Henchy nói - Nào, Joe!

Mr Hynes ngần ngừ một lúc nữa. Rồi trong sự im lặng của căn phòng, anh ta bỏ mũ xuống, đặt lên bàn và đứng dậy. Anh ta có vẻ như đang nhắm lại bài thơ trong đầu. Sau một khoảng lặng khá dài, anh ta đọc to:

Cái chết của Parnell

Ngày 6 tháng 10 năm 1891

Anh ta hắng giọng mấy lượt rồi bắt đầu đọc

Ông đã chết, Vị Vua không vương miện của chúng ta đã chết

Ôi, Erin , hãy nhỏ lệ khóc than

Vì ông ngã xuống bởi lũ người tàn bạo

Lũ giả nhân giả nghĩa tân thời.

Ông chết bởi bầy sói săn hèn hạ

Lũ ông từng vinh danh từ bùn đen

Và hoài bão ước mơ của Erin

Giờ tàn lụi dưới giàn thiêu vương quốc

Trong lâu đài, nhà nhỏ hay mái lá

Thổn thức những trái tim Ireland

Đang trĩu nặng buồn đau - ông đã ra đi

Người đã có thể làm Ireland đổi thay số phận

Người đã làm vinh danh Erin

Lá cờ xanh tung bay kiêu hãnh

Những chính khách, nhà thơ, chiến binh dũng mãnh

Đã có thể được thế giới cúi chào

Ông đã mơ (ôi chao cũng vẫn chỉ là mơ!)

Về tự do, nhưng khi ông đang gắng sức

Vươn tới nó, thì bỗng nhiên phản trắc

Chia lìa ông khỏi cái đích hằng mơ

Nhục nhả thay bọn đê tiện nhát hèn

Phản bội lại Đức ngài của họ

Bán đứng người cho đám đông vô lại

Những thầy tu hèn hạ - đám kẻ thù.

Cầu cho nỗi nhục muôn đời này thiêu cháy hết

Trí nhớ của những kẻ đã gắng công

Làm mờ đi, vấy bẩn cái tên

Của con người chúng phải quỳ dưới gối

Ông ngã xuống như những trang hào kiệt

Đến phút chót vẫn không chịu cúi đầu
Và cái chết giờ đưa ông về với
Những anh hùng quá khứ của Erin
Không tranh cãi nào kinh động giấc ngàn thu!
Ông yên nghỉ bình yên, không nổi đau trần thế
Cũng không tham vọng nào lay động ông nữa
Kể cả những đỉnh cao vinh quang
Chúng đã đẩy được ông ngã xuống
Nhưng Erin, hãy nghe, linh hồn ông sẽ
Bay lên, như Phượng hoàng bay từ lửa
Khi ngày rạng lóe sáng ánh bình minh
Ngày đó chúng ta có tự do ngự trị
Và cũng chính ngày đó, Erin
Khi nâng chén uống mừng vui chiến thắng
Sẽ tìm lại bồi hồi một giọt nhớ Parnell.

Mr Hynes ngồi lại lên bàn. Khi anh ta đọc xong bài thơ, căn phòng im lặng một lúc rồi òa lên tiếng vỗ tay, ngay cả Mr Lyons cũng vỗ tay. Trông vỗ tay kéo dài một lúc. Khi nó dừng lại tất cả người nghe im lặng uống chai bia của mình.

Pốc! Cái nắp bay ra từ chai bia của Mr Hynes, nhưng Mr Hynes vẫn ngồi trên bàn, mặt đỏ bừng và đầu trần. Anh ta có vẻ như không nghe thấy lời mời gọi.

- Khá lắm Joe! - Mr O'Connor nói, lôi đồng giấy cuộn và túi thuốc lá của mình ra, đúng hơn là để che giấu cảm xúc.

- Cậu nghĩ thế nào về nó, Crofton? - Mr Henchy kêu lên - Hay đấy chứ? thế nào nào?

Mr Crofton nói đó là một bài thơ được viết rất hay.

13. Chương 13: Một Người Mẹ

Mr Holohan, thư ký trợ lý Hội Eire Abu [1], tất tả xuôi ngược khắp Dublin gần một tháng nay, tay và túi áo đầy những mẫu giấy nhem nhuốc lo chuẩn bị cho buổi hòa nhạc sắp tới. Một chân bị khập khiễng nên bạn bè gọi ông ta là Holoahn Thọt. Ông chạy đi chạy lại, đứng hàng giờ nơi góc phố tranh cãi, thuyết phục, rồi ghi chép, nhưng rốt cuộc cuối cùng chính Mrs Kearney mới là người định đoạt mọi chuyện.

Miss Devlin đã trở thành Mrs Kearney một cách tình cờ. Cô được giáo dục trong một trường dòng danh tiếng, nơi cô học tiếng Pháp và nhạc. Bởi cái vẻ trắng xanh từ bé và cung cách cứng rắn, cô có rất ít bạn bè ở trường. Khi đến tuổi lấy chồng cô được cử đến rất nhiều nhà, và những bản nhạc cô chơi cùng với cái tháp ngà của cô vô cùng được ngưỡng mộ. Cô ngồi giữa vòng tròn lạnh lẽo những thành quả của mình, chờ đợi một kẻ si tình dám đương đầu với nó và trao cho cô một cuộc sống chói lọi. Nhưng những gã trai trẻ cô gặp chỉ toàn những kẻ tầm thường và cô quyết không tỏ ý khuyến khích họ, cố gắng an ủi những khao khát lãng mạn của mình bằng cách âm thầm ngậm kẹo gôm Thổ Nhĩ Kỳ [2]. Tuy nhiên khi đã đến gần giới hạn và bạn bè bắt đầu bàn tán xì xào, cô làm họ im miệng bằng cách cưới Mr Kearney, chủ tiệm đóng giày ở ke Ormond.

Ông hơn bà rất nhiều tuổi. Những lời của ông, rất nghiêm túc, phát ra từ khoảng trống giữa bộ râu xồm lớn màu nâu. Sau năm đầu tiên của cuộc sống hôn nhân, Mrs Kearney hiểu ra rằng một nó đàn ông như thế sẽ mang lại nhiều lợi lộc hơn là một kẻ lãng mạn, nhưng bà không bao giờ cất đi những ý tưởng lãng mạn của riêng mình. Ông đứng đắn, tần tiện, và sùng đạo, thứ Sáu đầu tiên tháng nào ông cũng đi quỳ trước bàn thờ Chúa, đôi khi cùng với bà, nhưng thường là chỉ một mình. Nhưng bà chưa bao giờ vì thế mà lơ là tôn giáo của mình và luôn là một người vợ tốt đối với ông. Lúc tiệc tùng ở những ngôi nhà xa lạ chỉ cần bà hơi nhướn lông mày lên là ông đứng dậy cáo từ ngay và, mỗi khi cơn ho làm phiền ông, bà lại quần chiếc chăn nhồi lông vịt biển quanh chân ông và làm một ly rượu punch pha rum. Về phần mình, ông là một người cha mẫu mực. Bằng cách mỗi tuần trả một khoản nhỏ cho công ty bảo hiểm, ông đảm bảo cho cả hai cô con gái mình mỗi cô có được món hồi môn hơn một trăm bảng khi họ hai mươi tư tuổi. Ông đã gửi cô con gái lớn, Kathleen, đến một trường dòng tốt, ở đó cô được học tiếng Pháp và nhạc, và sau đó trả tiền cho cô học tại Nhạc viện. Năm nào cứ đến tháng Bảy Mrs Kearney lại tìm được có nói với bạn:

- Ông chồng tuyệt vời của tôi đang chuẩn bị đưa cả nhà đi Skerries nghỉ mấy tuần.

Nếu không phải Skerries thì sẽ là Howth hoặc Greystones.

Khi phòng trào Khôi phục Ireland bắt đầu gây được tiếng vang, Mrs Kearney quyết tâm phải gây dựng cái tên của con gái mình [3] và mời một giáo viên Ireland về dạy tại nhà. Kathleen và em gái gửi những tấm bưu ảnh Ireland cho bạn bè và những người bạn này lại gửi cho họ những tấm bưu ảnh Ireland khác. Vào những Chủ nhật đối với , khi Mr Kearney cùng gia đình ông đi nhà thờ, một nhóm nhỏ thường tụ tập sau buổi lễ trên góc phố Cathedral. Họ đều là bạn bè của Kearney - bạn nhạc hoặc bạn phái Dân tộc chủ nghĩa, và khi họ đã bàn tán xong đủ mọi mẩu tin nhỏ nhất, họ cùng bắt tay nhau, cười phá lên vì có nhiều bàn tay được chìa ra bắt đến thế, và chào tạm biệt nhau bằng tiếng Ireland. Chẳng mấy chốc cái tên Miss Kathleen Kearney bắt đầu được người ta nhắc đến thường xuyên. Họ nói cô rất có tài âm nhạc và là một cô gái ngoan ngoãn, và hơn nữa, cô còn là người ủng hộ phong trào khôi phục ngôn ngữ truyền thống. Mrs Kearney rất hài lòng với chuyện này. Thế nên bà không ngạc nhiên chút nào khi một ngày Mr Holohan đến gặp bà và đề nghị con gái bà tham gia đệm nhạc trong loạt bốn buổi đại hòa nhạc mà Hội của ông sắp tổ chức tại nhà hát Antient Concert Rooms. Bà dẫn ông vào phòng khách, mời ông ngồi xuống và bưng ra bình rượu và hộp bánh quy bằng bạc. Bà lắng nghe chăm chú từng thông tin về Hội, đưa ra những lời khuyên và can ngăn, và cuối cùng một hợp đồng [4] được thảo xong, theo đó Kathleen sẽ nhận được tám ghinê với tư cách là nghệ sĩ chơi nhạc đệm trong bốn buổi đại hòa nhạc.

Bởi Mr Holohan còn ít kinh nghiệm trong những vấn đề tinh tế như lời lẽ trên áp phích quảng cáo hay sắp xếp tiết mục chương trình, Mrs Kearney đã giúp ông. Bà có tài xử trí. Bà biết những nghệ sĩ nào thì phải được in tên chữ hoa còn những nghệ sĩ nào thì nên in tên chữ thường. Bà biết rằng ca sĩ giọng nam con trưởng sẽ không muốn phải hát sau tiết mục tấu hài của Mr Meade. Để giữ cho khán giả luôn thích thú bà đan xen các tiết mục đáng ngờ giữa các tiết mục vốn được ưa chuộng lâu nay. Mr Holohan ngày nào cũng ghé qua chỗ bà để xin cố vấn về vấn đề gì đó. Lúc nào bà cũng tỏ ra rất nhiệt tình, và sẵn sàng đưa ra một lời khuyên - một cách thân tình, thật vậy. Bà đẩy bình rượu về phía ông và nói:

- Nào, xin cứ tự nhiên, Mr Holohan!

Và trong lúc ông tự rót rượu cho mình, bà nói:

- Đừng lo! Đừng lo gì chuyện đó!

Mọi chuyện diễn tiến một cách tốt đẹp. Mrs Kearney mua một dải lụa sa tanh màu phớt hồng tuyệt đẹp ở hiệu Brown Thomas dính lên phía trước váy cho Kathleen. Dải lụa tốn kha khá, nhưng trên đời này có những dịp mà tiêu tốn một chút cũng xứng đáng. Bà còn mua hơn chục cái vé giá hai shilling cho buổi hòa nhạc cuối và gửi chúng cho những người bạn thuộc loại nếu không có vé mời thì không chắc sẽ đi. Bà không quên một điều gì cả, và, nhờ có bà, tất cả những việc cần phải làm đều đã được hoàn thành.

Loạt hòa nhạc theo kế hoạch diễn ra vào thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. Khi Mrs Kearney cùng con gái đến Antient Concert Rooms tối thứ tư bà không thích cái quang cảnh kiểu đó chút nào. Mấy gã thanh niên đeo phù hiệu xanh trên ngực áo khoác, đang đứng lơ dờ trong sảnh nhà hát, không một gã nào mặc dạ phục. Bà cùng con gái đi ngang qua họ và chỉ cần một cái liếc nhìn qua cánh cửa của khán phòng đang mở bà hiểu ngay nguyên nhân sự lơ dờ của đám thanh niên phục vụ. Thoạt tiên bà tự hỏi hay là mình nhầm

giờ. Không lúc này đúng là tám giờ kém hai mươi.

Trong phòng hóa trang phía sau sân khấu, bà được giới thiệu với ngài thư ký hội, Mr Fitzpatrick. Bà mỉm cười và bắt tay ông. Ông ta là một người nhỏ thó có khuôn mặt trắng bệch, vô hồn. Bà để ý thấy ông cứ đội chiếc mũ nâu mềm một cách cầu thả lệch hẳn một bên còn giọng nói thì thô kệch. Ông ta cầm một tờ chương trình trong tay, và , trong lúc nói chuyện với bà, ông ta đưa một góc giấy lên nhai nhai cho mủn ra. Ông ta có vẻ chẳng thất vọng gì mấy. Mr Holohan thì cứ mấy phút lại đi vào phòng hóa trang thông báo diễn biến ở phòng bán vé. Đám nghệ sĩ đứng tán chuyện với nhau có vẻ khá lo lắng, chốc chốc lại liếc vào gương và cuộn ra cuộn vào bản nhạc của họ. Khi đã gần đến tám giờ rưỡi, đám khán giả lè tè trong nhà hát bắt đầu tỏ ý muốn được xem biểu diễn. Mr Fitzpatrick đi vào, mỉm cười lơ đãng với cả phòng và nói:

- Nào các quý ông quý bà, tôi đề rằng đã đến lúc chúng ta bắt đầu đêm hội.

Mrs Kearney thưởng công cho cái âm tiết chứa đặc giọng quê mùa của ông bằng một cái nhìn nhanh khinh bỉ, và rồi nói với cô con gái đầy vẻ động viên.

- Sẵn sàng chưa, con yêu?

Lúc sau tìm được cơ hội, bà gọi riêng Mr Holohan ra một chỗ và bảo ông ta giải thích cho bà như thế này có nghĩa là sao. Mr Holohan không biết giải thích thế nào. Ông nói ủy ban đã sai lầm khi tổ chức bốn đêm nhạc, bốn đêm là quá nhiều.

- Và còn đám nghệ sĩ nữa chứ - Mrs Kearney nói - tất nhiên họ sẽ cố gắng hết sức, nhưng thực họ chỉ là đám vô dụng.

Mr Holohan thừa nhận đám nghệ sĩ toàn kẻ vô dụng, nhưng ủy ban, ông nói, đã quyết định cứ để ba đêm nhạc đầu tiên ra sao thì ra, còn để dành các tài năng cho đêm thứ Bảy. Mrs Kearney không nói gì, nhưng khi các tiết mục tầm thường lần lượt tiếp nối nhau trên sân khấu và đám khán giả lè tè trong nhà hát càng lúc càng thưa dần, bà bắt đầu thấy hối hận tại sao mình đã mất công mất của cho một buổi hòa nhạc như thế này. Có điều gì đó bà đã không thấy thích ở cái kiểu mọi chuyện diễn ra, và nụ cười vô hồn của Mr Fitzpatrick làm bà bức mình hết sức. Tuy vậy bà không nói gì cả và chờ xem mọi chuyện sẽ kết thúc như thế nào. Đêm nhạc kết thúc lúc chưa đến mười giờ, và ai nấy đều nhanh chóng về nhà.

Buổi hòa nhạc đêm thứ năm có đông khán giả hơn nhưng Mrs Kearney ngay lập tức nhận ra rằng nhà hát ngập ngụa giấy. Đám khán giả xử sự khiếm nhã, như thể đêm nhạc chỉ là một buổi diễn tập thông thường. Mr Fitzpatrick có vẻ khá thoải mái, ông ta hoàn toàn không nhận thấy Mrs Kearney đang giận dữ về hành động của ông ta. Ông ta đứng phía cánh gà, chốc chốc lại thò đầu ra cười nói với hai người bạn ngồi ở góc ban công. Trong buổi tối hôm đó, Mrs Kearney biết được rằng buổi hòa nhạc đêm thứ sáu sẽ bị hủy bỏ và ủy ban dù có phải lay trời chuyển đất cũng quyết tâm làm nhà hát đóng kín vào đêm thứ bảy. Khi nghe thấy chuyện này, bà tức tốc đi tìm Mr Holohan. Bà níu áo ông khi ông đang lập cập mang ly nước chanh cho một quý bà trẻ tuổi và hỏi ông có phải chuyện đó là thật không. Phải, đúng thế.

- Nhưng, tất nhiên rồi, chuyện đó sẽ không ảnh hưởng gì đến bản hợp đồng - bà nói - Bản hợp đồng là cho bốn đêm nhạc.

Mr Holohan dường như đang vội, ông khuyên bà tìm gặp Mr Fitzpatrick để nói chuyện. Mrs Kearney bắt đầu cảm thấy bị báo động. Bà gọi Mr Fitzpatrick khỏi chỗ cánh gà và nói với ông rằng con gái bà đã ký hợp đồng cho bốn buổi biểu diễn, và rằng, tất nhiên, theo các điều khoản của bản hợp đồng, cô cần nhận được số tiền đã thỏa thuận lúc ban đầu, cho dù Hội có biểu diễn bốn đêm hay không. Mr Fitzpatrick vốn không nắm bắt vấn đề một cách nhanh nhạy lắm, có vẻ không thể qg được khó khăn này và nói ông sẽ trình vấn đề lên ủy ban. Cơn giận dữ của Mrs Kearney bắt đầu làm hai má bà đỏ bừng và phải cố gắng lắm bà mới không bật ra:

- Và ai là cái uế ban đấy cơ chứ, thưa ngài?

Nhưng bà hiểu rằng làm như thế sẽ không quý phái chút nào, thế là bà im lặng.

Ngay từ sáng sớm thứ Sáu bọn nhóc đã được phái đến những khu phố chính của Dublin với hàng tập áp phích phát tay. Những bài tán tụng đặc biệt tràn ngập trên tất cả các tờ báo buổi tối, nhắc công chúng yêu nhạc về bữa tiệc âm nhạc dành riêng cho họ vào tối hôm sau. Mrs Kearney cảm thấy hơi an tâm một chút,

nhưng bà vẫn quyết định nói với ông chồng một phần những nỗi nghi ngờ của mình. Ông chăm chú lắng nghe và nói có lẽ sẽ tốt hơn nếu ông đi cùng bà đến buổi biểu diễn đêm thứ Bảy. Bà đồng ý. Bà tôn trọng chồng mình như tôn trọng Bưu điện Trung tâm [5], như một thứ gì đó lớn lao, an toàn và chắc chắn, và mặc dù thấy ông có ít tài cán nhưng bà trân trọng cái giá trị trừu tượng là đàn ông của ông. Bà thấy mừng vì ông đã đề nghị đi cùng bà. Bà đã vạch sẵn sàng kế hoạch.

Đêm hòa nhạc trọng đại đã đến. Mrs Kearney, cùng chồng và con gái, đến nhà hát Antient Concert Rooms sớm hơn bốn mươi lăm phút so với giờ mà buổi hòa nhạc theo kế hoạch sẽ bắt đầu. Không may sao đó lại là vào một buổi tối mưa gió. Mrs Kearney giao đồng váy áo và bản nhạc của con gái cho chồng giữ rồi đi khắp tòa nhà tìm Mr Holohan hoặc Mr Fitzpatrick. Bà không tìm thấy ai cả. Bà hỏi đám phục vụ có thành viên nào của ủy ban đang có mặt tại nhà hát không, và, sau rất nhiều khó khăn, một anh chàng phục vụ dẫn đến cho bà một người phụ nữ nhỏ bé tên là Miss Beirne, và Mrs Kearney giải thích với bà này rằng bà muốn gặp một trong số các thư ký của Hội. Miss Beirne nói bà cũng đang chờ họ, họ sắp đến ngay đây và hỏi liệu bà có thể giúp gì được không. Mrs Kearney sẫm soi khuôn mặt trông già nua của người đối diện đang rúm lại tràn đầy một vẻ tin tưởng và nhiệt tình rồi trả lời:

- Không, cảm ơn!

Người phụ nữ bé nhỏ hy vọng hôm nay họ sẽ có một nhà hát đầy ắp thính giả. Bà nhìn ra ngoài trời mưa cho đến khi sự buồn thảm của con phố ẩm ướt dần xóa đi vẻ tin tưởng và nhiệt tình trên nét mặt rúm ró của bà. Rồi bà kín đáo thở dài và nói:

- Ôi vâng! Chúng tôi đã làm hết sức có thể, có Chúa chứng giám.

Mrs Kearney phải quay lại phòng hóa trang.

Các nghệ sĩ đang đến. Giọng nam trầm và giọng nam cao thứ đã đến từ trước. Giọng nam trầm, Mr Duggan, là một người đàn ông trẻ mảnh dẻ có hàng ria mép đen lún phún. Anh ta là con trai người gác cửa cho một văn phòng trong thành phố và, từ bé, anh ta đã nghe ngao những nốt nhạc trầm ấm vang sảng lớn. Từ vị trí khiêm tốn này anh ta đã tự vươn lên cho đến khi trở thành một nghệ sĩ hạng nhất. Anh ta từng xuất hiện trong các vở opera lớn. Một đêm nọ, khi một nghệ sĩ opera đột nhiên ngã bệnh, anh ta đã đảm nhiệm vai nhà vua trong vở Maritana tại nhà hát Queen's Theatre. Anh đã hát hết tâm hết sức và được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt, nhưng không may, anh lại làm hỏng cái ấn tượng tốt đẹp đó vì đã vô ý một hay hai lần gì đó đưa bàn tay vẫn nguyên trong găng lên quệt mũi. Anh ta khiêm tốn và ít nói. Anh ta nói "các lời" [6] nhỏ đến nỗi không ai để ý và anh ta không bao giờ uống thứ gì mạnh hơn sữa, để giữ giọng. Mr Bell, giọng nam cao thứ, là một người đàn ông nhỏ bé tóc vàng hoe, năm nào cũng đi tranh giải tại Feis Ceoil. Lần cố gắng thi thố thứ tư anh ta đã được trao huy chương đồng. Anh ta luôn rất hoảng sợ và ghen tị với những giọng nam cao khác và anh ta che giấu sự ghen tị hoảng sợ đó của mình bằng một vẻ thân thiện sôi nổi. Anh ta rất thích được tỏ ra cho mọi người thấy mỗi buổi hòa nhạc là một thách thức đối với anh ta. Thế nên khi nhìn thấy Mr Duggan, anh ta liền lại gần và nói:

- Ngài cũng biểu diễn à?

- Vâng - Mr Duggan nói.

Mr Bell cười phá lên trước người phải chịu đựng cảnh ngộ giống mình, chìa tay ra và nói:

- Xin chia buồn!

Mrs Kearney đi qua hai chàng trẻ tuổi và tiến về phía cánh gà để nhìn xuống nhà hát. Các chỗ ngồi đang được lấp đầy nhanh chóng và một tiếng ồn dễ chịu truyền đi trong khán phòng. Bà quay lại và nói chuyện riêng với chồng. Câu chuyện của họ rõ ràng là về Kathleen, bởi chốc chốc họ lại liếc nhìn về phía cô, lúc này đang đứng tán chuyện với một trong những người bạn phái Dân tộc chủ nghĩa của cô, Miss Healy, giọng nữ trầm. Một người phụ nữ lạ mặt trông đơn độc, nét mặt nhợt nhạt, đi ngang qua phòng. Những phụ nữ trong phòng tò mò đưa mắt nhìn theo chiếc váy xanh đã bạc màu trên cơ thể gầy gò. Ai đó nói cô ta là Madam Glynn, giọng nữ cao.

- Không biết họ đào cô ta ở đâu ra - Kathleen nói với Miss Healy - chắc chắn mình chưa bao giờ nghe thấy tên cô ta.

Miss Healy không còn cách gì khác đành phải mỉm cười. Đúng lúc đó Mr Holohan khập khiễng đi vào phòng hóa trang và hai quý bà trẻ tuổi hỏi ông người phụ nữ lạ mặt kia là ai. Mr Holohan nói cô ta là Madam Glynn từ London đến. Madam Glynn đã trong góc phòng, nắm chặt phong nhạc trước ngực và chốc chốc lại đổi hướng cái nhìn thấp thỏm. Bóng tối giúp che bớt chiếc váy bột màu của cô nhưng lại đặc trắng làm nổi rõ phần áo ngực nhô ra phía dưới xương đòn. Tiếng ồn từ phía dưới khán giả càng lúc càng rõ hơn. Giọng nam cao trưởng và giọng nam trung đến cùng một lúc. Cả hai đều ăn mặc đẹp đẽ, cao lớn, tràn đầy vẻ tự mãn, và sự có mặt của họ mang lại một không khí sang trọng cho những người xung quanh.

Mrs Kearney đưa con gái qua phía họ, và trò chuyện đầy niềm nở. Bà muốn có quan hệ tốt với họ, nhưng trong khi bà đang cố gắng tỏ ra lịch thiệp, mắt bà vẫn the sát Mr Holohan với những hành tung khập khiễng ranh ma của ông ta. Ngay khi tìm được lúc thích hợp, bà bèn cáo lỗi và đi ra theo ông.

- Mr Holohan, tôi muốn gặp ông một phút - bà nói.

Họ đi ra một góc khuất trong hành lang. Mrs Kearney hỏi ông khi nào con gái bà sẽ được trả tiền. Mr Holohan nói chuyện đó thuộc quyền của Mr Fitzpatrick hết. Con gái bà đã ký hợp đồng thỏa thuận nhận được tám ghinê và nó cần được trả số tiền đó. Mr Holohan nói đó không phải là việc của ông.

- Tại sao không phải là việc của ngài kia chứ? - Mrs Kearney nói - Không phải chính ngài đã mời nó ký hợp đồng sao? Dù thế nào, nếu đó không phải là việc của ngài, thì đó là việc của tôi, và tôi nhất quyết sẽ làm rõ mọi chuyện.

- Bà nên nói chuyện với Mr Fitzpatrick - Mr Holohan nói ngắn gọn.

- Tôi không cần biết gì về Mr Fitzpatrick hết - Mrs Kearney nhắc lại - tôi có bản hợp đồng, và tôi nhất định sẽ khiến nó được thực hiện.

Khi quay lại phòng hóa trang, hai má bà hơi ửng đỏ. Căn phòng đang rất nhộn nhịp. Hai người đàn ông vẫn mặc áo khoác đã chiếm lấy chỗ bên cạnh lò sưởi và đang tá vắn tay về thân mật với Miss Healy và giọng nam trung. Một người đến từ tờ Người tự do và người kia là Mr O'Madden Burke. Người của tờ báo Người tự do vào để nói rằng ông ta không thể chờ xem buổi hòa nhạc bởi phải quay lại tường thuật buổi nói chuyện của một mục sư người Mỹ ở Mancent House. Ông ta nói họ phải gửi lại cho ông ta tin tường thuật buổi hòa nhạc tối nay, để lại tại tòa soạn báo Người tự do, và ông ta sẽ xem xem có thể đăng được hay không. Ông ta là một người đàn ông tóc muối tiêu, miệng lưỡi khéo léo và phong thái tỉ mỉ. Ông ta cầm một chiếc xì gà vừa dụi, mùi hương vẫn còn thoang thoảng xung quanh. Ông ta không có ý định ở lại phút nào, bởi những buổi hòa nhạc và đám nghệ sĩ luôn làm ông ta chán tận cổ, nhưng ông ta vẫn tiếp tục dựa vào chỗ bên lò sưởi. Miss Healey đứng trước mặt ông ta, nói nói cười cười. Ông ta đủ già để phát hiện ra lý do cho sự thân thiện của cô, nhưng vẫn còn đủ trẻ trung để hưởng lợi từ chuyện đó. Hơi ấm, mùi hương, và sắc màu thân thể của cô gái trẻ lôi cuốn mọi giác quan của ông. Ông ta ý thức một cách thích thú rằng khuôn ngực ông ta đang nhìn thấy phấp phồng phía dưới kia là phấp phồng cho ông, và tiếng cười và mùi hương và những cái liếc mắt đầy ý nghĩa kia là dành cho ông. Khi không thể nán lại thêm được nữa ông ta rời khỏi cô đầy nuối tiếc.

- O'Madden Burke sẽ viết bài - ông ta giải thích với Mr Holohan - và tôi sẽ xem xét cho đăng.

- Cảm ơn ngài rất nhiều, Mr Hendrick - Mr Holohan nói - tôi biết ngài sẽ xem xét mà. Giờ chẳng lẽ ngài lại không uống chút gì trước khi đi sao?

- Tôi không thể khước từ - Mr Hendrick nói.

Hai người đàn ông đi dọc hành lang ngoằn ngoèo, bước lên cầu thang tối vào một căn phòng khuất, người phục vụ đang mở chai cho mấy quý ông. Một trong những quý ông này là Mr O'Madden Burke, ông này đã tìm được căn phòng theo bản năng. Đó là một người đàn ông đứng tuổi, khéo léo, mỗi khi nghỉ ngơi thì dựa thân hình đồ sộ vào một cái ô lụa lớn. Cái tên hoành tráng phương Tây của ông chính là cái ô đạo đức ông ta dựa vào để giải quyết những vấn đề tài chính tế nhị của ông ta. Ông ta rất được kính trọng.

Trong lúc Mr Holohan đang giải khuây với người của báo Người tự do thì Mrs Kearney nói sôi nổi với chồng đến nỗi ông phải nhắc bà hạ thấp giọng. Những cuộc nói chuyện của những người khác trong phòng hóa trang đã trở nên căng thẳng. Mr Bell, lần đầu tiên, đã dó tay sẵn sàng bản nhạc nhưng người đem đàn không tỏ dấu hiệu, gì cả. Rõ ràng có chuyện gì đó không ổn. Mr Kearney nhìn thẳng phía trước, tay vuốt

vuốt râu cằm, trong khi Mrs Kearney thì thăm vào tai Kathleen bằng một giọng kiên quyết đã hạ bót. Từ khán phòng vang lên những tiếng khích lệ, tiếng vỗ tay và giậm chân. Giọng nam cao trưởng và giọng nam cao trung cùng Miss Healy đứng lại với nhau, chờ đợi một cách bình thản, nhưng Mr Bell thì thấy cực kỳ điên tiết vì sợ khán giả có thể tưởng anh ta đã đến muộn.

Mr Holohan và Mr O'Madden Burke bước vào phòng. Ngay một thoáng Mr Holohan đã hoàn toàn ra có sự. Ông bước lại chỗ Mrs Kearney và nói với bà bằng giọng tha thiết. Trong khi họ đang nói thì tiếng ồn ở khán phòng càng lúc càng to hơn. Mr Holohan bực tức đỏ bừng mặt và tức giận. Ông nói một cách gay gắt nhưng Mrs Kearney chỉ một mực lặp lại:

- Nó sẽ không chơi tiếp. Nó phải nhận được tám ghinê đã.

Mr Holohan chỉ tay một cách tuyệt vọng về phía khán phòng nơi khán giả đang vỗ tay giậm chân. Ông ta cầu cứu sang Mr Kearney và Kathleen. Nhưng Mr Kearney tiếp tục vuốt râu cằm còn Kathleen thì nhìn xuống, di di mũi giày mới, không phải lỗi tại cô. Mrs Kearney nhắc lại:

- Nó sẽ không chơi tiếp, nếu không nhận được tiền.

Sau một hồi tranh cãi vô ích, Mr Holohan khập khiễng lao ra khỏi phòng. Căn phòng lặng ngắt. Thái độ căng thẳng của sự im lặng đã trở nên dường như không thể chịu đựng được nữa, Miss Healy nói với nghệ sĩ giọng nam trung:

- Tuần này ngài có gặp Mrs Pat Campbell [7] không?

Nghệ sĩ giọng nam trung không gặp bà nhưng ông được người ta cho biết bà ấy vẫn ổn. Cuộc đối thoại dừng lại ở đó. Giọng nam cao trưởng cúi đầu và bắt đầu đếm những mắt nối sợi xích bằng vàng kéo bên sườn, cười mỉm và ngân vài nốt nhạc bất chợt trong họng để xem xét tác động của chúng đối với xoang trước. Chốc chốc mọi người lại nhìn Mrs Kearney.

Tiếng ồn từ khán phòng đã lên thành tiếng la hét thì Mr Fitzpatrick lao vào phòng, theo sau là Mr Holohan thở hổn hển. Tiếng đập tay và giậm chân trong khán phòng giờ được điểm xuyết bằng những tiếng huýt sáo. Mr Fitzpatrick nắm trong tay mấy tờ tiền giấy. Ông ta đếm bốn tờ đặt vào tay Mrs Kearney và nói bà sẽ nhận được nửa còn lại vào giờ giải lao.

Mrs Kearney nói :

- Vẫn còn thiếu bốn shilling.

Nhưng Kathleen đã nhắc váy và nói : nào, ngài Bell, với người hát đầu, đang run bắn lên. Ca sĩ và người đệm đàn cùng bước ra sân khấu. Tiếng ồn trong khán phòng tắt dần. Một khoảng lặng mấy giây, và rồi tiếng đàn piano vang lên.

Phần đầu của buổi hòa nhạc diễn ra rất thành công ngoại trừ tiết mục của Madam Glynn. Quý bà khốn khổ hát Killarney [8] bằng một giọng hụt hơi hổn hển, với tất cả những kiểu cách luyến láy nhả âm tiết tạm thời mà cô tin rằng làm cho giọng hát của cô trở nên trang nhã. Trông cô như thể vừa được dừng lại từ một tủ quần áo biểu diễn lỗi mốt và những hàng ghế hạng hai bắt đầu chế giễu những nốt nhạc cao than vãn của cô. Tuy vậy giọng nam cao trưởng và giọng nữ trầm đã làm nhà hát dịu lại. Kathleen chơi một loạt giai điệu Ireland và được vỗ tay nhiệt liệt. Phần đầu kết thúc với một bài đọc thơ yêu nước hào hùng do một quý cô trẻ chuyên biểu diễn tiết mục nghiệp dư. Tiết mục được hoan nghênh một cách xứng đáng, và, khi nó kết thúc, mọi người đi ra nghỉ giải lao, đều thấy hài lòng.

Trong suốt thời gian đó phòng hóa trang đã biến thành một cái tổ ồn ào náo nhiệt. Ở một góc là Mr Holohan, Mr Fitzpatrick, Miss Beirne, hai người phục vụ, giọng nam trung, giọng nam trầm, và Mr O'Madden Burke. Mr O'Madden Burke nói đây là biểu diễn nhiều bê bối nhất mà ông từng chứng kiến. Sự nghiệp âm nhạc của mis Kathleen Kearney ở Dublin sẽ sớm kết thúc sau vụ này, ông nói. Giọng nam trung được hỏi ông ta nghĩ gì về hành động của Mrs Kearney. Ông này không muốn nói gì hết. Ông đã được trả moi và muốn được yên ổn với mọi người. Tuy nhiên ông nói lẽ ra Mrs Kearney nên tôn trọng các nghệ sĩ một chút. Đám phục vụ và thư ký tranh cãi sôi nổi xem đến lúc nghỉ giải lao thì cần phải làm gì.

- Tôi đồng ý với Miss Beirne - Mr O'Madden Burke nói - Không trả gì cho bà ta hết.

Tại một góc khác trong phòng là Mrs Kearney và chồng, Mr Bell, Miss Healy và quý cô trẻ tuổi người có tiết mục đọc thơ yêu nước. Mrs Kearney nói ủy ban đã đối xử với bà thật vô cùng tệ hại. Bà đã không tiếc gì cả công lẫn của để rồi được trả lại như thế này đây.

Họ nghĩ họ chỉ phải đối mặt với một cô gái trẻ, vậy nên, họ có thể chèn ép được cô. Nhưng bà sẽ cho họ thấy sai lầm của họ. Chắc hẳn họ đã không dám đối xử với bà như vậy gia như bà là đàn ông. Nhưng bà sẽ làm cho con gái bà được hưởng những quyền lợi của nó: bà đâu dễ bị lừa. Nếu họ không trả hết đồng xu cuối cùng cho bà, bà sẽ làm ầm cái Dublin này lên. Tất nhiên bà lấy làm tiếc vì đã làm ảnh hưởng đến các nghệ sĩ. Nhưng bà còn có thể làm được gì khác? bà cầu cứu giọng nam cao thứ, anh này nói anh ta nghĩ bà đã bị đối xử không đúng chỗ. Rồi bà quay sang Miss Healy. Miss Healy muốn nhập với nhóm khác, nhưng cuối cùng cô lại không muốn làm thế bởi cô là bạn thân của Kathleen và nhà Kearney vẫn thường mời cô đến chơi nhà họ.

Ngay khi phần một kết thúc, Mr Fitzpatrick và Mr Holohan đi tới chỗ Mrs Kearney và nói với bà rằng bốn đồng ghinê còn lại sẽ được trả sau khi ủy ban họp vào thứ Ba tuần sau và rằng, trong trường hợp con gái bà không tiếp tục chơi đàn trong phần hai của buổi hòa nhạc, ủy ban sẽ coi như hợp đồng bị phá vỡ và sẽ không trả tiền gì hết.

- Tôi không biết ủy ban nào hết - Mrs Kearney nói giận dữ - Con gái tôi đã ký hợp đồng. Nó phải cầm được bốn bảng tám trong tay nếu không đừng hòng nó đặt chân lên sân khấu.

- Tôi thấy ngạc nhiên với bà đấy, thưa bà Kearney - Mr Holohan nói - Tôi không bao giờ nghĩ bà lại đối xử với chúng tôi kiểu này.

- Thế các ông thì đối xử với tôi kiểu gì? - Mrs Kearney hỏi.

Khuôn mặt bà đỏ bừng giận dữ và trông bà như đang chuẩn bị lao vào cắn xé ai.

- Tôi đòi quyền lợi của tôi - bà nói.

- Bà hoàn toàn đã có thể xử sự tao nhã hơn - Mr Holohan nói.

- A, thật thế sao? ..Và khi tôi hỏi khi nào con gái tôi được trả tiền tôi cũng đâu có nhận được một câu trả lời văn minh nào.

Bà hất đầu lên và lấy giọng ngạo mạn:

- Các ông phải nói chuyện với người thư ký. Đó không phải là việc của tôi. Tôi là trang nam nhi giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha.

- Thế mà tôi cứ nghĩ bà là một quý bà cơ đấy - Mr Holohan giận dữ bỏ đi.

Sau đây hành động của Mrs Kearney bị chê trách đủ đường, ai cũng tán đồng với những gì ủy ban đã làm. Bà đứng ở cửa, bụng đầy tức tối, to tiếng với ông chồng và cô con gái, vung tay vung chân. Bà đợi cho đến lúc phần thứ hai bắt đầu, hy vọng đám thư ký sẽ đến tìm bà. Nhưng Miss Healy đã tốt bụng chấp thuận đem một hoặc hai bản. Mrs Kearney đứng dẹp vào để nhường đường cho giọng nam trung và nghệ sĩ đem đàn của ông đi lên sân khấu. Bà đứng sững một lúc im lìm như một bức tượng đá nổi giận, và, khi những nốt nhạc đầu tiên của bản nhạc vang đến tai bà, bà vợ lấy áo khoác của con gái và nói với chồng:

- Gọi xe đi!

Ông đi ra ngay lập tức. Mrs Kearney choàng áo khoác lên cô con gái và đi theo ông. Khi đi qua cửa bà dừng lại và quát mắt nhìn thẳng vào Mr Holohan:

- Tôi chưa xong với ông đâu - bà nói.

- Nhưng tôi thì đã xong với bà - Mr Holohan nói.

Kathleen ngoan ngoãn theo sau mẹ. Mr Holohan bắt đầu đi đi lại lại trong phòng để tự trấn tĩnh, bởi ông thấy như đầu mình sắp nổ tung.

- Đúng là một quý bà tử tế! - ông nói - Ôi, quý bà mới tử tế làm sao!

- Ngài đã hành động đúng, Holohan - Mr O'Madden Burke nói, giậm giậm cái ô của ông ta biểu lộ sự đồng tình.

1. Tiếng Ireland, có nghĩa là “Ireland chiến thắng” khẩu hiệu nổi tiếng của phái Dân tộc chủ nghĩa ở Ireland (Brown)
2. Loại kẹo dẻo truyền thống của Thổ Nhĩ Kỳ, làm từ tinh bột và đường mạch nha, nhiều hương vị, bắt đầu du nhập vào thế giới Tây phương từ thế kỷ XIX, và rất được ưa chuộng, trở thành mốt
3. Kathleen Kearney trùng tên với Kathleen tử tế Houlihan, biểu tượng truyền thống của lòng yêu nước Ireland, hình ảnh một bà già nghèo khổ, yếu đuối, cần sự giúp đỡ của thanh niên trai tráng Ireland chiến đấu giải thoát khỏi ách thuộc địa
4. Grifford cho rằng bởi Kathleen chưa phải là nghệ sĩ nổi tiếng nên hợp đồng này chỉ mang tính chất giao kèo (thỏa thuận sẽ trả cho người nghệ sĩ một khoản tiền nếu như buổi diễn bán được vé) hơn là một hợp đồng pháp lý
5. Bưu điện trung tâm Dublin, trong một tòa nhà lớn trên phố Sackville (nay là O'Connell) được coi là cột mốc địa lý trung tâm Dublin (Gifford)
6. Nguyên văn là “yous”. Mr Duggan dùng sai ngữ pháp đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số nhiều trong tiếng Anh, thể hiện người ít học
7. Nữ diễn viên người Anh lấy lòng trên sân khấu kịch đương thời với lối diễn xuất đam mê và thông minh. Bà ít khi biểu diễn ở các tỉnh thuộc Anh và ở nước ngoài
8. Một trong những bài hát nổi tiếng nhất của nhạc sĩ Ireland, Michael William Balfe, ca ngợi cảnh đẹp nên thơ của vùng Killarney, vùng hồ núi tây nam Ireland.

14. Chương 14: Ân Sủng [1]

Hai quý ông trong phòng rửa mặt lúc đó cố gắng nâng anh ta dậy: nhưng anh ta gần như không cử động. Anh ta nằm co quắp ở chân cầu thang đúng chỗ lăn xuống. Họ khó khăn lắm mới lật được anh ta. Mũ anh ta lăn lóc cách đây vài mét và quần áo thì lấm bầm thấm đầy nước trên sàn, mặt đập xuống đất. Mắt anh ta nhắm nghiền và anh ta thở khò khè. Một vệt máu nhỏ rỉ ra từ khóe miệng.

Hai quý ông cùng một người hầu bần khênh anh ta lên gác và đặt anh ta nằm lại trên sàn quán rượu. Hai phút sau một nhóm nhỏ đã quây tròn lấy anh ta. Người quản lý quán rượu hỏi mọi người xem anh ta là ai và anh ta đến đây cùng với ai. Không ai biết anh ta là ai. Nhưng một trong những người hầu bần nói anh ta đã mang phục vụ quý ông này một ly rượu rum nhỏ.

- Lúc đó chỉ có một mình ông ta thôi à? - người quản lý hỏi.

- Không, thưa ngài. Lúc đó có hai quý ông đi cùng ông ta.

- Thế họ đâu?

Không ai biết, một giọng cất lên:

- Cho anh ta thở với chứ. Anh ta bị ngất kia mà.

Vòng tròn người xem dần ra rồi co lại. Một vũng máu nhỏ sẫm màu bắt đầu đọng lại gần cái đầu của người đàn ông trên mặt sàn đá hoa. Người quản lý lo lắng trước sắc mặt tái nhợt của người đàn ông, bèn cho người gọi cảnh sát.

Cổ áo sơ mi của anh ta được mở ra và ca vát được nói bớt. Anh ta mở mắt một giây, thở dài, rồi nhắm lại. Một trong hai quý ông đã khênh anh ta lên gác cầm trong tay một cái mũ lụa méo mó. Người quản lý hỏi đi

hỏi lại có ai biết người đàn ông bị thương này là ai không hoặc có ai biết bạn ông ta đâu không. Cửa quán rượu mở ra và một viên cảnh sát khổng lồ bước vào. Đám đông đi lên theo anh ta giờ tụ tập bên ngoài cánh cửa, chen nhau nhìn vào qua lớp kính.

Người quản lý lập tức kể lại những gì ông ta biết. Viên cảnh sát, một người đàn ông trẻ dáng dấp nặng nề, ù lì, lắng nghe. Anh ta quay đầu chậm chạp từ phải sang trái và từ người quản lý xuống người đang nằm trên sàn, như thể sợ mình bị biến thành nạn nhân trò lừa đảo nào đó. Rồi anh ta tháo một bên găng, rút từ bên sườn ra một quyển sổ nhỏ, liếm đầu bút chì và sẵn sàng ghi chép. Anh ta hỏi với giọng tỉnh lẻ đầy nghi ngờ:

- Người đàn ông này là ai? Tên và địa chỉ của anh ta là gì?

Một người đàn ông trẻ trong trang phục đưa xe đạp rẽ đám đông bước vào. Anh ta lập tức quỳ xuống cạnh người bị thương và gọi đem nước lại. Viên cảnh sát cũng quỳ xuống trợ giúp. Người đàn ông trẻ lau sạch máu từ miệng của người bị thương rồi gọi mang lại một ít rượu cô nhắc. Viên cảnh sát nhắc lại lời yêu cầu với giọng đầy quyền uy cho đến khi một anh hầu bàn chạy lại tay cầm ly rượu. Cô nhắc được đổ vào trong cổ họng người đàn ông. Mấy tích tắc sau anh ta mở mắt và nhìn quanh. Anh ta nhìn những khuôn mặt vây quanh và rồi, hiểu ra mọi chuyện, cố gắng tự nâng mình dậy.

- Ngài ổn rồi chứ? - chàng trai mặc đồ đưa hỏi.

- Dào, có í ầu - người bị thương nói, cố gắng đứng lên.

Anh ta được giúp đứng dậy. Người quản lý nói gì đó về chuyện bệnh viện và mấy người đứng quanh bàn tán góp ý. Chiếc mũ lụa méo mó được đội lên đầu người đàn ông. Viên cảnh sát hỏi:

- Ngài sống ở đâu ?

Người đàn ông không trả lời, bắt đầu vôn vê ria mép. Anh ta cố tỏ vẻ bình thản trước tai nạn của mình. Có gì đâu, anh ta nói, chỉ là một tai nạn nhỏ thôi mà.

Anh ta nói rất chắc chắn.

- Ngài sống ở đâu? - viên cảnh sát nhắc lại.

Người đàn ông nói họ cần gọi giúp xe cho anh ta. Trong lúc yêu cầu đó còn đang được tranh cãi thì một quý ông cao, nhanh nhẹn, da sáng màu, mặc áo choàng ulster [2] màu vàng bước tới từ góc bên kia quán rượu. Nhìn thấy sự vụ, anh ta gọi to:

- Ê chào, Tom, ông bạn. Có vấn đề gì thế?

- Dào, có í ầu - người đàn ông nói.

Người mới đến nhìn ngắm cái thân hình thảm hại trước mắt rồi quay sang viên cảnh sát nói:

- Không sao đâu, ngài cảnh sát. Tôi sẽ đưa ông ta về.

Viên cảnh sát đặt tay lên vành mũ, trả lời:

- Được, thưa ngài Power!

- Đi nào, Tom - Mr Power nói, đỡ tay anh bạn - không gãy cái xương nào chứ ? cái gì cơ? Cậu có đi được không đấy?

Chàng trai trong bộ đồ đưa đỡ tay kia người đàn ông và đám đông rẽ ra nhường lối cho họ.

- Là m sao mà nên nông nổi này? - Mr Power hỏi.

- Quý ông bị ngã cầu thang - chàng trai nói.

- Tôi ôi ang nợ ông rất nhiều, thưa ngài - người bị thương nói.

- Có gì đâu.

- Chúng ta uống tí gì chứ?

- Lúc khác . Lúc khác.

Ba người đàn ông rời khỏi quán rượu và đám đông dịch chuyển từ cửa xuống đường. Người quản lý dẫn viên cảnh sát xuống gác kiểm tra hiện trường tai nạn. Họ nhất trí rằng quý ông chắc hẳn đã bước trượt chân. Các khách hàng quay trở lại quầy rượu và một anh hầu bàn bắt đầu lau dọn những vết máu trên sàn.

Ra tới phố Grafton, Mr Power huýt sáo gọi một chiếc xe ngựa. Nó bị thương lại cố hết sức nói:

- Tôi ang nợ ông ắt iều, thưa ài. Tôi y vọng úng ta sẽ gặp lại nhau. Ên tôi là Kernan.

Cơn đau choáng giò làm anh ta tỉnh rượu chút ít.

- Đừng bận tâm , thưa ngài - chàng trai nói .

Họ bắt tay nhau. Mr Kernan được đỡ lên xe và, trong lúc Mr Power đang chỉ dẫn đường đi cho người đánh xe, anh ta thể hiện lòng biết ơn đối với chàng trai và lấy làm tiếc rằng họ đã không thể cùng uống với nhau một ly.

- Lần khác - chàng trai nói.

Chiếc xe chuyển bánh đi về phía phố Westmoreland. Khi nó đi qua tòa nhà Ballast Office đồng hồ đã chỉ chín rưỡi. Một làn gió từ phía đông lùa vào từ phía cửa sông. Mr Kernan co người lại vì lạnh. Bạn anh ta bảo anh ta kể lại tai nạn đã xảy ra như thế nào.

- Tổ ông thể - anh ta trả lời - lưỡi ớ đau lắm.

- chĩa ra xem nào.

người kia rướn sang nhìn vào miệng Mr Kernan nhưng anh ta không thấy gì. Anh ta quẹt một que diêm lên và, khum tay bao quanh nó, nhìn một lần nữa vào miệng Mr Kernan đang mở ra ngoan ngoãn. Chiếc xe lắc nhẹ làm que diêm rung rung trước cái miệng đang há. Hàm răng dưới và lợi đầy máu đọng và một phần lưỡi hình như bị rách. Que diêm bị thối tả.

- trông kinh quá - Mr Power nói.

- Ào, có gì đâu - Mr Kernan nói, ngậm miệng lại và dựng cổ chiếc áo khoác bản thủ của mình lên.

Mr Kernan là người chào hàng the trường phái cổ lỗ sĩ, tin tưởng vào sự cao quý của nghề này. Anh ta không bao giờ để người ta nhìn thấy mình đi trong thành phố mà không đội chiếc mũ cao bằng lụa và đi ghệt. Nhờ vào hai món trang phục này, anh ta nói , mà một người đàn ông luôn được coi trọng. Anh ta tiếp nối truyền thống vị anh hùng Napoleon của mình, Blackwhite vĩ đại [3], người anh ta vẫn luôn luôn tưởng nhớ qua truyền thuyết hoặc bắt chước theo. Hệ thống thương mại hiện đại đã chẳng mang lại cho anh ta cái gì ngoài một văn phòng bé tí xíu trên phố Crowe, trên màn cửa sổ có đề tên hãng anh ta làm việc với địa chỉ - London, E.C. Trên bệ lò sưởi của cái văn phòng bé xíu đó là một tiểu đoàn hộp thiếc đựng trà và trên mặt bàn trước cửa sổ có bốn hay năm cái bát sứ trong đó chứa đến lưng bát luôn là một thứ nước màu đen. Mr Kernan uống trà từ những cái bát này. Anh ta thường nhấp một ngụm to, thưởng thức nó , đẩy nó ngáp vòm miệng và rồi nhổ toẹt vào lò sưởi. Rồi anh ta ngừng lại đánh giá.

Mr Power, một người trẻ hơn rất nhiều, làm việc ở sở cảnh sát Hoàng gia Ireland đóng tại lâu đài Dublin. Cung đồ thị thăng tiến xã hội của anh ta cắt với vòng cung xuống dốc của người bạn, nhưng sự xuống dốc của Mr Kernan được giảm nhẹ đi nhờ một số người bạn, từng biết anh ta hồi còn huy hoàng, vẫn nhìn anh ta như một nhân vật quan trọng. Mr Power là một trong những người bạn đó. Những món nợ khó hoàn toàn luôn là trò cười cho đám bạn bè anh, anh là một người đàn ông trẻ nhu nhược.

Chiếc xe dừng lại trước một ngôi nhà nhỏ trên đường Glasnevin và Mr Kernan được diu vào nhà. Vợ anh ta đỡ anh ta lên giường, trong khi Mr Power ngồi chỗ bậc cầu thang trong bếp hồi lữ trẻ chúng học trường nào và đang học quyển gì [4]. Bon trẻ, hai đứa con gái và một đứa con trai, ý thức rõ cha chúng đang bất lực không làm gì được và mẹ chúng không có ở đây, bắt đầu bày ra những trò đùa nhả với anh. Anh ngạc nhiên trước những cử chỉ và giọng phát âm của chúng, và nhíu mày nghĩ ngợi. Một lúc sau Mrs Kernan bước vào bếp ,kêu lên:

- Thật khiếp quá! Trời ạ, cứ kiểu này thì chẳng bao lâu nữa lão ấy sẽ đi tong thôi, thế có Chúa. Từ thứ Sáu đến giờ hôm nào lão cũng say khướt.

Mr Power cẩn thận thanh minh với chị ta rằng anh không có trách nhiệm gì trong chuyện này hết, rằng anh chỉ tuyệt đối tình cờ có mặt tại nơi sự việc xảy ra. Mrs Kernan, nhớ lại sự can thiệp tử tế của Mr Power trong những lần gia đình họ cãi nhau, cũng như rất nhiều những khoản giúp vay nhỏ nhưng kịp thời của anh, bèn nói:

- Ôi vâng, anh không cần phải giải thích cho tôi đâu, ngài Power. Tôi biết anh là một người bạn thực sự của lão ấy, không như những người khác lão ấy vẫn đi lại. Họ chỉ tử tế với lão chừng nào lão còn có tiền trong túi đủ để ăn chơi bỏ mặc vợ con. Bạn bè tử tế thế đấy! Tối nay không biết lão đã đi cùng ai kia chứ?

Mr Power lắc đầu nhưng không nói gì cả.

- Tôi rất xin lỗi - chị ta nói tiếp - chẳng còn gì trong nhà để mời anh. Nhưng nếu anh chờ một phút tôi sẽ chạy ra hiệu Forgyat xem sao, ở ngay góc phố thôi.

Mr Power đứng dậy.

- Mẹ con chúng tôi đang chờ lão mang tiền về. Lão ta dường như chẳng bao giờ bận tâm là còn có cái nhà này nữa.

- Không, từ bây giờ, chị Kernan - Mr Power nói - chúng tôi sẽ giúp anh ấy bắt đầu lại. Tôi sẽ nói chuyện với Martin. Anh ấy có thể giúp được. Mấy hôm nữa chúng tôi sẽ đến và nói chuyện với anh ấy.

Chị tiễn anh ra cửa. Người đánh xe đang giậm chân đi đi lại lại trên đường tay vung vẩy giữ ấm.

- Anh thật tử tế đã đưa chồng tôi về nhà - chị ta nói.

- Không có gì đâu - Mr Power nói.

Anh ngồi vào xe. Khi xe chuyển bánh, anh vui vẻ nâng mũ chào chị ta.

- Chúng tôi sẽ lột xác cho anh ấy - anh nói - Tạm biệt chị, chị Kernan.

Đôi mắt đầy dò hỏi của Mrs Kernan nhìn theo chiếc xe cho đến khi nó khuất hẳn, rồi chị ta quay đi, vào nhà và lộn tung túi áo chồng.

Đó là một phụ nữ trung tuổi, nhanh nhẹn, thực tế. Cách đây chưa lâu chị ta vừa làm lễ kỷ niệm lễ cưới bạc của mình và làm sống lại tình âu yếm với chồng bằng điệu nhảy valse với anh ta trên nền nhạc đệm của Mr Power. Hồi còn hẹn hò yêu đương, Mr Kernan đối với chị ta dường như không thiếu hào hoa phong nhã, và giờ đây chị ta vẫn luôn chạy học tốc đến nhà thờ mỗi lần nghe nói đang có đám cưới và, nhìn thấy cô dâu chú rể, chị ta lại vui sướng nhớ lại cảnh mình bước đi từ Nhà thờ Ngôi sao biển ở Sandymount, dựa vào cánh tay của một người đàn ông vui vẻ khỏe mạnh đẹp đẽ trong chiếc áo choàng dài và quần màu tím thẫm, tay kia cầm chiếc mũ vải lụa cao thật phong nhã làm sao. Sau ba tuần chị ta nhận ra cuộc đời làm vợ thật tẻ nhạt và, sau đó, khi bắt đầu thấy nó có vẻ không thể chịu nổi thì chị ta đã làm mẹ. Vai trò làm mẹ không thể gây ra cho chị ta thêm khó khăn khấp khểnh nào nữa và trong suốt hai mươi lăm năm chị ta khéo léo chăm sóc nhà cửa cho chồng. Hai thằng con lớn của chị ta giờ đã bay nhảy. Một đứa đang làm cho tiệm vải ở Glasgow còn đứa kia làm nhân viên cho hãng buôn trà ở Belfast. Chúng nó là những đứa con ngoan, bao giờ thư về đều đặn và thỉnh thoảng còn gửi tiền. Mấy đứa còn lại thì vẫn đi học.

Hôm sau Mr Kernan gửi giấy báo đến văn phòng và nằm liệt giường. Chị vợ làm súp thịt bò nghiền cho chồng và quả mọng luôn miệng. Chị ta chấp nhận thói rượu chè say sưa tối ngày của chồng như chấp nhận thời tiết, ngoan ngoãn chăm sóc mỗi lần anh ta ốm và luôn cố ép anh ta phải ăn sáng. Có những ông chồng còn tồi tệ hơn ấy chứ. Anh ta không còn đánh đập vợ nữa từ khi bọn con trai lớn lên, và chị ta biết chồng mình sẽ chịu cuộc bộ đến tận cuối phố Thomas rồi quay lại chỉ để đặt mua dù chỉ một món nhỏ.

Buổi tối hai hôm sau đó, các bạn anh ta đến thăm. Chị ta dẫn bọn họ vào phòng ngủ của chồng, căn phòng được mùi người ốm, và mời họ ngồi xuống bên lò sưởi. Lưỡi của Mr Kernan, nguyên nhân làm ban ngày anh ta cáu gắt lúc nó lên cơn nhức, giờ trở nên lịch sự hơn. Anh ta ngồi trên giường dựa vào đồng gối và màu hơi đỏ trên đôi má sưng phồng của anh ta làm húng trông giống đám tro hồng. Anh ta xin lỗi khách

vì sự lộn xộn của căn phòng, nhưng cũng lại nhìn họ với một vẻ khá tự hào, niềm tự hào của một cựu chiến binh.

Anh ta không hề biết rằng mình là nạn nhân của một kế hoạch các bạn anh ta sắp bày ra, kế hoạch mà Mr Cunningham, Mr M'Coy và Mr Power vừa tiết lộ cho Mrs Kernan biết ngoài phòng khách. Ý tưởng là của Mr Power, nhưng việc phát triển nó được tin tưởng giao cho Mr Cunningham. Mr Kernan vốn là người Tin lành, và mặc dù anh ta đã cải đạo sang Thiên chúa giáo hồi cưới vợ, hai mươi năm nay anh ta đứng ngoài địa phận giáo hội. Thêm nữa, anh ta còn thích châm chọc thiên Chúa giáo.

Mr Cunningham chính là người họ cần cho một ca như thế này. Anh ta là đồng nghiệp cũ của Mr Power. Cbsn gia đình của chính anh ta cũng không được hạnh phúc lắm. Mọi người vô cùng thông cảm với anh ta, bởi ai cũng biết anh ta đã lấy phải một người đàn bà đáng hổ thẹn, một kẻ nghiện ngập vô phương cứu chữa. Anh ta đã phải mua sắm lại đồ đạc trong nhà sáu lần, và lần nào cô ta cũng mang đồ đi cầm cố.

Ai cũng khâm phục Martin Cunningham đáng thương. Anh ta là một người đàn ông biết phải trái, có uy tín và thông thái. Những hoàn toàn biết sâu sắc về con người của anh ta, sự sắc sảo thiên phú cộng với kinh nghiệm lâu năm với những vụ ở tòa án, tất cả được tưới tắm bằng vốn triết học rộng khắp. Anh ta thật uyên bác. Bạn bè anh ta luôn phải ngả mũ cúi chào những ý kiến của anh ta và đều đồng ý rằng khuôn mặt anh ta trông rất giống Shakespeare.

Khi kế hoạch được tiết lộ cho chị ta, Mrs Kernan nói:

- Tôi nhờ cậy cả vào ngài, ngài Cunningham.

Sau một phần tư thế kỷ/ sống cuộc sống hôn nhân, chị ta còn lại rất ít ảo tưởng. Đức tin tôn giáo gần đây với chị ta cũng trở thành một thói quen, và chị ta nghi ngờ chuyện một người đàn ông ở tuổi chồng mình lại có thể thay đổi hoàn toàn trước khi anh ta qua đời. Chị ta cũng muốn được biết lý do khó hiểu của vụ tai nạn này của chồng, nhưng không muốn tỏ ra quá quắt, nếu không thì chị ta đã nói với các quý ông rằng lưỡi của Mr Kernan nếu có bị ngắn đi nữa thì anh ta cũng chẳng sao đâu. Tuy nhiên, Mr Cunningham là một người giỏi giang, và tôn giáo thì vẫn là tông giáo. Kế hoạch của họ có thể mang lại điều tốt và, ít nhất, thì nó cũng chẳng hại gì. Chị ta một lòng tin Thánh Tâm là gần như có ích nhất trong các phụng hiến Thiên Chúa giáo và ủng hộ tất cả các bí tích. Đức tin của chị ta bị giới hạn bởi cái bếp của chị ta, nhưng, nếu có thể, chị ta cũng sẽ tin vào thần banshee và Chúa Thánh thần.

Các quý ông bắt đầu nói về vụ tai nạn. Mr Cunningham nói trước đây anh ta từng biết một ca tương tự. Một người đàn ông bảy mươi tuổi đã cắn mất mẫu lưỡi của mình trong cơn động kinh và lưỡi ông ta đã liền lại, không ai phát hiện ra vết cắn nữa.

- Nhưng tôi đã bảy mươi đầu - người ốm nói.

- Lạy Chúa tôi - Mr Cunningham nói.

- Giờ lưỡi cậu không đau nữa chứ? - Mr M'Coy nói.

Mr M'Coy có thời là một giọng nam cao khá nổi tiếng. Vợ anh ta, từng là nghệ sĩ giọng nữ cao, giờ vẫn dạy bọn trẻ chơi piano với giá khiêm tốn. Cuộc đời của anh ta không thuận buồm xuôi gió chút nào và có thời anh ta đã phải vật lộn xoay sở kiếm sống. Anh ta từng làm nhân viên phòng giấy cho hãng xe lửa Midland Railway, nhân viên quảng cáo cho tờ Thời báo Ireland, và tờ Người Tự Do, nhân viên chào hàng hưởng hoa hồng cho một hãng buôn than, điều tra viên tư, nhân viên phòng giấy cho phòng xử lý nước đọng, và gần đây anh ta trở thành thư ký cho Phòng Điều tra tử nạn thành phố. Công việc mới khiến anh ta quan tâm đến trường hợp của Mr Kernan.

- Đau á? Không đau lắm - Mr Kernan đáp - nhưng khó chịu. Tổ thấy như sắp ọe ra.

- Đây là tại bữa say - Mr Cunningham khẳng định

- Không - Mr Kernan nói - tổ nghĩ tổ đã bị cảm lạnh lúc ngồi trên xe. Cứ có cái gì đó dâng lên trong họng, đờm hay....

- Mù - mr M'Coy nói.

- Nó cứ xộc lên từ đáy họng, cái thứ kinh tởm ấy.

- Phải, phải - Mr M'Coy nói - chỗ lồng ngực đầy mà.

Anh ta nhìn Mr Cunningham và Mr Power cùng một lúc với một vẻ thách thức. Mr Cunningham gật nhanh đầu và Mr Power nói:

- Không sao đâu, rồi tất cả sẽ ổn thôi.

- Tớ rất biết ơn cậu, ông bạn - người ốm nói.

Mr Power xua tay:

- Thế hai gã tớ uống cùng hôm đó...

- Cậu uống cùng ai? - Mr Cunningham hỏi.

- Một gã. Tớ không biết tên. Chết tiệt. Tên hắn là gì nhỉ? Gã nhỏ thó tóc hung....

- Với ai nữa?

- Harford

- Hừm - Mr Cunningham nói.

Nghe thấy Mr Cunningham tỏ thái độ như vậy, tất cả đều im lặng. Rõ ràng là người nói có ý bí mật nào đó. Trong trường hợp này từ đơn âm tiết kia mang một hàm ý đạo đức. Mr Harford thỉnh thoảng lại triệu tập một biệt đội cứ ngay sau trưa Chủ nhật là rời thành phố làm sao đến thật nhanh trong một quán rượu nào đó vùng ngoại ô, nơi những thành viên của nó tự xếp mình một cách thích đáng ọ giữa những lũ khách bona-fide [5]. Nhưng những đồng nghiệp chào hàng chưa bao giờ cho phép bỏ qua gốc gác anh ta. Anh ta đi lên từ một tay cho vay mờ ám, chuyên cho công nhân vay những khoản nhỏ lãi suất cắt cổ. Sau đó anh ta trở thành đối tác của một quý ông béo lùn, Mr Goldberg, tại ngân hàng Liffey Loan. Mặc dù anh ta chưa bao giờ áp dụng nhiều hơn là bộ luật đạo đức Do Thái, những người Thiên Chúa giáo đồng nghiệp của anh ta, mỗi lần khốn khổ bị anh ta đích thân hay ủy quyền cho người khác đến đòi tiền, gọi anh ta một cách cay độc nào là tên Do Thái người Ireland với gã vô học, và rửa rằng thẳng con trai anh ta ngu dần như thế là bởi nó đã phải gánh chịu thay bố nó hình phạt tội cho vay nặng lãi. Nhưng những lúc khác thì họ lại ca ngợi những điểm tốt của anh ta.

- Tớ không biết anh ta đi đâu - Mr Kernan nói.

Anh ta muốn những chi tiết của vụ tai nạn ở trong vòng mơ hồ. Anh ta muốn bạn mình nghĩ rằng đã có nhầm lẫn nào đó, rằng Mr Harford và anh ta đã không gặp nhau. Bạn anh ta thừa biết khi Mr Harford mà uống thì có nghĩa là thế nào, tất cả đều im lặng. Mr Power nhắc lại.

- Rồi tất cả sẽ ổn thôi.

Mr Kernan ngay lập tức lái câu chuyện sang hướng khác.

- Cậu ấy thật tử tế, cái cậu sinh viên y khoa đó - anh ta nói - Nếu không có cậu ta....

- Vâng, nếu không có cậu ta - Mr Power nói - có khi đã phải ngồi tù một tuần, làm gì có chuyện được nộp tiền phạt.

- Phải, phải - Mr Kernan nói, cố gắng nhớ lại - Giờ tớ đã nhớ ra ở đấy còn có viên cảnh sát. Một chàng thanh niên trông cũng tử tế. Rốt cuộc thì mọi chuyện đã xảy ra thế nào vậy?

- Chuyện xảy ra là cậu đã say mềm chứ còn sao, Tom - Mr Cunningham nói một cách nghiêm trang.

- Đúng vậy - Mr Kernan nói, giọng cũng nghiêm trang không kém.

- Tớ cho rằng cậu đã thu xếp được ổn thỏa với gã cảnh sát, phải không Jack? - Mr M'Coy nói.

Mr Power không thích thú lắm khi bị gọi bằng tên riêng. Anh không phải là người quá trọng hình thức, nhưng anh không thể quên được rằng gần đây Mr M'Coy đã don áo hời mượn vali và mặc áo khắp nơi giúp Mrs M'Coy có thể thực hiện dcz sự mệnh tướng tượng ở vùng nông thôn [6]. Anh bực dọc trước thói chơi bần đó nhiều hơn là bực tức chuyện bị chế giễu. Anh trả lời câu hỏi, vì vậy, như thể cậu hỏi đó là của Mr Kernan.

Câu chuyện thuật lại làm Mr Kernan phần nộ. Anh ta luôn ý thức được tinh thần công dân, muốn được sống với thành phố của mình một cách hòa thuận tôn trọng lẫn nhau và bức dọc trước mọi sự sỉ nhục gây ra bởi những người anh ta gọi là lũ nhà quê thô lậu.

- Chúng ta phải nộp thuế vì những kẻ như thế sao? - anh ta kêu lên - Nuôi ăn nuôi mặc một lũ ăn hại ngu dốt ấy...và đây là tất cả những gì bọn họ làm sao?

Mr Cunningham phá lên cười. Anh ta là nhân viên Sở Cảnh sát chỉ trong phạm vi giờ làm việc.

- Thế bọn họ còn có thể làm gì được khác nào, Tom? - anh ta nói.

Anh ta lấy giọng nặng âm địa phương và nhại theo kiểu mệnh lệnh:

- Số 65, bắt lấy bắp cải này!

Tất cả cười ồ lên. Mr M'Coy, đang chăm chăm tìm chỗ để chen được vào câu chuyện, giả vờ rằng anh ta chưa được nghe kể chuyện đó, Mr Cunningham nói:

- Chuyện này, họ nói vậy, các cậu biết đấy, xảy ra tại doanh trại nơi người ta huấn luyện các chàng lính nhà quê cao lớn, những gã ngốc ấy, các cậu biết đấy. Viên trung sĩ bắt cả bọn đứng thành một hàng trước tường và giơ đĩa lên.

Anh ta minh họa câu chuyện bằng những cử chỉ lơ lửng.

- Lúc đấy là lúc ăn tối, các cậu biết đấy. Rồi anh ta mang một nồi bắp cải to tướng đặt lên bàn cùng một cái thìa to như cái xẻng. Anh ta múc một thìa bắp cải rồi hất ngang qua phòng và những gã ngốc khốn khổ phải cố hứng cho được vào đĩa mình: số 65, bắt lấy bắp cải này.

Ai nấy lại cười ầm lên, nhưng Mr Kernan vẫn có vẻ phần nộ. Anh ta nói đến chuyện phải gửi thư tố cáo lên báo.

- Những gã thô lậu đấy lên đây - anh ta nói - tưởng muốn làm gì ai cũng được. Tớ nghĩ chắc cũng không cần phải nói với cậu, Martin, rằng họ là loại người thế nào.

Mr Cunningham gật đầu đồng ý.

- Thì cũng giống như tất cả những thứ khác trên thế gian này - anh ta nói - Có kẻ xấu và người tốt.

- Tất nhiên rồi, phải, phải, vẫn có những người tốt, tớ công nhận - Mr Kernan nói, vẻ hài lòng.

- Tốt hơn là không dính dáng gì đến bọn họ - Mr M'Coy nói - Đấy là ý kiến của tớ.

Mrs Kernan bước vào phòng, đặt một cái khay lên bàn và nói:

- Xin các ngài tự nhiên

Mr Power đứng dậy đáp lễ và nhường ghế cho chị ta. Chị ta từ chối, nói còn đang phải là quần áo dưới nhà, và, sau khi trao đổi cái gật đầu nhẹ với Mr Cunningham đang ở phía sau Mr Power, toan rời khỏi phòng.

Chồng chị ta gọi theo:

- Không mang gì cho tôi à, bà xã?

- Ông ấy à! Có mà cho ông ăn vào mắt! - Mrs Kernan đáp lại chanh chua.

Chồng chị ta với theo:

- Không có gì cho ông chồng bé nhỏ tội nghiệp này sao!

Anh ta làm nét mặt và giọng nói hài hước đến nỗi không khí chia bia trở nên khá vui nhộn.

Các quý ông rót bia và uống, đặt lại ly lên bàn rồi dừng lại. Mr Cunningham quay sang Mr Power và nói với một giọng làm như chợt nhớ ra:

- Tối thứ Năm, cậu nói thế, phải không Jack?

- Thứ Năm, phải - Mr Power nói.

- Duyệt! - Mr Cunningham nói nhanh.

- Chúng ta có thể gặp nhau ở quán M'Auley- Mr M'Coy nói - Chỗ ấy là tiện nhất.

- Nhưng không được đến muộn - Mr Power nói một cách nghiêm túc - bởi sẽ chật cứng đấy.

- Chúng ta có thể hẹn nhau lúc bảy rưỡi - Mr M'Coy nói.

- Duyệt! - Mr Cunningham nói.

- Thế quyết định là bảy rưỡi ở quán M'Auley đấy nhé!

Rồi im lặng một lúc. Mr Kernan đợi để xem anh ta có được chia sẻ câu chuyện của các bạn không. Rồi anh ta hỏi:

- Có vụ gì đấy?

- Dào, có gì đâu - Mr Cunningham nói - chỉ là chuyện nhỏ bọn tớ thu xếp cho thứ Năm thôi mà.

- Xem opera phải không? - Mr Kernan hỏi.

- Không, không - Mr Cunningham nói giọng thoái thác - Chỉ là một vấn đề nhỏ về...tâm linh thôi ấy mà.

- À - Mr Kernan nói.

Lại im lặng một lúc, rồi Mr Power nói toạc ra:

- Nói thật cho cậu biết, Tom, bọn tớ đang định tổ chức một buổi cầu kinh chay tịnh.

- Phải, đúng thế - Mr Cunningham nói - Jack và tớ và M'Coy đây, bọn tớ sẽ gột sạch tâm hồn.

Anh ta dùng phép ẩn dụ với một vẻ phần chán và , được khuyến khích bởi chính giọng nói của mình, tiếp tục:

- Cậu biết đấy, tất cả chúng ta dù có là ai đi nữa, thì cũng chỉ là một đám vô lại, tất cả - anh ta nhấn mạnh với vẻ sôi nổi thô lỗ và quay sang Mr Power - Thú nhận đi!

- Thú nhận - Mr Power nói.

- Tớ cũng thú nhận - Mr M'Coy nói.

- Thế là chúng tớ định sẽ cùng nhau gột sạch tâm hồn - Mr Cunningham nói.

Dường như một ý nghĩ vừa nảy ra trong đầu anh ta. Anh ta quay ngoắt sang người ốm và nói:

- Cậu biết tớ vừa nghĩ ra điều gì không, Tom? Cậu có thể tham gia và chúng ta có thể làm thành một bộ tứ.

- Ý hay đấy - Mr Power nói - Bốn chúng ta với nhau.

Mr Kernan im lặng. Lời đề nghị chg có gì rõ nghĩa lắm, nhưng, hiểu rằng có một tổ chức tâm linh nào đó chuẩn bị can thiệp cứu giúp mình, anh ta nghĩ để giữ tự trọng, cần tỏ ra cứng rắn. Anh ta không tham gia vào cuộc trò chuyện một lúc lâu, chỉ lắng nghe, với một vẻ thù địch thâm lặng, trong khi các bạn anh ta nói về những thầy tu Dòng Tên [7].

- Tớ không có gì chê bái các cha Dòng Tên - cuối cùng anh ta chen vào - Họ là dòng tu có học thức. Tớ cũng tin mục đích của họ là tốt.

- Họ là dòng tu lớn nhất của Giáo Hội, Tom - Mr Cunningham nói một cách sôi nổi - Cha Tổng bề trên Dòng Tên chỉ đứng sau Đức Giáo Hoàng thôi.

- Không sai - Mr M'Coy nói - nếu cậu muốn giải quyết chuyện gì đó một cách đúng đắn, không có điều tiếng gì, cứ đến gặp một cha Dòng Tên. Họ là những gã có uy tín. Tớ sẽ kể cho cậu nghe một trường hợp...

- Các cha Dòng Tên là những người tốt - Mr Power nói.

- Kể cũng lạ - Mr Cunningham nói - về Dòng Tên này. Tất cả các dòng tu khác của Giáo hội đều đã từng bị cải cách thời này hay thời kia, nhưng Dòng Tên chưa bao giờ bị cải cách dù chỉ một lần. Nó chưa bao giờ sai lầm cả [8].

- Đúng thế ư? - Mr M'Coy nói.
 - Đó là sự thật - Mr Cunningham nói - đó là lịch sử.
 - Hãy nhìn nhà thờ của họ nữa - Mr Power nói - Nhìn xem họ có những giáo đoàn như thế nào.
 - Các cha Dòng Tên chăm sóc linh hồn cho xã hội thượng lưu - Mr M'Coy nói.
 - Tất nhiên - Mr Power nói
 - Phải - Mr Kernan nói - Đây là lý do tại sao tớ thích họ. Chỉ có một vài giáo sĩ triều [9], ngu dốt, tự mãn...
 - Họ đều là người tốt - Mr Cunningham nói - theo cách riêng của họ. Các đức cha Ireland được cả thế giới này kính trọng.
 - Ồ vâng - Mr Power nói.
 - Không như mấy ông linh mục trong Lục địa - Mr M'Coy nói - thật hổ danh.
 - Có lẽ các cậu nói đúng - Mr Kernan nói, giọng dịu lại.
 - Tất nhiên là tớ nói đúng rồi - Mr Cunningham nói - tớ sống trên đời này chừng ấy năm, chứng kiến đủ mọi chuyện, chẳng lẽ lại không đủ khả năng nhìn nhận con người.
- Các quý ông lại uống tiếp, người này làm theo người kia. Mr Kernan có vẻ như đang cân nhắc điều gì đó trong đầu. Anh ta đã bị thu phục. Anh ta đánh giá vào những ý kiến của Mr Cunningham cũng như khả năng đánh giá qua bề ngoài của anh ta. Anh ta hỏi thông tin cụ thể.
- Ừ thì cũng chỉ là một buổi cầu kinh chay tịnh thôi mà, cậu biết rồi đấy - Mr Cunningham nói - Cha Purdon sẽ chủ trì. Dành riêng cho giới doanh nhân, cậu biết đấy.
 - Ông ấy sẽ không khất khe quá với bọn mình đâu, Tom - Mr Power nói, giọng thuyết phục.
 - Cha Pudon? Cha Purdon à? - người ốm hỏi.
 - À, mà chắc chắn cậu phải biết ông ấy chứ, Tom - Mr Cunningham nói, quả quyết - tử tế, vui vẻ! ông ấy cũng là người bình thường như bọn mình thôi.
 - À...ừ...tớ nghĩ tớ biết ông ấy. Mặt hơi đỏ, cao...
 - Chính là ông ấy đấy.
 - Nói cho tớ, Martin...Ông ấy có phải là nhà thuyết giáo hay không?
 - Thế nào nhỉ? Đó không hẳn là một buổi thuyết giáo, cậu biết đấy. Chỉ là kiểu một buổi nói chuyện thân tình thôi mà, kiểu thông thường ấy.
- Mr Kernan do dự, Mr M'Coy nói:
- Cha Tom Burke [10] mới chuyên giảng đạo kìa.
 - Ừ phải, cha Tom Burke - Mr Cunningham nói - ông ấy đúng là một nhà thuyết giáo bẩm sinh. Cậu đã bao giờ nghe nói về ông ấy chưa, Tom?
 - Đã bao giờ tớ nghe nói về ông ấy! - người ốm nói, giọng tức giận - hơi hơi! Tớ nghe ông ấy...
 - Thế nhưng họ lại nói ông ta không xứng đáng là một nhà thần học cho lắm - Mr Cunningham nói.
 - Thật thế sao? - Mr M'Coy nói.
 - Ừ, tất nhiên, không có gì tội lỗi cả, các cậu biết đấy. Chỉ là, họ nói đôi khi những gì ông ta giảng không chính thống lắm.
 - A, ông ta là một người khác thường - Mr M'Coy nói.
 - Tớ từng nghe ông ấy giảng một lần - Mr Kernan tiếp tục - giờ tớ quên mất chủ đề bài giảng hôm ấy rồi. Crofton và tớ ngồi ở cuối...sảnh, các cậu biết đấy, cuối...

- Gian chính [11] - Mr Cunningham nói.

- Phải, đằng sau gần cửa. Giờ tớ quên mất là giảng về gì rồi..À phải, về Giáo hoàng, Đức Giáo hoàng quá cổ. Tớ nhớ ra rồi. Thực sự bài giảng hôm đó hay lắm, phong cách thuyết giảng ấy. Và giọng của ông ấy chứ! Chúa ơi! Giọng ông ấy quả là có một không hai! Người tù tòa Vatican [12], ông ấy gọi Giáo hoàng như thế. Tớ nhớ Crofton nói với tớ khi chúng tớ đi ra...

- Nhưng anh ta là người phe Cam [13], Crofton ấy, có phải không? - Mr Power nói.

- Tất nhiên là thế - Mr Kernan nói - và là một gã phe Cam cực kỳ tử tế nữa. Chúng tớ tới quán Bulter trên phố Moore - thật vậy, tớ đã thực sự cảm động, thế có Chúa, tớ nói với các cậu như vậy - và tớ nhớ như in những gì cậu ta nói. Kernan, cậu ta nói, chúng ta quý gồi trước những bàn lễ khác nhau, cậu ta nói, nhưng đức tin của chúng ta giống nhau. Thực sự vô cùng chín chắn và cảm động.

- Đúng đấy chứ - Mr Power nói - Bao giờ nhà thờ chẳng chật cứng người Tin lành mỗi lần cha Tom giảng đạo.

- Cũng chẳng có gì khác biệt lắm giữa chúng ta và bọn họ - Mr M'Coy nói.

- Cả hai cùng tin vào...

Anh ta ngần ngừ giây lát.

- Chúa Cứu thế. Chỉ khác là họ không tin vào Giáo hoàng và Đức Mẹ.

- Nhưng, tất nhiên - Mr Cunningham nói một cách điềm đạm và chắc chắn - tôn giáo của chúng ta mới chính là tôn giáo, đức tin lâu đời.

- Tất nhiên chuyện đó không có gì phải nghi ngờ rồi - Mr Kernan sôi nổi.

Mrs Kernan hiện ra nơi cánh cửa phòng ngủ và thông báo:

- Có một vị khách đang chờ mình.

- Ai vậy?

- Ngài Fogarty.

- A mời vào, mời vào

Một khuôn Jack?

Mr Power lại đứng ra. Ly cốc được tráng qua và whisky được rót. Dưới ảnh hưởng mới này câu chuyện trở nên phần chán hơn. Mr Fogarty, ngồi nhón trên mép ghế, tỏ ra cực kỳ thích thú.

- Giáo Hoàng Leon XIII [14] - Mr Cunningham nói - là một trong những vì sao sáng của thời đại. Tư tưởng vĩ đại của ngài, các cậu biết đấy, là hợp nhất hai Giáo hội La mã và Hy Lạp. Đó là mục tiêu của đời ngài.

- Tớ thường nghe nói ngài là một trong những trí thức uyên bác nhất châu Âu - Mr Power nói - Ý tớ là, bên cạnh cương vị Giáo hoàng.

- Đúng vậy - Mr Cunningham nói - nếu không muốn nói ngài là người vĩ đại nhất. Phương châm của ngài, các cậu biết đấy, với tư cách Giáo hoàng, là Lux upon Lux - Ánh sáng bên trên ánh sáng [15].

- Không, không phải - Mr Fogarty sôi nổi - Tớ nghĩ cậu nhầm chỗ đó. Phải là Lux in Tenebris, tớ nghĩ vậy - Ánh sáng bên trong Bóng tối.

- Ủ đúng rồi - Mr M'Coy nói - Tenebrae [16].

- Xin phép các cậu - Mr Cunningham nói chắc chắn - nhưng nó đúng là Lux upon Lux. Và câu châm ngôn của Giáo hoàng Pius IX [17], người tiền nhiệm của ngài, là Crux upon Crux - nghĩa là, Thánh giá bên trên Thánh giá - để thể hiện sự khác nhau giữa hai nhiệm kỳ [18].

Lời kết luận được chấp nhận. Mr Cunningham tiếp tục.

- Giáo hoàng Leo, các cậu biết đấy, là một học giả và nhà thơ vĩ đại.

- Trông mặt ông ấy cứng rắn lắm - Mr Kernan nói.

- Phải - Mr Cunningham nói - Ngài viết thơ bằng tiếng Latin.

- Thật thế sao? - Mr Fogarty nói.

Mr M'Coy nhấp ly whisky của mình một cách thỏa mãn và lắc lắc đầu đầy hàm ý, nói:

- Không nói đùa đâu, tớ đảm bảo với cậu.

- Bọn mình không được học những cái đó, Tom nhỉ? - Mr Power nói, bắt chước Mr M'Coy, hồi còn ở ngôi trường kiệt xác ngày xưa [19]

- Có rất nhiều người tử tế đã đi học ở những ngôi trường kiệt xác đó năch lúc nào cũng cấp mǎng than bùn [20] - Mr Kernan lên mặt - Hệ thống cũ là tốt nhất: một nền giáo dục đơn giản trung thực. Không một thứ hàng mã hiện đại nào của các cậu...

- Cũng đúng - Mr Power nói.

- Không thừa - Mr Fogarty nói.

Anh ta phát âm cẩn thận các từ rồi uống rượu một cách điềm tĩnh.

- Tớ nhớ đã từng đọc - Mr Cunningham nói - rằng một trong những bài thơ của Giáo hoàng Leo bằng tiếng Latin, tất nhiên, là về chuyện phát minh ra máy chụp ảnh.

- Về chụp ảnh sao? - Mr Kernan kêu lên.

- Phải - Mr Cunningham nói.

Anh ta cũng đưa ly rượu lên uống.

Mà các cậu biết đấy - Mr M'Coy nói - khi nghĩ về chụp ảnh, chẳng lẽ nó không tuyệt vời sao?

- Ủ, tất nhiên rồi - Mr Power nói - Những trí tuệ vĩ đại luôn nhìn thấy mọi thứ.

- Như thi sĩ nói, Trí óc vĩ đại rất gần với sự điên dại [21] - Mr Fogarty nói.

Mr Kernan có vẻ đang vướng bận điều gì. Anh ta cố gắng nhớ lại mấy điểm gai góc trong Thần học Tin lành và cuối cùng hỏi Mr Cunningham.

- Nói cho tớ biết, Martin - anh ta nói - Chẳng phải đã có một số Giáo hoàng - tất nhiên, không phải là người hiện giờ, hay người tiền nhiệm, nhưng một số Giáo hoàng trước kia, thế nào nhỉ...cậu biết đấy...không được hoàn hảo lắm, phải không ?

Im lặng một lúc, rồi Mr Cunningham nói:

- Phải, tất nhiên, cũng có những ông hư đốn...Nhưng điều đáng kinh ngạc chính là ở chỗ đó. Không một ai trong số họ, dù là gã nghiện rượu nặng nhất, dù là tên vô lại nhất, không một ai trong số họ từng giáo huấn thượng tòa dù hỉ một từ giáo lý sai trái nào. Nào, giờ có đúng là một chuyện đánh kinh ngạc không?

- Đúng vậy - Mr Kernan nói.

- Phải, bởi một khi Giáo hoàng công bố một tín điều - Mr Fogarty giải thích - ông ta phải bất khả ngộ.

- Phải - Mr Cunningham nói.

- Ủ, tớ biết về tính bất khả ngộ của Đức Giáo hoàng. Tớ nhớ hồi đó khi tớ còn trẻ...Có phải không ấy nhỉ?

Mr Fogarty cắt ngang. Anh ta nhắc chai rượu lên và rót cho những người khác thêm chút nữa. Mr M'Coy nhận thấy chỗ rượu còn lại không đủ cho tất cả, bèn nói anh ta chưa uống xong lượt trước. Những người khác phản đối chiếu lệ. Tiếng whisky róc rách rơi xuống ly làm nên một quãng nghỉ dễ chịu.

- Cậu đang nói gì ấy nhỉ, Tom? - Mr M'Coy hỏi.

- Tính bất khả ngộ của Giáo hoàng - Mr Cunningham nói - đó là chương vĩ đại nhất trong toàn bộ lịch sử Giáo hội.

- Sao lại thế, Martin? - Mr Power hỏi.

Mr Cunningham giơ hai ngón tay mập mập lên

- Trong hồng y đoàn hôm đó, các cậu biết đấy, gồm hồng y, tổng giám mục và giám mục, có hai người đã ra phản đối nó trong khi tất cả những người khác đều ủng hộ. Toàn bộ cơ mật viện đều nhất trí, trừ hai vị này. Không! Họ nhất quyết không chịu!

- Ha! - Mr M'Coy thốt lên.

- Và họ là một hồng y người Đức tên là Dolling...hay Dowling....hay...

- Dowling không phải là người Đức, điều này thì chắc như đinh đóng cột - Mr Power nói, cười lớn.

- Ủ, vị hồng y người Đức vĩ đại đó, tên ông ta là gì cũng chẳng sao, là một, còn người kia là John MacHale [22]

- Ai cơ? - Mr Kernan kêu lên - Có phải là John xứ Tuam không?

- Lần này cậu có chắc không đấy? - Mr Fogarty ngờ vực. Tớ nghĩ phải là một người Ý hay Mỹ gì đó chứ? [23]

- John xứ Tuam. Mr Cunningham nhắc lại - Chính ông ấy.

Anh ta uống rượu và những quý ông khác uống theo anh ta. Rồi anh ta tiếp tục:

- Và họ cứ như vậy, tất cả các hồng y và giám mục và tổng giám mục đến từ mọi góc ngách trái đất và hai kẻ phá đám chống đối này, cho đến khi cuối cùng Giáo hoàng phải thân chinh đứng dậy và tuyên bố tính bất khả ngộ sẽ trở thành giáo lý thượng tòa của Giáo hội. Đúng vào giây phút đó John MacHale, người vẫn kiên quyết tranh cãi chống lại nó, đứng dậy và gầm lên với giọng của một con sư tử: Credo! [24]

- Tôi tin! - Mr Fogarty nói.

- Credo! - Mr Cunningham nói - Điều đó thể hiện đức tin của ông ta. Ông ta đã nhượng bộ khi Giáo hoàng cất tiếng.

- Còn Dowling thì sao? - Mr M'Coy cất tiếng hỏi.

- Vị hồng y người Đức không chịu nhượng bộ. Ông ta rút khỏi Giáo hội.

Những lời nói của Mr Cunningham đã vẽ nên hình ảnh hoành tráng của Giáo hội trong tâm trí người nghe. Cái giọng trầm khàn bí hiểm của anh ta làm họ hồi hộp khi nó phát ra những từ về đức tin và sự phục tùng. Khi Mrs Kernan bước vào phòng, vừa đi vừa lau khô tay, chị ta thấy cả bọn họ đang nghiêm nghị. Chị ta không làm kinh động sự im lặng, mà đứng dựa vào thành chân giường.

- Tớ từng gặp John MacHale một lần - Mr Kernan nói - và chừng nào còn sống tớ sẽ không bao giờ quên.

Anh ta quay sang vợ mình để nhấn mạnh.

- Tôi vẫn nói với mình thế, phải không nào?

Mrs Kernan gật đầu.

- Đó là dịp khánh thành bức tượng Sir John Gray [25]. Edmund Dwyer Gray [26] đang thuyết giảng, huyền thuyên, và rồi ông già này, một ông già trông cấu bẩn, nhìn ông ta từ phía dưới đôi lông mày rậm rạp.

Mr Kernan nhú hai mày, cúi thấp đầu xuống như một con bò đực đang nổi giận, nhìn chăm chăm vào vợ.

- Chúa ơi! - anh ta kêu lên, lấy lại nét mặt bình thường - Tớ chưa bao giờ nhìn thấy một đôi mắt như thế. Như thể nó muốn nói: Tôi đã nghe hết những gì ông nói rồi, anh bạn. Ông ta có một đôi mắt như điều hâu.

- Họ nhà Gray chẳng ai nên trò trống gì [27] - Mr Power nói.

Lại có một khoảng im lặng. Rồi Mr Power quay sang Mrs Kernan và nói với một giọng vui vẻ bất ngờ:

- Chị Kernan này, chúng tôi sắp biến ông chồng chị đây thành một tín đồ ngoan đạo, một người Công giáo La ma kính Chúa.

Anh ta khoát tay về phía hội bạn.

- Tất cả chúng tôi sẽ cùng tình tâm và xưng tội và có Chúa chứng giám tất cả chúng tôi đều thực sự muốn làm.

- Tôi không ngại - vợ Kernan nói, mỉm cười hơi bối rối.

Mrs Kernan nghĩ có lẽ sẽ khôn ngoan hơn nếu che giấu sự hài lòng của chị ta. Nên chị ta nói:

- Tôi thương cho vị linh mục tội nghiệp nào phải lắng nghe những thiên chuyện của các anh

Mặt Mr Kernan hơi biến sắc.

- Nếu ông ta không thích chúng - anh ta nói một cách bất cần - ông ta có thể...làm cái khác. Tôi sẽ chỉ kể cho ông ta nghe mấy chuyện nho nhỏ, khiến tôi khổ sở thôi. Tôi không phải là một gã tệ đến nỗi...

Mr Cunningham can thiệp đúng lúc.

- Chúng ta, tất cả nguyện sẽ tránh xa quỷ Xa tăng - anh ta nói - Tránh xa mọi tội lỗi và cám dỗ của hắn.

- Bớ quỷ Xa tăng, hãy lui ra đằng sau ta [28] - Mr Fogarty, cười lớn và nhìn những người khác.

Mr Power không nói gì. Anh ta cảm thấy hoàn toàn lạc lõng. Nhưng một vẻ hài lòng thoáng hiện trên gương mặt anh.

- Tất cả những gì chúng ta phải làm - Mr Cunningham nói - là đứng và cầm những ngọn nến cháy và hứa lại lời hứa rửa tội của chúng ta.

- Ấy, mà đừng có quên nến nhé, Tom - Mr M'Coy nói - dù cậu có làm gì.

- Sao? - Mr Kernan nói - Tớ bắt buộc phải có nến ư?

- Ừ, đúng thế - Mr Cunningham nói.

- Không, chết tiệt chứ - Mr Kernan nói một cách sáng suốt - tớ dừng ở đây. Tớ sẽ làm tốt chuyện kia. Tớ sẽ làm mấy vụ cầu nguyện và xưng tội, và...tất cả những vụ đó. Nhưng..không nên gì hết! Không, quỷ tha ma bắt tất cả đi, tớ cách mặt cái lũ nền!

Anh ta lắc lắc đầu với một vẻ nghiêm trang hài hước.

- Nghe đấy nhé! - vợ anh ta nói.

- Tớ cách mặt cái lũ nền - Mr Kernan nói, nhận ra tác động mình tạo ra cho khán giả của anh ta và tiếp tục lắc đầu quây quây - Tớ cách mặt mấy cái vụ đèn lồng, nến nến.

Tất cả cười lớn.

- Tín đồ Thiên Chúa giáo ngoan đạo cho các anh! - vợ anh ta nói.

- Không nên gì hết! - Mr Kernan bướng bỉnh nhắc lại - Chấm hết!

Gian ngang Nhà thờ Dòng Tên phía trên phố Gardiner đã gần hết chỗ, vậy mà mỗi lúc lại thấy các quý ông bước vào từ cửa bên và được thầy giúp việc chỉ dẫn, nhón gót dọc theo các lối đi giữa cho đến khi họ tìm được chỗ ngồi. Các quý ông đều ăn mặc lịch sự và gọn gàng. Ánh đèn trong nhà thờ tỏa xuống những bộ trang phục màu đen cổ cồn trắng, đây đó dọi đi trên chất vải len, trên những cây cột đá cẩm thạch màu lốm đốm và trên những bức sơn dầu buồn thảm. Các quý ông ngồi trên ghế băng, sau khi đã sửa nhẹ đầu gối quần và làm yên vị những chiếc mũ của họ. Họ ngồi thẳng lưng và nhìn trang trọng vào vàng sáng màu đỏ xa xa phía trước đang tỏa mờ mờ trước bàn thờ Chúa.

Ở một trong những hàng ghế gần bục giảng kinh là Mr Cunningham và Mr Kernan. Hàng phía sau là một mình Mr M'Coy, và ở hàng ghế sau anh ta là Mr Power và Mr Fogarty. Mr M'Coy đã cố gắng tìm một chỗ ngồi cùng hàng với bạn bè nhưng không được, và khi cả hội đã ngồi yên vị theo hình nanh sấu, anh ta lại cố gắng đưa ra một cách không thành công những lời nhận xét hài hước. Bởi những lời này không được đón nhận nhiệt tình cho lắm, anh ta đã thôi. Ngay cả anh ta cũng cảm nhận được không khí đứng đắn và ngay cả anh ta cũng bắt đầu hướng ứng lại với sự kích thích tôn giáo này. Thầm thì, Mr Cunningham hướng sự

chú ý của Mr Kernan vào Mr Harford, người cho vay nặng lãi, đang ngồi cách đây một đoạn, và Mr Fanning, viên lục sự phụ trách bầu cử thị trưởng, đang ngồi ngay phía dưới bục giảng kinh bên cạnh đám hội viên hội đồng khu vực mới được bầu. Phía bên phải là ông già Michael Grimes, chủ ba tiệm cầm đồ và cháu trai của Dan Hogan, ứng cử viên chân thư ký trưởng Tòa Thị chính. Phía xa bên trên là Mr Hendrick, phóng viên gạo cội tờ Người tự do, và O'Carroll khốn khổ, một người bạn cũ của Mr Kernan, từng có thời là một nhân vật tài chính tầm cỡ. Dần dần, khi nhận ra những khuôn mặt quen, Mr Kernan bắt đầu cảm thấy tinh thần thoải mái hơn. Cái mũ của anh ta, đã được vợ chỉnh lại, yên vị trên đầu gối. Một hay hai lần anh ta một tay kéo măng sét tay kia cầm nhẹ vành mũ, nhẹ, nhưng chặt.

Một dáng người trông quyền uy, phần thân trên phủ trong cái áo lễ màu trắng lụng thụng, dang khó nhọc bước lên bục giảng. Ngay lập tức giáo đoàn chuyển động, rút khăn mùi xoa trải xuống đất và cẩn thận quỳ lên. Mr Kernan làm theo những người khác. Hình dáng đức cha giờ đã thẳng tắp phủ kín hai phần ba bục, ngự bên trên đỉnh là một khuôn mặt to bè đỏ lựng, hiện ra phía sau hàng lan can.

Cha Purdon quỳ xuống, hướng về vệt ánh sáng đỏ và, lấy tay che mặt, bắt đầu cầu nguyện. Sau một quãng nghỉ, ông ta bỏ tay xuống và đứng lên. Giáo đoàn cùng đứng lên và ngồi xuống ghế. Mr Kernan đặt lại mũ lên đầu gối và thể hiện một vẻ mặt chăm chú hướng về người thuyết giáo. Người thuyết giáo vén lần lượt hai bên tay áo lễ rộng thụng thành với một cử chỉ chậm rãi và tỉ mỉ quan sát những hàng khuôn mặt phía trước. Rồi ông ta đọc

“Vì con đời này trong việc thông công với người đồng đời mình thì khôn khéo hơn con sáng láng. Còn ta nói với các người: Hãy dùng của bất nghĩa mà kết bạn, để khi của ấy hết đi, họ tiếp các người vào nhà đời đời [29]”

Cha Purdon diễn giải đoạn kinh với một giọng vang rền tin tưởng. Đây là một trong những đoạn khó nhất trong Kinh thánh, ông ta nói, để có thể diễn giải một cách đúng đắn. Với những người theo dõi bình thường thì đoạn này dường như ít nhiều có vẻ trái ngược với đạo đức tối cao Jesus Christ từng giảng những chỗ khác. Nhưng, ông nói với những người nghe của mình, đối với ông đoạn này đặc biệt hợp để chuyển thành lời soi đường cho những người có số phận phải dẫn dắt cuộc sống của cõi đời này, tuy nhiên, lại chưa muốn dẫn dắt cuộc sống đó theo cách của người trần tục. Đó là một bài kinh cho các thương gia lớn. Jesus Christ, bằng trí tuệ thần diệu của Người thấu hiểu từng góc ngách bản chất con người chúng ta, hoàn toàn rằng không phải ai cũng được gọi đến với cuộc sống tôn giáo, rằng cho đến giờ phần lớn bị buộc phải sống trong cõi đời này, và, tới một mức nào đó, sống cho cõi đời này, và trong câu này Người chỉ bảo cho họ đôi lời, đưa ra cho họ mẫu những kẻ tôn thờ Mammon [30], những kẻ, so với người khác, ít quan tâm nhất đến những vấn đề tôn giáo.

Ông nói với những người nghe của mình rằng ông có mặt ở đây tối nay không phải vì một mục đích to tát hay quá mức gì, mà như một người bình dị trò chuyện với bạn hữu của mình. Ông đến đây để trò chuyện với các thương gia, và ông sẽ nói với họ theo phong cách thương gia. Nếu dùng phép ẩn dụ, ông nói, thì ông sẽ là viên kế toán tinh thần của họ, và ông muốn các thánh giả của ông hãy mở những quyển sổ của họ ra, những cuốn sổ đời sống tinh thần của họ, và xem xem chúng có ăn khớp hoàn toàn với lương tâm hay khác.

Jesus Christ không phải là một viên đốc công độc đoán. Người hoàn toàn những lỗi lầm nhỏ của chúng ta, hiểu những nhược điểm của bản chất yếu đuối khốn khổ của chúng ta, hiểu những cám dỗ của cõi đời này. Chúng ta có thể đã từng, tất cả chúng ta lúc này hay lúc khác đều đã phải đối mặt với cám dỗ chúng ta có thể từng có, chúng ta đều có, những lúc thất bại. Nhưng có một điều duy nhất, ông ta nói, ông sẽ đề nghị những người nghe làm. Đó chính là: hãy trung thực và can đảm với Chúa. Nếu như những tài khoản của họ ăn khớp hoàn toàn, hãy nói”

- Vâng, tôi đã kiểm tra những tài khoản của tôi. Tôi thấy tất cả đều ổn.

Nhưng nếu, rất có thể xảy ra như vậy, có những chỗ sai lệch, hãy thừa nhận sự thật, hãy thẳng thắn và nói như một người đàn ông:

- Vâng, tôi đã xem xét các tài khoản của tôi. Tôi thấy cái này và cái kia không được đúng đắn lắm. Nhưng nhờ ân sủng của Chúa, tôi sẽ chỉnh lại cái này và cái kia. Tôi sẽ chỉnh lại các tài khoản của tôi.

1. Trong Thần học Công giáo La Mã, ân sủng là món quà siêu nhiên Chúa Trời ban tặng cho những tạo vật qua Đức tin để giúp họ có được cuộc sống bất tử, tuy nhiên tồn tại mâu thuẫn giữa ân sủng và tự do
 2. Áo choàng dài, rộng, có đai, nguồn gốc ở Ulster, Ireland
 3. Nhân viên chào hàng huyền thoại đối với Kernan có tầm vóc ngang với Napoleon này có thể hư cấu (Gifford)
 4. Nghĩa là đang học lớp mấy
 5. Pháp luật quy định hồi đó các quán rượu chỉ được phép mở cửa ngoài giờ thông thường để phục vụ những lễ hành thực sự (bona fide), việc đi quãng đường ít nhất năm dặm không nghỉ. Điều này khiến các quán rượu vùng ngoại ô rất đông khách (Brown)
 6. M'Coy mượn đồ cho những chuyến đi tưởng tượng của vợ anh ta nhưng thực ra có thể để mang chúng đi bán hoặc đi cầm (Brown)
 7. Dòng tu so St. Ignatius Loyola (1491-1556) sáng lập năm 1534, nổi tiếng về sứ mệnh truyền giáo và những ngôi trường với tiêu chuẩn giáo dục cao. Tuy nhiên năm 1773 Đức Giáo hoàng Clement XIV buộc lòng phải ra sắc lệnh giải tán Dòng Tên dưới áp lực chính trị và trào lưu chống Giáo Hội Công giáo. Năm 1814, Dòng Tên được tái lập.
 8. Trong thực tế lịch sử của Dòng Tên ngắn hơn rất nhiều so với lịch sử các dòng tu đòi hỏi cải cách Giáo hội Công giáo La mã
 9. Giáo sĩ Giáo hội Công giáo La mã được chia làm giáo sĩ triều (secular clergy) là giáo sĩ thuộc địa phận, và giáo sĩ dòng (regular clergy) giáo sĩ thuộc dòng tu
 10. Tên thân mật của Đức Cha người Ireland Thomas Nicolas Burke (1830-1882) dòng Dominican, nổi tiếng với những bài giảng hùng biện tại Ireland, Anh, Mỹ. Những bài giảng của ông ngoài tôn giáo còn đề cập đến tình hình chính trị tại Ireland.
 11. Mr Kernan dùng từ pit (sảnh nhà hát) mà không biết từ body (gian chính nhà thờ)
- [12] Tên Giáo hoàng Pius IX (từ năm 1846 đến năm 1878) tự nhân khi quân đội của vua Victor Emmanuel II, vua dẫn đầu của nước Ý thống nhất, chiếm được Rome năm 1870 và truất quyền trị vì của Giáo hoàng. Cụm từ này cũng được dùng để chỉ các đời Giáo hoàng sau (cho đến Giáo hoàng Pius XI, trị vì từ năm 1922 đến 1939). Trong đó có giáo hoàng Leo XIII (1878 đến 1903) khi đó đã qua đời (1903).
13. Thành viên hội Cam (Orange Order) một tổ chức Tin lành thành lập năm 1795 tại miền Bắc Ireland, chủ trương bảo vệ đạo Tin lành ở Ireland, được đặt theo tên của vua William III of Orange của Anh (gốc Hòa Lan), người bắt đầu sự thống trị của đạo Tin Lành tại Ireland năm 1690. Từ này cũng để chỉ những người Tin lành ủng hộ sự hợp nhất của Ireland với Anh mà không nhất thiết liên quan đến Hội Cam.
 14. Giáo Hoàng Leo XIII: thường được ví như ngôi sao sáng. Giáo hoàng Leo XIII tên thật là Gioacchino Pecci (1810-1903), được coi là một trong những vị giáo hoàng nổi bật nhất trong thế kỷ XIX, nổi tiếng về học thức và tài ngoại giao. Quan điểm chính trị bảo thủ và chủ trương khôi phục lại việc thống nhất các giáo hội (trong đó có giáo hội các nước nói tiếng Anh) có thể là nguyên nhân ông không nhiệt tình với công cuộc đấu tranh Dân tộc của Ireland. Làm thơ bằng tiếng Latin là một trong những thú vui của ông.
 15. Theo Gifford, thực ra các Giáo hoàng không có câu phương châm chính thức, và ở đây các nhân vật trong truyện có thể đang nhớ nhầm sang câu Lumen in calo (Ánh sáng trên trời) dành cho Giáo hoàng Leo XIII, theo sách Prophecy of Popes (Tiên đoán về các Giáo hoàng) gồm những câu bằng tiếng latin Thánh Malachy nói vào thế kỷ XII, ứng với số phận của mỗi Giáo hoàng về sau
 16. Ở đây M'Coy nhầm câu châm ngôn với lễ Tenebrae (lễ Bóng tối) trong Tuần Thánh lễ, khi nhà thờ dần tắt hết đèn nến để biểu tượng cái chết của Chúa trên Thập tự giá, rồi bỏ các con chiên trong thế giới chỉ còn bóng tối (Brown)
 17. Giáo hoàng Pius IX: tên thật là Giovanni Maria Mastai-Ferretti (1792-1870) là người có nhiều quyết định quan trọng để củng cố quyền lực của Giáo hội La mã bấy giờ, cho dù gặp nhiều tranh cãi. Năm 1854, Giáo hoàng Pius IX đặt ra tín điều Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội (The dogma of immaculate Conception -

Đức Mẹ Maria là người duy nhất, ngoài Chúa Jesus, được miễn trừ tội tổ tông). Năm 1869, ông triệu tập Cộng đồng Vatican Một và đến năm 1870 công bố tính bất khả ngộ (Infallibility) của Giáo hoàng (tất cả những gì Giáo hoàng phán định từ thượng tòa, dùng quyền Tông Đồ tối cao (ex cathedra) là đúng tuyệt đối, không thể sai lầm.

18. Mr Cunningham trích dẫn sai từ câu Crux de cruce (Thánh giá từ Thánh giá), câu dành cho Giáo hoàng Pius IX theo sách Prophecy of Popes

19. Nguyên văn: trường mỗi tuần trả thầy một xu. Đây là những ngôi trường nhỏ cho người nghèo, học sinh mỗi tuần lại mang tiền học đi nộp (Gifford, Brown)

20. Học sinh thời đó mỗi ngày phải mang một mảnh than để đóng góp sưởi ấm lớp học (Gifford)

21. Nguyên văn là “Great minds are very near to madness”, trích dẫn từ câu “Great wits are sure to madness near allied” (trí tuệ lớn thường đi đôi với điên rồ) trong bài thơ châm biếm Absalom and Achitophel của nhà soạn kịch người Anh John Dryden (1631-1700)

22. Trong thực tế đúng là có hai giám mục bỏ phiếu chống lại điều luật Bất khả ngộ, nhưng không phải là hai người mà Cunningham nhắc tên. Johann Dollinger (1799-1890) linh mục người Đức, tuy chống lại điều luật này, nhưng ông ta không phải là hồng y và cũng không có mặt tại Cộng đồng Vatican đó. Ngoài ra ông bị rút phép thông công chứ không phải ông tự ý rút khỏi Giáo hội. John MacHale (1791-1881) là Tổng giám mục xứ Tuam, Ireland, là một nhà đấu tranh Dân chủ, nhưng ông cũng không có mặt tại cuộc bỏ phiếu của Cộng đồng Vatican lần đó.

23. Hai giám mục đã bỏ phiếu chống lại điều luật là Giám mục người Ý Abisio Riccio và Giám mục người Mỹ Edward Fitzgerald.

24. Tôi tin (tiếng Latin)

25. Bức tượng trên phố Sackville (nay là O’Connell) dựng năm 1879 ghi nhớ Sir John Gray (1815-1875) chủ bút tờ Người tự do, ủy viên Hội đồng thành phố Duplin, đã có công xây dựng hệ thống cung cấp nước mới cho Dublin năm 1868. Ông còn là một nghị sĩ ủng hộ phong trào Dân tộc của Parnell.

26. Edmund Dwyer Gray (1845-1888) con trai của Sir John Gray, tiếp nối cha làm chủ bút tờ Người tự do, ủng hộ phong trào Dân tộc và Parnell. Ông là nghị sĩ và là ủy viên Hội đồng thành phố Dublin.

27. Dù Sir John Gray và Edmund Dwyer Gray đều là những người ủng hộ Parnell, đến đời thứ ba, Edmund John Chisholm Dwyer Gray (1870-1945) con trai của Edmund Dwyer Gray, đã từ bỏ truyền thống này.

28. Sách Phúc âm Matthew,

29. Đoạn này trong sách Phúc âm Luke,” Vì con đời này trong việc thông công với người đồng đời mình thì khôn khéo hơn con sáng láng. Còn ta nói cho các người: Hãy dùng của bất nghĩa mà kết bạn, để khi của ấy hết đi, họ tiếp các người vào nhà đời đời” (Kinh Tân ước, số, trang 77)

30. Trong kinh Tân ước, đây là thần đại diện cho của cải và lòng tham

15. Chương 15: Người Chết (1)

HLily, con gái người gác cổng, đúng là đang vất chân lên cổ. Cô mới vừa dẫn một quý ông vào phòng xép đằng sau phòng làm việc dưới tầng một và giúp quý ông cởi áo khoác, thì chuông ngoài sảnh đã lại rè rè vang lên và cô lại phải vội vàng chạy qua hành lang đón vị khách tiếp theo. May mà cô không phải đứng đón cả các quý bà. Miss Kate và Miss Julia lưỡng lự trước được tình hình và đã biến phòng tắm trên gác thành phòng để đồ cho các bà. Miss Kate và Miss Julia đang ở đó, cười nói tíu tít, chốc chốc lại lú lú thay nhau đi ra phía đầu cầu thang, dòm xuống lan can và vọng xuống hỏi Lily xem ai vừa đến.

Dạ hội hàng năm của nhà Morkan luôn là một dịp trọng đại. Ai biết họ đều đến dự cả, họ hàng người thân, bạn cũ gia đình, thành viên đoàn thánh ca của Julia, bất cứ học trò nào đủ tuổi trưởng thành của Kate, và thậm chí còn có cả mấy học trò của Mary Jane. Chưa một lần nào dạ hội thất bại. Trong ký ức của mọi người bao nhiêu năm nay nó đã luôn diễn ra một cách tuyệt hảo: từ hồi Kate và Julia, sau cái chết của người anh trai Pat, rời bỏ ngôi nhà ở Stoney Batter và đưa Mary Jane, cô cháu gái duy nhất của họ, đến sống trong ngôi nhà tối tăm ẩm ướt trên giữ Usher's Island, nơi họ thuê lại tầng hai từ Mr Fulham, một thương gia buôn ngũ cốc giờ sống ở tầng dưới. Mới thế mà đã ba mươi năm. Mary Jane, hồi đó còn là cô bé con mặc quần cộc, giờ đã một tay cai quản gia đình bởi cô phụ trách đàn organ nhà thờ trên đường Haddington. Cô đã học qua Nhạc viện và mỗi năm lại đều đặn tổ chức một buổi hòa nhạc học sinh trong khán phòng nhà hát Antient Concert Rooms. Rất nhiều học trò của cô là con cái những gia đình có máu mặt sống phía Kingstown và Dalkey. Mặc dù đã lớn tuổi nhưng các dì của cô vẫn tham gia vào nhiều việc. Julia, dù tóc đã khá bạc, vẫn là giọng nữ cao chính của Nhà thờ Adam và Eva, và Kate, không còn đủ sức khỏe để ra ngoài thường xuyên, thì dạy nhạc cho người mới học bằng cây đàn piano vuông cũ kỹ trong phòng khách phía sau. Lily, con gái người gác cổng, làm các việc nội trợ cho họ. Mặc dù cuộc sống của họ rất bình dị, họ luôn tin vào giá trị của việc ăn ngon, luôn luôn là thứ tốt nhất, thịt thăn bò hảo hạng, trà giá ba shilling và bia stout đóng chai loại ngon nhất. Lily hiếm khi chọn mua nhằm thức ăn, vậy nên cô sống hòa hợp với ba bà chủ của mình. Họ chỉ hơi nặng nề kiêu cách một chút, nhưng chỉ thế thôi. Điều duy nhất họ không thể chịu được là sai bảo mà lại bị cãi lại.

Tất nhiên, họ hoàn toàn có lý do để nặng nề kiêu cách trong một đêm như thế này. Rồi thì còn chuyện đã quá mười giờ lâu lắm rồi mà vẫn chưa thấy tăm hơi Gabriel và vợ đâu. Lại thêm chuyện họ đang lo phát sốt nhờ đâu Freddy Malins lại đến đây trong bộ dạng say mèm. Có các vàng họ cũng không thể để một học trò nào của Mary Jane nhìn thấy anh ta bị ma men dẫn đường như thế, đôi khi rất khó quản lý anh ta trong tình trạng say sưa như vậy. Freddy Malins thì luôn đến muộn rồi, nhưng họ đang bận khoăn không hiểu cái gì có thể cản chân Gabriel và đó chính là điều khiến cứ hai phút một họ lại chạy ra lan can để hỏi Lily xem Gabriel hoặc Freddy đã đến chưa.

- Ôi ngài Conroy - Lily kêu lên khi cô mở cửa cho Gabriel - Miss Kate và Miss Julia đã tưởng là chẳng bao giờ ngài đến được mất. Xin chào bà Conroy.

- Tôi cũng đoán thế - Gabriel nói - nhưng họ quên rằng người vợ của tôi đây phải mất ba tiếng đồng hồ sống chết mới chuẩn bị được xong váy áo ư.

Anh đứng trên tấm thảm, rũ cho tuyết rơi khỏi ủng cao su, trong lúc Lily đưa vợ anh đến chân cầu thang và gọi vọng lên:

- Thưa Miss Kate, Mrs Conroy đã đến rồi đây ạ.

Kate và Julia lập tức lật đật đi xuống cầu thang tối mờ. Hai bà rồi rít hôn vợ Gabriel, nói chắc hẳn cô đang lạnh cóng, và hỏi Gabriel đâu.

- Cháu đây, đúng hẹn như nhà dây thép, dì Kate! Mọi người cứ lên trước đi. Cháu sẽ đi sau - tiếng Gabriel vọng lên từ khoảng tối phía dưới.

Anh tiếp tục giậm chân giữ tuyết trong khi ba người phụ nữ lên gác, cười nói, đi vào phòng để đồ của các bà. Một viên tuyết phủ trên bờ vai áo choàng và trên mũi giày của anh, và khi những chiếc khuy áo trượt ra cùng tiếng rín rít từ làn vải len cứng đơ vì tuyết bám, một lần không khí lạnh cóng phả ra từ những đường xé và lỵ áo.

- Tuyết lại rơi ạ, thưa ngài Conroy? - Lily hỏi.

cô vẫn đi trước dẫn đường vào phòng xép để giúp anh treo áo khoác. Gabriel mỉm cười trước cái cách cô nhấn tên họ anh thành ba âm tiết [1] và liếc nhìn cô. Cô là một cô gái mảnh dẻ, cơ thể đang lớn, da nhợt nhạt, tóc vàng. Làn khí tươi tỏa ra trong căn phòng xép càng làm cô trông nhợt nhạt hơn. Gabriel biết cô từ khi cô còn là một cô nhóc hay ngồi nơi bậc thềm, ôm ấp con búp bê nhồi vải vụn.

- Phải Lily ạ - anh trả lời - và tôi nghĩ tuyết còn tiếp tục rơi hết đêm nữa.

Anh ngược nhìn lên trần nhà, nó đang rung nhẹ dưới những bước giậm đổi chân theo nhịp nhảy trên lầu, lắng nghe tiếng đàn piano một lúc và rồi nhìn sang cô gái, cô đang cẩn thận gấp áo khoác của anh để vào

dưới giá.

- Nói cho tôi biết nào, Lily - anh nói, giọng thân mật - cô còn đi học không?

- Ôi không, thưa ông - cô trả lời - Tôi học xong đã hơn năm nay rồi.

-Ồ, thế thì - Gabriel nói một cách vui sướng - chắc chẳng mấy chốc chúng ta sẽ được dự cưới của cô với một anh chàng trẻ tuổi, phải không?

Cô gái liếc lại anh qua vai và nói với một giọng cực kỳ chua cay:

- Đàn ông bây giờ chỉ toàn lủ tán tỉnh vớ vẩn để lợi dụng thôi.

Gabriel đỏ mặt, cảm thấy như anh vừa phạm phải sai lầm và, không nhìn cô, đẩy tuột ủng cao su ra khỏi chân và lấy bao tay chăm chú phủi đôi giày da bóng của anh.

Anh là một người đàn ông trẻ đầy đà, khá cao. Sắc hồng hào trên má anh lan lên tận trán, ở đó nó nhạt dần đi thành những khoảng đỏ nhạt, và trên khuôn mặt nhẵn nhụi của anh lóe lên đôi mắt kính bóng loáng trong cái gọng lấp lánh, ẩn đằng sau là đôi mắt thanh tú và tinh nhanh. Mái tóc đen bóng mượt được rẽ ngôi giữa và chải dài uốn phía sau tai, hơi lượn theo nếp mũ.

Khi đã làm cho đôi giày bóng lộn, anh đứng dậy, chỉnh áo gi lê sát hơn vào thân hình mập mạp của mình. Rồi anh rút nhanh một đồng xu khỏi túi.

- Lily à - anh nói, giúi nó vào tay cô - Giáng sinh đến rồi, đúng không nào? Chỉ là...đây là một chút...

Anh bước vội về phía cửa.

- Ôi không, thưa ông! - cô gái kêu lên, đi theo anh - Thật sự, thưa ông, tôi không thể nhận nó.

- Giáng sinh! Giáng sinh mà! - Gabriel nói, gần như chạy về phía cầu thang, khoát khoát tay nài cô.

Cô gái thấy anh đã bước lên mấy bậc cầu thang bèn gọi với theo:

- Vâng, cảm ơn ông vậy, thưa ông.

Anh chờ bên ngoài cửa phòng khiêu vũ cho đến khi điệu valse kết thúc, lắng nghe tiếng váy áo sột soạt chạm sau cánh cửa và tiếng chân đổi nhịp. Anh vẫn còn bối rối bởi lời bẻ lại chua cay của cô gái. Nó phủ một bóng đen lên tâm trí anh và anh phải cố gắng xua đuổi nó bằng cách sửa lại ống tay áo và cái nơ trên cổ. Rồi anh lấy từ túi áo gi lê một mảnh giấy và nhìn qua những ý chính chuẩn bị cho bài diễn văn. Anh không chắc lắm có nên để lại phần thơ của Robert Browning không, bởi anh sợ chúng vượt quá trình độ người nghe. Trích câu nào đó từ Shakepeare hay từ tập Những giai điệu [2] mà họ có thể nhận ra được thì có lẽ tốt hơn. Tiếng gót giày lộp cộp thô kệch và tiếng đế giày lê loẹt xoẹt từ trong vọng ra nhắc anh nhớ lại vốn văn hóa của họ khác với của anh. Anh chỉ tổ biến mình thành lỗ bịch nếu trích những vần thơ mà họ không thể hiểu. Họ sẽ nghĩ anh đang khoe khoang học vấn cao của mình. Anh sẽ thất bại với họ giọng như anh vừa thất bại với cô gái trong phòng để đồ kia. Anh đã lựa chọn một tông sai lầm. Toàn bộ bài nói của anh sẽ là một sai lầm, từ câu đầu tiên đến câu cuối cùng, một thất bại hoàn toàn.

Vừa lúc đó các dì và vợ anh bước ra khỏi phòng để đồ của quý bà. Các dì của anh là hai bà già bé nhỏ, ăn vận giản dị. Dì Julia cao hơn khoảng hai, ba phân gì đó. Tóc dì, để trễ phủ trên vành tai, đã chuyển sang màu xám, và cũng một màu xám, với sắc đậm hơn một chút, là khuôn mặt to bè, nhão nhọt của dì. Mặc dù có dáng người cao lớn và đứng rất thẳng, đôi mắt lơ dờ và đôi môi mở trễ của dì tạo ấn tượng một phụ nữ không biết mình đang ở đâu hoặc không biết mình đang đi đâu. Dì Kate thì lanh lợi hơn. Mặt dì, khỏe mạnh hơn mặt bà chị, nhưng cũng nhăn nhúm nhàu nhĩ, như một quả táo đỏ quắt queo, và tóc dì, cũng được tết theo kiểu trễ lổ mốt đó, may chưa bị mất đi màu nâu sẫm.

Cả hai đều hôn Gabriel nồng nhiệt. Anh là đứa cháu cưng của họ, con trai người chị đã quá cố của họ ,Ellen, người lấy T.J. Conroy ở Sở Cầu Cảng.

- Gretta bảo dì đêm nay hai đứa sẽ chưa gọi xe về Monkstown ngay, đúng không Gabriel? - dì Kate nói.

- Vâng - Gabriel nói, quay sang vợ - Năm ngoái mình đã chịu quá đủ, phải không? di không nhớ sao, di Kate, Gretta đã bị một trận cảm? cửa xe ngựa thì rung bần bật suốt dọc đường, và khi chúng cháu đến Merrion thì gió mùa đông bắc bắt đầu nổi lên. Quả là một lần ra trò. Gretta đã bị cảm gần chết.

Di Kate nhú mồm nghiêm trang và gật gật đầu khi nghe từng từ.

- Thế thì lần này cháu quyết định đúng đấy Gabriel, rất đúng - di nói - Cần thận thế là hơn.

- Nhưng Gretta ấy à - Gabriel nói - Nếu để cô ấy tự quyết thì dù có tuyết đi nữa cô ấy cũng vẫn sẵn lòng đi bộ về thôi.

Mrs Conroy cười phá lên.

- Đừng có nghe anh ấy, di Kate - cô nói - Anh ấy thì chỉ giỏi đi phá phách trên ghẹo người khác, có lần anh ấy đổi chụp đèn trong phòng Tom sang màu xanh lá cây khiến nó mất ngủ cả đêm, rồi lại còn bắt nó tập tạ nữa. Rồi thì ép Eva phải ăn cháo yến mạch bằng được. Khổ thân con bé! Nó chỉ cần nhìn thấy món đấy là đã tá hỏa rồi! Và trời ạ, các di sẽ không thể tưởng tượng được anh ấy toàn bắt cháu mặc những thứ gì đâu!

Cô cười giòn giã và quay sang chồng mình, từ nãy đến giờ anh vẫn ngẩn nhìn đầy ngưỡng mộ và hạnh phúc bộ váy của cô, gương mặt, mái tóc của cô. Hai bà di cũng cười sung sướng, bởi chuyện cô lập Gabriel thế này thật là một trò vui nhộn.

- Ủng cao su! - Mrs Conroy nói - Đấy là thứ gần đây nhất. Mỗi khi trời đất ẩm ướt là cháu lại phải đi ủng cao su. Ngay cả tối nay cũng thế, anh ấy bắt cháu phải đi, nhưng cháu không chịu. Chắc chắn thứ tiếp theo anh ấy mua cho cháu sẽ là một bộ đồ lặn!

Gabriel cười ngượng ngịu và vuốt vuốt cái nơ trên cổ, trong khi di Kate thì cười nhiều đến nỗi gần đứt hơi, di thích chuyện đùa này quá. Nụ cười nhanh chóng biến mất trên khuôn mặt di Julia và đôi mắt buồn rầu của bà hướng về phía thẳng cháu. Ngập ngừng một lúc bà hỏi:

- Thế ủng cao su là cái gì, hử Gabriel?

- Ủng cao su ấy, chị Julia! - bà em kêu lên - Lạy Chúa tôi! Chẳng nhẽ chị không biết ủng cao su là gì ư? Người ta đi chúng bên ngoài...bên ngoài giày, có phải không, Gretta?

- Dạ phải - Mrs Conroy nói - Kiểu giày làm bằng nhựa kết ấy di. Cả hai vợ chồng cháu giờ mỗi người đều có một đôi. Anh Gabriel nói giờ ở Lục địa ai cũng đi kiểu này hết.

- À, ở Lục địa - di Julia lẩm bẩm, chậm rãi gất đầu.

Gabriel nhú mồm lại và nói, như thể anh đang thấy khá bức mình:

- Thật ra cũng chẳng có gì to tát lắm, nhưng Gretta thì nghĩ rằng chúng buồn cười vì cô ấy nói tên chúng gọi nhớ về Christy Minstrels [3].

- Nhưng nói cho di hay, Gabriel - di Kate khéo léo chuyển chủ đề - chắc chắn bọn cháu sẽ thuê khách sạn ở lại chứ. Gretta vừa mới nói...

- À vâng, chuyện khách sạn xong hết rồi - Gabriel đáp - Cháu đã lấy một phòng ở Gresham.

- Chắc chắn rồi - di Kate nói - làm thế là hợp lý nhất đấy. Còn lũ trẻ thì sao, không có gì phải lo lắng chứ, hử Gretta?

- Ô, chỉ có một đêm thôi mà di - Mrs Conroy nói - vả lại có Bessie trông chúng mà.

- Chắc chắn rồi - di Kate nhắc lại - Có được một cô giúp việc như thế đúng là tốt quá, một cô tin tưởng được! Còn Lily nhà này ấy à, di chắc dạo này nó có chuyện gì ấy, nó chẳng giống trước gì cả.

Gabriel vừa định hỏi di anh mấy câu về chuyện này, thì bà đột nhiên quay ngoắt nhìn theo bà chị, bà này đã đi xuống cầu thang và đang ghé cổ qua lan can.

- Nào, nhưng mà xem kia- bà nói với một giọng gần như là gắt gỏng - Julia đang đi đâu thế kia? Julia! Julia! Chị đi đâu đấy?

Julia, đã đi xuống hết một nửa cầu thang, giờ đang quay trở lại và nhẹ nhàng thông báo;

- Freddy đến đây.

Đúng lúc đó vọng lại một tràng vỗ tay và tiếng piano lên cao những nốt cuối cùng báo hiệu điệu valse kết thúc. Cánh cửa phòng khách mở rộng và một vài cặp khiêu vũ đi ra. Di Kate vội kéo Gabriel sang một bên và thâm thĩ vào tai anh:

- Xuống đây họ đi, Gabriel, cứ đón cậu ta như bình thường xem cậu ta có ổn không, nhưng đừng để cậu ta lên nếu cậu ta đang say xỉn. Dĩ chắc thế nào hẳn chẳng đáng bí tỉ. Chắc chắn là thế.

Gabriel đi ra chỗ cầu thang và lắng tai nghe qua hàng lan can. Có hai người đang nói chuyện với nhau trong phòng giữ đồ. Rồi anh nhận ra tiếng cười của Freddy Malins. Anh bèn đi xuống, lần này cố tình phát ra tiếng động.

- Quả thật là nhẹ cả người - di Kate nói với Mrs Conroy - may quá có Gabriel ở đây. Di luôn cảm thấy yên tâm hơn mỗi khi có nó...Chị Julia, chị mời Miss Daly và Miss Power nghỉ giải lao ăn uống chút gì đó nhé. Cảm ơn cô, Miss Daly, cô đàn bản valse đó hay quá. Bản nhạc làm buổi tối nay thật tuyệt.

Một người đàn ông dong dong, gương mặt đầy nếp nhăn, hàng ria màu xám và làn da ngăm ngăm, đang đi ngang qua với bạn nhảy, bèn nói:

- Liệu chúng tôi cũng được nghỉ giải lao ăn uống chứ, Miss Morkan?

- Chị Julia - di Kate nói ngắn gọn - cả Mr Browne và Miss Furlong đây nữa. Đưa họ vào cùng Miss Daly và Miss Power nhé.

- Tôi được sinh ra để dành cho các quý bà - Mr Browne nói, mím môi lại đến khi hàng ria của ông ta dựng đứng và mỉm cười làm nhăn nheo hết khuôn mặt - Bà biết đấy, Miss Morkan, lý do khiến họ mê tôi nhường ấy là...

Ông ta không nói hết câu, vì thấy di Kate không nghe nữa, bèn ngay lập tức dẫn ba quý cô vào phòng khách phía sau. Chính giữa căn phòng là hai chiếc bàn hình vuông kê sát nhau, và di Julia và người gác cổng đang vuốt thẳng tấm khăn bàn phủ bên trên. Trên cái bàn hẹp kê sát tường là những chồng đĩa, ly cốc và những bó dao đĩa thìa ngay ngắn. Chiếc piano sau khi đóng nắp lại cũng được biến thành mặt bàn để đồ ăn và bánh trái. Phía chiếc bàn nhỏ kê trong góc, hai người đàn ông trẻ đang đứng uống hoppedale [4] .

Mr Browne dẫn bầu đoàn của ông ta tiến về hướng đó và mời tất cả bọn họ, với một giọng nhả nhớt, hãy uống chút rượu punch của quý bà, thật nóng, thật mạnh và thật ngọt nhé. Khi họ nói là không bao giờ uống rượu mạnh ông ta bèn mở ba chai nước chanh cho họ. Rồi ông ta bảo một trong hai người đàn ông trẻ kia dịch ra một chút, và, nâng bình lên, tự rót cho mình một ly whisky kha khá. Hai chàng trai nhìn ông ta một cách ngưỡng mộ trong khi ông ta nhấp một ngụm.

- Chúa lòng lành - ông ta nói, mỉm cười - Đây là đơn thuốc của bác sĩ đấy.

Khuôn mặt nhăn nhúm của ông ta nứt ra một nụ cười, và ba quý cô khúc khích trước câu đùa, đứng đưa người, vai thỉnh thoảng lại rung rung hồi hộp. Người can đảm nhất nói:

- Ô không, ngài Browne, tôi chắc bác sĩ không đời nào lại kê một đơn thuốc như vậy đâu.

Mr Browne nhấp một ngụm whisky nữa và lấy giọng dí dỏm:

- Ấy chớ, các cô thấy đấy, tôi là tôi giống Mrs Cassidy một thời lừng lẫy, nó từng được đồn đại là đã nói thế này: thôi nào, Mary Grimes, nếu đơn thuốc của tôi không như thế, hãy làm cho nó thành như thế, bởi tôi cảm thấy tôi rất cần như thế. [5]

Khuôn mặt nóng hổi của ông ta vươn ra sát các quý cô một cách hơi quá tự tin và ông ta đã lấy một chất giọng Dublin vô cùng hạ đẳng khiến các quý cô giật mình cảnh giác và lặng thinh không hưởng ứng ông ta nữa. Miss furlong, một học trò của Mary Jane, hỏi Miss Daly bản valse tuyệt hay cô vừa chơi tên là gì và Mr Browne, thấy rằng mình đang bị lừa dối, bèn quay phắt sang hai chàng trai, họ có vẻ sẵn sàng đón nhận ông ta hơn.

Một phụ nữ mặt đỏ bừng, mặc váy màu hoa păng xê, bước vào phòng, vỗ hai tay vào nhau một cách nồng nhiệt và nói lớn "Điệu Quadrille nào! Điệu quadrille nào!"

Theo sát cô ta là dì Kate, gọi to:

- Mời cho dì hai quý ông và ba quý bà nữa, Mary Jane!

- Ô vâng! Có Mr Bergin và Mr Kerrigan đây rồi - Mary Jane nói - Mr Kerrigan ,ngài nhảy với Miss Power nhé! Miss Furlong, tôi có thể xếp cô nhảy với Mr Bergin, được không? được rồi, giờ là ổn rồi.

- Ba quý bà cơ mà, Mary Jane - dì Kate nói.

Hai quý ông trẻ tuổi hỏi các quý cô liệu họ có thể có vinh hạnh được mời các cô nhảy không, và Mary Jane quay sang Miss Daly:

- Ô, Miss Daly, cô thật tốt quá, chơi liền hai bản vừa rồi, nhưng thật sự là đêm nay chúng ta thiếu quý bà quá.

- Tôi thật sự không thấy phiền chút nào đâu, Miss Morkan.

- Nhưng tôi có một bạn nhảy tuyệt vời cho cô, Mr Bartell D'Arcy, giọng nam cao. Rồi tôi sẽ đề nghị ông ấy hát sau. Cả Dublin đang mê ông ấy như điên đấy.

- Một giọng hát tuyệt vời, tuyệt vời! - dì Kate nói.

Chiếc piano đã phải chơi khúc nhạc dạo đầu đến hai lần cho bước nhảy thứ nhất, và Mary Jane vội vã dẫn những người mới mời được của cô rời khỏi phòng. Họ vừa đi khỏi thì dì Julia chậm chậm bước vào, vừa đi vừa quay đầu nhìn lại phía sau.

- Có chuyện gì thế chị Julia? - dì Kate hỏi, lo lắng - ai vậy?

Julia, đang ôm một chồng khăn ăn, quay sang bà em, nói nhỏ nhẹ, như thể câu hỏi vừa rồi thật đáng ngạc nhiên:

- Freddy ấy mà, Kate, Gabriel đang đón cậu ta.

Quả thật ngay phía sau bà là Gabriel đang dẫn Freddy Malins qua chỗ nghỉ cầu thang. Người đi sau, một người đàn ông trẻ khoảng bốn mươi tuổi, dáng tầm Gabriel, hai vai u bắp. Mặt anh ta nần nẩn nhưng xanh xao, sắc hồng duy nhất là nơi hai thùy tai dày cộp thông xuống và hai cánh mũi rộng. Đường nét khuôn mặt anh ta thô kệch, mũi thấp, trán gồ và lông mày rộng, hai môi trề ra thông xuống. Hai mí mắt sùm sụp và đám tóc thừa bù xù tơi tả khiến anh ta trông như đang ngái ngủ. Anh ta đang the the tự cười với câu chuyện vừa kể cho Gabriel trên cầu thang, nắm tay trái thì đang đưa lên xoay xoay dụi mắt.

- Chào cậu, Freddy - dì Julia nói.

Freddy Malins chào lại hai quý bà nhà Morkan, dường như không được trang trọng cho lắm do cái chất rề trong giọng của anh ta, và rồi, nhìn thấy Mr Browne đang toe toét cười chào mình từ phía bàn ăn dài, anh ta tiến về phía đó, hơi chân nam đá chân chiêu, và bắt đầu hạ giọng kể lại câu chuyện vừa kể cho Gabriel.

- Hôm nay cậu ta không đến nổi tệ lắm, đúng không? - dì Kate nói với Gabriel.

Hai lông mày của Gabriel đang hơi cau lại nhưng anh nhanh chóng dẫn chúng ra và đáp:

- À vâng, khá là im tiếng.

- Nhưng mà cậu ta đúng là không thể chịu nổi! bà nói - Hồi đêm Giao thừa năm ngoái bà mẹ đáng thương của cậu ta đã bắt cậu ta thề bỏ rượu. Nhưng thôi cứ để cậu ta đó đã, Gabriel, ta vào phòng khách khiêu vũ đi.

Trước khi rời phòng cùng Gabriel bà nhúu mày ra hiệu cho Mr Browne và giơ ngón trỏ lên xoay xoay cảnh cáo. Mr Browne gật gù đầu đáp lại và, khi bà đã đi khỏi, quay sang nói với Freddy Marlin:

- Nào được rồi Teddy, để tôi rót cho cậu một ly nước chanh ngon lành giúp cậu phần khởi nhé.

Freddy Malins, đang kể gần đến cao trào câu chuyện của mình, sốt ruột phẩy phẩy tay dẹp lời mời nhưng Mr Browne, sau khi đã lái sự chú ý của Freddy Malins sang chuyện áo của anh ta đang bị xộc xệch, bèn rót đưa cho anh ta một ly nước chanh đầy. Tay trái của Freddy Malins tự động đón lấy nước, còn tay phải anh ta cũng tự động đưa lên sửa lại áo. Mr Browne, khuôn mặt một lần nữa lại đầy nếp nhăn khoái trá, tự rót

cho mình một ly whisky nữa trong khi Freddy Malins cười phá lên, trước khi anh ta kịp đến cao trào của câu chuyện, một tràng cười cuống họng the thé và, đặt cái ly đầy tràn chưa hề động đến của mình xuống, bắt đầu đưa nắm tay trái lên dụi dụi mắt trái, lại cười ầm lên và hào hứng nhắc lại những câu cuối cùng của câu chuyện.

Gabriel không tài nào tập trung được để nghe bản Academy mà Mary Jane đang chơi, đầy những cung những nhịp phức tạp, cho cả phòng lặng phắc lắng nghe. Anh thích âm nhạc nhưng bản nhạc cô đang chơi đối với anh chẳng có giai điệu gì hết và anh nghi ngờ liệu những người khác có thấy nó có giai điệu gì không, mặc dù chính họ đã van nài Mary Jane chơi một bản gì đó. Bốn người đàn ông trẻ, khi nghe thấy tiếng đàn piano vang lên bèn từ phòng ăn đi ra đứng ở lối đi, nhưng giờ họ đã lại, hai người một, im lặng biến mất chỉ sau mấy phút. Những người duy nhất có vẻ đang thật sự dõi theo bản nhạc là Mary Jane, hai tay cô lướt dọc phím đàn hoặc nâng lên ở những chỗ nghỉ như những ngón tay của một nữ tu đang lẩm bẩm lời nguyện rửa thoảng chốc nào đó, và dì Kate đứng bên cạnh phía khuỷu tay cô giúp lật bản nhạc.

Gabriel, thấy nhức mắt bởi cái sàn nhà đánh sập sáng lóa dưới cây đèn chùm nặng nề, bèn nhìn sang phía bức tường phía trên cây đàn piano. Ở đó có một bức tranh tả cảnh ban công trong vở Romeo and Juliet, bên cạnh là bức vẽ hai hoàng tử bị giết tại tháp London mà dì Julia đã làm bằng len đỏ, xanh và nâu khi dì còn là một cô gái. Có lẽ tại trường nữ sinh họ theo học hồi đó người ta dạy những việc này, mẹ anh từng mất cả năm trời làm cho anh món quà sinh nhật là một cái áo gi lê bằng vải tabinet tím đậm, có những hình đầu cáo nhỏ trang trí, viền sa tanh màu nâu và khuy hình quả dâu tròn. Thật lạ sao mẹ anh không hề có chút tài âm nhạc nào mặc dù dì Kate vẫn thường gọi bà là người thông minh nhất nhà Morkan. Cả dì Kate lẫn dì Julia đều vô cùng hãnh diện về người chị nghiêm khắc và đảm đang của họ. Ảnh của bà được để trước tấm gương lớn giữa hai cửa sổ. Trong ảnh bà đang ngồi, một cuốn sách để mở trên đùi gối và đang chỉ vào cái gì đó trong sách cho Constantine, trong bộ thủy quân, quỳ bên cạnh. Bà tự chọn tên cho các con trai của mình bởi bà vô cùng coi trọng cuộc sống gia đình. Nhờ có bà, Constantine giờ đã là một cha phó đáng kính tại Balbriggan và nhờ có bà chính Gabriel đã có được tấm bằng của trường Đại học Royal. Bóng tối lướt qua một thoáng trên gương mặt anh khi nhớ lại chuyện bà đã sưng sía phản đối chuyện hôn nhân của anh thế nào. Mấy lời khinh rẻ của bà giờ vẫn còn ám ảnh tâm trí anh; có một lần bà đã nói Gretta chỉ là đồ gái quê đẹp mã và điều này thực ra không công bằng với Gretta chút nào. Chính Gretta đã chăm sóc bà trong đợt ốm kéo dài trước khi bà qua đời trong ngôi nhà của họ tại Monkstown.

Anh biết Mary Jane đang chuẩn bị kết thúc bản đàn của mình bởi cô đang quay lại khúc dạo đầu, sau mỗi nhịp lại réo rất những gam khác nhau, và trong khi chờ nó kết thúc, sự oán giận trong tim anh dịu đi. Bản đàn khép lại, vút lên cao rồi đột nhiên hạ xuống một nốt trầm trước khi tắt hẳn. Những tràng vỗ tay nồng nhiệt vang lên dành cho Mary Jane khiến cô đỏ bừng mặt xấu hổ, luồng cuống cuốn vội bản nhạc chạy khỏi phòng. Tiếng hoan hô nồng nhiệt nhất vang lên từ phía bốn người đàn ông trẻ đang đứng nơi cửa, họ đã biến vào phòng ăn ở đoạn đầu bản nhạc nhưng đã quay lại khi tiếng piano ngừng hẳn.

Điệu lancers được sắp xếp. Gabriel thấy mình được xếp cặp với Miss Ivors. Cô là một cô gái ăn nói bột trực, khuôn mặt đầy tàn nhang và đôi mắt nâu sắc sảo. Cô không mặc áo bó ngực cổ trễ và cái trâm lớn cài trên cổ áo cô có hình biểu tượng Ireland.

Khi họ đã đứng vào chỗ của mình, cô bật nói:

- Tôi có chuyện muốn tính sổ với anh đây [6].

- Với tôi ư? - Gabriel nói.

Cô gật đầu một cách nghiêm trang.

- Cái gì vậy? - Gabriel hỏi, mỉm cười trước vẻ nghiêm trang của cô.

- G.C. Là ai? - Miss Ivors đáp, nhìn thẳng vào anh.

Gabriel đỏ mặt và chuẩn bị nhú mồm, như thể anh không hiểu, nhưng cô đã hỏi về tức giận:

- Ôi, con thô trắng vô tội! Tôi đã phát hiện ra anh viết cho tờ Daily Express [7] rồi nhé. Thế nào, anh không tự thấy hổ thẹn sao?

- Tại sao tôi lại phải tự hổ thẹn chứ? - Gabriel nói, nháy mắt và cố mỉm cười.

- Thôi được, vậy thì tôi hổ thẹn thay cho anh - Miss Ivors nói thẳng - chuyện anh đi viết cho một thứ giẻ rách như thế. Thế mà tôi cứ tưởng anh không phải là một gã West Briton [8].

Một vẻ khó xử hiện ra trên khuôn mặt Gabriel. Đúng là anh có riêng một mục văn chương thứ Tư hàng tuần trên tờ Daily Express, và được trả mười lăm shilling. Nhưng dĩ nhiên điều đó không thể biến anh thành một gã West Briton. Những quyển sách anh nhận được để viết lời bình đối với anh thậm chí còn giá trị hơn cái tờ séc nhỏ nhoi kia. Anh thích cảm giác các đầu ngón tay mình được lật giở trang bìa và bên trong những quyển sách mới in còn thơm mùi mực. Gần như ngày nào hết giờ dạy ở trường anh cũng lang thang dọc giữ, ghé vào những tiệm sách cũ, từ hiệu Hickey trên Bachelor's Walk, đến hiệu Webb hay Massey trên Aston's Quay, hoặc hiệu O'Clohissey trong ngõ nhỏ gần đó. Anh không biết phải đáp lại lời buộc tội của cô ta như thế nào. Anh muốn mình có thể nói văn chương là thứ trên tầm chính trị. Nhưng họ là bạn bè bao nhiêu năm nay và sự nghiệp của họ cũng gần như luôn sóng đôi, đầu tiên là ở trường University, và sau đó cùng làm giáo viên, anh không dám nói những lời to tát với cô ta. Anh tiếp tục nháy mắt và cố gắng mỉm cười, lúng búng rằng anh thấy chuyện viết phê bình sách thì có liên quan gì đến chính trị đâu.

Khi đến lượt họ tách riêng anh vẫn khó xử và bối rối. Miss Ivors đột nhiên ầm ập siết lấy tay anh và nói giọng nhỏ nhẹ thân tình.

- Tất nhiên là tôi chỉ đùa thôi. Nào, chúng ta tách nào.

Khi họ đã quay lại đối diện nhau cô nói đến cuộc tranh cãi về University [9] và Gabriel cảm thấy dễ chịu hơn một chút. Một người bạn đã cho cô xem bài anh bình thơ Browning. Thế nên cô mới phát hiện ra bí mật kia: nhưng quả thực cô cực kỳ thích bài viết đó, rồi đột nhiên cô nói:

- À, Mr Conroy, anh có tham gia chuyến đi đảo Aran mùa hè này không? chúng tôi định ở đó một tháng đấy. Chắc chắn lúc đó Đại Tây Dương sẽ đẹp kinh khủng. Anh phải đi mới được. Mr Clancy cũng đi, cả Mr Kilkelly và Kathleen Kearney nữa. Nếu mà Gretta cũng đi được thì tuyệt. Cô ấy là người Connach, phải không?

- Người nhà cô ấy ở đó - Gabriel nói cụt ngủn.

- Nhưng còn anh thì anh sẽ đi chứ? - Miss Ivors nói, nồng nhiệt đặt bàn tay ấm nóng của mình lên tay anh.

- Nhưng mà - Gabriel nói - Tôi lại vừa thu xếp xong một chuyến đi khác...

- Đi đâu? - Miss Ivors hỏi.

- Thì cô biết đấy, năm nào tôi cũng tham gia chuyến đạp xe với mấy anh bạn và ...

- Nhưng ở đâu mới được chứ? - Miss Ivors hỏi.

- À, thường chúng tôi đi Pháp hoặc Bỉ hoặc có thể là Đức - Gabriel nói một cách khó xử.

- Thế tại sao các anh lại phải đi Pháp hay Bỉ kia chứ? - Miss Ivors nói - Thay vì đi thăm thú chính đất nước mình?

- Vâng - Gabriel nói - Thì phần là để khỏi quên mấy cái ngôn ngữ đó, phần là để thay đổi không khí.

- Thế chẳng nhẽ anh không có ngôn ngữ của chính anh để khỏi quên hay sao - tiếng Ireland ấy - Miss Ivors hỏi.

- À - Gabriel nói - nếu mà nói thế, thì cô biết đấy, thực ra tiếng Ireland đâu có phải là tiếng mẹ đẻ của tôi.

Những người nhảy bên cạnh đã để ý thấy họ hơi to tiếng. Gabriel hoảng hốt nhìn sang hai bên, cố giữ vẻ ôn hòa, cố gắng này khiến trán anh đỏ rần.

- Và chẳng nhẽ anh không hề có một đất nước - Miss Ivors tiếp tục - một đất nước mà thực ra anh chưa biết gì về nó hết, đồng bào, đất nước của chính anh?

- Dào, nói thật với cô nhé - Gabriel đột ngột trả miếng - Tôi chán đến tận cổ cái đất nước của tôi rồi, chán tận cổ!

- Tại sao? - Miss Ivors hỏi.

Gabriel không trả lời, người anh nóng bừng.

- Tại sao? - Miss Ivors nhắc lại.

Họ phải cùng nhau đi bước chào, bởi anh vẫn chưa trả lời cô, Miss Ivors làm vẻ thân mật:

- Tất nhiên rồi, anh làm gì có câu trả lời chứ.

Gabriel cố giấu sự bực bội của mình bằng cách dồn hết hăng hái vào điệu nhảy. Anh tránh ánh mắt của cô, bởi anh đã thấy vẻ chua chát trên gương mặt cô. Nhưng khi họ quay lại đứng cạnh nhau trong hàng anh ngạc nhiên thấy bàn tay mình bị nắm chặt. Cô ta ngược nhìn anh một cách tinh nghịch cho đến khi anh mỉm cười. Rồi, ngay lúc hàng nhảy tách ra lại thành cặp, cô ta nhón người lên và thì thầm vào tai anh:

- Gã West Briton!

Khi điệu lancers kết thúc Gabriel đi ra gócxa của gian phòng chỗ bà mẹ của Freddy Malins đang ngồi. Đó là một bà lão khá đầy đà nhưng yếu ớt, tóc bạc trắng. Giọng bà ta cũng có chút rề rề như giọng của anh con trai và bà ta còn hơi cà lăm. Bà vừa được người ta thông báo rằng Freddy đã đến và rằng anh ta khá là ổn. Gabriel hỏi thăm chuyến đi biển vừa rồi của bà có mệt không. Bà ta sống với vợ chồng cô con gái ở Galsgow và mỗi năm lại về thăm Dublin một lần. Bà ta chậm rãi trả lời rằng chuyến đi ổn cả và ngài thuyền trưởng đã rất quan tâm chăm sóc bà. Rồi bà ta khoe về ngôi nhà đẹp đẽ của cô con gái ở Glasgow, về những bạn bè tử tế họ có ở đó. Trong khi bà ta còn đang huyên thuyên, Gabriel cố gắng rũ khỏi tâm trí mình sự việc khó chịu vừa rồi với Miss Ivors. Tất nhiên cô gái đó, hay người phụ nữ đó, hay gì cũng được, là một người đầy tâm huyết, nhưng cái gì cũng phải đúng lúc. Có thể đáng ra anh không nên trả lời cô như vậy. Nhưng cô ta cũng không có quyền gọi anh là một gã West Briton trước nơi đông người, dù đó chỉ là một câu đùa. Cô ta đã tìm mọi cách biến anh thành một kẻ lỗ bịch trước mặt người khác, cật vấn anh và chăm chăm soi mói anh bằng đôi mắt thỏ của cô ta.

Anh nhìn thấy vợ mình đang len qua những cặp nhảy tiến lại. Khi đến gần cô thì thầm vào tai anh:

- Gabriel, dì Kate muốn biết liệu anh có chịu trách nhiệm xê ngõng [10] như mọi lần không. Miss Daly sẽ cắt đuôi lợn muối còn em thì lo món pút đing.

- Được rồi - Gabriel nói.

- Dì ấy sẽ mời hội trẻ ăn trước khi điệu valse này kết thúc để lúc sau chúng ta có bàn.

- Vừa nãy em có nhảy không? - Gabriel hỏi.

- Có chứ, có chứ. Anh không nhìn thấy em sao? Anh tranh cãi gì với Molly Ivors vậy?

- Tranh cãi gì đâu. Sao cơ? Cô ta nói thế à?

- Đại loại thế. Em đang cố thuyết phục cái ngài D'Arcy kia hát. Ông ta kiêu kỳ quá, em thấy thế.

- Không có tranh cãi gì đâu - Gabriel tự lự - chỉ là chuyện cô ta rủ mình cùng đi một chuyến lên miền Tây Ireland nhưng anh nói không đi được.

Vợ anh vỗ hai tay một cách nồng nhiệt và nhảy lên nhè nhẹ.

- Ôi đi đi, Gabriel - cô kêu lên - Em thích được trở lại Galway lắm.

- Em có thể đi nếu em muốn - Gabriel lạnh lùng.

Cô nhìn anh một giây, rồi quay sang Mrs Malins nói:

- Chồng tôi đáng yêu thế đấy, Mrs Malins.

Trong lúc cô len lỏi quay về bên kia gian phòng, Mrs Malins, không chút bận tâm đến sự cắt ngang vừa rồi, tiếp tục kể với Gabriel rằng Scotland có bano nhiều nào danh lam thắng cảnh. Con rể bà năm nào cũng đưa họ về nghỉ ở vùng hồ và họ thường đi câu cá. Con rể bà là một tay câu cá tuyệt hạng. Có lần nó câu được một con cá, một con cá lớn trông ngon lắm và rồi người chủ khách sạn đã luộc con cá cho họ ăn tối.

Gabriel gần như không nghe thấy những gì bà ta nói. giờ đây khi bữa tối đến gần anh lại bắt đầu nghĩ về bài diễn văn của anh và về câu trích dẫn. Nhìn thấy Freddy Malins đang tiến từ phía bên kia gian phòng

đến chỗ mẹ mình, Gabriel đứng dậy nhường ghế cho anh ta và lùi về phía cửa sổ. Gian phòng đã thừa hẳn và từ phía phòng ăn vang lên tiếng dao nĩa lách cách. Những người vẫn còn ở lại trong phòng có vẻ thăm mệt sau một hồi khiêu vũ và đang tụm lại trò chuyện nho nhỏ. Những ngón tay ấm, run rẩy của Gabriel gõ vào kính cửa sổ lạnh lẽo. Hẳn bên ngoài trời đang trong lành lắm! giá như giờ được một mình dạo bước dọc theo sông rồi xuyên qua công viên thì thật sung sướng! Tuyệt chắc đang bám đầy trên những cành cây và đọng thành một cái mũ lấp lánh trên đầu tượng đài tướng Wellington. Giá mà bây giờ được ở đó thì chắc hẳn dễ chịu hơn nhiều là phải ngồi ở bàn ăn!

Anh nhắm lại trong đầu những điểm chính của bài diễn văn: sự hiếu khách Ireland, những kỷ niệm đau buồn, Ba Nữ Nhã thần [11], chàng Paris [12], câu thơ của Browning. Anh nhớ lại một câu anh đã viết trong bài phê bình “Người ta tưởng như đang lắng nghe một thứ âm nhạc bị suy tưởng hành hạ”. Miss Ivors đã khen ngợi bài viết. Cô ta có chân thành không nhỉ? Liệu cô ta có một cuộc sống thực sự của chính mình đằng sau tất cả những lời lẽ rao giảng đó? Chưa bao giờ họ nghĩ không tốt về nhau, cho đến đêm nay. Anh thấy khó chịu khi nghĩ chốc nữa đây cô ta sẽ ngồi ở bàn ăn, nhìn anh, trong khi anh nói, với đôi mắt phẩn xet đầy giễu cợt. Có khi cô ta cũng sẽ không buồn tiếc cho anh nếu bài nói của anh thất bại. Một ý tưởng chợt đến trong đầu khiến anh thấy can đảm hơn. Anh sẽ nói thế này, ám chỉ dì Kate và dì Julia “Thưa các quý ông quý bà, cái thế hệ giờ đã vào buổi xế chiều của chúng ta ở đây có thể đã có nhiều khuyết điểm, nhưng về phần tôi tôi nghĩ nó đã có được những phẩm chất nhất định, sự hiếu khách, khiếu hài hước, lòng nhân ái, những phẩm chất mà thế hệ mới, rất dỗi nghiêm túc và vô cùng có học thức, đang lớn lên trong số chúng ta đây, theo tôi, không có được”. Hay lắm: câu này là để cho Miss Ivors. Anh cần gì biết hai người dì của mình thực ra chỉ là hai bà già dốt nát kia chứ?

Tiếng rì rầm vang lên trong phòng khiến anh chú ý. Mr Browne đang từ cửa tiến vào, lịch lãm hộ tống dì Julia, dì đang tựa nhẹ vào cánh tay ông ta, mỉm cười và cúi đầu chào. Một tràng vỗ tay kéo dài cho đến khi bà đến gần chiếc piano và, khi Mary Jane ngồi xuống ghế, dì Julia, thôi không cười nữa, hơi nghiêng người một chút cho giọng của mình hướng về giữa phòng, từ từ dừng lại. Gabriel nhận ra khúc dạo đầu. Đó là khúc mở đầu một bài hát cổ dì Julia vẫn yêu thích - bài Điểm trang vì cô dâu. Giọng của bà, khỏe và trong, thoắt bùng giai điệu khúc nhạc, và mặc dù hát rất nhanh bà không bỏ sót thậm chí một nốt nhỏ nhất. Lắng nghe giọng hát, và không nhìn người hát, người ta cảm thấy như đang được chia sẻ niềm hứng khởi được bay bổng lên cao, uyển chuyển mà an toàn. Gabriel vỗ tay rất to cùng những người khác khi bài hát dừng lại, và tiếng vỗ tay cũng vang lên từ phía bàn ăn khuất phía sau. Những tràng vỗ tay nồng nhiệt đến nỗi một nét ửng đỏ thấp thoáng trên khuôn mặt của dì Julia khi dì cúi xuống nhắc quyển sách nhạc bìa da in những chữ cái viết tắt tên dì ra khỏi giá nhạc. Freddy Malins, từ nãy đến giờ nghiêng hẳn đầu sang một bên để có thể nghe tiếng hát rõ hơn, vẫn đang vỗ tay mặc dù những người khác đã dừng lại và đang sôi nổi nói gì đó với mẹ anh ta, bà nghiêm trang chậm rãi gật gật đầu đồng tình. Cuối cùng, khi không thể vỗ tay thêm được nữa, anh ta đứng phắt dậy và vội vã chạy sang phía bên này phòng nơi dì Julia đứng và dùng hai tay ôm choàng lấy tay của dì, rung rung, hoặc không thoát nổi thành lời, hoặc vì cái chất rề trong giọng anh ta giờ trở nên không thể nào kiểm soát được.

- Cháu vừa nói với mẹ cháu rằng - anh ta nói - chưa bao giờ cháu thấy dì hát hay như vậy, chưa bao giờ. Không, chưa bao giờ cháu thấy giọng dì hay như tối nay. Thật vậy. Dì tin cháu chứ? đó là sự thật. Thẻ trên danh dự của cháu đó là sự thật. Cháu chưa bao giờ thấy giọng dì nghe lại trong và ...trong và sáng như vậy, chưa bao giờ.

Dì Julia mỉm cười rạng rỡ, thậm chí gì đó trước những lời khen ngợi và gỡ tay ra khỏi anh ta. Mr Browne đang tay chìa về phía bà và nói với những người đang đứng xung quanh như kiểu một ông bầu giới thiệu một kỳ quan cho khán giả:

- Miss Julia Morkan, phát hiện mới nhất của tôi !

Ông ta đang tự cười đầy khoái trá thì Freddy Malins quay sang nói :

- Này Browne, nếu ông đang nói thực sự nghiêm túc, thì tôi e cái sự nghiệp phát hiện của ông sẽ chẳng đi đến đâu đâu. Tất cả những gì tôi có thể nói là tôi chưa bao giờ được nghe thấy bà ấy hát tuyệt vời như vậy kể từ hồi tôi bắt đầu được mời đến đây. Và đó là sự thật. Đơn giản vậy thôi.

- Tôi cũng chưa bao giờ thấy giọng bà ấy hay như thế - Mr Browne nói - Tôi nghĩ giọng của bà ấy đã tiến bộ vượt bậc.

Dì Julia nhún vai và nói với một vẻ kiêu hãnh giản dị:

- Nếu mà nói về giọng hát thì ba mươi năm trước giọng tôi cũng đâu có tệ lắm.

- Tôi vẫn thường bảo Julia - dì Kate nói dứt khoát - rằng hát ở cái dàn thánh ca ấy chỉ phí giọng. Nhưng chị ấy chẳng bao giờ nghe tôi.

Bà quay khắp lượt như thể tìm sự đồng tình chống lại một đứa trẻ ương bướng trong khi dì Julia đắm đắm nhìn về phía trước, một nụ cười xa xôi thấp thoáng trên gương mặt bà.

- Không, - dì Kate tiếp tục - chẳng ai khuyên nhủ được chị .ấy, hết hơi hết sức với cái dàn thánh ca ấy cả ngày lẫn đêm, cả ngày lẫn đêm. Ai lại sáu giờ sáng ngày Giáng sinh! Làm cái gì mới được chứ?

- Ôi dì Kate, chẳng phải vinh danh Chúa sao? - Mary Jane hỏi, xoay xoay người trên chiếc ghế piano ,mỉm cười.

Dì Kate dữ tợn quay sang cô cháu gái, nói:

- Dì biết rõ thế nào là vinh danh Chúa, Mary Jane, nhưng dì nghĩ Giáo hoàng thế thì cũng chẳng xứng danh lắm khi tống cổ những người phụ nữ khỏi dàn thánh ca sau khi họ đã bỏ cả đời mình hát cho chính cái dàn thánh ca ấy, để công kênh mấy thằng ranh vặt mũi chưa sợ.chàng cho đứng trên đầu [13]. Dì chắc làm thế cũng vì ích lợi của Nhà thờ, nếu đó là lựa chọn của Giáo hoàng. Nhưng như thế thật không công bằng, Mary Jane ạ, và không đúng một chút nào.

Bà trở nên vô cùng sôi nổi và lẽ ra đã tiếp tục tranh cãi bên vực chị mình bởi đây là một chủ đề bà vẫn ám ức từ lâu, nhưng Mary Jane, nhận thấy mọi người đã ngừng khiêu vũ và đang quay lại phòng, bèn chen vào dàn hòa;

- Ấy dì Kate, dì đang đẩy Mr Browne với tín ngưỡng bên kia [14] của ông ấy vào tình huống khó xử đấy.

Dì Kate vội quay sang Mr Browne, ông này đang cười nhả nhả khi thấy người ta đã động đến tôn giáo của mình, nói nhanh:

- Ấy không, tôi đâu có chất vấn gì về chuyện Giáo hoàng làm đúng hay sai. Tôi chỉ là một bà già ngu ngốc đâu có dám làm điều đó. Nhưng trên đời này có 'những chuyện tối thiểu như lòng biết ơn và phép lịch sự thông thường. Và nếu mà là Julia thì tôi đã nói thẳng vào mặt Cha Healey...

- Với cả, dì Kate, - Mary Jane nói - tất cả chúng ta đều đang đói lắm rồi và khi chúng ta đói chúng ta đều rất dễ nổi cáu.

- Và khi chúng ta khát chúng ta cũng dễ nổi cáu - Mr Browne chen vào.

- Thế nên giờ chúng ta đi ăn thôi -Mary Jane nói - và phân giải mọi chuyện sau.

Trên chỗ nghỉ cầu thang bên ngoài phòng khiêu vũ Gabriel gặp vợ mình và Mary jane đang cố gắng thuyết phục Miss Ivors ở lại ăn tối. Nhưng Miss Ivors đã đội mũ lên và đang cài khuy áo choàng, từ chối ở lại. Cô ta nói cô ta không đói một chút nào và rằng thực ra cô đã nán lại quá thời gian dự định.

- Nhưng chỉ mười phút thôi mà, Molly - Mrs Conroy nói - Sẽ không làm chị muộn quá đâu.

- Ăn một chút thôi - Mary Jane nói - Chị đã khiêu vũ cả buổi tối mà.

- Thực sự tôi không thể - Miss Ivors nói.

- Tôi sợ rằng hình như chị không thích buổi dạ hội hôm nay chút nào thì phải - Mary Jane nói một cách tuyệt vọng.

- Rất thích là đằng khác, tôi đảm bảo với chị - Miss Ivors nói - Nhưng giờ các chị thực sự phải về thôi.

- Nhưng làm sao chị về được? - Mrs Conroy hỏi.

- Ô, chỉ cách có mấy bước phía ke sông thôi mà.

Gabriel ngần ngừ một giây rồi nói:

- Nếu cô cho phép, Miss Ivors, tôi xin được đưa cô về nếu cô thực sự buộc phải về.

Nhưng Miss Ivors vùng khỏi bọn họ.

- Tôi không muốn nghe đâu - cô ta kêu lên - Vì Chúa hãy vào ăn bữa tối của quý vị đi và đừng để ý đến tôi. Tôi thừa sức tự lo cho mình.

- Được. Chỉ đúng là một phụ nữ lạ lùng đấy, Molly - Mrs Conroy thở dài.

- Bennaccht libh [15] - Miss Ivors kêu to rồi cười phá lên, chạy xuống cầu thang.

Mary Jane nhìn theo cô ta, lộ vẻ bối rối ngạc nhiên, trong khi Mrs Conroy nghiêng người qua lan can nghe tiếng cửa đóng dưới nhà. Gabriel tự hỏi có phải anh là nguyên do khiến cô ta đột ngột bỏ về không. Nhưng cô ta không có vẻ gì là bức dọc cả, cô ta đã vừa cười vừa bỏ đi. Anh nhìn đăm đăm vô định xuống cầu thang.

Đúng lúc đó dì Kate lật đật đi ra từ phòng ăn, hai tay gần như vịn vịn một cách tuyệt vọng.

- Gabriel đâu rồi? - bà kêu lên - Gabriel đâu ấy nhỉ? Ai cũng chờ trong này, khai mạc rồi, thế 'mà chẳng có ai xẻ thịt ngỗng cả!

- Cháu ở đây, dì Kate! - Gabriel kêu lên, bỗng tươi vui trở lại - sẵn sàng xẻ cả một đàn ngỗng đấy, nếu dì cần.

Một con ngỗng quay béo mướt nằm một phía đầu bàn, và ở đầu kia, trên một đĩa lót giấy xấp xỉ điểm tuyết những nhánh mùi, là một đùi lợn muối rất to, đã bóc lớp da bên ngoài, rắc bánh mì vụn khắp lượt, phía ngoài được trang trí hoa giấy xếp nếp đẹp đẽ, và bên cô anh là một tảng lớn thịt bò ướp nướng. Giữa hai đầu bàn đối trọng này là những dãy món ăn kèm được xếp song song: hai tảng nhỏ thạch đỏ và vàng hình nhà thờ, một đĩa lòng nòng đầy những lá cây có tay cầm hình búp lá, trên đó cơ man nho khô và hạnh nhân đã lột vỏ, một đĩa hình chữ nhật đầy sung khô, một đĩa bánh kem trứng rắc nhục đậu khấu nghiền nhỏ, một thau nhỏ đựng đầy sôcôla và kẹo bọc giấy vàng bạc lấp lánh và một bình thủy tinh vươn ra mấy ngọn cần tây. Ở trung tâm bàn, như thể để hộ tống cái kim tự tháp làm bằng cam và táo Mỹ, là hai đám bình pha lê chạm trổ kiểu cổ, một đựng rượu poc tô, còn đám kia rượu sherry tím đậm. Trên mặt chiếc đàn piano đóng nắp là một chiếc pút đỉnh đựng trong một cái đĩa màu vàng khổng lồ nằm chờ đợi, và đằng sau nó là đám chai bia stout và ale và nước khoáng được xếp ngay ngắn the màu vỏ, hai nhóm đầu tiên chai đen, nhãn nâu và đỏ, nhóm thứ ba, ít hơn, có nhãn xanh lá cây chạy ngang chai.

Gabriel tự tin kéo chiếc ghế đầu bàn cho mình, và sau khi nhìn lưỡi con dao lóc thịt, anh đâm mạnh cái đĩa của mình vào thân con ngỗng. Giờ anh cảm thấy khá thoải mái, bởi anh là một chuyên gia lóc thịt và không gì thích hơn là được thấy mình ở đầu bàn bày trầu đồ ăn thức uống.

- Miss Furlong, tôi lấy cho cô chỗ nào nào? - anh hỏi - Cánh hay một lát ức?

- Một lát ức nho nhỏ thôi.

- Miss Higgins, cô ăn chỗ nào?

- Ô, chỗ nào cũng được, Mr Conroy

Trong lúc Gabriel và Miss Daly chuyển dần những chiếc đĩa thịt ngỗng, thịt lợn muối và thịt bò nướng quanh bàn, Lily đi từ vị khách này sang vị khách khác với một cái đĩa lớn đựng đầy khoai tây nghiền nóng phủ trong một cái khăn màu trắng. Đó là ý tưởng của Mary Jane và cô cũng đã đề nghị ăn món thịt ngỗng với nước sốt táo, nhưng dì Kate nói rằng thịt ngỗng ăn không, không kèm nước sốt táo gì hết, với bà như thế là ngon lắm rồi và bà hy vọng rằng sẽ không bao giờ phải ăn những món chán hơn thế. Mary Jane tận tình quan tâm đến đám học sinh của cô, sao cho chúng có được những lát thịt ngon nhất, dì Kate cùng dì Julia mở và mang từ phía chiếc piano những chai bia stout và ale cho các quý ông và nước khoáng cho các quý bà. Tiếng bóng đùa cười nói râm ran khắp phòng, tiếng gọi món và tiếng phản đối, tiếng dao nĩa, tiếng nút chai bật và tiếng mở bình thủy tinh. Gabriel bắt đầu xẻ thịt cho mọi người lần thứ hai ngay sau khi anh vừa kết thúc lần thứ nhất mà không dành phần cho mình. Mọi người phản đối âm ỉ, thế là anh phải thỏa hiệp bằng một hơi bia stout dài, bởi anh thấy việc lóc thịt cũng khá mệt. Mary Jane lẳng lặng yên vị ăn bữa tối của mình nhưng dì Kate và dì Julia vẫn đang lật đật xung quanh bàn, lúi rúi theo nhau, và vào nhau và đưa ra những lời sai khiến mà chẳng ai trong hai người làm. Mr Browne van vỉ họ hãy ngồi xuống và ăn bữa tối

của họ và Gabriel cũng nói như vậy, nhưng họ nói họ vẫn đủ thời gian để ăn sau, thế là, cuối cùng, Freddy Malins đứng dậy và túm lấy dì Kate, ấn dì ngồi xuống ghế của dì giữa những tiếng cười vui vẻ.

Khi tất cả mọi người đã được phục vụ đầy đủ, Gabriel mỉm cười nói :

- Nào, nếu bây giờ có ai muốn ăn thêm chút ít thứ mà những kẻ thô tục gọi là món nhồi bụng ngỗng thì cứ lên tiếng nhé.

Một loạt những tiếng lao xao giục anh hãy ăn phần của mình đi và Lily tiến lại với ba củ khoai tây cô để dành cho anh.

- Cảm ơn cô rất nhiều - Gabriel nói một cách hòa nhã, và anh uống một ngụm bia khai vị nữa - Giờ thưa các quý ông quý bà xin vui lòng tạm quên sự hiện diện của tôi trong một vài phút.

Anh bắt đầu ăn đĩa của mình và không tham gia vào cuộc trò chuyện cả bàn tiệc đang bàn luận trong lúc chờ Lily dọn đĩa đi. Chủ đề của cuộc trò chuyện là đoàn opera lúc đó đang diễn tại nhà hát Hoàng gia. Mr Bartell D'Arcy, giọng nam cao, một người đàn ông trẻ tuổi da ngăm ngăm, hàng ria tủa tốt kỹ lưỡng, ca ngợi hết lời giọng nữ trầm chính của đoàn, nhưng Miss Furlong lại nghĩ phong cách biểu diễn của cô ta hơi tầm thường. Freddy Malins nói có một gã tù trưởng da đen hát trong phần hai của vở diễn ở Gaiety, và đó là giọng nam cao hay nhất mà anh ta đã từng nghe.

- Ngài đã nghe hần hát chưa? - anh ta hỏi Mr Bartell D'Arcy ngồi phía bên kia bàn.

- Chưa - Mr Bartell D'Arcy đáp lại, thờ ơ.

- Bởi - Freddy Malins giải thích - lúc này đây tôi rất nóng lòng được nghe ý kiến của ngài về hần. Tôi nghĩ hần ta có một chất giọng vĩ đại.

- Trên đời này chỉ duy nhất Teddy là có thể phát hiện ra những gì vĩ đại thôi - Mr Browne nói giọng bông đùa với bàn tiệc.

- Nhưng tại sao hần ta lại không thể có được một giọng hát như những người khác kia chứ? - Freddy Malins lớn tiếng - Có phải bởi hần ta chỉ là một gã da đen chẳng?

Không ai trả lời câu hỏi này và Mary Jane lái bàn tiệc quay lại chủ đề thế nào là opera thực sự. Một học trò đã tặng cô một vé xem vở Mignon. Tất nhiên là nó rất hay, cô nói, nhưng nó làm cô nhớ đến Gerogina Burns [16] khôn khổ. Mr Browne dẫn câu chuyện đi xa hơn nữa, quay về thời những đoàn opera Ý thường đến diễn ở Dublin-Tietjens, Ilma de Murzka, Campanini, Trebelli, Giuglini, Ravelli, Aramburo. Đó đúng là thời mà, ông ta nói, Dublin thực sự được thưởng thức thế nào là opera. Ông ta kể hồi đó thậm chí tầng áp mái nhà hát Hoàng gia cũ luôn chật cứng đêm nào cũng như đêm nào, về chuyện một đêm nọ một giọng nam cao người Ý đã phải hát lại đến năm lần theo đề nghị của khán giả bài Hỡi để tôi ngã xuống như một người lính, lần nào cũng lên đến cung đô thăng một cách xuất sắc, và về chuyện bọn con trai chuyên ngồi tầng áp mái thỉnh thoảng hứng chí lên còn tháo ngựa khỏi xe của máy prima donna [17] danh tiếng và tự mình kéo xe dong phố đưa họ về tận khách sạn. Tại sao bây giờ họ không bao giờ diễn những vở opera vĩ đại trước kia nữa, ông ta hỏi, như Dimorah, Lurcrezia Borgia? Bởi vì họ không có được chất giọng để hát chúng, đó là lý do tại sao.

- Vâng, nhưng mà - Mr Bartell D'Arcy nói - tôi đồ rằng ngày nay cũng có nhiều giọng ca xuất sắc, chẳng kém gì thời xưa.

- Họ ở đâu vậy? - Mr Browne hỏi một cách châm biếm.

- Ở London, Paris, Milan - Mr Bartell D'Arcy sôi nổi - Ví dụ như Caruso [18], người có giọng hay như vậy, nếu không nói là còn hay hơn tất cả những giọng mà ngài vừa nhắc đến.

- Có lẽ vậy - Mr Browne nói - Nhưng tôi có thể nói với các vị rằng tôi thực sự nghi ngờ điều đó.

- Ô, tôi sẽ đánh đổi tất cả để được nghe Caruso hát - Mary Jane nói.

- Đối với tôi - dì Kate vừa nói vừa gõ xong một cái xương ngỗng - trên đời này chỉ có duy nhất một giọng nam cao. Khiến tôi thích, ý tôi là thế. Nhưng tôi chắc chưa một ai trong số các ngài từng nghe nói đến ông ấy.

- Ông ta là ai vậy, Miss Morkan? - Mr Bartell D'Arcy lịch thiệp hỏi.
 - Tên ông ta - Di Kate nói - là Parkinson [19]. Tôi đã được nghe ông ấy hát thời ông ấy đang ở đỉnh cao phong độ và tôi nghĩ ông ta có một giọng nam cao trong sáng nhất mà cổ họng con người có thể được sở hữu.
 - Lại quá - Mr Bartell D'Arcy nói - Sao tôi chưa bao giờ nghe tên ông ta cả.
 - Đúng, đúng, Miss Morkan nói đúng đấy - Mr Browne nói - Tôi nhớ từng được nghe nói đến Parkinson, nhưng ông ta cách xa thế hệ chúng tôi quá.
 - Một giọng nam cao tuyệt đẹp đến từ nước Anh, thật trong sáng, êm dịu, mượt mà - di Kate sôi nổi.
- Gabriel đã ăn xong và chiếc bánh put đĩnh khổng lồ được chuyển sang bàn tiệc. Tiếng lách cách của nĩa thìa chạm nhau lại vang lên. Vợ của Gabriel lấy cho mọi người những thìa put đĩnh đầy và chuyển đĩa dọc theo bàn. Đến giữa chạng chùng được Mary Jane nhắc lên và cho thêm mút quả mâm xôi hoặc thạch cam hoặc kem hạnh nhân và mút. Chiếc put đĩnh là do chính tay di Julia làm, và bà nhận được những lời khen ngợi hết lời từ bốn phía. Còn bà thì thực ra bánh vẫn chưa đủ độ nâu.
- Ấy, tôi hy vọng, Miss Morkan - Mr Browne nói - rằng tôi đủ nâu đối với bà bởi vì, bà biết đấy . Tôi là Nâu hoàn toàn.
- Tất cả quý ông, trừ Gabriel, đến ăn một chút bánh put đĩnh, vừa ăn vừa khen ngợi di Julia. Bởi Gabriel không ăn đồ ngọt cho nên món cần tây được để dành lại cho anh. Freddy Malins cũng lấy một ngọn cần tây và ăn nó với phần put đĩnh cô em mình. Anh ta vừa được bảo rằng cần tây là thứ tối cần thiết cho máu và chính thời gian đó anh ta lại đang được bác sĩ điều trị. Mrs Malins, im lặng suốt trong bữa tối, giờ bèn nói con trai bà ta chuẩn bị đi tới vùng núi Mount Melleray trong khoảng một tuần gì đó. Rồi bàn tiệc nói về vùng Mount Melleray, không khí ở đó mới tuyệt diệu làm sao, những thầy tu ở đó mới hiếu khách làm sao và họ không bao giờ đòi hỏi khách dù chỉ một xu.
- Và các vị đĩnh nói - Mr Browne nghi ngờ - là một gã có thể đi lên đó nghỉ lại như thế đó là một khách sạn sống phè phỡn rồi ỉ dãi mất mà không trả xu nào ấy hả?
 - Vâng, nhưng hầu như ai khi rời khỏi đó cũng đóng góp ít nhiều cho tu viện - Mary Jane nói.
 - Giá mà Giáo hội của chúng ta cũng có được một cơ sở như vậy - Mr Browne thật thà nói.
- Ông ta sững sốt khi được nghe rằng những thầy tu không bao giờ nói gì hết, họ dậy vào lúc hai giờ sáng và ngủ trong những quan tài của chính họ. Ông ta hỏi họ làm thế để làm gì.
- Đó là quy tắc của dòng tu - di Kate nghiêm trang.
 - Vâng, nhưng tại sao mới được chứ? - Mr Browne nói.
- Di Kate nhắc lại đó là quy tắc, đơn giản thế thôi. Mr Browne dường như vẫn chưa hiểu lắm. Freddy Malins giải thích cho ông ta, với toàn bộ khả năng của mình, rằng các thầy tu làm thế là để cố gắng chuộc lại những tội lỗi của loài người nơi trần thế. Lời giải thích có vẻ không được rõ ràng cho lắm bởi Mr Browne cười nhún nhử và nói:
- Tôi thích cái ý tưởng đó lắm, nhưng chẳng phải là một cái giường êm ấm thì cũng tốt cho họ không kém gì chiếc quan tài sao?
 - Quan tài - Mary Jane nói - là để nhắc họ về kết thúc cuối cùng [20].

16. Chương 16: Người Chết (2)

Bởi chủ đề đã chuyển sang màu sắc sâu thẳm, cả bàn tiệc chìm trong im lặng, nghe rõ tiếng Mrs Malins thì thảo với người bên cạnh.

- Họ là những người thật tử tế, những ông thầy tu đó, những người thật sùng đạo.

Nho, hạnh nhân và sung khô, táo và cam, sôcôla và kẹo giờ đây được chuyển quanh bàn và dì Julia mời tất cả các vị khách một ly pooc tô hoặc sherry. Lúc đầu Mr Bartell D'Arcy từ chối uống cả hai thứ, nhưng người ngồi bên cạnh thúc vào khuỷu tay và thầm thì gì đó với anh ta, đến đây thì anh ta cho hép ly của mình được đổ đầy. Dần dần tất cả các ly đều được đổ đầy rượu hết lượt và cuộc chuyện trò dừng lại. Tất cả chờ đợi, chỉ có tiếng ly rượu đặt khê và tiếng ghế xê dịch. Các quý bà nhà Morkan, cả ba người, cúi nhìn khăn trải bàn. Ai đó ho khê và mấy quý ông gõ nhẹ lên bàn ra dấu bảo mọi người im lặng. Và rồi Gabriel đẩy ghế đứng lên.

Tiếng gõ bàn lập tức vang lên, lần này to hơn cổ vũ, rồi đồng loạt dừng lại. Gabriel bám nhẹ mấy ngón tay đang run rẩy của anh ta lên tấm khăn trải bàn và bồn chồn mỉm cười với cả bàn tiệc. Bất gặp một hàng những khuôn mặt đang ngẩng lên chờ đợi, anh ngược nhìn chòm đèn pha lê. Cây đàn piano đang chơi một điệu valse và anh chợt nghe thấy tiếng váy áo sột soạt chạm vào cánh cửa phòng khiêu vũ. Người ta, có lẽ vậy, đang đứng trong làn tuyết rơi trên cỏ ngoài kia, ngược nhìn những ô cửa sổ đèn nền rực rỡ và lắng nghe tiếng nhạc valse vọng xuống. Không khí ở đó thật trong lành. Phía xa xa là công viên, cây cối đang trĩu nặng tuyết phủ. Tượng Wellington mặc một lớp tuyết lông lánh lóe sáng về phía tây, bên trên bãi cỏ Fifteen Acres trắng xóa.

Anh bắt đầu:

- Thưa các quý ông quý bà, số mệnh đã chọn tôi buổi tối nay, cũng như trong những năm vừa qua, tôi thực hiện một nhiệm vụ vô cùng thú vị nhưng đó là một nhiệm vụ tôi e rằng với tài ăn nói kém cỏi của mình lại trở nên khó khăn ngoài tầm với.

- Ấy không, không! - Mr Browne nói.

- Nhưng dù có như thế, đêm nay cũng xin quý vị thông cảm cho tình huống lực bất tòng tâm này và xin hãy cho tôi vài phút lắng nghe trong khi tôi cố gắng hết sức tìm từ ngữ diễn đạt cho các vị những cảm xúc của tôi nhân dịp này.

Thưa quý ông quý bà, đây không phải là lần đầu tiên chúng ta cùng nhau hội họp dưới mái nhà hiếu khách này, quanh chiếc bàn hiếu khách này. Không phải là lần đầu tiên chúng ta là những người được hưởng - hoặc tôi có thể nói là, những nạn nhân - của sự hiếu khách của những quý bà tốt bụng.

Anh dang hai tay về phía trước và ngừng lại. Ai cũng quay sang cười với dì Kate và dì Julia và Mary Jane và cả ba đều đỏ bừng mặt về hài lòng. Gabriel mạnh dạn nói tiếp:

- Mỗi năm qua đi, tôi lại càng cảm thấy chắc chắn hơn một điều rằng đất nước chúng ta không có một truyền thống nào mang đến cho nó nhiều vinh dự và là một truyền thống mà nó nên giữ gìn cẩn trọng nhất, như truyền thống hiếu khách. Đó là một truyền thống độc đáo không đất nước hiện đại nào có được theo kinh nghiệm của tôi đến nay (và tôi đã được đi thăm không ít những vùng đất ngoại quốc). Có thể một số người sẽ cho rằng, đối với chúng ta, thực ra đó là một thất bại, hơn là một điều gì đó để khoe khoang. Nhưng thậm chí dù có như thế, đối với tôi, đó là một thất bại cao quý và tôi tin rằng truyền thống đó sẽ còn tiếp tục được chúng ta trân trọng gìn giữ. Và có, ít nhất, một điều tôi chắc chắn. Chừng nào mái nhà này còn che chở những quý bà tốt bụng tôi vừa nhắc đến, và tôi nguyện cầu từ trái tim mình, cầu cho nó sẽ tiếp tục làm thế trong nhiều, rất nhiều năm tới - thì truyền thống hiếu khách Ireland lịch lãm chân thành, truyền thống mà cha ông chúng ta đã truyền lại cho chúng ta và chúng ta phải truyền lại cho con cháu chúng ta sẽ vẫn còn sống mãi.

Một làn sóng sôi nổi tán thành lan ra khắp bàn tiệc. Gabriel chợt nhớ Miss Ivors không còn ở đây nữa, cô ta đã bất lịch sự bỏ đi, và thế là anh nói tiếp tràn đầy tự tin:

- Thưa các quý ông quý bà, một thế hệ mới đang lớn lên giữa chúng ta, một thế hệ được thúc đẩy bởi những ý tưởng và những nguyên tắc mới. Thế hệ đó rất nghiêm túc và hào hứng với những ý tưởng này và sự hào hứng của nó, thậm chí ngay cả khi bị lạc lối là, tôi nghĩ, hoàn toàn chân thành nhưng thời đại chúng ta đang sống là một thời đại đầy nghi ngờ và, nếu như tôi được phép dùng từ này, một thời đại bị tra tấn bởi những ý nghĩ, và đôi khi tôi sợ rằng thế hệ mới này, dù có học thức hoặc cực kỳ có học thức, sẽ thiếu những phẩm chất nhân ái, hiếu khách, khiêm hài hước của thời trước. Được lắng nghe trong đêm nay những cái tên

của những giọng ca vĩ đại trong quá khứ, tôi thấy dường như, tôi phải thú nhận, rằng chúng ta đang sống trong một thời đại ít thên thanh bằng. Chúng ta có thể gọi thời xưa đó, một cách không hề cường điệu, là những ngày thên thanh, và nếu như chúng đã qua không thể trở lại, thì hãy để chúng ta hy vọng rằng, ít nhất, bằng những cuộc tụ hội như thế này chúng ta sẽ vẫn nói về chúng với niềm tự hào và tình cảm triu mến, vẫn nâng niu trong tim hồi ức về những người đã qua đời, đã khuất, những con người vĩ đại mà tên tuổi của họ thế giới này sẽ không bao giờ quên.

- Hoan hô, hoan hô! - Mr Browne kêu ầm ĩ.

- Tuy nhiên - Gabriel tiếp tục, giọng anh trầm xuống suy tưởng - trong những cuộc hội tụ như thế này đôi khi chúng ta không tránh khỏi có những suy nghĩ buồn bã trong tâm trí, những suy nghĩ về quá khứ, về tuổi trẻ, về những thay đổi, về những người không thể có mặt cùng chúng ta ở đây đêm nay. Con đường cuộc đời của chúng ta được gắn với bao hồi ức buồn đau như thế, và nếu chúng ta cứ mãi ôm ấp chúng, chúng ta sẽ không đủ can đảm để tiếp tục công việc của chúng ta với những người đang sống. Chúng ta ai cũng có những trách nhiệm, tình yêu đối với cuộc sống, đó là những điều luôn đòi hỏi, và đòi hỏi một cách chính đáng, nỗ lực lớn lao ở mỗi chúng ta.

Do vậy tôi sẽ không lẩn tránh nhiều về quá khứ. Tôi sẽ không để lại những lời giảng đạo đức u ám xen vào giữa chúng ta đêm nay. Quá ecùng nhau hội tụ ở đây trong những giây phút ngắn ngủi tách xa khỏi những bề bộn vội vã của đời thường. Chúng ta gặp mặt ở đây như những người bạn, trong tinh thần bạn hữu thân thiết, như những đồng nghiệp, theo khía cạnh nào đó, trong tình bạn thật sự, và như những người khách mời của - tôi nên gọi họ như thế nào đây? - Ba Nữ Nhã thần của thế giới âm nhạc Dublin.

Cả bàn tiệc òa lên tiếng vỗ tay và tiếng cười khi nghe thấy câu ví von này. Dì Julia tuyệt vọng quay sang hỏi lần lượt hai người ngồi bên cạnh xem Gabriel vừa mới nói gì.

- Anh ấy gọi chúng ta là Ba Nữ Nhã thần, dì Julia ạ - Mary Jane nói.

Dì Julia không hoàn toàn, nhưng bà ngẩng lên, mỉm cười với Gabriel, anh tiếp tục:

- Thưa các quý ông quý bà, tôi sẽ không liêu thử nhiệm vụ mà chàng Paris đã làm năm xưa. Tôi sẽ không liêu lựa chọn một người trong số họ. Nhiệm vụ đó thật là một lời xúc phạm bất công và vượt quá khả năng hèn mọn của tôi. Bởi khi tôi nhìn lần lượt mỗi người, dù đó là nữ chủ nhân chính của gia đình, với trái tim vô cùng đẹp đẽ, đã trở thành một tấm gương cho tất cả những ai biết bà, hay người chị gái của bà, người dường như được trời phú cho một sự thanh xuân bất diệt và giọng hát chắc hẳn đã vừa là một khám phá đầy ngạc nhiên đối với rất nhiều người chúng ta đêm nay, và, cuối cùng, khi tôi nghĩ về vị nữ thần chủ nhà trẻ tuổi nhất, tài năng, tươi vui, chăm chỉ và là một cô cháu gái tuyệt vời nhất, tôi phải thú nhận, thưa các quý ông, quý bà, rằng tôi thực sự không biết ai trong số họ tôi nên trao tặng giải thưởng.

Gabriel liếc về phía các bà dì, và khi nhìn thấy nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt dì Julia và những giọt nước mắt đang dâng lên trong mắt dì Kate, anh bèn vội vàng chuyển sang phần kết. Anh lịch thiệp nâng ly rượu pooc-tô của mình lên, trong khi tất cả những người khác cầm ly của mình, những ngón tay rung động chờ đợi, và nói to:

- Chúng ta hãy cùng nâng ly cho cả ba người. Chúng ta hãy uống vì sức khỏe, của cải, tuổi thọ, hạnh phúc, vì sự sung túc của họ và chúc họ sẽ giữ mãi vị trí đầy tự hào họ đã giành được , vị trí của lòng kính trọng và sự yêu quý họ có trong tim chúng ta.

Tất cả khách mời đứng dậy, ly trong tay, và hướng về ba quý ông, quý bà đang ngồi, đồng ca, với Mr Browne lĩnh xướng:

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

Có ai phủ nhận được điều này

Dì Kate nâng khăn mùi soa lên chấm nước mắt không hề giấu giếm, ngay cả dì Julia dường như cũng thật xúc động. Freddy Malins đánh nhịp bằng cái đĩa ăn pút đình của anh ta và những người hát quay sang

hướng về nhau, như thể họ đang nói chuyện bằng giai điệu, trong khi họ cất tiếng cao giọng hát:

Trừ khi anh ta nói dối

Trừ khi anh ta nói dối

Rồi, một lần nữa lại quay về phía những nữ chủ nhà, họ hát

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

Bởi họ thật vui vẻ tốt bụng

Có ai phủ nhận được điều này

Tiếng hoan hô khen ngợi sau đó còn kéo dài sang tận phòng bên kia bởi rất nhiều các vị khách khác và rồi lại được nhắc đi nhắc lại, dưới sự điều khiển của Freddy Malins với chiếc đĩa của anh ta vung vẩy trên cao.

Không khí lạnh cóng của buổi sáng len vào sảnh nơi họ đang đứng, dì Kate nói:

- Ai đó làm ơn hãy đóng cửa lại đi. Khéo không Mrs Malins cảm lạnh đấy.

- Browne đang ở ngoài đó, dì Kate - Mary Jane nói.

- Browne ở khắp nơi - dì Kate hạ giọng.

Mary Jane cười phá lên trước giọng điệu của bà.

- Thật vậy - cô tinh nghịch - Ông ấy vô cùng ân cần chu đáo.

- Ông ta gần lì ở đây, như đường gas ấy [21], suốt cả Giáng Sinh rồi còn gì - dì Kate nói, không đổi giọng.

Lần này bà cười đầy thích thú và nói nhanh:

- Nhưng bảo ông ấy vào trong đi, Mary Jane, và đóng cửa lại. Lạy Chúa đừng để ông ta nghe thấy những gì dì vừa nói.

Đúng lúc đó cánh cửa sảnh mở ra và Mr Browne từ bậc cửa đi vào, vẫn còn đang cười ngất. Ông ta mặc một chiếc áo choàng dài màu xanh lá cây có ống tay và cổ áo giả bằng vải astakhan và đội trên đầu một chiếc mũ lông hình oval. Luôn luôn ông ta chỉ xuống bờ ke tuyết phủ trắng xóa, từ đó vọng lên tiếng huýt gió chói tai.

- Teddy sẽ triệu toàn bộ xe ngựa ở Dublin đến đây - ông ta nói.

Gabriel tiến ra từ phòng xếp đồ áo phía sau phòng làm việc, khó nhọc xỏ vào chiếc áo choàng của mình và, nhìn quanh sảnh, nói:

- Gretta vẫn chưa xuống nhỉ?

- Cô ấy đang sửa soạn đồ, Gabriel - dì Kate nói.

- Ai đang chơi đàn trên đó vậy? - Gabriel hỏi.

- Không có ai đâu, họ đều đi cả rồi.

- Dạ không, dì Kate - Mary Jane nói - Bartell D'Arcy và Miss O'Callagan vẫn chưa về đâu.

- Dù gì thì chắc chắn cũng có ai đó đang nghịch cây piano - Gabriel nói.

Mary Jane nhìn Gabriel và Mr Browne nói, giọng run lập cập:

- Nhìn hai quý ông mặc kín mít thế này tôi thấy lạnh quá. Tôi thì tôi sẽ không thích thú gì phải đối mặt với chặng đường về như của các vị vào giờ này đâu.

- Tôi thì tôi lại thích nhất như thế này đây - Mr Browne nói, về anh hùng - còn gì sướng hơn là được thả sức dạo bước chôn đồng què, hoặc tung cánh đánh xe lao đi với một con ngựa chạy nước đại phía trước.

- Trước kia nhà chúng tôi cũng từng có một cỗ xe và một con ngựa rất hay - dì Julia nói, buồn bã.

- Ôi Johnny lừng lẫy - Mary Jane nói, cười to.

Dì Kate và Gabriel cũng cười.

- Sao, có chuyện gì hay ho với Johnny vậy? - Mr Browne hỏi.

- Chuyện là về Patrick Morkan, người ông quá cố đầy thương tiếc của chúng tôi - Gabriel giải thích - thường được biết tới trong những năm cuối đời dưới cái tên lão quý ông, là một thợ nấu keo.

- Ôi không, Gabriel - dì Kate nói, cười khúc khích - ông có cả một xưởng hồ mà.

- Vâng, thì xưởng hồ - Gabriel nói - Lão quý ông có một con ngựa đặt tên là Johnny. Và Johnny thường làm việc trong xưởng của quý ông lớn tuổi, cứ đi vòng quanh để kéo cối xay. Tất cả đều tốt đẹp, cho tới ngày đến hồi bi kịch của Johnny. Một ngày đẹp trời quý ông lớn tuổi nghĩ mình phải đánh xe thể nào cho ra dáng để đến cuộc duyệt binh trong công viên mới được

- Cầu Chúa ban phước cho linh hồn ông - dì Kate nói đầy thương cảm.

- Amen - Gabriel nói - Thế là lão quý ông, như tôi đã nói, thắng cương Johnny, đội lên đầu chiếc mũ đẹp nhất, mặc chiếc cổ cồn đẹp nhất và rất hoành tráng đánh xe ra từ tòa nhà tổ tiên để lại, hình như ở gần Back Lane, tôi nghĩ vậy.

Tất cả mọi người, kể cả Mrs Malins, cười ồ lên trước điệu bộ của Gabriel, và dì Kate nói:

- Ấy không, Gabriel, ông không sống ở Back Lane đâu, thật đấy. Chỉ có cái xưởng là ở đó thôi.

- Ra khỏi tòa nhà tổ tiên để lại - Gabriel kể tiếp - ông tiếp tục tiến lên với cổ xe Johnny kéo. Và mọi chuyện diễn ra vô cùng hoành tráng cho đến lúc Johnny nhìn thấy bức tượng của Vua Billy, và không biết có phải vì nó phải lòng con ngựa Vua Billy đang cười hay nó nghĩ mình đang quay lại xưởng xay, mà nó bèn bắt đầu đi vòng vòng quanh bức tượng.

Gabriel giậm đôi ủng cao su của anh, bước lòng vòng trong sảnh giữa tiếng cười ầm ĩ của mọi người.

- Nó cứ đi lòng vòng như vậy - Gabriel nói - và quý ông lớn tuổi, một quý ông vô cùng trịnh trọng, thấy rất phần nộ. Nào, thưa ngài? Ý ngài là gì vậy, thưa ngài? Johnny! Johnny! Hành động kỳ lạ này chưa từng có! Không thể hoàn toàn được con ngựa này!

Những trà ng cười giòn giã theo sau câu chuyện bị cắt ngang bởi tiếng cửa đập mạnh. Mary Jane chạy ra mở cửa dẫn Freddy Malins vào. Freddy Malins, mũ tuột cả về phía sau và hai vao co ro vì lạnh, phì phò như hực hơi vì mệt:

- Tôi chỉ gọi được một xe thôi - anh ta nói.

- Không sao, chúng tôi sẽ đi dọc ke tìm cái khác - Gabriel nói.

- Đúng đấy - dì Kate nói - không nên để bà Malins ra gió.

Mrs Malins được con trai và Mr Browne đỡ bước xuống bậc cửa, và sau rất nhiều sự trợ giúp gượng nhẹ mới vào được trong xe. Freddy Malins trèo lên sau bà và mất một lúc lâu mới giúp được mẹ ngồi vào chỗ còn Mr Browne đứng bên ngoài hỗ trợ bằng những câu khuyên thế này thế kia. Cuối cùng bà ta cũng ngồi yên vị và Freddy Malins mời Mr Browne vào xe. Sau đó là một hồi bàn bạc rồi tính, và rồi Mr Browne lên xe. Người đánh xe đặt tấm thảm lên trên đầu gối, nghiêng xuống hỏi địa chỉ phải đi. Hồi bàn bạc trở nên thậm chí còn rối tinh rối mù thêm, Freddy Malins và Mr Browne mỗi người chỉ dẫn người đánh xe một cách khác nhau, mỗi người đều thò đầu ra khỏi cửa xe ngựa. Vấn đề ở đây là nên thả Mr Browne xuống đoạn nào thì tiện nhất, và dì Kate, dì Julia, và Mary Jane đang đứng ở chỗ bậc thềm cũng góp sức bàn luận, thế là có vô vàn những chỉ dẫn ngược nhau, rối tinh, và những tràng cười. Về phần Freddy Malins thì anh ta cười ngặt không nói nổi. Chốc chốc anh ta lại thò đầu ra thụt đầu vào nơi cửa xe, suýt nữa làm rơi mũ, và tường thuật cho mẹ cuộc bàn luận diễn biến đến đâu rồi, cho đến khi cuối cùng Mr Browne hét lên với người đánh xe đang hoang mang giữa những tiếng cười nói ầm ĩ của mọi người:

- Anh có biết trường Trinity College không?

- Có, thưa ngài - người đánh xe nói.

- Được, vậy hãy đánh xe ngược về phía cổng trường Trinity College - Mr Browne nói - rồi chúng tôi sẽ chỉ tiếp đường cho anh. Giờ anh đã rõ chưa?

- Vâng, thưa ngài - người đánh xe nói.

- Hãy tung cánh về phía Trinity College.

- Vâng, thưa ngài - người đánh xe hô to.

Con ngựa bị quất và cỗ xe lọc rọc đi khỏi, dọc theo bờ ke giữa những trảng cười và tiếng lao xao tạm biệt.

Gabriel không đi ra cửa cùng với những người khác. Anh đang đứng trong khoảnh tối của sảnh ngược nhìn lên phía cầu thang. Một người phụ nữ đang đứng phía đỉnh cầu thang, cũng trong bóng tối. Anh không nhìn được khuôn mặt cô nhưng anh có thể nhìn thấy những nếp màu đỏ gạch và hồng cam trên chiếc váy của cô trong bóng tối như biến thành màu đen và trắng. Đó là vợ anh. Cô đang đứng dựa vào thành cầu thang, lắng nghe cái gì đó. Gabriel thấy ngạc nhiên trước dáng bất động của cô và cũng căng tai lên lắng nghe. Nhưng anh chỉ thấy giữa những âm thanh lao xao cười nói tranh cãi vọng lại từ phía bậc thềm là tiếng mấy nốt nhạc piano và bập bôm giọng hát của một người đàn ông.

Anh vẫn đứng trong bóng tối mờ của gian sảnh, căng tai lắng nghe khúc hát và đắm đắm hướng nhìn lên phía vợ anh. Có một vẻ yêu kiều và huyền bí trong dáng vẻ của cô như thể cô là biểu tượng cho một điều gì đó. Anh tự hỏi hình ảnh một người phụ nữ đứng trên cầu thang trong ánh sáng mờ, lắng nghe tiếng nhạc từ xa vọng lại, có thể là biểu tượng của cái gì. Giá như là họa sĩ nhất định anh sẽ vẽ cô trong dáng vẻ ấy. Chiếc mũ màu xanh thẫm của cô sẽ làm tôn lên sắc vàng của mái tóc trong bóng tối và những nếp váy thẫm màu của cô sẽ tôn những nếp nhạt màu. Tiếng Nhạc Xa, anh sẽ gọi bức tranh như thế nếu anh là họa sĩ.

Cửa sảnh đóng lại, và dì Kate, dì Julia, và Mary Jane đi vào, vẫn còn cười khúc khích.

- y a, hôm nay Freddy đúng là quây quá nhỉ? - Mary Jane nói - Anh ta quây quá sức.

Gabriel không nói gì, chỉ lên phía cầu thang nơi vợ anh đang đứng. Giờ khi cửa sảnh đã đóng lại, giọng hát và tiếng đàn piano trở nên rõ hơn. Gabriel giơ tay ra hiệu cho họ im lặng. Bài hát nghe như giai điệu Ireland cổ và dường như người hát không chắc chắn lắm về cả lời bài hát lẫn giọng hát của anh ta. Giọng hát, nghe buồn thắm bởi vọng từ xa xa và bởi chất giọng khàn khàn của người hát, không diễn tả thành công lắm điệu nhạc với những ca từ buồn thắm:

Ôi, mưa rơi trên mái đầu tôi nặng trĩu

Và sương phủ ướt người tôi

Người yêu tôi nằm kia lạnh lẽo...[22]

- Ô - Mary Jane kêu lên - Đó là Bartell D'Arcy đấy, thế mà cả tối nay anh ta từ chối không hát. Cháu phải bắt anh ta hát trước khi về mới được.

- Ấy đúng đấy, Mary Jane - dì Kate nói.

Mary Jane kéo váy đi vượt lên trên những người khác và chạy về phía cầu thang, nhưng trước khi cô bước lên bậc thì tiếng hát dừng lại và cây piano đột ngột đóng sập xuống.

- Ôi tiếc quá! - cô kêu lên - Anh ấy đang xuống đấy à, Gretta?

Gabriel nghe tiếng vợ mình trả lời phải và nhìn thấy cô đang xuống phía họ. Cách cô mấy bậc phía trên là Mr Bartell D'Arcy và Miss O'Callaghan.

- Ô ngài D'Arcy - Mary Jane kêu lên - Ngài đúng là thật cực kỳ quá đáng khi ngừng lại như thế trong khi tất cả chúng tôi đây đang rất muốn nghe ngài hát.

- Tôi cũng đã thuyết phục anh ấy hát cả buổi tối nay đấy - Miss O'Callaghan nói - Cả Mrs Conroy cũng thuyết phục, thế mà anh ấy nói với chúng tôi rằng anh ấy đang bị cảm nặng và không thể hát được.

- Ôi, ngài D'Arcy - dì Kate nói - giờ thì rõ ràng đó là một lời nói dối nhé.

- Các vị không thấy giọng tôi khàn đặc như quạ kêu đó sao? - Mr D'Arcy nói một cách thô lỗ.

Anh ta đi nhanh vào phòng để áo và mặc áo choàng. Những người khác, sửng sốt trước câu nói lỗ mãng của anh ta, không tìm được điều gì để nói. Dì Kate nhú mày lại ra hiệu cho những người khác không dă động gì về chuyện này nữa. Mr D'Arcy đứng quần khăn kỹ càng vào cổ và cau mày.

- Tại thời tiết ấy mà - Dì Julia nói, sau một khoảng lặng.

- Phải, ai cũng bị cảm lạnh - dì Kate đáp liền - ai cũng bị.

- Họ nói - Mary Jane nói - ba mươi năm nay chúng ta mới có tuyết rơi dày thế này và sáng nay tôi đọc trên báo thấy viết khắp Ireland tuyết đang phủ đầy

- Tôi thì lại thích nhìn tuyết - dì Julia nói buồn bã.

- Tôi cũng vậy - Miss O'Callaghan nói - Tôi nghĩ Giáng sinh mà không có tuyết phủ đầy mặt đất thì còn gì là Giáng sinh nữa.

- Nhưng ngài D'Arcy đáng thương không thích tuyết đâu - dì Kate nói, mỉm cười.

Mr D'Arcy từ phòng để áo đi ra, quần khăn cài áo kín mít, và với một giọng hồi lỗi kể lại cho họ nghe ngọn nguồn cơn cảm lạnh của mình. Ai cũng đưa ra cho anh ta một lời khuyên và nói thật vô cùng đáng tiếc và hối anh ta phải giữ ấm cổ họng khi đi ra ngoài buổi tối. Gabriel nhìn vợ, cô không tham gia vào câu chuyện. Cô đang đứng ngay dưới vòm cửa sổ ám bụi và ánh lửa ga làm sáng lên sắc vàng đậm nơi mái tóc cô, mái tóc cách đây mấy ngày anh vừa thấy cô hong bên lò sưởi. Cô vẫn có dáng vẻ xa xăm lúc nãy và dường như không để ý đến câu chuyện đang diễn ra xung quanh. Cuối cùng cô quay lại phía họ và Gabriel nhìn thấy má cô ửng hồng và mặt cô sáng ngời. Một niềm vui sướng bỗng bùng lên trong tim anh.

- Mr D'Arcy - cô nói - bài hát anh vừa hát tên là gì vậy?

- Đây là bài Cô gái làng Aughrim - Mr D'Arcy nói - Nhưng tôi không nhớ rõ lời lắm. Sao cơ? Chị biết nó à?

- Cô gái làng Aughrim - cô nhắc lại - Tôi không thể nhớ ra cái tên đó.

- Giai điệu hay lắm - Mary Jane nói - Tôi rất tiếc đêm nay giọng anh không được tốt.

- Nào, Mary Jane - dì Kate nói - đừng có làm phiền ngài D'Arcy nữa, dì không để ngài phải khó chịu đâu.

Khi thấy tất cả đã sẵn sàng đi bà bèn dẫn họ ra cửa, và ở đây họ chào tạm biệt nhau.

- Nào, tạm biệt dì Kate, và cảm ơn dì về buổi tối thật tuyệt vời.

- Tạm biệt, Gabriel. Tạm biệt, Gretta!

- Tạm biệt dì Kate, và cảm ơn dì rất nhiều. Tạm biệt, dì Julia.

- Ôi, tạm biệt cháu, Gretta. Dì không nhìn thấy cháu.

- Tạm biệt, Mr D'Arcy, tạm biệt Miss O'Callaghan.

- Tạm biệt, Miss Morkan.

- Tạm biệt.

- Tạm biệt tất cả nhé, đi về cẩn thận.

- Tạm biệt. Tạm biệt.

Ngày vẫn chưa rạng. Một làn ánh sáng vàng mờ nhạt phủ lên những ngôi nhà và dòng sông, và bầu trời dường như đang trĩu xuống. Tuyết đã tan ra ẩm ướt dưới chân, chỉ còn những vệt những mảng bám trên mái nhà, trên bờ ke và trên hàng rào. Những ngọn đèn đường vẫn cháy đỏ le lói trong không khí âm u và, bên kia sông, Điện Tòa Án in bóng đầy đe dọa trên nền trời nặng nề.

Cô đang bước đi phía trước anh cùng Mr Bartell D'Arcy, đôi giày gói trong túi giấy màu nâu kẹp dưới một cánh tay và hai bàn tay cô nâng vấy khỏi chạm lớp tuyết tan. Cô không còn cái vẻ xa xôi lúc trước, nhưng mắt Gabriel giờ vẫn ngời lên hạnh phúc. Máu rần rập chảy trong huyết quản của anh và những suy nghĩ rối bời trong tâm trí anh, tự hào, vui sướng, dịu dàng, can đảm.

Cô đang bước đi phía trước anh nhẹ nhàng và xinh đẹp đến nỗi anh muốn saodc im lặng chạy theo cô, ôm lấy hai vai cô và thì thầm điều gì đó thật xuẩn ngốc và trù mến vào tai cô. Anh thấy cô mong manh đến nỗi anh muốn được bảo vệ cô khỏi điều gì đó và rồi được ở một mình bên cô. Những giây phút trong cuộc sống riêng tư của họ bừng sáng lấp lánh trong tâm trí anh. Một phong thư màu hồng tím đang nằm bên cạnh bữa sáng của anh và anh đang lấy tay vuốt ve nó. Ngoài bụi thường xuân chim chóc đang ríu rít và tấm rèm đang ten đầy ánh nắng đang lấp lánh in trên sàn nhà, anh không thể ăn nổi vì hạnh phúc. Họ đang đứng trên sân ga đông nghẹt người và anh đang ấn một tấm vé vào lòng bàn tay đi găng nóng ấm của cô. Anh đang đứng cùng cô trong giá lạnh, nhìn qua một khung cửa sổ mắt cáo một người đàn ông đang làm chai trên cái lò hừng hực lửa. Trời rất lạnh. Gương mặt cô, thoáng mùi thơm trong làn không khí lạnh, đang ở khá gần mặt anh, và đột nhiên anh gọi to người đàn ông bên lò lửa:

- Lò có nóng không, thưa ngài?

Nhưng người đàn ông không nghe thấy gì giữa tiếng ồn khu lò. Cũng chẳng sao. Nếu không có khi ông ta đã đáp lại thô lỗ.

Một niềm vui còn dịu dàng hơn nữa dâng trào tim anh và chạy ấm nóng trong huyết mạch. Như ngọn lửa bừng sáng dịu dàng, những giây phút cuộc sống bên nhau của họ, cuộc sống chưa ai từng biết được và cũng sẽ không bao giờ biết được, òa ra lóe sáng trí nhớ của anh. Anh muốn được gọi cho cô nhớ lại những giây phút đó, để làm cô quên đi những năm tháng tồn tại tẻ ngắt bên nhau và chỉ nhớ những giây phút vui sướng nhất của họ. Bởi anh cảm thấy năm tháng vẫn chưa thể làm nguội lạnh tâm hồn của anh hay của cô. Những đứa con của họ, công việc viết lách của anh, những lo lắng nội trợ của cô vẫn không thể dập tắt được ngọn lửa dịu dàng trong tâm hồn họ. trong một trong những lá thư anh viết cho cô hồi đó anh từng nói “Tại sao những từ ngữ như thế này đối với anh thật tẻ ngắt và lạnh lẽo? có phải bởi vì trên đời không có từ nào đủ dịu dàng để có thể trở thành tên em?”

Như tiếng nhạc văng vẳng những từ ngữ anh đã viết trước kia từ quá khứ lại hiện về trong anh. Anh muốn sao được ở một mình bên cô. Khi những người khác đã đi khỏi, khi anh và cô đã ở trong căn phòng của họ tại khách sạn, lúc đó chỉ có họ ở bên nhau. Anh sẽ gọi cô dịu dàng:

- Gretta!

Có thể lúc đó cô sẽ chưa nghe thấy, cô vẫn còn đang cởi mũ áo. Rồi một cái gì đó trong giọng nói của anh sẽ đánh thức cô. Cô sẽ quay lại và nhìn anh...

Tại góc phố Winelavern họ gặp một chiếc xe ngựa. Anh thấy mừng rỡ vì tiếng lọc cọc của nó cứu anh không phải trò chuyện. Cô đang nhìn ra ngoài cửa xe và trông có vẻ mệt. Những người khác nói vài câu, chỉ trở mảy tòa nhà hay đường phố bên ngoài. Con ngựa chạy mỗi một dưới bầu trời bình minh u ám, kéo lê saqu gót cái khô hộp ọp ọp cũ kỹ của nó, và Gabriel một lần nữa nhớ lại cảnh anh ở trong xe ngựa với cô, phi nước đại để bắt kịp tàu phi nước đại đến với tuần trăng mật của họ.

Khi xe đi qua cầu O’Connell, Miss O’Callagan nói:

- Họ nói không bao giờ đi qua cầu O’Connell Bridge mà không nhìn thấy một con ngựa trắng.

- Lần này thì tôi nhìn thấy một người trắng - Gabriel nói.

- Đâu vậy? - Mr Bartell D’Arcy hỏi.

Gabriel chỉ vào bức tượng, trên đó phủ đầy những mảng tuyết. Rồi anh ta gật đầu thân mật với nó và vẫy tay.

- Chúc ngủ ngon, Dan - anh nói, vui vẻ.

Khi chiếc xe ngừng lại trước khách sạn, Gabriel nhảy xuống, và mặc cho Mr Bartell D’Arcy phản đối, trả tiền người đánh xe. Anh tặng thêm cho anh ta một shilling. Người đàn ông ngả mũ chào cảm tạ và nói:

- Chúc ngài một năm mới thịnh vượng, thưa ngài.

- Tôi cũng chúc anh như vậy - Gabriel nói ấm áp.

Cô khẽ dựa vào cánh tay anh khi ra khỏi xe và khi đứng dưới vĩa hè chào tạm biệt những người khác. Cô dựa nhẹ vào cánh tay anh, nhẹ, như khi cô nhảy với anh cách đó vài giờ. Lúc đó anh đã cảm thấy thật tự hào và hạnh phúc, hạnh phúc bởi cô là của anh, tự hào vì sự thanh nhã và phong thái người vợ lịch lãm của cô. Nhưng giờ đây, sau khi bao nhiêu kỷ niệm vừa rục lên trong tâm trí, cái đụng chạm đầu tiên của thân thể cô, đầy giai điệu, lạ lùng, thơm ngát, làm cho người anh nóng bừng lên một niềm khao khát. Trong sự im lặng của cô anh kéo sát cánh tay cô vào người mình, và, khi họ đứng trước cửa khách sạn, anh cảm thấy như họ vừa trốn chạy khỏi cuộc sống và những trách nhiệm của họ, trốn chạy khỏi gia đình và bạn bè, cùng nhau chạy thoát với những trái tim bùng cháy hoang dại tới một cuộc phiêu lưu mới.

Một ông già đang gà gât trong chiếc ghế dựa lớn trong sảnh. Ông ta thắp một cây nến và dẫn họ đi lên cầu thang. Họ đi theo ông ta trong im lặng, bàn chân họ chạm thật êm lên lớp thảm dày phủ bậc thang. Cô đi lên sau người gác cửa, đầu nghiêng nghiêng, hai bờ vai mỏng mảnh thu lại như thể dưới một gánh nặng, vấy cô cuốn sát vào người. Nếu được anh đã dang hai cánh tay ra ôm lấy hông cô và ôm cô thật chặt, bởi hai tay anh đang run lên thèm khát được siết lấy cô và chỉ có cái bấu chặt móng tay vào lòng bàn tay mới khiến anh kìm lại được cơn thôi thúc hoang dại của cơ thể mình. Người gác cửa dừng lại trên cầu thang chỉnh lại ngọn nến ngã nghiêng của ông ta. Họ cũng dừng lại phía sau ông ta mấy bậc thang. Trong im lặng Gabriel có thể nghe thấy tiếng sập nền tan chảy rơi xuống khay và tiếng thành thịch của trái tim của mình dội trong lồng ngực.

Người gác cửa dẫn họ dọc theo một hành lang và mở một cánh cửa. Rồi ông ta đặt cây nến nghiêng ngã của mình lên chiếc bàn phần và hỏi họ sáng mai muốn được gọi dậy lúc mấy giờ.

- Tám giờ - Gabriel nói.

Người gác cửa chỉ vào công tắc chiếc đèn điện và lúng búng một lời xin lỗi, nhưng Gabriel đã cắt ngang ông ta.

- Chúng tôi không muốn đèn nền gì đâu. Đèn dưới phố hắt lên là đủ rồi. Và tôi có thể nói rằng - anh nói thêm, chỉ vào cây nến, - ông làm ơn mang cái vật đẹp để này đi hộ được không, ông bạn.

Người gác cửa lại nhấc cây nến lên, nhưng thật chậm chạp, bởi ông ta đang sững sốt trước một ý kiến kỳ quặc như thế. Rồi ông ta lúng búng lời chúc ngủ ngon và đi ra. Gabriel khóa cửa.

Ánh sáng nhợt nhạt từ ngọn đèn dưới đường chiếu thành một đường dài từ cửa sổ tới cửa ra vào. Gabriel ném áo khoác và mũ lên chiếc sofa và đi sang phía cửa sổ. Anh nhìn xuống đường mong những cảm xúc của mình dịu lại chút ít. Rồi anh quay lại và đứng dựa vào chiếc tủ thấp, lưng quay lại phía ánh sáng. Cô đã cởi bỏ mũ và áo choàng và đang đứng trước một chiếc gương xoay lớn, tháo dây buộc eo váy. Gabriel ngừng lại mấy giây, quan sát cô rồi nói:

- Gretta!

Cô chậm chậm từ gương quay ra và đi dọc theo đường ánh sáng tiến lại phía anh. Gương mặt cô trông nghiêm trang và mỗi một đến nỗi Gabriel không thốt nổi những gì muốn nói. Không, lúc này chưa phải lúc.

- Trông em mệt mỏi quá - anh nói.

- Em hơi mệt - cô nói.

- Em không thấy khó ở hay ốm đau gì đâu chứ?

- Không, em chỉ mệt thôi.

Cô đi về phía cửa sổ và đứng đó, nhìn ra ngoài. Gabriel tiếp tục chờ đợi nhưng rồi sợ rằng sự thiếu tự tin chuẩn bị chiếm lấy mình, anh đột ngột nói:

- À mà này, Gretta!

- Gì vậy anh?

- Em biết chuyện anh chàng tội nghiệp Malins không? - anh hỏi nhanh.

- Vâng. Anh ta làm sao cơ?

- Ủ, gã khốn khổ đó, dù sao anh ta cũng là người tử tế - Gabriel nói, nghe giọng mình thật xa lạ - Anh ta đã trả món tiền một bảng anh cho anh ta vay, mà anh thì đúng là không chờ đợi anh ta làm thế, thật đấy. Thật tiếc anh ta không tách nổi khỏi lão Browne, bởi thực ra anh ta đâu có phải là người xấu, thật vậy.

Giờ thì anh run lên vì bức dọc. Sao trông cô có vẻ lơ đãng vậy? anh không biết phải bắt đầu thế nào. Hay là cô cũng đang bức mình với chuyện gì? Giá như cô quay sang anh hoặc đến với anh, thực sự là cô! Nếu ép cô bây giờ thì thật ác quá. Không, anh phải nhìn thấy chút lửa trong mắt cô trước đã. Anh chỉ muốn được chế ngự cái tâm trạng lạ kỳ này của cô.

- Anh cho anh ấy vay khi nào? - cô hỏi, sau một lúc im lặng.

Gabriel cố hết sức kìm nén để không bùng lên những lời lẽ ác độc về gã nghiện rượu Malins và món tiền một bảng của hắn. Anh chỉ muốn bùng cháy thổ lộ hết với cô, ghì sát thân thể cô vào thân thể anh, muốn chiếm lĩnh cô. Nhưng anh nói:

- À, hồi Giáng sinh. Khi anh ta mở cái cửa hiệu bán thiệp Giáng sinh đó, trên phố Henry.

Người anh hùng hực giận dữ và thèm khát đến nỗi anh không nghe thấy cô tiến lại từ cửa sổ. Cô đứng bên anh một thoáng, nhìn anh một cách kỳ lạ. Rồi, đột ngột rướn người lên, hai tay đặt nhẹ lên vai anh, cô hôn anh.

- Anh là một người rất rộng lượng, Gabriel - cô nói.

Gabriel, run lên vì nụ hôn bất ngờ của cô và vì vẻ lạ lùng trong câu nói của cô, đặt hai tay lên tóc cô và vuốt nhẹ nhẹ, ngón tay anh hầu như không chạm vào chúng. Lân gôi đầu vừa rồi làm chúng mềm và sáng. Trái tim anh ngập tràn hạnh phúc. Đúng lúc anh đang mong ước thì cô đã đến bên anh, là cô thực sự. Có lẽ những ý nghĩ của cô cũng vừa hòa với những ý nghĩ của anh. Có lẽ cô cảm thấy được niềm khao khát mãnh liệt ở trong anh, và rồi tâm trạng khao khát cũng choán lấy cô. Giờ đây khi cô đã bị anh khuấy phục dễ dàng như vậy, anh tự hỏi vì sao vừa rồi mình lại thiếu tự tin quá đỗi thế.

Anh đứng, hai tay ôm nhẹ lấy đầu cô. Rồi, nhẹ nhàng vòng một cánh tay choàng lên thân thể cô, và kéo cô sát lại mình, anh nói dịu dàng:

- Gretta, em yêu, em đang nghĩ gì vậy?

Cô không trả lời mà cũng không thực sự đáp lại cái choàng tay của anh. Anh lại dịu dàng:

- Nói cho anh biết đi, Gretta. Anh nghĩ anh biết có chuyện gì. Anh có biết không?

Cô không trả lời ngay. Rồi cô nói, òa khóc:

- Ôi em đang nghĩ đến cái bài hát ấy. Cô gái làng Aughrim.

Cô vùng khỏi anh và chạy đến giường, quăng hai tay qua thành giường, giấu mặt xuống. Gabriel đứng sững một giây, sững sốt, rồi bước theo cô. Khi đi qua tấm gương lớn, anh bắt gặp hình ảnh mình, cả người, ngực áo phía trước rộng và vạm vỡ, khuôn mặt có một vẻ luôn làm anh khó hiểu mỗi lần nhìn vào gương, và đôi mắt kính gọng vàng lấp lánh. Anh dừng lại cách cô mấy bước và nói:

- Bài hát đó làm sao? Tại sao nó làm em phải khóc?

Cô ngẩng đầu lên khỏi hai cánh tay và lấy tay quệt lên mắt như một đứa trẻ. Một nét dịu dàng hơn là anh định xen vào trong giọng nói anh:

- Tại sao, Gretta? - anh hỏi.

- Em đang nghĩ đến một người cách đây lâu lắm rồi đã từng hát bài hát ấy.

- Và ai là cái người cách đây lâu lắm rồi ấy? - Gabriel hỏi, mỉm cười.

- Đó là một người em từng biết hồi sống cùng bà ở Galway - cô nói.

Nụ cười tan biến trên khuôn mặt Gabriel. Một cơn giận tối tăm bắt đầu dồn lại dưới đáy tâm trí anh và những ngọn lửa tối tăm thêm khát của anh bắt đầu cháy giận dữ trong huyết quản anh.

- Một người em đã từng yêu? - anh mĩa mai.

- Đó là một chàng trai em từng quen - cô trả lời - tên là Michael Furey. Cậu ấy thường hát bài hát đó. Cô gái làng Aughrim. Cậu ấy rất mong manh.

Gabriel lặng im. Anh không muốn cô nghĩ anh quan tâm thích thú đến cái chàng trai mong manh này.

- Em vẫn có thể mừng tượng thật rõ cậu ấy - cô nói sau một lúc im lặng - Cậu ấy có đôi mắt mới kỳ lạ làm sao, một đôi mắt to, đen! Và cảm xúc trong đôi mắt ấy chứ - một cảm xúc đặc biệt!

- Và thế rồi, em yêu cậu ta? - Gabriel nói.

- Em thường đi dạo với cậu ấy, - cô nói - hồi em ở Galway.

Một ý nghĩ thoáng qua tâm trí Gabriel.

- Có lẽ đó là vì sao em lại muốn đi Galway với cái cô Ivors kia, phải không? - anh nói giọng lạnh lẽo.

Cô nhìn anh và ngạc nhiên hỏi:

- Để làm gì kia chứ?

Đôi mắt cô làm Gabriel thấy lúng túng. Anh nhún vai và nói:

- Làm sao anh biết được? để gặp lại cậu ta, có lẽ.

Cô rời mắt khỏi anh, nhìn theo vệt sáng ra phía cửa sổ, im lặng.

- Cậu ấy đã chết - cô ngáp ngừng - Cậu ấy chết khi mới mười bảy tuổi. Chết trẻ như thế thật là một điều khủng khiếp, phải không?

- Cậu ta làm gì? - Gabriel hỏi, giọng vẫn mĩa mai.

- Cậu ấy làm trong nhà máy khí đốt - cô nói.

Gabriel cảm thấy nhục nhã bởi ý định mĩa mai của anh đã thất bại và bởi hình ảnh được gọi lên từ cõi chết này, hình ảnh một cậu bé làm trong nhà máy khí đốt. Trong lúc anh đang ngập tràn những kỷ niệm thầm kín bên nhau của họ, ngập tràn dịu dàng vui sướng khao khát, thì cô lại đang thầm so sánh anh với một người khác. Một nỗi hổ thẹn choán lấy anh. Anh thấy mình như một gã lơ đãng, đóng vai một thằng hầu sai vặt cho các bà dì mình, một người đa cảm đầy thiện ý, đầy lo lắng, diễn thuyết cho những kẻ trưởng giả thô lậu và lý tưởng hóa những ham muốn nực cười của chính mình, một gã đàn độn đáng thương anh vừa thoáng nhìn thấy trong gương. Theo bản năng anh quay lưng che ánh sáng sợ cô có thể nhìn thấy nỗi hổ thẹn đang nóng bừng trên trán anh.

Anh cố giữ cho giọng mình nghe như một câu hỏi lạnh lùng nhưng khi cất lên nó lại thật hèn mọn và tầm thường.

- Anh cho là em đã yêu cái cậu Michael Furey đó, Gretta ạ - anh nói.

- Hồi đó em đã rất thân với cậu ấy - cô nói.

Giọng cô lạc đi, buồn bã. Gabriel, cảm thấy sẽ thật vô ích nếu cứ cố dẫn dắt cô đi theo những gì anh định, bèn vuốt ve bàn tay cô và nói, cũng thật buồn bã:

- Và cậu ta bị làm sao mà chết trẻ thế, Gretta? Bệnh lao phổi chăng?

- Em nghĩ cậu ấy đã chết vì em - cô trả lời.

Một nỗi sợ hãi mơ hồ choán lấy Gabriel khi nghe thấy lời đáp ấy, như thể, đúng giờ khắc đó khi anh từng hy vọng sẽ chiến thắng, một thực thể vô hình và đầy hận thù lại đang tiến đến chống lại anh, tập trung hết sức lực chống lại anh trong cái thế giới mơ hồ của nó. Nhưng anh rùng mình rũ bỏ nó với một sự cố gắng lý trí và tiếp tục vuốt ve bàn tay cô. Anh không hỏi cô nữa, bởi anh cảm thấy cô sẽ vỡ òa ra mất. Bàn tay cô nóng và ẩm, nó không đáp lại cái động chạm của anh, nhưng anh tiếp tục vuốt ve nó giống như anh đã từng vuốt ve lá thư đầu tiên cô gửi cho anh sáng mùa xuân đó.

- Hồi đó đang là mùa đông - cô nói - khoảng đầu đông và em đang chuẩn bị rời khỏi nhà bà lên học trường dòng trên này. Và lúc đó cậu ấy đang ốm ở Galway và không được đi ra ngoài, và người nhà cậu ấy ở

Oughterard đã được viết thư thông báo tình hình. Cậu ấy bị suy nhược, họ nói thế, hoặc cái gì đó tương tự. Em đã không bao giờ biết được chính xác.

Cô ngừng lại một lát rồi thở dài.

- Anh chàng khốn khổ đó - cô nói - Cậu ấy thích em lắm và cậu ta là một chàng trai hiền lành. Bọn em thường đi chơi với nhau, đi dạo, anh biết đấy, Gabriel, như cách họ vẫn thường làm ở thôn quê ấy. Đáng lẽ ra cậu ấy đã chuẩn bị đi học hát, nếu không vì chuyện sức khỏe. Cậu ấy có một giọng hát rất hay. Michael Furey đáng thương.

- Và rồi sau đó? - Gabriel hỏi.

- Và rồi đến lúc em phải rời Galway lên đây theo học, lúc ấy sức khỏe cậu ấy càng ngày càng tồi tệ và em không được phép gặp cậu ấy nữa, thế là em viết cho cậu ấy một bức thư nói rằng em sắp lên Dublin và sẽ quay trở lại vào mùa hè, và chúc cậu ấy sớm khỏe lại.

Cô dừng lại một giây cố gắng giữ giọng bình thường, nói tiếp:

- Rồi vào cái đêm trước hôm em đi, em đang ở trong ngôi nhà của bà ở Nuns Island, xếp va đời, thì nghe thấy tiếng sỏi ném vào cửa sổ. Cửa sổ phủ đầy nước mưa đến nỗi em không nhìn thấy gì hết, thế là em chạy xuống gác và lên ra sau vườn và thấy anh chàng khốn khổ đứng ở cuối vườn, run lẩy bẩy.

- Thế em không bảo cậu ta quay về ư? - Gabriel hỏi.

- Em van xin cậu ấy hãy quay về nhà ngay lập tức và bảo cậu ấy rằng đêm mưa thế này thì cậu ấy sẽ chết mất. Nhưng cậu ấy nói cậu ấy không muốn sống nữa. Giờ em vẫn có thể nhìn thấy đôi mắt cậu ấy lúc đó! Cậu ấy đang đứng phía cuối tường chỗ có cái cây.

- Và cậu ta có về nhà không? - Gabriel hỏi.

- Có, cậu ấy quay về nhà. Và khi em mới nhập trường được một tuần thì cậu ấy chết và được chôn cất tại Oughterard, quê cậu ấy. Ôi, cái ngày em nghe tin, nghe tin cậu ấy đã chết!

Cô dừng lại, thổn thức và quá xúc động, cô nằm vật xuống áp mặt xuống giường, nước mắt rơi vào tấm chăn. Gabriel nắm tay cô thêm một lúc nữa, do dự, và rồi, thấy xấu hổ vì xen vào nỗi đau buồn của cô, buông nhẹ nó rồi lặng lẽ đến bên cửa sổ.

Cô nhanh chóng thiếp đi.

Gabriel đứng dựa lưng vào cửa sổ, ngắm nhìn mấy giây không còn bực bội nữa mái tóc rối bời và khuôn miệng hé mở của cô, lắng nghe hơi thở sâu của cô. Vậy là cô đã có câu chuyện lãng mạn đó trong cuộc đời mình: một người đàn ông chết vì cô. Giờ anh không còn thấy đau đớn nữa, khi nghĩ về cái vai trò khốn khổ, mà anh, người chồng của cô, đã có trong cuộc đời của cô. Anh ngắm cô trong lúc cô đang ngủ, như thể anh và cô chưa bao giờ từng sống với nhau như vợ chồng. Đôi mắt tò mò của anh dừng lại lâu trên gương mặt cô và trên tóc cô, và, khi anh nghĩ hồi đó cô phải trông thế nào, thời điểm sắc đẹp thì con gái chớm nở của cô, một niềm tiếc nuối kỳ lạ, thân thương len vào tâm hồn anh. Anh không muốn nói, dù là với chính mình, rằng khuôn mặt cô không còn vẻ xinh đẹp nữa, nhưng anh biết rằng nó đã không còn là gương mặt mà Michael Furey đã dám chết.

Có thể cô đã không kể hết cho anh nghe toàn bộ câu chuyện. Mắt anh nhìn sang cái ghế cô đã ném áo xống của mình lên. Một cái dây thắt eo vấy lông thòng xuống sàn. Một chiếc bột đứng, phản ống trên gập xuống, cái kia đổ nghiêng sang một bên. Anh nghĩ về cơn bão cảm xúc chỉ mới một giờ trước đó của mình. Nó từ đâu đến vậy? từ bữa tối của các dì anh, từ bài diễn thuyết ngu xuẩn của anh, từ rượu khiêu vũ, từ màn chào tạm biệt vui vẻ âm ỉ trong sảnh, từ cảm giác khoan khoái được đi bộ trên tuyết dọc theo con sông. Dì Julia khốn khổ! Dì ấy chg mấy chốc cũng sẽ trở thành một bóng hình cùng với bóng hình Patrick Morkan và con ngựa của ông. Anh đã thoáng bắt gặp vẻ mỗi mặt trên gương mặt dì khi dì hát Điểm trang vì cô dâu. Có lẽ, chẳng mấy chốc, anh sẽ lại ngồi trong chính phòng khách đó, mặc toàn màu đen, chiếc mũ lụa để trên gối. Rèm cửa sổ sẽ được kéo xuống và dì Kate sẽ ngồi bên cạnh anh, khóc lóc và hỉ mũi và kể lể cho anh nghe Julia đã qua đời ra sao. Anh sẽ nghĩ vội trong đầu vài lời lẽ có thể an ủi bà, và sẽ chỉ tìm thấy những lời què cụt và vô dụng. Phải, phải chuyện đó chẳng mấy chốc sẽ xảy ra.

Hơi lạnh trong căn phòng làm vai anh so lại. Anh cẩn thận luồn vào bên trong chăn và nằm xuống bên vợ. Người này tiếp nối người kia, họ rồi cũng sẽ trở thành những bóng hình. Thà can đảm sang thế giới bên kia trong hào quang sáng chói của một niềm đam mê nào đó, hơn là cứ mờ dần và lụi tàn một cách ảm đạm cùng tuổi tác. Anh nghĩ về chuyện cô, người đang nằm bên anh, đã giấu kín trong tim mình trong từng ấy năm trời hình ảnh đôi mắt của người yêu khi anh ta nói với cô rằng anh ta không muốn sống nữa.

Nước mắt dâng đầy trong mắt Gabriel. Chính bản thân anh cũng chưa bao giờ cảm thấy như thế đối với bất kỳ một phụ nữ nào, nhưng anh biết một tình cảm như vậy chắc chắn phải là tình yêu. Nước mắt tràn mi anh và trong bóng tối chập choạng anh tưởng tượng anh đang nhìn thấy hình dáng một chàng trai đứng dưới cái cây lướt thướt nước mưa. Gần đó là những hình bóng khác. Hồn anh đã đến gần cõi ấy, nơi ở của cơ man người chết. Anh ý thức được, nhưng không thể hiểu được, sự tồn tại chập chờn và lập lờ của họ. Chính bản thân anh cũng đang tan mờ dần vào một thế giới xám mịn, chính cái thế giới hiện hữu, nơi những người chết đó có một thời từng sống, giờ cũng đang tan ra và mòn đi.

Ánh sáng le lói chạm vào kính cửa sổ làm anh quay ra. Tuyết lại vừa rơi. Anh ngái ngủ nhìn những bông tuyết, lấp lánh và sẫm lại, rơi xiên xiên dưới ánh đèn đường. Đã đến lúc anh phải bắt đầu chuyến đi miền Tây của mình. Phải, báo nói đúng, tuyết đang rơi nhiều trên khắp Ireland. Tuyết đang rơi ở mọi nơi trên đồng bằng miền trung tối tăm, trên những ngọn đồi không cây cối, rơi nhẹ nhẹ trên đầm lầy Allen và, xa hơn phía miền Tây, nhẹ rơi trên những con sông Shannon thẳm đen nổi loạn. Tuyết cũng đang rơi, trên từng vuông đất của cái nghĩa địa cô quạnh trên ngọn đồi nơi Michael Furey yên nghỉ. Tuyết bám dày trên những cây thánh giá và bia mộ, trên những chóp nhọn hình lưỡi giáo nơi cánh cổng, trên những bụi gai cần cỗi. Hồn anh lắng dần khi anh lắng nghe tiếng tuyết rơi dịu nhẹ trên toàn vũ trụ, rơi dịu nhẹ, như sự rơi xuống cho kết thúc cuối cùng của họ, lên tất cả những người sống và người chết.

-
1. Lily nói với giọng của người ít học, cô phát âm tên Conroy thành Con-er-roy
 2. Những giai điệu Ireland - tên tập thơ của Thomas Moore
 3. Tên đoàn hát rất nổi tiếng của Mỹ nửa đầu thế kỷ XIX của Edwin Pearce Chirsty (1815-1862), đưa ra các buổi diễn trong đó diễn viên da trắng bôi mặt hóa trang thành người da đen. Vào đầu thế kỷ XX bất cứ một buổi diễn nào có sự xuất hiện của diễn viên hóa trang mặt đen đều được gọi là một buổi Christy Minstrels (Gifford. Brown)
 4. Bia màu vàng, vị ngọt
 5. Mrs Cassidy và Mary Grimes: Gifford cho rằng có thể đây là hai nhân vật hư cấu trong các truyện cười của Ireland
 6. Nguyên văn "I have a crow to pluck with you: - tôi có con quạ muốn nhả lông anh đây.
 7. Tờ báo ra tại Dublin trong những năm 1851-1921, ủng hộ phe Bảo thủ Anh và chống lại tư tưởng giành độc lập của Ireland (Gifford)
 8. Từ khinh miệt những người theo phái Dân chủ Ireland thời đó gọi những người Anh sống tại Ireland, người Ireland gốc Anh, hoặc những người ủng hộ chính sách Hợp nhất Ireland với Anh
 9. Gifford cho rằng thực ra Gabriel và Miss Ivors không học cùng nhau tại University College, bởi lúc đó trường chưa nhận sinh viên nữ. Miss Ivors chắc hẳn đã học tại một trường nhỏ có hợp tác với Royal University nên sinh viên được quyền thi lấy bằng của đại học Royal. Cuộc tranh cãi về University là vấn đề nổi cộm của xã hội Ireland cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX về chuyện làm sao đáp ứng nhu cầu học đại học của người dân đa số là Công giáo, trong khi trường đại học chính của Ireland Trinity College (tức trường University College) lại theo tư tưởng Anh và những trường nhỏ khác là do chính phủ Anh lập nên
 10. Gà tây, hoặc ngỗng, quay cả con là món ăn truyền thống dịp Giáng sinh và năm mới.
 11. Theo thần thoại Hy Lạp, ba con gái của thần Zeus và Eurynome là Aglaia (Sáng chói), Euphrosyne (Vui tươi), và Thalia (Thanh xuân) là các nữ thần mang đến sự duyên dáng, trí tuệ, tình yêu, tài quảng giao...

12. Theo thần thoại Hy Lạp, chàng Paris là con trai vua xứ Troy, được yêu cầu phải tặng quả táo vàng của nữ thần Eris (thần Bất hòa) cho nữ thần đẹp nhất đỉnh Olympus, và chàng đã chọn Aphrodite (nữ thần Tình Yêu) mà không chọn nữ thần Hera (vợ thần Zeus) hay Athena (thần Trí tuệ). Sau đó chàng được tặng nàng Helen, người vợ đẹp nhất thế gian, nguyên do gây ra chiến tranh thành Troy
13. Giáo hoàng Pius TỐ (1835- 1914) với mục đích củng cố việc tế lễ, năm 1903 đã ra quy định về nhạc dùng trong các nghi lễ nhà thờ, trong đó cấm sự có mặt của phụ nữ trong dàn thánh ca
14. Mr Borwne theo đạo Tin Lành (Gifford)
15. Tạm biệt (tiếng Ireland)
16. Không xác định được nhân vật này, nhưng có lẽ đây là một trong những học sinh của Mary Jane bị điên, bởi nhân vật Mignon cũng bị điên một thời gian (Brown)
17. Nhân vật nữ chính
18. Enrico Caruso (1873-1921) người Ý, một trong những ca sĩ giọng nam cao vĩ đại nhất trong lịch sử opera
19. Các nhà nghiên cứu cho rằng đây là một cái tên hư cấu
20. Từ dùng trong Thần học để chỉ cái chết và sự phán xét
21. Hệ thống khí đốt được gắn sẵn theo nhà
22. Một đoạn trong bài hát dân gian Cô gái làng Aughrim. Aughrim là tên ngôi làng ở hạt Galway, cũng là nơi diễn ra trận Aughrim năm 1691, trận chiến đẫm máu nhất trong lịch sử Ireland. Cô gái làng Aughrim là bài tình ca buồn, kể lại kỷ niệm với một cô gái nay đã chết

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/nguoi-dublin>